NĂM THỨ MƯỜI BẢY • # 195 • JULY 2005

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 -USA
EMAIL: theky21@mail.nguoi-viet.com
ĐIỆN THOẠI TRỊ SỰ: (714) 657-8051
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

Tưởng niệm và xúc phạm người đã chết

DIRECTV
AUTHORIZED DEALER

Việt Satellite

15567 Brookhurst St
Westminster, CA
92683
Tel: 1-800-320-5932
www.vietsatellite.com

Công ty duy nhất do người Việt làm chủ, Đại diện chính thức DIRECTV
Chúng tôi có nhân viên lắp ráp trên toàn quốc HOA KỲ kể cả Hawaii. We are an Authorized DIRECTV dealer. We have installers everywhere in US including Hawaii.

BIG SALE! BIG SALE!

FREE 4 ROOMS EQUIPMENT + SBTN DISH + INSTALLATION
Đài truyền hình Việt Nam Hải Ngoại SBTN 24/24 đã được phát hình trong hệ thống DIRECTV với nhiều tiết mục thật hấp dẫn như: tin tức, văn nghệ, cải lương, ca nhạc tâm tình nghệ sỹ, chương trình thiếu nhi, khoa học kỹ thuật xã hội, phim Trung Hoa và Đại Hàn chuyển âm tiếng Việt .v..v...phát hình tại Orange County California.
Lệ phí hàng tháng từ: $24.99 gồm đài SBTN và các đài LOCAL

FREE EQUIPMENT AND INSTALLATION cho 4 phòng
$44.98/monthly SBTN & DIRECTV TOTAL CHOICE PLUS
với 140 đài Mỹ. 3 tháng đầu
$60.99/monthly SBTN & DIRECTV TOTAL CHOICE PLUS
với 140 đài Mỹ. 3 tháng đầu
package free 3 tháng: 7 đài HBO, 12 đài STARZ, 9 đài SHOWTIME, 3 đài CINEMAX, 25 đài SPORT PACK.

JADEWORLD $36.99, miễn phí các thiết bị và công lắp ráp, xem được 5 đài Quảng Đông Jade Channel, Đặc biệt lần nầy, miễn phí luôn lệ phí $36.99 trong hai tháng đầu tiên!

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

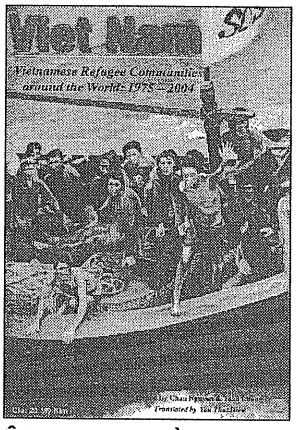

VIỆT NAM Cộng Đồng Người Việt Tị Nạn Trên Thế Giới: 1975-2004
Chủ biên: **NGUYỄN CHÂU, LƯƠNG TOÀN**
Nhóm Nghiên Cứu Lịch Sử Việt Nam Cận Đại và Hiện Đại soạn cuốn sách này trong dạng song ngữ Việt Anh, nhằm cung cấp dữ kiện, tài liệu và nhân chứng, nguyên nhân xa và gần về sự hình thành những cộng đồng Việt Nam tị nạn tại hải ngoại, nhờ đó thế hệ trẻ biết được tại sao mình lại sinh ra và lớn lên tại một nơi xa Tổ quốc, đồng thời khẳng định căn cước của người tị nạn Việt Nam. Giá 20 Mỹ kim.

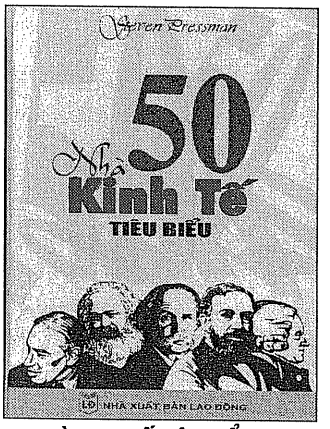

50 NHÀ KINH TẾ TIÊU BIỂU
Tác giả: **STEVEN PRESSMAN**; người dịch: **Đặng Tài An Trang, Nguyễn Xuân Nam, Tống Minh Tuấn.**
Tác giả là giáo sư Kinh tế học và Tài chính tại Đại học Monmouth, New Jersey (Hoa Kỳ), đồng thời làm biên tập cho tạp chí Review of Political Economy. Ông là một chuyên gia có uy tín về lịch sử tư tưởng kinh tế, công trình "50 nhà kinh tế tiêu biểu" là thành quả của ông trong nhiều năm nghiên cứu. Cuốn sách đã nêu rõ được những nội dung tư tưởng cơ bản nhất của 50 nhà kinh tế tiêu biểu, chứa dựng hầu hết các khái niệm kinh tế quan trọng nhất của thế giới. Giá 17 Mỹ kim.

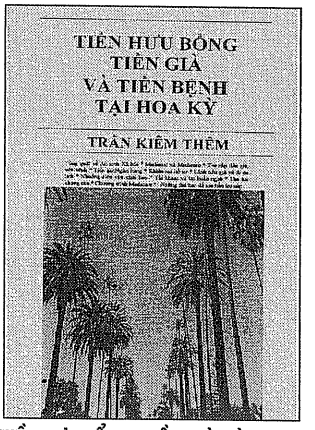

TIỀN HƯU BỔNG, TIỀN GIÀ VÀ TIỀN BỆNH TẠI HOA KỲ
TRẦN KIỀM THÊM
Sách đề cập tổng quát về: An sinh xã hội; Medicaid và Medicare; Trợ cấp tiền già, tiền bệnh; tiền gửi Ngân hàng; khiếu nại hồ sơ; lãnh tiền già và đi du lịch; những điều cần khai báo; tái khám và tái huấn nghệ; thủ tục kháng cáo; chương trình Medicare; những thủ tục để xin tiền trợ cấp. Sách viết ngắn gọn dễ hiểu, được cập nhật hóa 2005 và luật mới 2006. Giá 12 Mỹ kim.

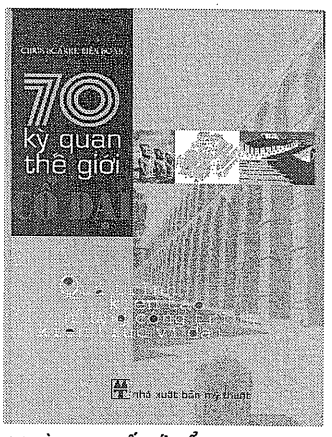

70 KỲ QUAN THẾ GIỚI CỔ ĐẠI
CHRIS SCARRE biên soạn,
Trung Tâm Dịch Thuật thực hiện
Sách chia làm các phần: 1. Bảy kỳ quan thế giới, 2. Lăng mộ và nghĩa trang, 3. Đền và miếu, 4. Cung điện, nhà tắm và đấu trường, 5. Công sự, 6. Hải cảng, thủy lực học và đường sá, 7. Tượng khổng lồ và đá nguyên khối. Tổng cộng số kỳ quan trong bảy phần trên là 70, nằm rải rác khắp châu Mỹ, châu Âu và châu Á. Cùng đi với bài là 333 bức ảnh minh họa, trong đó có 140 ảnh màu, in trên giấy láng, khổ lớn. Giá 32.50 Mỹ kim

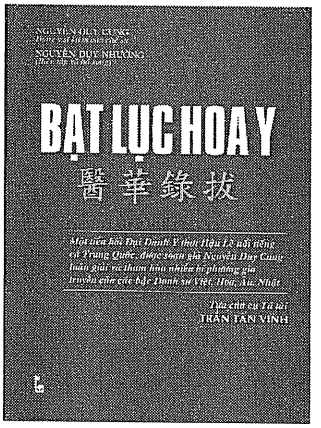

BẠT LỤC HOA Y
LÂM TÌNH KHIẾT.
Diễn giải quốc ngữ: **NGUYỄN DUY CUNG**
Lâm Tình Khiết là một danh y thời Hậu Lê, nổi tiếng cả Việt Nam lẫn Trung Quốc, để lại một tác phẩm Y học bằng chữ Hán vỏn vẹn có 35 trang mỏng bằng giấy bản xưa. Từ cuốn sách này, cụ Nguyễn Duy Cung đã luận giải và tham hòa nhiều bí phương gia truyền của các bậc danh sư Việt, Hoa, Âu, Nhật mà soạn ra một bộ sách đồ sộ chữ quốc ngữ gần một ngàn trang, trong đó luận về rất nhiều bệnh trạng và có nhiều bài thuốc chữa trị.. Giá 27 Mỹ kim.

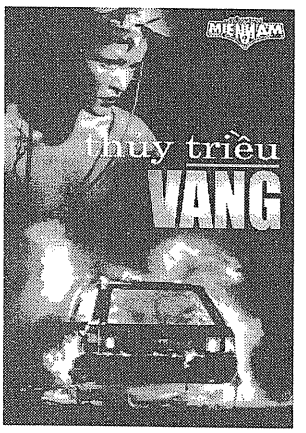

THỦY TRIỀU VÀNG
HỒNG PHƯỢNG phóng tác
Loại truyện giải trí dễ đọc, rất hấp dẫn lẫn cảm động, kể về những hiểu lầm trong tình yêu và kết thúc có hậu, khi hai người đã ly dị 5 năm vì những ngộ nhận, sau cùng đã tìm lại được nhau, thấu hiểu nhau với một tình yêu vừa cũ lại vừa mới. Văn phong giản dị mà lại lôi cuốn, câu chuyện hấp dẫn từ đầu đến cuối. Giá 10 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 – USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 657-8051
Email:Theky21@mail.nguoi-viet.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Book)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 (Effective January 1, 2005)*

Century 21®

Newtek Realty
15576 Brookhurst St., #A
Westminster, CA 92683
(714) 290-7747, 943-9864
hoangmaidat@yahoo.com

Minh Thủy
Hoàng Mai Đạt
Realtor®

MUA BÁN NHÀ ĐẤT – CƠ SỞ THƯƠNG MẠI
TÀI TRỢ ĐỊA ỐC– ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN

Làm Việc Với Lương Tâm

DẠY HỌC và PIANO

Nhận dạy
Anh ngữ, Việt ngữ,
Toán, SAT, và Piano.

Xin liên lạc
Cô THANH
điện thoại:
323- 868- 2120

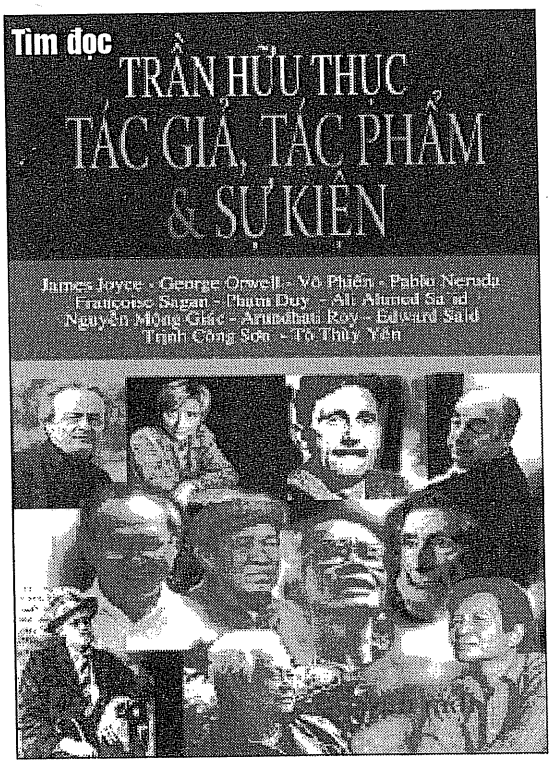

Nhà xuất bản Văn Mới -
P.O. Box 287 Gardena, CA 90248
Tel: (714) 366-6867 * Kimanquan@yahoo.com

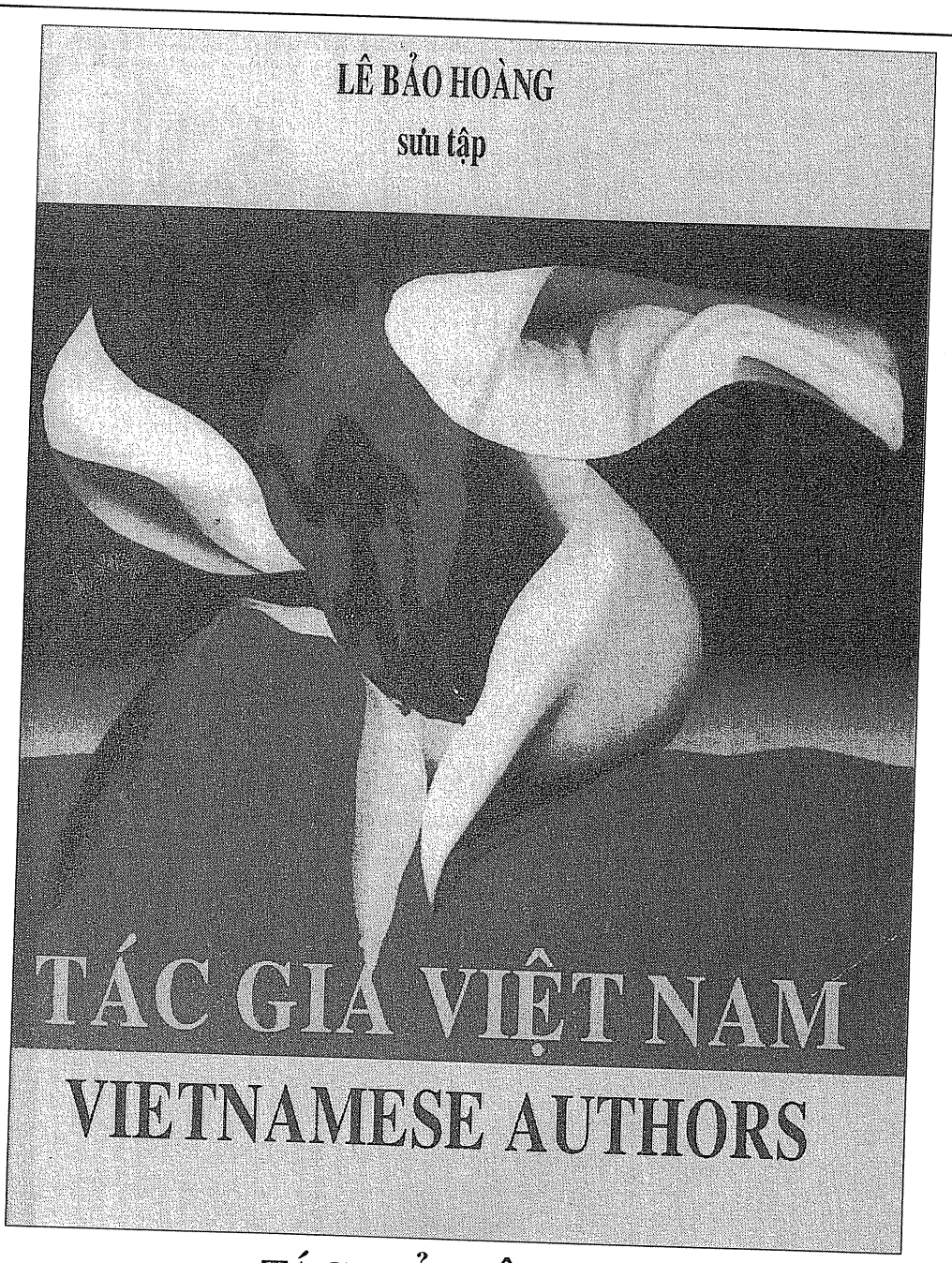

TÁC GIẢ VIỆT NAM

VIETNAMESE AUTHORS

Lê Bảo Hoàng sưu tập

SONG VAN Magazine xuất bản lần thứ nhất, tháng 5, năm 2005.
Giá 25 Mỹ kim.

Mua sách, liên lạc tác giả:
Ông Lê Ngọc Châu
11351 Armand La Vergne
Montreal Nord PQ H1H – 5W3
Canada

Hoặc liên lạc nhà xuất bản:
SONG VAN Magazine
P.O. Box 832464
Miami. Florida 33283 - USA

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 657-8051
E-mail: **theky21@mail.nguoi-viet.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: Tấm bia tưởng niệm thuyền nhân tại đảo Galang bị đập bỏ.
Hình do **Quốc Việt** cung cấp
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui** - Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm** - Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 195 – Tháng Bảy 2005

VỤ PHÁ HỦY CÁC BIA TƯỞNG NIỆM THUYỀN NHÂN
8. Những người đã chết đều có thật – **Ngô Nhân Dụng**
12. Từ tấm bia tưởng niệm thuyền nhân ở Galang nhìn ra con đường hòa giải – **Trần Trung Đạo**
18. Galang: Bia tưởng niệm thuyền nhân Việt Nam bị phá bỏ – **Fadli** (*The Jakarta Post*), **Vann Phan** dịch
20. Liệu Hà Nội có hủy hoại được những dấu chân thuyền nhân Bidong và Galang? – **Vũ Ánh**
22. Hòn đảo bị lãng quên – **Meng Yew Choong** (*The Star*), **Vann Phan** dịch
25. Thư Dân biểu **Loretta Sanchez** gửi Ngoại trưởng Mã Lai Á về vụ Pulau Bidong
26. Xóa dấu vết tội ác – **Phạm Phú Minh**
30. Những người tị nạn còn sót lại tại Phi Luật Tân – **Hoàng Khởi Phong**

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
34. Tương lai quan hệ Việt Mỹ – **Lê Xuân Khoa**
36. A-Phú-Hãn, á phiện, khủng bố và Hoa Kỳ – **Cổ Lũy**
41. "Deep Throat" bất ngờ lộ diện – **Vũ Thụy Hoàng**

VĂN HÓA – LỊCH SỬ
62. Giới thiệu tổng quát các công trình nghiên cứu sử học của sử gia Lê Mạnh Thát – **Nguyên Siêu**
68. Cách đặt tên con cháu của dòng họ Nguyễn Phúc – **Lâm Vĩnh Thế**
76. Không có ai rước voi về dày mồ cả... – **Tôn Thất Thiện**
99. Ai Cập: từ nhà văn già đến thế hệ trẻ – **Trần Doãn Nho**

VĂN
84. Mộng làm quan – **Sơn Diêm Vũ Ngọc Ánh**
90. Tìm đâu suối thương – **Hồng Khắc Kim Mai**
95. Thợ làm tóc – **Robert Croken**, bản tiếng Việt **Hà Quang Xương**
103. Nỗi buồn tuyệt đối – **Đặng Thơ Thơ**
108. Tâm thân – **Trần Yên Hòa**
113. Ngày về Đà Lạt – **Hà Đạo Hàm**

THƠ
79. Sông, Hoa – **Khanh Tương**. 87. Vượt biên – **Kiệt Tấn**. 97. Tình chân – **Nguyễn Văn Cường**. 106. Chuyện người hái nắng – **Thảo Chi**. 110. Chuyến tàu đêm – **Trần Mộng Tú**. 117. Mưa vẫn bay – **Lý Thừa Nghiệp**

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết - 7. Thư Trị sự
44. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
50. Đời sống quanh ta – **Nguyễn Đạt, Từ Nguyên, Lê Mạnh Hùng**
56. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

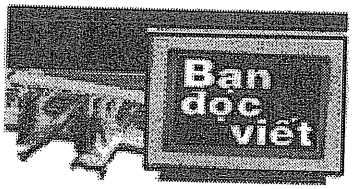

Cần biết các sinh hoạt văn hóa

So với Thế Kỷ 21 cách đây mấy năm thì báo ngày nay có phần đổi khác. Quý báo đã bỏ hẳn hai mục mà chúng tôi rất thích là Chân Trời Văn Học Nghệ Thuật và Sách Báo Trong Tháng. Là những độc giả ở miền xa xôi ít người Việt sinh sống, chúng tôi nhìn vào hai mục đó như là cái hàn thử biểu cho biết các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của người Việt các nơi "thị tứ," đặc biệt ở vùng thủ đô tị nạn Little Saigon. Có thể quý vị ở quận Cam vì có quá nhiều sinh hoạt nên thấy mấy chuyện đó chẳng có chi quan trọng, trong khi đối với chúng tôi thì lại khác hẳn. Nay nghệ sĩ này ra mắt CD ở vũ trường này, mai nhà văn nọ ra mắt sách mới tại hội trường kia... sao cuộc sống nơi đó sinh động thế! Chả bù với nơi chúng tôi quanh năm chẳng hội hè đình đám gì cả, lẳng lặng đi làm, lẳng lặng về, vào dòng chính của người Mỹ thì chưa nổi – mà chắc chẳng bao giờ nổi đâu, vì còn bao yếu tố tâm lý xã hội trì kéo mình – mà cộng đồng Việt Nam thì mỏng manh hầu như chỉ có mấy người qua lại với nhau.

Chúng tôi cũng rất tiếc mục Sách Báo Trong Tháng, mỗi tháng chúng tôi biết được năm mười cuốn sách mới của các tác giả Việt Nam khắp nơi, với lối giới thiệu rất kỹ lưỡng và có trình độ, nội chừng đó cũng mang lại nhiều hiểu biết và thú vị cho độc giả lắm.

Vẫn biết bỏ mục này quý vị có mục khác thay thế, như Chuyện Phiếm cũng là mục rất có giá trị, nhưng chúng tôi vẫn cần những phản ảnh có tính cách thời sự sinh hoạt của người Việt Nam các nơi.

Trí Minh *(Internet)*

Ý kiến về việc điểm sách

Đăng ở Thế kỷ 21 số 194, tháng Sáu tây 2005, trang 106, bài "Từ Điển Văn Học" của Đặng Tiến, có những từ-ngữ thiếu tính-cách khách-quan của một bài điểm sách vô tư, và đầy "cảm tính" chủ quan mà một nhà phê-bình sách thận-trọng thường cố tránh. Xin trích những đoạn trong bài điểm sách trên và gạch dưới những chỗ chúng tôi nghĩ là thiếu chính xác hay vô tư, và nhường độc giả phán-đoán.

1. Trang 106—"...Bộ Mới được biên khảo theo tinh thần cách tân. Dĩ nhiên phần thừa kế không thể tránh được, nhưng thành tựu chính là cái nhìn mới, tư duy mới, và cái mới nghiêm túc, thành khẩn, có khi còn ngất ngây xao xuyến. Các tác nhân, phần nhiều là học giả tên tuổi và đứng tuổi, bỗng cảm thấy nhiệt tình sôi nổi; niềm say sưa pha chút bùi ngùi, mà người đọc theo dõi thăng trầm của văn học Việt Nam vài ba mươi năm nay cảm nhận được. *TĐVH* nhìn dưới một góc độ nào đó, có thể mang thêm tiểu tựa; đoạn trường tân thanh, bộ mới." (Tr. 106, cột 1)

2. ... thật sự, thời điểm này [1953], Trần Trọng Kim không có danh vị gì; ông ngồi nhà vấn thuốc lá hút vặt và chép miệng "sự đời chả cái đếch gì ra cái đếch gì!" Nghiệm cũng chí lý. (Tr. 107, cột 1)

3. "... người đọc hiểu trữ tình đơn giản như trữ gạo, trữ nước, cũng không đến nỗi sai..." (Tr. 108, cột 2).

4.. "Đây là những chi-tiết nhỏ, nhưng ít ra cũng chứng tỏ là tôi đọc *TĐVH* cẩn thận, viết với tinh thần phê phán căn cơ. Với rất nhiều nhiệt tình và phấn khởi." (Tr. 109)

Là một cựu quản thủ thư-viện, chúng tôi thường lưu tâm đến những bài điểm sách trước khi đề-nghị mua sách. Rất hiếm khi chúng tôi thấy một bài viết, trong đó người viết tự nhận mình đọc cuốn sách mà mình đang phê-bình cẩn thận [một điều dĩ nhiên của một nhà phê bình thận-trọng]; và khoe "viết với tinh thần phê phán căn cơ." Nếu quả thật tác-giả viết "với tinh thần phê phán căn cơ," thì chắc ít nhất ông cũng tránh những câu dùng chủ-quan và thiếu chính-xác nêu trên, vì những khuyết điểm này có giảm giá-trị một bài phê-bình lẽ ra công-phu do hiểu-biết sâu rộng của tác-giả.

Tóm lại, trong một bài điểm sách, nhất là bài điểm một cuốn từ-điển đồ-sộ về văn học, người đọc cần biết những dẫn-mục có chính-xác không, tên các tác-phẩm của một tác-giả có đầy-đủ không, ngày tháng năm sinh của tác-giả có đúng không (mà tác giả Đặng Tiến đã bổ chính ở trang 108-109), và tầm quan-trọng của tác-giả trong lịch-sử Văn-Học Việt-Nam ra sao; nghĩa là tác-phẩm có cần-thiết và ích-lợi trong việc khảo-cứu không, và, nếu có thể, người dùng cần có những dè-dặt gì khi dùng.

Phạm Trọng Lệ *(Virginia)*

Đâu có quá thẳng thừng như vậy!

Tôi rất cám ơn ông Nguyễn Trạch (Australia) trong bức thư đăng ở mục Bạn Đọc Viết số tháng Sáu vừa rồi, vì ông đã giúp cho tôi hiểu một câu thơ Hồ Xuân Hương mà từ bao lâu nay tôi hiểu sai, có thể nói là không hiểu gì cả. Đó là câu "Con cò mấp máy suốt canh thâu." Thú thực từ trước đến nay tôi không hề biết "con cò" là một bộ phận của khung cửi, khi khung cửi vận hành thì nó "mấp máy," tức là "ngẩng lên gục xuống" như ông đã viết. Tôi chỉ hiểu... theo nghĩa tục, nghĩa là bên cạnh cái "trắng phau" thì cái khác phải tự động "mấp máy" thôi. Bậy thực. Thơ Hồ Xuân Hương có bao giờ nói thẳng như thế đâu, nhưng vì chưa bao giờ trông thấy một cái khung cửi cổ truyền của Việt Nam hoạt động ra sao nên đã hiểu sai nữ sĩ. Vậy vừa xin tạ tội với nữ sĩ,

vừa xin cám ơn ông Nguyễn Trạch!

Trần Hữu Nhung
(San Francisco)

Thế hệ thứ hai

Trong số đặc biệt về Điện Ảnh vừa rồi (194, tháng Sáu 2005), tôi nhìn vào bức ảnh trang 26, bức ảnh tương đối nhỏ nhưng cũng thấy những người đứng trong đó toàn là những người trẻ, có lẽ tất cả trong lứa tuổi sinh viên, và chú thích cho biết đó là các thiện nguyện viên của Đại Hội Điện Ảnh. Thành phần tham dự tổ chức như thế thì đây quả là một hoạt động rất trẻ, có thể nói chỉ toàn là thế hệ thứ hai của người Việt tị nạn.

Vì ở xa không tham dự các sinh hoạt của Đại Hội Điện Ảnh được, nhưng đọc số Thế Kỷ 21 tháng Sáu thấy ban tổ chức làm được như thế là đáng khen quá rồi, và suy ra chắc chỉ người trẻ có thể làm như thế thôi. Hoạt động này mới mẻ, cần giao thiệp rộng, đầu óc cởi mở, cái nhìn thoáng đãng, chắc chắn lớp già thuộc thế hệ thứ nhất làm không nổi đâu. Nhất là phần lớn các phim của đạo diễn gốc Việt trên thế giới làm về đề tài Việt Nam đều phải quay trong nước, tức là một sự hợp tác với ngành điện ảnh của chính quyền cộng sản, những người lớn tuổi nghe tới là dị ứng liền, nói gì tổ chức nổi một Đại hội!

Bùi Văn Tùng *(New York)*

Kính gửi quý độc giả và văn hữu,

Thấm thoát đã giữa năm 2005. Kể từ đầu năm, *Thế Kỷ 21* đã chỉ mới làm một số đặc biệt về điện ảnh tháng vừa rồi, và số này về vụ những tấm bia tưởng niệm thuyền nhân bị đập phá ở Mã Lai Á và Nam Dương. Đó là những đề tài có tính cách thời sự, không phải do sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ trước. Xoáy mạnh vào một số biến cố chính trị, văn hóa đang diễn ra cũng là một cách đem lại thông tin nhiều mặt cũng như nhận định kịp thời cho quý độc giả khắp nơi.

Hiện nay chúng tôi đang chuẩn bị một số báo đặc biệt về Hoàng Đạo sẽ ra vào tháng Mười 2005. Hoàng Đạo là nhà văn thuộc Tự Lực Văn Đoàn, là một cây bút viết chính luận cũng như phóng sự xã hội rất cứng cỏi của hai tờ Phong Hóa và Ngày Nay. Mong quý độc giả và văn hữu đóng góp bài vở, tài liệu, ý kiến cho số báo này.

Về số Xuân năm Tuất 2006, bên cạnh chủ đề Xuân muôn thuở sẽ thêm một chủ đề văn hóa, là chiếc áo dài Việt Nam với họa sĩ Cát Tường, người cha đẻ ra chiếc áo dài Việt Nam hiện đại. Cũng mong quý thân hữu gần xa chuẩn bị đóng góp cho số Xuân thêm phần phong phú.

Thời gian gần đây chúng tôi rất cảm động nhận thấy bên cạnh số bạn đọc gắn bó với *Thế Kỷ 21* lâu năm vẫn tiếp tục gia hạn mua báo, còn có một số độc giả mới đến với *Thế Kỷ 21*, tuy không ồ ạt nhưng gia tăng một cách đều đặn. Đó là một dấu hiệu đáng mừng, rằng khối người đọc tiếng Việt của cộng đồng Việt Nam hải ngoại chưa giảm sút trầm trọng và nhanh chóng như nhiều dự đoán trước đây. Có thể nhiều bạn trẻ trước kia không lưu ý nhiều đến sách báo Việt ngữ, đến một tuổi nào đó, tự nhiên thấy đó là nhu cầu và tìm đến những sản phẩm văn hóa Việt Nam. Sự hiện diện của báo chí Việt ngữ, do đó, sẽ gây ra một tương tác hai chiều, vừa thỏa mãn nhu cầu của một lớp người trước, vừa là một đề nghị và mời gọi đối với lớp người trẻ hơn.

Thế Kỷ 21 rất vui mừng và biết ơn bạn đọc trước tình hình khả quan đó.

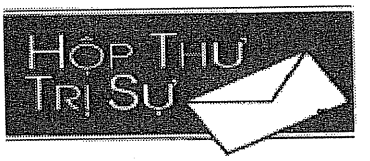

Độc Giả Gia Hạn

Lê Đăng Hạc – TX; Van Le – CA; Phạm Thành Châu – VA; Vo D Nguyen - WA; Giao Nguyễn – OK; Trịnh Hiếu Chánh – TX; Trang Châu – Canada; Jeanne Marie Adams – France; Trâm Becker – CA; Nguyễn Văn Trung – VA; Nguyễn Minh Thông – Germany; Quỳnh Kiều – CA; Nguyễn Xuân Can – GA; Nguyễn Khắc Kham – CA; Đỗ Kim Ngân – WA; Trần Huỳnh Mính – CA; Vũ Thanh Thông – CA; Trần Huỳnh Hội – MD; Lê Văn Đức – CA; Nguyễn Văn Hai – PA; Phạm Trọng Lệ – VA; Nguyễn Tường Thạch – TX; Nguyễn Tường Thiết – WA; Nguyễn Văn Hiền – CA; Nguyễn Thanh Phan – CA; Đỗ Thị Nhung – TX; Nguyễn Quang Hiển – NY; Phạm Trọng Nhân – France; Phan Ngọc Báu – LA; Thai Tu Hap – CA; Le Thi Tuyet – TX; Nguyen Dinh Cuong – CA; Dat Nguyen – Canada; Nguyễn Văn Ngọc – CT; Tôn Thất An – MA; Nguyễn Thanh Minh – TX; Ewing Diep – FL; Nguyễn Chí Thiệp – TX; Radio Free Asia Library – DC; King CNTY Lib Syst – WA; Mai Văn Tín – Germany; Phạm Thị Hảo – VA; Đoàn Trịnh – CA; Trần Tấn Việt – CA; Bùi Hữu Cẩm – TX; Hoàng Văn Lợi – Belgium; Lê Công Mừng – CA.

Độc Giả Mới

Emerson H Lee – VA; Nguyễn Văn Tĩnh – NC; Nguyễn Sĩ Thi – GA; Phạm Ngọc Xuyến – Canada; Nghiêm Thị Hiệp – TX; An Nguyễn – CA; Nguyen Dac Cuong – Canada.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Ngọc Tú Vũ – MA; Đỗ Thị Nhung – TX; Nguyễn Quang Hiển – NY; Intl District Library – WA; Lưu Văn Vịnh – CA.

Những người đã chết đều có thật

NGÔ NHÂN DỤNG

Một phụ nữ đưa ba con xuống tầu vượt biển sau khi đi thăm chồng trong trại tù cải tạo và nghe chồng nói nhỏ: "Bố không có ngày về. Đưa các con đi đi." Bà mẹ đưa các con đi, không bao giờ tới bến. Cả ba đã chết chìm đâu đó giữa bờ biển Việt Nam và các hòn đảo Indonesia. Cả chiếc tầu biệt tích. Bây giờ người cha đã ra khỏi nhà tù và đang tị nạn ở Mỹ, ông vẫn tự hỏi mình có trách nhiệm như thế nào đối với vợ con. Một bà mẹ khác an táng chồng bị bệnh nặng được đưa từ trại tù cải tạo về nhà chờ chết sau khi ông đã tự tử không thành. Mãn tang chồng, bà mẹ cũng quyết định cho các con đi. Vì chúng thuộc thành phần đã bị đóng dấu ấn "phản động" trên đầu; khi lớn lên chúng sẽ không hy vọng được vào đại học, không được làm cho cơ quan nhà nước, trong một xứ không có tư doanh. Họ có hai con trai và bốn con gái, đứa con trai lớn tình nguyện đi trước, cháu đã 16 tuổi. Nhưng một tháng sau thì mẹ và các em biết tin người anh đã biến mất ngoài biển Đông cùng những bạn đồng thuyền. Bây giờ gia đình đã ở Mỹ, hình ảnh người cha và người anh, một già một trẻ vẫn có mặt, ở trên bàn thờ. Những người đó đều là những người thân thiết với tôi.

Một người bạn khác của tôi đã bắt được mối với chính quyền cộng sản để tổ chức vượt biên theo lối gọi là "bán chính thức." Với sự tiếp tay của các cán bộ ăn hối lộ bằng "cây," anh thành công đưa nhiều chuyến người đi, trước khi quyết định đưa gia đình mình ra đi. Với một chiếc tầu lớn và đầy đủ thực phẩm, nước uống, thuốc men với cả vũ khí tự vệ, anh tin tưởng sẽ an toàn. Khi chiếc tầu tới bở biển Phi Luật Tân thì bị nạn, vì khi gặp một tầu lớn sẵn sàng đón họ lên, mọi người vội vã chạy về một phía, chiếc tầu vượt biển lật úp. Vợ con anh đã chết hết. Anh còn sống nhưng trong lòng cũng chết. Tôi vẫn gặp anh ở đây nhưng không bao giờ dám gợi lại những chuyện bi thương đó.

Ngoài những thuyền nhân chạy trốn khi chế độ cộng sản chiếm nốt miền Nam, còn bao nhiêu người khác cũng trốn đi từ miền Bắc. Những người đã chịu đựng chế độ cộng sản mấy mươi năm, khi thấy các đồng bào của họ từ miền Nam ra đi đã được các nước tự do tiếp nhận, họ mới dám tính chuyện vượt biển. Họ cũng lên các con tầu mong manh, hối lộ công an để tìm đường ra biển, rồi mặc cho số phận run rủi.

Chế độ cộng sản ở Việt Nam đã ngấm ngầm cho người tổ chức nhiều cuộc vượt biên. họ đã bán tầu, bán bến, để thu vàng, cho nên mới có danh từ "vượt biên bán chính thức." Chúng ta không biết những tay trong guồng máy chính quyền tổ chức vụ này lên cao đến cấp bực nào. Họ là bí thư tỉnh, chủ tịch tỉnh, chủ nhân những địa phương nằm ven biển, hay họ chính là các cán bộ cao cấp từ Sài Gòn, Hà Nội? Họ thông đồng với các tổ chức vượt biên để kiếm vàng! Bao nhiêu ký lô vàng đã được chuyển đến tay các quan chức cộng sản? Họ đã dùng số tiền đó làm gì? Có người nào đã đem tiền đó sang mua nhà, mua xe ở Úc, ở Mỹ hay không? Mai mốt sẽ có các sử gia đi tìm hiểu thêm để viết lại đoạn lịch sử bi thương này.

Một phần trong các cuộc vượt biên bán chính thức này là những đồng bào Việt gốc Hoa. Có những người đã sống ba, bốn đời ở Việt Nam, không còn biết nói tiếng Trung Hoa nữa. Nhưng sau vụ quân Trung Quốc đánh qua biên giới năm 1978, đảng Cộng Sản Việt Nam đã nhẫn tâm đuổi họ về quê của ông, cha họ. Nhiều người trong số đó đã từng đi bộ đội, từng chiến đấu và được nhiều thứ huy chương, nhưng vẫn bị đuổi đi, bị vứt ra ngoài biển Đông giành giật cuộc sống với sóng gió. Trong đám "kiều nạn" này cũng biết bao nhiêu người vùi thân trong sóng cả.

Chúng ta ai cũng có những người thân, người quen biết, đã mất tích ngoài biển Đông, người Việt, người Hoa, người Nam, người Bắc. Nhiều người đi thuyền quá nhỏ bị chìm ngay khi ra khơi, nhiều người theo thuyền trôi lạc lõng cho tới khi hết nước uống, hết thức ăn. Có bao nhiêu người chết đói chết khát khi giạt lên các hòn đảo nhỏ li

tin nằm giữa đại dương sóng cả? Có bao nhiêu người bị hải tặc tàn sát! Có những người sống sót kể lại cảnh đói, khát, mẹ phải chọc cổ tay chấy máu cho con bú. Có ảnh người sống sót cắt trên thuyền phải cắt xẻ cả những xác chết để ăn đỡ đói. Có những đứa trẻ bị hải tặc bắt đem đi, 30 năm nay cha mẹ vẫn không biết con mình còn sống hay đã chết, giờ đang trôi giạt nơi đâu. Bao nhiêu thảm cảnh đã được ghi lại rải rác trên sách, báo, sẽ là những tài liệu cho các người viết lịch sử sau này tham khảo.

Đài tưởng niệm chính là các mộ bia

Ở những trại tạm cư cũ như Bidong, Galang, hàng trăm ngàn người tị nạn đã sống hàng năm trời ở đó; đã có những đứa trẻ ra đời và những người già, người bệnh nhắm mắt. Mỗi nơi vẫn còn những nghĩa trang chôn thuyền nhân tị nạn, mỗi nghĩa trang với mấy trăm ngôi mồ. Ở Bidong và Galang có những ngôi mồ tập thể chôn hơn một trăm xác chết từ cùng một chiếc thuyền, thuyền trôi nổi lênh đênh đã giạt vào bờ nhưng mọi người trên thuyền đã tắt thở. Vì lý do vệ sinh, không ai tìm tòi để ghi tên những xác chết đó trên mộ bia. Những xác chết vô danh nhưng vẫn có mồ yên mả đẹp, dù chôn cất vội vã trên các hòn đảo không một thân nhân nào đến viếng. Nhưng họ vẫn là những người may mắn. Lâu lâu, người dân bản xứ và chính quyền địa phương vẫn đến săn sóc các nghĩa trang. Nhưng còn mấy trăm ngàn người Việt không mồ đã chết trên biển Đông, họ chết trong đau đớn, khổ cực, tuyệt vọng. Họ trở thành những xác chết không tên. Nấm mồ lớn của họ là đại dương giào dạt sóng. Trong khi tuyệt vọng chờ chết họ đã ngẩng mặt lên trời, miệng không ngừng cầu Chúa, niệm Phật, tụng Nam mô Bồ tát Quan Thế Âm hay đọc kinh Kính mừng Maria. Có tới nửa triệu những thuyền nhân chết không mồ mả, nhưng nhận Biển Đông là nấm mồ sầu thảm mênh mông.

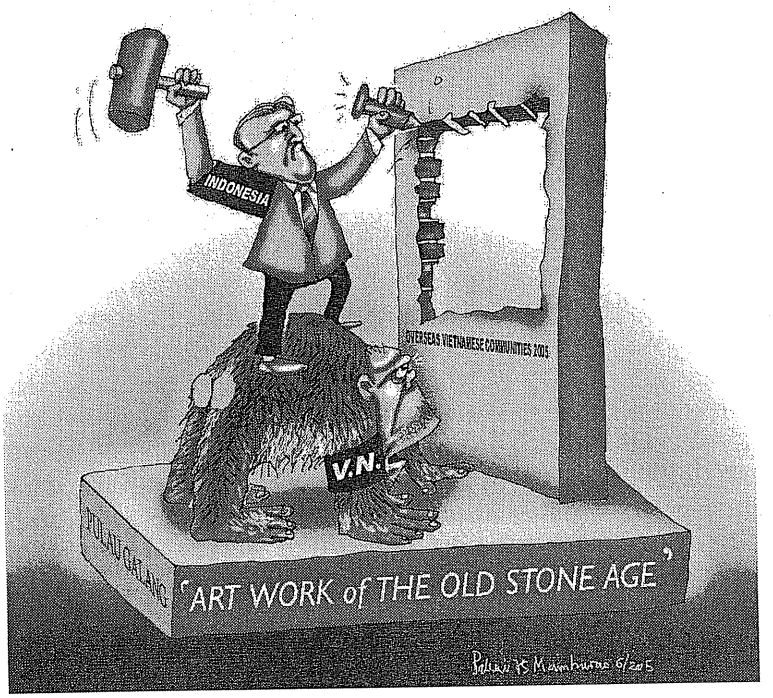

Vì vậy những tấm bia tưởng niệm dựng trên các đảo Galang và Bidong cũng là những mộ bia tập thể của nửa triệu cho tới một triệu thuyền nhân tử nạn. Suốt mấy chục năm qua bao nhiêu vị tu sĩ thuộc nhiều tôn giáo đã trở lại đảo làm lễ cầu siêu độ cho họ. Những người trở lại đó đã dựng lên các bia mộ tập thể gọi là đài tưởng niệm. Đứng giữa hàng trăm nấm mồ có bia mộ và hàng trăm nấm mồ khác không được dựng bia, với những mồ chôn chung chỉ ghi mã số của con thuyền, các đài tưởng niệm này là bia mộ của những người được thủy táng trên biển Đông. Những thuyền nhân đó xuất phát từ Hà Tiên, Vũng Tầu, Nha Trang hay Thanh Hóa, Hải Phòng, Móng Cái, nhưng không bao giờ tới bến tự do.

Trên thế giới đã có những mộ bia tập thể dành cho người Do Thái bị Đức quốc xã sát hại. Có những đài kỷ niệm của người Armenia bị quân Thổ Nhĩ Kỳ giết tập thể trong thời Đại chiến thứ nhất. Tại Washington thủ đô nước Mỹ cũng có bia tưởng niệm những người Do Thái đã tử nạn, cùng với một viện bảo tàng. Ở Ottawa, thủ đô Canada và nhiều thành phố khắp thế giới có dựng đài tưởng niệm các thuyền nhân Việt Nam. Nhưng không tấm bia ở một nơi nào mang ý nghĩa lớn như ở các hòn đảo nơi có hàng triệu người tị nạn

đã tạm trú trong khi chờ được một quốc gia tiếp đón. Nhiều người nhắm mắt lìa trần nơi đó, nhiều trẻ em Việt Nam được khai sinh ở đó. Các hòn đảo này là những dấu tích sẽ được ghi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, mãi mãi.

Những người còn sống sót để đến được các miền đất tự do phải cảm thấy một bổn phận linh thiêng đối với những người đã tử nạn trên đường đi. Đó là những bạn đồng hành trên đường đi tìm tự do nhưng không được may mắn như chúng ta. Trong những cơn nguy khốn, họ là những đồng đạo đã cầu nguyện cùng một đức Phật, cùng một đức Chúa như chúng ta. Hơn nữa, đó là những bạn đồng ngũ, trong cuộc chiến đấu cho tự do, đòi xây dựng một cuộc sống có nhân phẩm cho mình và cho tất cả mọi người. Không thể nhắm mắt bỏ quên họ! Không thể để cho họ chết một lần nữa trong lãng quên, để biến thành những con số vô danh, vô hồn ghi trên trang lịch sử. Nói như một thi sĩ của chúng ta: "Những người đã chết đều có thật." Khi nghĩ tới những người thân thiết đã mất tích trên mặt biển, tôi vẫn thầm nhủ, "Những người đã chết đều có thật."

Cho nên người Việt tị nạn ở khắp nơi trên thế giới cần vận động để dựng lại các bia mộ tưởng niệm thuyền nhân tử nạn tại các hòn đảo ở các nước Indonesia và Mã Lai Á. Cuộc vận động này mang tính chất tín ngưỡng, cần được các vị lãnh đạo tinh thần dẫn đầu. Nó cũng có tính cách lịch sử, cần các nhà văn hóa và các cơ sở truyền thông góp tay. Chúng ta cần nhắm vào tình nhân loại và lòng hào hiệp của các dân tộc ở Indonesia và Mã Lai Á. Cần vận động giới truyền thông, báo chí, chính quyền và dư luận dân chúng địa phương ở các nước này. Trong đó có nhiều người đã từng chứng kiến cảnh khổ não của những người vượt biển tìm tự do. Họ cũng đã từng tiếp xúc và hiểu biết, thông cảm tình cảnh người tị nạn hơn các viên chức chính quyền trung ương. Chúng ta phải trở lại Pulo Bidong, Galang, vân vân. Phải dựng lại những tấm bia mộ của đồng bào tử nạn. Đó là bổn phận của những người sống sót đối với những bạn đồng hành không may mắn. Phải chứng minh cho đời nay và đời sau biết: "Những người đã chết đều có thật." (Thanh Tâm Tuyền)

Vết thương đau đớn của người Việt tị nạn

Trước khi ông Phan Văn Khải tới nước Mỹ, chắc trong Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam có những người muốn cổ động cho người Việt tị nạn ở Mỹ hãy đi biểu tình thật đông tại tất cả những nơi ông Khải sẽ tới. Và sẽ phải đi biểu tình đả đảo chứ không thể hoan nghênh.

Chắc có dụng ý đó, cho nên đảng Cộng Sản Việt Nam đã làm một việc không thể nào tưởng tượng nổi. Nghĩa là những người Việt bình thường không thể tưởng tượng nổi. Chính phủ cộng sản Việt Nam đã yêu cầu các chính phủ Mã Lai Á dẹp bỏ tượng đài kỷ niệm những thuyền nhân tử nạn, dựng trên đảo Bidong; và chính phủ Indonesia dẹp bỏ đài kỷ niệm của người Việt tị nạn tại đảo Galang. Những hòn đảo nhỏ bé chìm mất trên bản đồ ít ai biết tới đó, đã có thời trở thành những ngọn hải đăng, những biểu tượng của tự do. Hàng triệu người Việt khao khát tự do đã lái thuyền vượt sóng tìm đường tới những mảnh đất tạm dung đó, nhiều người đã chết. Dựng lên một bia đá để tưởng niệm những vong hồn oan khuất, là hành động tự nhiên của tất cả những kẻ có tình người và có chút lương tâm. Vậy mà đảng Cộng Sản Việt Nam đã tạo áp lực buộc chính phủ Mã Lai, Indonesia phải dẹp bỏ những tượng đài kỷ niệm này.

Những người biết suy nghĩ không ai làm như thế. Người có lương tâm không ai làm như thế. Không ai ôm lòng ti tiện, nhỏ nhoi, vẫn mang lòng ganh ghét, kèn cựa, muốn đuổi theo những xác chết, gây hấn, chèn ép, trả thù cả những người đã qua đời từ 20, 30 năm trước. Mà những nạn nhân đó ra đi không vì ý định đánh phá, chống đối chế độ. Họ chỉ bỏ trốn vì không thể sống nổi với một đảng chuyên quyền, độc tài, bất lực và tham nhũng. Sau năm 1975 một nhà báo Pháp tới Sài Gòn đã nhận xét: Cái cột đèn nếu đi được nó cũng bỏ đi! Nhiều bà mẹ đã ôm con vượt biển vì hy vọng con mình sẽ được lớn lên trong một xã hội tự do. Nhiều thiếu niên được cha mẹ gửi xuống tầu vượt biển vì không muốn trông thấy con mình bị nhồi sọ trong các lớp học chỉ nhồi nhét chủ nghĩa Mác Lê, học đấu tranh, căm thù, không còn dậy dỗ lòng hiếu thảo, học làm người theo đạo đức truyền thống của dân tộc nữa. Bao nhiêu đồng bào miền Bắc chịu sống dưới chế độ cộng sản mấy chục năm rồi nhưng cũng phải bỏ đi tìm đất sống. Nhiều bà mẹ, nhiều trẻ thơ đã chết oan khuất trên đường vượt biển. Tất cả những người thoát chết bây giờ được sống tự do muốn tưởng nhớ đến họ, mãi mãi. Vì thế có nhiều phái đoàn tôn giáo đã trở lại Indonesia, Mã Lai Á, Phi Luật Tân, để dựng mộ bia cho những thuyền nhân tử nạn.

Đảng Cộng Sản Việt Nam, khi yêu cầu các

nước Indonesia và Mã Lai Á phá bỏ các tượng đài của người tị nạn, họ đã đụng vào một vết thương đau đớn nhất của cả tập thể bốn triệu người Việt tị nạn. Vì họ xúc phạm tới vong linh những người đã khuất.

Bia đá và bia miệng

Thời Cải cách Ruộng đất, nhiều bị bức tử được gia đình chôn cất nhưng cán bộ cộng sản cấm không cho dựng mộ bia. Hành động ngày nay của đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục chính sách đó. Các lãnh tụ cộng sản vẫn quen bôi xóa, sửa chữa lịch sử. Stalin bắt xóa những hình của Trotsky đứng bên cạnh Lenin. Mao Trạch Đông xóa hình Lâm Bưu sau khi viên tướng đảo chính hụt. Ngay sau khi chiếm được Sài Gòn, đảng Cộng Sản xóa hết những tên đường Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, vân vân. Vì đó là những nhà ái quốc theo Cộng Sản Đệ Tứ quốc tế đã bị đảng Cộng Sản đệ tam giết vì Stalin sợ Cộng Sản Đệ Tứ giành quyền lãnh đạo giai cấp công nhân, coi họ nguy hiểm hơn cả phe tư bản. Nhà độc tài khát máu này mở đầu thói quen bôi xóa lịch sử. Sau khi thủ tiêu gần hết Trung ương Đảng Cộng Sản Liên xô để giành quyền lãnh đạo, Stalin đã cho viết lại cả lịch sử đảng để các đảng viên sau đó không được biết hoặc phải quên luôn họ tên những người đã bị giết. Đảng Cộng Sản vẫn có ý định xóa bỏ trí nhớ của mọi người. Họ tưởng rằng bôi xóa lịch sử như vậy là đời sau sẽ không còn nhắc đến những tội ác của họ nữa. Nhưng hành động này sẽ gây ra tác dụng ngược.

Đồng bào trong nước chán ghét một đảng Cộng Sản bất lực và đầy tham nhũng nhưng vẫn bám lấy "quyền lãnh đạo" như thiên mạng của vua chúa đời xưa. Bây giờ họ sẽ làm cho đồng bào phải khinh nữa. Đồng bào ở hải ngoại bị khiêu khích trực tiếp sẽ có phản ứng. Không có cách giải thích nào khác: Có những người muốn khích động lên mối uất hận trong lòng tất cả đồng bào tị nạn. Họ biết rằng đối với người Việt Nam thì đụng vào mồ mả thân nhân của ai là gây oán thù truyền kiếp. Phương cách hiệu quả nhất để cổ động người Việt ở Mỹ biểu tình chống ông Phan Văn Khải là chọc vào vết thương chưa lành trong tâm thức của tập thể người tị nạn ở khắp thế giới. Vì vậy nên nhiều người nghi ngờ rằng trong nội bộ đảng Cộng Sản Việt Nam có những người muốn ông Khải thất bại.

Nhưng cả một đảng cách mạng và cầm quyền đã thất bại. Một chế độ làm gì để đến nỗi hàng triệu người phải liều chết vượt biển tìm tự do, đó là một vết nhơ không bao giờ rửa sạch. Mấy trăm ngàn nạn nhân đã chết oan ức, chết tức tưởi ngoài biển Đông vì muốn tìm tự do. Trong lịch sử nước ta, cộng sản là thể chế chính trị duy nhất đã khiến cho hàng triệu người phải bỏ nước ra đi dù biết trước đã có bao nhiêu người chết. Không phải chỉ có những đồng bào trong miền Nam mà cả những người đã nếm mùi chủ nghĩa Xã hội ở miền Bắc, họ cũng bỏ chạy khi thấy có cơ hội. Nhiều sĩ quan, cán bộ miền Bắc vào Nam sau ngày 30 tháng Tư năm 1975 đã nói nhỏ với thân nhân: "Đi được thì đi đi!"

Người Việt Nam cần bảo vệ những tấm bia tưởng niệm thuyền nhân tử nạn. Không những thế, đồng bào ở Huế sẽ phải dựng lên những nạn nhân bị chôn sống sau trận đánh Tết Mậu Thân. Đó cũng là những chứng tích lịch sử, không khác gì tấm bia tưởng niệm các nạn nhân bị tàn sát ở Mỹ Lai. Đồng bào ta ở mỗi làng miền bắc vĩ tuyến 17 cũng nên dựng một tấm bia tưởng niệm những người bị sát hại trong cuộc cải cách ruộng đất. Trong cuốn hồi ký của ông Đoàn Duy Thanh, cựu phó thủ tướng chính phủ Việt Nam, ông kể lại thời cải cách ruộng đất một địa chủ là bà Nguyễn Thị Năm đã bị đấu tố và bị giết, mặc dù bà từng được Hồ Chí Minh phong là địa chủ cứu quốc, đã đóng góp tài sản cho cuộc kháng chiến chống Pháp, các con cũng đi bộ đội và đã hy sinh. Ông Đoàn Duy Thanh kể rằng chính ông Hồ Chí Minh cũng ái ngại không muốn giết bà Nguyễn Thị Năm. Nhưng khi đội cải cách đi hỏi ý kiến các cố vấn Trung Quốc, thì họ bảo là phải giết. Thế là bà Năm bị xử tử. Chưa bao giờ một ông vua Việt Nam thời phong kiến lại mất cả quyền ân xá tử tội, chỉ vì phải vâng lệnh các cố vấn cấp huyện hay cấp tỉnh của Trung Quốc như vậy.

Lịch sử sẽ ghi chép các chuyện đó, nhất là do một người chứng trong cuộc kể lại. Dù đảng Cộng Sản có muốn xóa bỏ các tượng đài thuyền nhân ở Mã Lai và Indonesia, nhưng ngàn năm sau lịch sử sẽ không quên những người đã chết trên đường tìm tự do. Bia đá có thể xóa, nhưng bia miệng không bao giờ mất.

Năm ngoái đảng Cộng Sản đã đưa ra cái nghị quyết số 36, phô trương chính sách đối với Việt kiều. Nhưng cái nghị quyết của các ông chỉ nhắm vuốt ve những người còn sống thôi, còn những người đã chết thì vẫn bị trù ếm, trả thù một cách ti tiện! Vì chỉ người còn sống mới có đô la! Ngàn năm bia miệng sẽ còn trơ trơ!

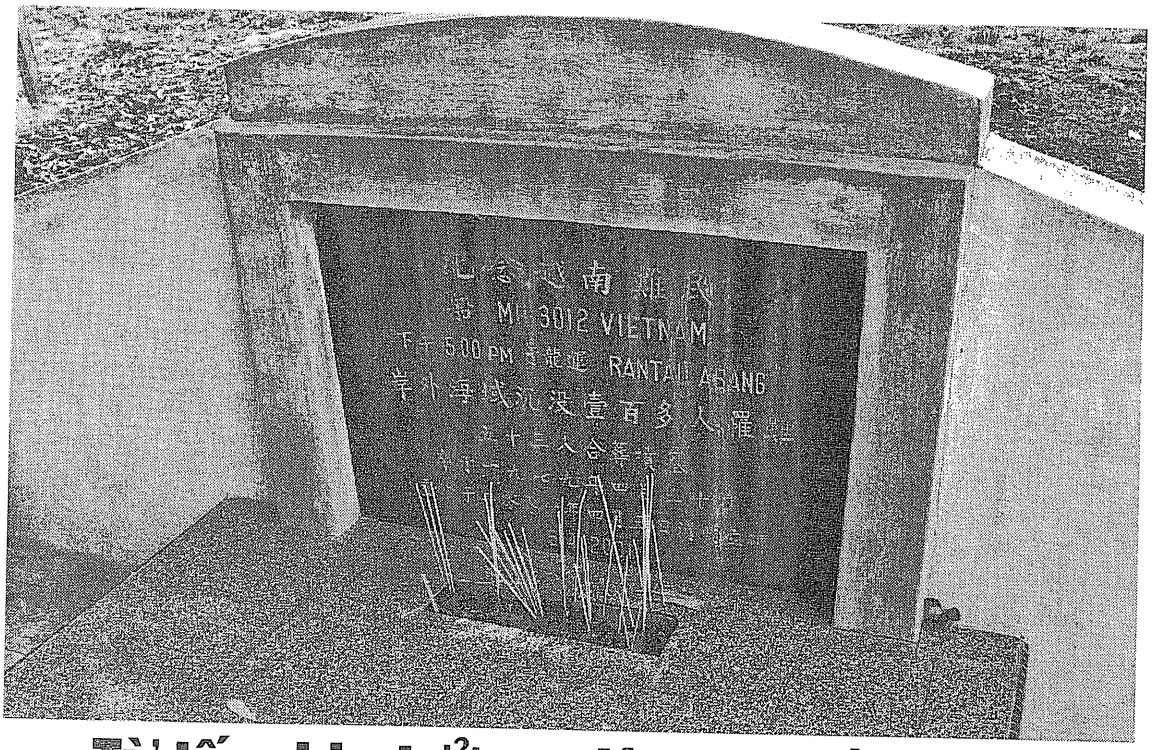

Từ tấm bia tưởng niệm thuyền nhân ở Galang nhìn ra con đường hòa giải

TRẦN TRUNG ĐẠO

Dấu tích của con người trên địa cầu không chỉ là Kim Tự Tháp, Angkor Wat, Mona Lisa hay những bản giao hưởng bất tử mà còn là Auschwitz, Armenia, Rwanda và nhiều hành động diệt chủng tàn bạo và bất nhân khác. Thật vậy, bên cạnh những bậc thánh nhân mang lại an lạc và giải thoát cho con người, những nhà khoa học có khả năng sáng chế những cái hay cái đẹp để làm thăng hoa cho cuộc sống, cũng có những ác nhân như Hitler, Pol Pot, Stalin, Bin Ladin lại có thể nghĩ ra những cách giết người vô cùng dã man, tàn độc.

Nhắc đến Bin Ladin, tôi lại nhớ đến biến cố 11 tháng 9 năm 2001. Tôi làm việc trong ngành tài chánh và nơi tôi làm việc cũng có tên là World Trade Center, mặc dù không phải là World Trade Center New York. Đồng nghiệp của tôi, trong đó nhiều người tôi quen biết, làm trong tòa nhà ngay bên kia đường của World Trade Center. Nơi tôi làm, giống như hầu hết các công ty tài chánh khác, dọc bốn bức tường và các cột chính thường treo nhiều máy truyền hình để nhân viên có thể trực tiếp theo dõi biến động của thị trường đang diễn ra nhiều nơi trên thế giới. Buổi sáng ngày 11 tháng 9 năm 2001, thay vì nghe tin tức thị trường, tôi bàng hoàng nhìn cảnh khói lửa mịt mù đang trực tiếp chiếu trên hàng chục máy truyền hình. Hình ảnh chiếc máy bay thứ hai cất cánh từ thành phố tôi đang sống, lao vào tòa nhà phía nam của khu thương mại World Trade Center sẽ không bao giờ phai đi trong trí nhớ của tôi. Đứng nhìn cột khói bốc cao, tôi xúc động như đang đứng nhìn chính căn nhà mình đang cháy, và tương tự nhìn cảnh những người nhảy xuống trong tuyệt vọng từ những tầng lầu cao, tôi cảm tưởng những người thân yêu của mình lao vào cõi chết. Mỗi khi nhìn lại Ground Zero

trơ trụi, trên đó một lần là World Trade Center New York sầm uất, tôi lại chạnh lòng nghĩ đến những người dân vô tội đã chết. Tại sao những thành viên của tổ chức Al-Qaeda lại có thể làm công việc giết người tàn nhẫn như thế? Họ nhân danh ai và họ thật sự vì ai?

Thời gian qua đi, cuộc sống đã dần dần trở lại bình thường. Những chuyến bay cất cánh từ phi trường quốc tế Logan bên kia cửa sổ của phòng làm việc không còn làm tôi nghĩ ngợi xa xôi. Thế nhưng, tuần trước, khi nhìn vết tích của tấm bia tưởng niệm thuyền nhân chết trên đường vượt biển ở Galang bị nhà nước Việt Nam yêu cầu chính phủ Nam Dương đập bỏ, cơn xúc động khi nhìn cảnh Ground Zero, tưởng chừng như lắng xuống lại lần nữa nhói lên. Hai sự việc thoạt nhìn không dính líu gì nhau. Hai tòa nhà ở New York không phải là bia tưởng niệm; tổn thất vật chất ở New York lên đến hàng trăm tỉ đô-la trong lúc tấm bia tưởng niệm đồng bào bạc phước ở Galang nhiều lắm là vài ngàn đô-la; số người chết ở hai tòa nhà thương mại New York là 2986 người trong lúc bia tưởng niệm ở Galang chỉ là một tấm đá đơn sơ. Có liên hệ gì chăng giữa hai di tích? Có chứ. Điều giống nhau không phải ở chỗ người chết mà là người sống, không phải từ phía nạn nhân mà ở kẻ gây ra tội ác, không phải thiệt hại về vật chất mà là những tác hại tinh thần, không phải ở hành động mà là suy nghĩ. Và quan trọng nhất, cả hai sự tàn phá đều phát xuất từ những kẻ có cùng một tâm thức, mang cùng một não trạng, đó là tính cực đoan, hận thù và sợ hãi còn ám ảnh và đè nặng trong tư duy họ.

Tôi nghĩ đến nỗi bất hạnh của nạn nhân bởi vì tôi đã từng ở trại tỵ nạn và đã một lần phó thác cuộc đời mình cho may rủi trên vùng biển đó. Những ngày ở Palawan, tôi thường ngồi nhìn mặt trời lặn, tự hỏi phải chăng phía sau vầng ráng đỏ cuối chân trời kia là quê hương tôi, là Hội An, là Đà Nẵng thân yêu. Những hình ảnh mẹ lạc cha, vợ xa chồng, anh mất em, đứa bé bị bỏ quên đứng khóc trên đường ra bãi, chuyến hải hành vô định trên biển Đông trùng trùng gió bão, đói khát, lo âu, tuyệt vọng vẫn nhiều đêm trở về trong giấc ngủ tôi. Tôi vẫn nhớ phía cuối trại Palawan là một căn nhà nhỏ, lúc nào dường như cũng tối. Người đến trước bảo đó là chỗ ở của ba thuyền nhân còn may mắn sống sót từ chuyến ghe của gần một trăm người. Sau hai tháng trời chết máy trôi bềnh bồng trên biển, một trăm người khi ra đi đến nơi chỉ còn lại ba người. Ngoại trừ phái đoàn cao ủy tỵ nạn, ba người kia không tiếp xúc với ai, không tâm sự với ai, không chia xẻ với ai làm cách nào họ đã không chết đói, chết khát. Họ giữ cho riêng họ nỗi đau thầm kín, và tôi tin có thể sẽ không bao giờ ai biết. Phía sau trại là căn nhà của những người phụ nữ bị hải tặc hiếp dâm. Những phụ nữ bất hạnh kia lẩn tránh trong nhà, ít khi ra ngoài để khỏi nghe những lời hỏi han, dù chỉ để an ủi cho số phận hẩm hiu của họ. Nhiều trong số những người đi cùng ghe với các chị đã gởi thây trên biển, bỏ xác trên các đảo san hô sau những lần bị hiếp dâm tập thể. Trên bờ cát Palawan, có một em bé chừng năm, sáu tuổi, mỗi chiều vẫn ngồi nhìn ra ngoài khơi như thói quen chờ mẹ đi chợ về, khác chăng, mẹ của em sẽ không bao giờ về nữa. Cha, mẹ, chị và em của em đã chết trong chuyến hải hành dài cả tháng trời. Không ai biết rõ em từ đâu ra đi. Nếu có người nào hỏi, em chỉ vỏn vẹn trả lời rằng em đến từ Việt Nam, và đó cũng là tất cả những gì em biết về gia đình bạc phước và đất nước đầy bất hạnh của em.

Hoàn cảnh tương tự như thế cũng đã xảy ra trong các trại tỵ nạn khác trong vùng Đông Nam Á như Galang, Bidong, Leamsing, Sungei Besi, Bataan, White Head, Panat Nikhom và hàng chục trại tỵ nạn khác, nơi nhiều trăm ngàn người Việt Nam đã một lần tá túc để chờ ngày định cư. Phần đông đồng bào đến trại sau khi đã trải qua một cuộc hải hành nhuộm đầy máu và nước mắt. Họ cố nuốt đau thương đưa tay cầm chén gạo tình người. Những tiếng *thank you, merci, danke, gracias* vụng về, ngượng ngập từ cửa miệng của những người ở tuổi ba mươi, và ngay cả năm mươi, bảy mươi nhưng chỉ mới bắt đầu tập nói.

Trong những đợt sóng người vượt biển từ sau mùa bão lửa 1975, bao nhiêu người đã ở lại trong lòng biển cả? Một trăm ngàn, hai trăm ngàn hay năm trăm ngàn như Liên Hiệp Quốc thống kê? Những con số mà chúng ta thường nghe, thường đọc, thật ra chỉ là những phỏng đoán để điền vào khoảng trống cần thiết cho một bản thống kê. Con số thật đã vĩnh viễn nằm yên trong lòng biển. Sáng nay, trên đất nước Việt Nam, có những bà mẹ già ba mươi năm sau vẫn còn nuôi hy vọng người phát thư buổi sáng sẽ trao cho mẹ lá thư đầu của đứa con trai ra đi từ nhiều năm trước. Đêm nay, có những người vợ nằm

nghe tiếng lá rơi bên thềm mà ngỡ tiếng chân chồng mình trở về bên căn nhà cũ. Lịch sử rồi sẽ sang trang nhưng cái chết đau thương của hàng triệu người Việt Nam sẽ còn ở lại rất lâu trong lòng dân tộc như máu người Việt Nam sẽ không bao giờ phai đi trong màu nước Thái Bình Dương.

Ngày trước ở miềm Nam, tuy khói lửa chiến tranh đang phủ một màu đen trên đất nước nhưng không một giáo trình tiểu học nào dạy trẻ em để thù ghét nhau, chém giết nhau. Mỗi sáng thứ hai trên tấm bảng đen của lớp học bao giờ cũng có một câu châm ngôn đầu tuần thấm đượm tình dân tộc, lòng kính nhớ tổ tiên, ơn cha mẹ sinh thành dưỡng dục. Câu cách ngôn đầu tiên một học sinh tiểu học miền Nam được dạy nếu không là "một giọt máu đào hơn ao nước lã" thì cũng "nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng." Giống những người lính ngoài mặt trận đang ráng bảo vệ từng tấc đất, từng con sông, các thầy các cô trong ngành giáo dục cũng đã cố gắng giữ lại những đức tính nhân bản, dân tộc trong tâm hồn các thế hệ măng non miền Nam. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có đạo, có truyền thống kính trọng anh linh những người đã chết. Tình ruột thịt nghĩa đồng bào được hun đúc nhiều năm trong tâm thức đã thôi thúc những người còn sống sót dựng lên những tấm bia tưởng niệm đồng bào ở Galang, Bidong và những nơi có dấu chân của người Việt tỵ nạn.

Một mặt của tấm bia ở Galang viết: *"Tưởng nhớ hàng trăm ngàn người Việt Nam đã thiệt mạng trên đường tìm tự do (1975-1996). Dù họ đã chết vì đói, khát, bị hãm hiếp, bị kiệt sức hoặc vì một nguyên nhân nào khác, chúng ta cầu xin rằng họ bây giờ được hưởng yên bình vĩnh cửu. Sự hy sinh của họ không bao giờ bị quên lãng. Các cộng đồng người Việt hải ngoại, 2005."* Tại sao những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam, vốn thích nhân danh những điều tốt đẹp nhất trên đời, những lý tưởng cao thượng và vĩ đại nhất của nhân loại, lại có thể yêu cầu chính phủ Nam Dương, Mã Lai đập phá những tấm bia tưởng nhớ những người đã chết? Có gì trong những giòng chữ đó vi phạm đến an ninh quốc gia của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam? Có gì trong những hàng chữ đó xúc phạm đến các lãnh tụ Cộng Sản đã chết hay còn sống? Không. Nếu có chăng, trong tấm bia đá đơn sơ kia có dấu vết của bào thai bị chết ngộp khi còn trong bụng mẹ, có tiếng khóc của những trẻ thơ đang đói khát, có giọt máu của người phụ nữ Việt Nam đau đớn trong bàn tay hải tặc, có tiếng gào tuyệt vọng của bà mẹ giữa cơn bão lớn ngoài khơi.

Chưa bao giờ trong ba chục năm qua, những cụm từ "hòa giải dân tộc, xóa bỏ quá khứ" lại được nhắc đi nhắc lại nhiều như trong những ngày này. Các lãnh đạo đảng và nhà nước chủ trương hòa giải. Nhiều trí thức, học giả hô hào hòa giải. Nhiều nhà văn, nhà thơ cổ võ cho tinh thần hòa giải. Nhiều vị lãnh đạo tôn giáo kêu gọi lấy tình thương xóa bỏ hận thù.

Thật ra, bản thân của cụm từ hòa giải không có gì sai trái, và tương tự, đem tình thương xóa bỏ hận thù là một tư tưởng vô cùng cao quý. Từ kinh nghiệm sống đầy thăng trầm và trắc trở của mình, tôi tin rằng tình thương là cứu cánh của mọi nỗi khổ đau, và tôi cũng tin rằng nỗi đau trong trái tim dân tộc hơn nửa thế kỷ qua, phải được hóa giải, không phải bằng "ai thắng ai" nhưng bằng tinh thần cảm thông, bao dung và hướng thiện. Vâng, nhưng trước khi vượt qua quá khứ, mỗi người Việt Nam, từ cấp lãnh đạo đảng, nhà nước cho đến một người dân thường đang ở trong hay ngoài nước, phải can đảm nhìn vào sự thật, và những ai có trách nhiệm cho những tang thương đổ vỡ của đất nước phải biết thừa nhận những sai lầm và thực hiện các biện pháp căn bản để thay đổi đất nước. Con đường hòa giải là đại lộ hai chiều và là chiếc cầu nhiều nhịp. Không ai có thể đứng bên này sông ra lệnh người khác bơi qua để hòa giải với mình. Nhìn lại quá khứ không phải để ngủ vùi trong quá khứ nhưng để học, để tránh những vết xe đã một thời làm nghiêng đổ non sông. Tôi tin rằng khi nhìn vào sự khổ đau phải nhìn vào nguyên nhân của nó hơn là chỉ nhìn vào sự lở lói bên ngoài. Những lở lói hôm nay của đất nước bắt nguồn từ ba mươi năm, nếu không muốn nói là bảy mươi năm, đầy lầm lỗi của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Nếu thực tâm hòa giải, giới lãnh đạo đảng và nhà nước Cộng Sản Việt Nam lẽ ra phải là những người dựng lên tấm bia tưởng niệm đó; lẽ ra họ là người phải lo chăm nom hương khói những phần mộ, hồi hương hài cốt những người đồng bào không may mắn bỏ thây trên xứ lạ quê người. Quá khứ tuy khó có thể quên ngay nhưng tôi tin dù nói gì đi nữa trong lòng con người Việt Nam cũng còn nhiều bao dung, tha

thứ. Người dân Việt Nam dù bị lừa gạt năm lần bảy lượt nhưng trong trái tim của họ màu độ lượng vẫn đậm hơn màu thù hận. Chịu đựng trong cơn mưa dài nửa thế kỷ, dân tộc Việt Nam đang quá cần một ngày nắng đẹp. Hòa Thượng Thích Huyền Quang, một trong những nhà lãnh đạo tôn giáo bị tù đày, hành hạ nhiều nhất sau 1975, nhưng trong buổi tiếp xúc với ông Phan Văn Khải tại Hà Nội ngày 2 tháng 4 năm 2003, cũng đã nhấn mạnh đến tinh thần hòa giải và sẵn sàng gác qua quá khứ đầy khắc nghiệt mà bản thân ngài và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gánh chịu suốt gần ba mươi năm để cùng góp tay nhau xây dựng đất nước nếu đảng và nhà nước thành thật hối cải những sai lầm. Tiếc thay bao nhiêu cơ hội đã đến và đi trước thái độ thờ ơ của đảng và nhà nước Cộng Sản Việt Nam.

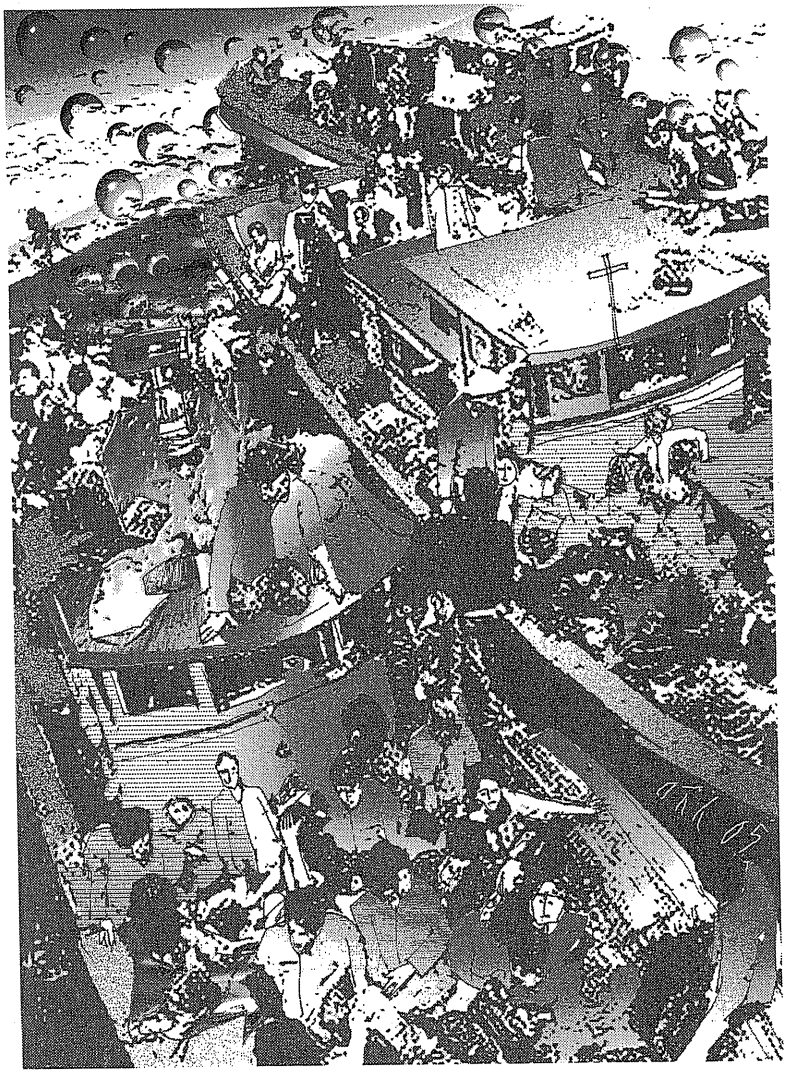

Đối với những người lãnh đạo Cộng Sản, phương pháp truyền thống để gọi là "xóa bỏ quá khứ," không chỉ ở Việt Nam mà nhiều nơi trên thế giới trước đây, không phải là đối thoại hay đối diện nhưng đơn giản là đập bỏ. Những tội ác như Goulag và thanh trừng nội bộ ở Liên-xô, Cách Mạng Văn Hóa và Công Xã Nhân Dân ở Trung Quốc, chính sách Năm Số Không (Year Zero) của Pol Pot ở Campuchia, tư tưởng Juche của Kim Nhật Thành ở Bắc Hàn, Cải Cách Ruộng Đất ở Việt Nam v.v.. tuy khác nhau về hình thức, mức độ nhưng đều bắt nguồn sâu xa từ lý thuyết Cộng Sản, đúng như Mác khẳng định trong Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản: "Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả, họ phải phá hủy hết thảy những cái gì, từ trước đến nay, vẫn bảo đảm và bảo vệ chế độ tư hữu."

Tôi biết điều đó và nhiều độc giả biết điều đó nhưng đồng bào chúng ta với bản chất nhân hậu, thường có thói quen nghĩ rằng, dù sao những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam cũng sinh ra từ một đất nước có truyền thống văn hóa bốn ngàn năm. Dân tộc Việt Nam là một trong số rất ít quốc gia, ở đó người dân đã gọi nhau bằng hai tiếng đồng bào thiết tha trìu mến. Tiếc thay, những gì vừa xảy ra ở Galang đã giết đi chút hy vọng cuối cùng ngay cả trong những người ôn hòa và kiên nhẫn nhất. Việc xúc phạm đến anh linh những đồng bào đã qua đời trong hoàn cảnh vô cùng thương tâm trên biển, không những xát muối vào vết thương vẫn còn đang mưng mủ mà còn đào sâu thêm sự rẽ chia, phân hóa hôm nay và nhiều thế hệ Việt Nam mai sau.

Hành động đập bia để phi tang còn là lời tự thú của giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam

đối với đồng bào Việt Nam nói chung và miền Nam nói riêng. Nói rõ hơn, họ công khai thú nhận rằng nếu không có Kinh Tế Mới, không có những trại tập trung, không có kiểm kê tài sản, không có đổi tiền năm lần bảy lượt, không có lý lịch ba đời và hàng chục chính sách bất nhân hà khắc hơn cả thời thực dân thì em Hoàng Thị Thu Cúc đã không treo cổ ở Thái Lan, đồng bào tỵ nạn đã không tự thiêu, tự sát tập thể ở Sungei Besi, Galang, Bidong mười năm trước, không có thảm cảnh cha bị cọp tha trong rừng già và mẹ xác trôi bồng bềnh trên biển. Các chính sách trả thù tàn nhẫn, tiêu diệt mọi mầm mống chống đối đã đẩy hàng triệu người dân Việt không còn chọn lựa nào khác hơn là ra biển để tìm đường sống trong con đường chết.

Trái với thái độ rụt rè đến mức chỉ dăm câu chào hỏi tổng thống Bush mà phải cầm giấy đọc như trường hợp ông Phan Văn Khải trong chuyến Mỹ du vừa rồi và sự hạ mình thần phục thiên triều Trung Quốc qua việc ông Lê Khải Phiêu ký hiệp ước biên giới lén lút năm 1999, Đảng và nhà nước Cộng Sản Việt Nam lại không có một hành động thành thật và cụ thể nào để chứng tỏ tinh thần hòa giải với những người cùng máu mủ với mình. Tại sao? Họ lấy lòng các nước lớn vì họ biết rằng các hình thức lật đổ chính quyền, các âm mưu đảo chánh, ám sát vốn quen thuộc trong thời kỳ chiến tranh lạnh đã trở thành lỗi thời trong thời đại kinh tế toàn cầu ngày nay. Mối quan tâm hàng đầu của chính quyền Mỹ không phải những ai là người lãnh đạo Việt Nam hay đảng nào lãnh đạo Việt Nam nhưng ai đáp ứng nhiều nhất, phục vụ tốt nhất cho chính sách đối ngoại, đem lại nhiều mối lợi và tạo sự ổn định cho thị trường kinh tế thương mại của họ. Chính quyền Mỹ không quan tâm tài sản của ông Lê Khả Khiêu, ông Lê Đức Anh trị giá bao nhiêu, ông Đỗ Mười sở hữu bao nhiêu biệt thự, ông Phan Văn Khải có bao nhiêu triệu đô-la, và họ cũng không cần nghe, cần biết, cần thấy tuyệt đại đa số người dân Việt Nam đang sống những tháng ngày cơ cực ra sao trên vỉa hè góc phố.

Lịch sử bang giao quốc tế đã cho thấy rằng những khái niệm hận thù, thương ghét chỉ tồn tại trong con người chứ không bao giờ là những phạm trù quốc gia. Quốc gia chỉ có quyền lợi chứ không có bạn hay thù. Những ai chỉ nghe câu kết luận của Tổng Thống Bush trong diễn văn nhậm chức: "Tất cả những ai đang sống dưới chế độ độc tài bạo ngược và trong sự tuyệt vọng có thể biết là, Hoa Kỳ sẽ không làm ngơ trước tình trạng bị áp bức của các bạn, hoặc tha thứ cho những kẻ áp bức. Khi mà các bạn đứng lên vì tự do của mình, chúng tôi sẽ đứng về phía các bạn" mà vội tin rằng vị tổng thống thứ 43 của Mỹ sẽ công khai và tích cực ủng hộ các phong trào dân chủ Việt Nam, có thể chỉ là một giấc mơ hơi sớm. Với tổng sản lượng nội địa vỏn vẹn 43 tỉ đô-la, trong đó 38% là từ khu vực dịch vụ, Việt Nam còn quá xa, quá nhỏ để trở thành một hấp lực cho đầu tư quốc tế đừng nói chi đến việc cạnh tranh với thị trường Trung Quốc.

Dân chủ là lý tưởng cao đẹp, là nếp sống văn minh nhưng đồng thời cũng là món hàng vô cùng đắt giá. Bằng chứng, Anh, Mỹ, Đức, Pháp, Nga giành nhau để đem lại dân chủ cho Iran, Iraq trong lúc ba phần tư các quốc gia châu Phi hàng trăm năm nay vẫn còn chịu đựng dưới ách độc tài nghèo đói. Tại sao họ không giúp lật đổ các chế độ độc tài tại Congo, Gabon, Chad? Đơn giản vì các quốc gia đó quá nghèo, không có tài nguyên gì quý giá để đổi lấy món hàng dân chủ. Để bày tỏ thái độ ủng hộ phong trào dân chủ tại Trung Quốc và phản đối việc nhà cầm quyền Trung Quốc đàn áp sinh viên một cách đẫm máu trong biến cố Thiên An Môn, các quốc gia Mỹ, Nhật, Pháp, Đức đồng thanh lên án, các công ty lớn đe dọa ngưng đầu tư, hủy bỏ hợp đồng, nhưng không bao lâu, đâu cũng vào đó. Một mặt, các tổng thống Clinton, rồi Bush tiếp tục chỉ trích tình trạng nhân quyền tại Trung Quốc, trong khi một mặt khác, các công ty Mỹ đã đầu tư 450 tỉ đô-la vào Trung Quốc trong mười hai năm. Thị trường Trung Quốc với lao động rẻ mạt và sức mua lớn vẫn là miếng mỡ béo cho các con mèo tư bản. Tương lai dân chủ, tự do, giàu mạnh của những con người bị áp bức, nếu có được, chỉ phải được thắp lên bằng chính những hy sinh xương máu của chính họ chứ không trông cậy vào ai khác.

Một lý do khác khiến giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam không thực tâm hòa giải với nhân dân Việt Nam vì họ rất sợ sức mạnh tổng hợp của dân tộc Việt Nam. Trung Quốc và Mỹ, vì quyền lợi kinh tế, có thể không quan tâm đến chuyện thay đổi lãnh đạo tại Việt Nam nhưng nhân dân Việt Nam, nếu có cơ hội chắc chắn sẽ làm ngay. Những nhà lãnh đạo đảng biết rằng ngày nào dân tộc Việt Nam có cơ hội để đoàn kết nhau thành một khối thì đó cũng là ngày

đánh dấu sự cáo chung của chế độ độc tài toàn trị tại Việt Nam. Bao nhiêu năm qua, cơ chế độc tài tồn tại nhờ vào sự hoài nghi Nam Bắc, sự phân hóa xã hội, sự chia rẽ trong cộng đồng dân tộc và họ luôn luôn tìm mọi cách để duy trì sự phân hóa, chia rẽ đó. Hành động yêu cầu đập bỏ những tấm bia tưởng niệm ở Galang là một phản ứng tuyệt vọng trước ánh sáng của sự thật. Sau ba mươi năm, đồng bào Việt Nam đã hiểu ra ai là nạn nhân và ai là những kẻ sống bám vào máu, mồ hôi và nước mắt của bao nhiêu thế hệ Việt Nam đã và đang đổ xuống.

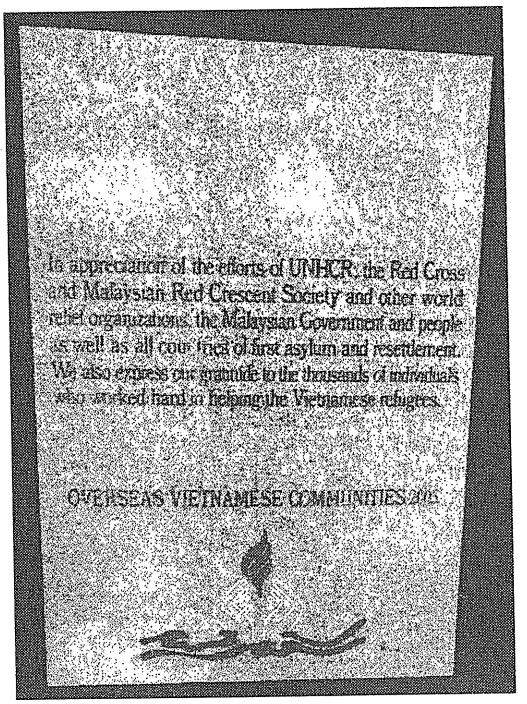

Giống như câu chuyện những sĩ quan và viên chức miền Nam bị tù ra miền Bắc trước đây, khi đi ra họ đã bị dân chúng hai bên đường chửi bới, mắng nhiếc, thậm chí còn có kẻ ném đất, ném bùn vào họ, nhưng mười năm sau trên chuyến tàu vào Nam, cũng chính những người từng tin rằng lính miền Nam thích ăn thịt người, đã nhét vội vào bàn tay tù xanh xao những điếu thuốc lá, những củ khoai mì. Món quà nhỏ nhoi không đáng giá bao nhiêu nhưng mang theo hơi ấm của tình dân tộc. Đồng bào miền Bắc cảm thông, thương xót người tù miền Nam không phải chỉ vì tình đồng bào ruột thịt nhưng quan trọng hơn vì họ đã thấy được sự thật. Thấy được sự thật, hòa giải sẽ tự nhiên đến, và có thể lúc đó chuyện hòa giải sẽ không còn cần thiết. Tôi tin có một ngày khi chế độc độc tài tàn lụi, những người lính cũ Nam Bắc gặp nhau, sẽ không ai hứng thú nói về những ngày ở Khe Sanh, An Lộc, Bình Long hay trong các trại tù Hàm Tân, Thanh Phong, Thanh Hóa và cũng không còn thích nghe những lời xin lỗi nhau đã trở thành thừa thãi, nhưng sẽ nói nhiều về các con, các cháu của họ. Niềm hãnh diện của họ không phải là những tấm huy chương nhưng là công trình, dự án mà con cháu họ đang theo đuổi cho đất nước mình. Ngày đó, nhiều lắm, những ông già còn sống sót sẽ cùng uống với nhau một chén rượu nếp than, và để nói như nhà thơ Tô Thùy Yên, "giải oan cho cuộc biển dâu này."

Phân tích như thế để cùng thấy rằng, khi nhìn lại chặng đường dài đầy bi tráng của dân tộc, tất cả chúng ta, dù Nam hay Bắc, cầm súng hay không cầm súng, dù trực tiếp hay gián tiếp tham dự cuộc chiến, vượt biên ra đi hay ở lại chịu đựng, nói cho cùng, đều là nạn nhân của phong kiến, thực dân và độc tài lạc hậu. Nỗi đau của ngư dân Thanh Hóa bị Trung Quốc giết mới đây hay thảm cảnh người vượt biển chết chìm trên biển Đông ba mươi năm trước đều là nỗi đau chung của dân tộc. Trách nhiệm đưa đất nước vượt qua hố thẳm độc tài lạc hậu để vươn lên cùng thời đại là trách nhiệm của mọi người Việt quan tâm đến số phận dân tộc mình. Một giòng sông không ra biển không còn là giòng sông nữa và dù rộng lớn bao nhiêu cũng chỉ là ao tù nước đọng. Dân tộc Việt Nam như một dòng sông lớn, phải vận hành theo luật tuần hoàn, tụ thành mây để làm nên những cơn mưa lớn và bay ra khơi để sớm trở về nguồn. Chúng ta đã từng chịu đựng như một dân tộc và tôi tin chúng ta sẽ vượt qua như một dân tộc.

Trong ý nghĩa đó, tấm bia tưởng niệm ở đảo Galang không chỉ để tưởng nhớ đồng bào đã hy sinh trên đường tìm tự do, mà quan trọng hơn, đó là một phần của lịch sử Việt Nam. Một trăm năm sau, hai trăm năm sau, các thế hệ Việt Nam sẽ tìm đến Bidong, Galang, Palawan, Sungei Besi, White Head, Panat Nikhom v.v... để dò lại dấu chân của những người đi trước và lắng nghe tiếng biển thì thầm về một chặng đường bi tráng đã qua. Đập đổ tấm bia là một trọng tội với lịch sử, và giống như số phận của tập đoàn Taliban khi bắn sụp các tượng Phật ngàn năm ở Afghanistan, không có đất sống cho những kẻ từ chối, khinh bỉ và hủy diệt các giá trị văn hóa thiêng liêng của dân tộc mình.

Galang: Bia tưởng niệm thuyền nhân Việt Nam bị phá bỏ

Bài của FADLI, THE JAKARTA POST, BATAM

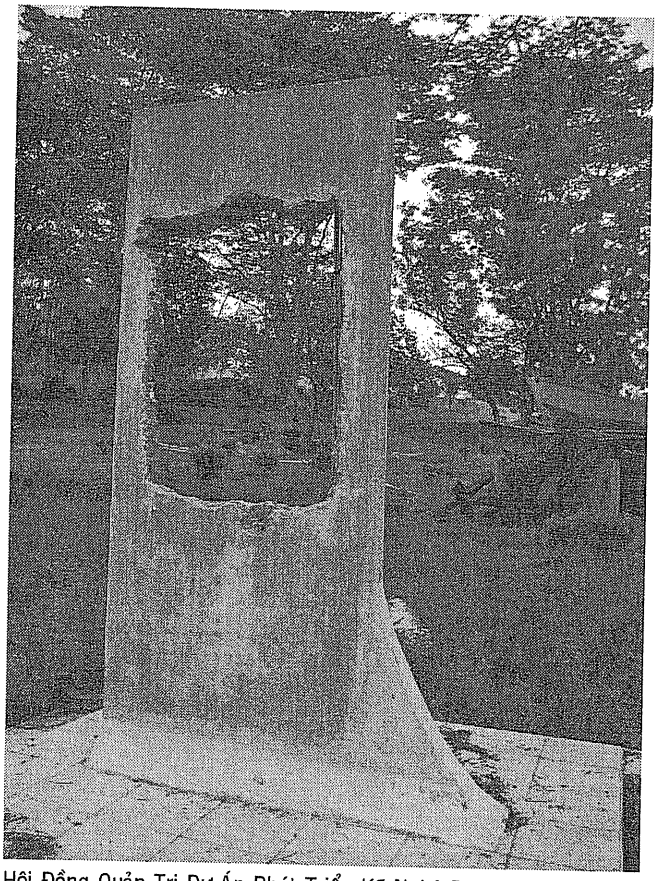

Hội Đồng Quản Trị Dự Án Phát Triển Kỹ Nghệ Batam đã tháo gỡ một tấm biển đá lớn do các thuyền nhân Việt Nam cũ dựng lên tại đảo Galang, thuộc tỉnh Riau, từng có thời là một trại tị nạn.

Hội Đồng Quản Trị Dự Án Phát Triển Kỹ Nghệ Batam (viết tắt theo tiếng Anh là BIDA), đã tháo gỡ một tấm biển đá lớn do các thuyền nhân Việt Nam cũ dựng lên tại đảo Galang, thuộc tỉnh Riau, Indonesia, từng có thời là một trại tị nạn. Tấm biển tưởng niệm nay đã bị bỏ đi theo lời yêu cầu của vị chủ tịch nước Việt Nam dựa trên lý do rằng tấm bia là một xúc phạm tới Việt Nam.

Tấm biển tưởng niệm bề ngang 3 mét và chiều cao 1 mét này được khánh thành vào ngày 24 Tháng Ba giữa lúc đang có cuộc hội ngộ của 150 người nằm trong số những người trước đây là dân tị nạn Việt Nam mà hiện nay đang cư ngụ tại nhiều quốc gia khác nhau, kể cả Úc, Hoa Kỳ, Canada, Thụy Sĩ và Pháp. Cuộc hội ngộ và công trình xây dựng tấm bia tưởng niệm là sáng kiến của Dự Án BIDA và Công Ty Bold Express của Singapore là công ty đứng làm trung gian giữa các thuyền nhân cũ và BIDA.

Một nguồn tin ẩn danh cho báo Jakarta Post biết rằng việc phá bỏ tấm biển tưởng niệm đã được thực hiện theo lệnh của Tổng Thống Susilo, đó là theo tin từ Bộ Ngoại Giao Indonesia, và thể theo lời yêu cầu của chính phủ Việt Nam.

Quan điểm của chính phủ Việt Nam là lời lẽ viết trên tấm biển làm giảm giá trị của Việt Nam.

"Vấn đề này dính dáng tới quan hệ giữa chính phủ này và chính phủ kia, và tôi không có quyền bình luận. Theo tôi, tấm biển đã bị tháo gỡ sau khi chính phủ Việt Nam than phiền với Tổng Thống Susilo," một nguồn tin chính phủ Indonesia cho biết như vậy.

Trong khi đó, cái khung bằng bê-tông chứa tấm biển vẫn còn đứng đó. Tuy nhiên, tấm bia cẩm thạch thì đã bị phá đi rồi.

Cầu siêu tại biển Đông

Một số du khách viếng thăm công viên và các nhân viên làm việc tại đó đều tỏ ra ngạc nhiên trước việc tháo gỡ tấm biển. Một công nhân bảo trì tại trại tị nạn cũ, tên là Mursidi, nói với tờ Post rằng ông và ba công nhân nữa bất thình lình đã được lệnh phải phá bỏ tấm biển. Tuy nhiên, Mursidi, nay đã gần 60 tuổi, cho biết ông không nhớ chính xác ngày nào họ đã thi hành lệnh phá bỏ đó.

Mursidi, người đã làm việc tại nơi này kể từ lúc trại tị nạn vẫn còn mở cửa cho tới nay, kể lại: "Khoảng chừng cuối Tháng Năm thì chúng tôi được yêu cầu phải tháo bỏ tấm biển kia đi. Lúc đó đã xế chiều rồi, và trời đang mưa nặng hạt. Nhưng người đốc công bảo tôi rằng tấm biển phải được tháo gỡ đi ngay, vì thế chúng tôi đã dựng một mái lều trùm lên tấm biển để có thể làm việc bất kể cơn mưa."

Mursidi nói thêm rằng ông cũng được người đốc công tại trụ sở của BIDA ở Batam yêu cầu hãy chép lại lời lẽ được ghi trên tấm biển trước khi tháo bỏ đi.

Lời lẽ ghi trên tấm biển như sau: "Để tưởng niệm hằng trăm ngàn dân chúng Việt Nam đã chết trên đường đi tìm tự do (1975-1996). Dù những người này đã chết vì đói khát hay bị hãm hiếp hay vì kiệt sức hay vì bất cứ nguyên do nào, chúng tôi cũng cầu nguyện cho họ được yên bình vĩnh cửu. Những hy sinh của họ sẽ chẳng bao giờ bị lãng quên. - CÁC CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM HẢI NGOẠI 2005."

Mặt bên kia của tấm biển viết: "Để nhớ ơn các nỗ lực của Phủ Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, Hồng Thập Tự Quốc Tế và Hội Lưỡi Liềm Đỏ Indonesia và các tổ chức cứu trợ quốc tế khác cùng những quốc gia đã cung cấp nơi tạm trú đầu tiên cũng như nơi tái định cư. Chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng tri ân đến hằng nghìn cá nhân khác từng làm việc hết mình để giúp đỡ người tị nạn Việt Nam - CÁC CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM HẢI NGOẠI 2005."

Mursidi nói thêm, "Họ còn nói rằng lệnh gỡ bỏ tấm biển là do ông Pak Ismeth Abdullah (cựu chủ tịch BIDA) đưa ra, bởi vì chính ông là kẻ khuyến khích phải xúc tiến thực hiện cuộc hội ngộ của các cựu thuyền nhân. Tôi cũng không biết đâu là lý do thật sự đằng sau việc tháo gỡ tấm biển đó. Tôi chỉ là một nhân viên thường mà thôi."

Nhưng khi được tiếp xúc qua điện thoại, ông Ismeth Abdullah đã biểu lộ nỗi nghi ngờ và tức giận khi hay tin chính ông bị quy trách là đã ra lệnh gỡ bỏ tấm biển.

Ông Ismeth lên tiếng: "Thật là láo khoét. Chúng tôi đã chi tiêu một số tiền lớn để làm cho cuộc hội ngộ (của các thuyền nhân cũ) thành công. Như thế mà người ta lại dám tố cáo tôi là phá hoại tấm biển. Điều này chẳng đúng chút nào hết."

Bà Anne Oh, điều hợp viên dự án Bold Express, nói rằng chính phủ Việt Nam đã yêu cầu phải dẹp bỏ chẳng những tấm biển trên đảo Galang mà còn cả tấm biển tương tự như thế tại trại tị nạn cũ của thuyền nhân Việt Nam trên đảo Bidong ở tiểu bang Terengganu của Mã Lai Á nữa. Yêu cầu này hiện vẫn còn đang được bàn cãi sôi nổi tại Mã Lai Á, bà nói vậy. (Vann Phan)

Liệu Hà Nội có hủy hoại được những dấu chân thuyền nhân Bidong và Galang?

VŨ ÁNH

Trong ba lần tôi có cơ hội tham dự tổ chức "Ngày Thuyền Nhân" thì lần thứ hai đã gây cho tôi những ấn tượng mạnh mẽ nhất. Đó là lần tôi được đọc đến trên 300 lời tâm sự của chính những thuyền nhân đã từng đánh đổi đời mình để đổi lấy hai chữ tự do. Và quả thật, trong số người ra đi không ít những hành trình dang dở. Trong một lần phỏng vấn khi hai tập Hành Trình Biển Đông I và II được tuyển chọn và được dịch sang tiếng Đức, Ngụy Vũ cho biết rằng, chỉ trong một thập niên đầu tiên của lịch sử thuyền nhân, hàng triệu người Việt Nam đã ào ra biển đông, nhưng thử hỏi có bao nhiêu trang sách, trong đó những người đi tìm tự do tự thuật về hành trình đầy máu, nước mắt và sự đau đớn của họ, và đã có bao nhiêu người trên thế giới này biết được rằng trong thế giới văn minh của cuối thế kỷ 20, lại có những chuyến đi tìm tự do kinh hoàng đến như thế, mối liên hệ giữa người với người lại được viết bằng những thảm kịch kinh khủng như thế.

Vài ngày trước đây, trên Đài BBC, trong những cuộc phỏng vấn những người Việt Nam trong nước về việc dưới áp lực buôn bán của nhà cầm quyền Hà Nội, chính quyền Mã Lai và Indonesia đã quyết định phá bỏ hai tấm bia được dựng lên tại Pulau Bidong và Pulau Galang để tưởng niệm những thuyền nhân đã chết trên biển đông trên đường đi tìm tự do, vẫn lạc lõng một vài ý kiến cho rằng "cũng không nên tiếc nuối những kỷ niệm của những người bỏ tổ quốc ra đi mà không đạt được những giấc mơ vật chất giầu sang." Rõ ràng, những ý nghĩ này xúc phạm đến những người đã chết, nhưng nó có gì quan trọng nếu như phát biểu là những người dân trong nước chưa hiểu và không thể hiểu nổi nguyên nhân nào khiến có những người khi bước chân xuống những thuyền đánh cá mỏng manh ấy biết rằng ra đi chín phần chết chỉ có một phần sống mà họ vẫn ra đi. Tuy nhiên, các viên chức trong chính phủ Hà Nội là những người thừa biết rằng chỉ mười năm sau sự kiện thuyền nhân, kho bạc của họ đã nhận đến 3.5 tỷ đô la của những người vượt biển đông, đến được bến bờ tự do gởi về trong nước. Họ không đơm được tiền ở những góc phố hay trên các dây chuyền sản xuất. Mồ hôi nước mắt và có nhiều trường hợp cả đắng cay nữa đã giúp thuyền kiếm được món tiền đó.

Chính các viên chức ấy đã từng thò bàn tay vào những đồng tiền của thuyền nhân gởi về, lẽ ra phải dành để phát triển đất nước thì lại chuyển vào những nơi cất giấu riêng cho cá nhân mình. Vâng, họ là những người hiểu rõ nhất nguyên nhân tại sao mà đông người bỏ nước ra đi, đánh đổi cái chết để tìm đất sống, đánh đổi mạng sống không phải vì giấc mơ giầu có mà chính là vì hai chữ tự do.

Sống trên một đất nước mà một chính quyền, một đảng đã và đang tìm mọi cách để kiểm soát con người, người Việt Nam không còn cách nào khác là bỏ nước ra đi. Hầu hết những người dân này không hề tìm cách để có được một chỗ trên những chuyến máy bay hay chiến hạm trong ngày di tản cách đây 30 năm, mà họ đã từng chấp nhận, từng sống và hy vọng rằng sau khi thống nhất đất nước rồi, những người chiến thắng biết bỏ qua những thù hận nhỏ nhen để xây dựng một đất nước đã thực sự kiệt quệ sau chiến tranh.

Tiếc thay, niềm tin của người Việt Nam đã bị bóp nát, bị chà đạp và bị kỳ thị. Đến ngay cả miếng ăn hàng ngày còn bị kiểm soát huống hồ là những suy nghĩ về nền chính trị và về con người hiện tại lúc ấy. Sự thất vọng đối với chính quyền mới của những người Cộng Sản rất lớn lao. Khi sự thất vọng được đẩy lên cao nhất, khi người Việt Nam thức tỉnh và ý thức được rằng họ đang sống một đời sống mà như đã chết thì không còn lý do gì có đủ sức mạnh để ngăn cản họ không lao ra biển, không vượt

những khu rừng già trên đất Căm Bốt. Những lúc như thế, có ai nghĩ rằng vùng đất tự do mà họ mơ ước có những gì. Điều trước mắt mà những thuyền nhân tìm đến là tự do và một đời sống mà nhân phẩm được tôn trọng.

Cách đây vài năm trước khi tôi có cơ hội đọc và phân tích những lời tự thuật của những thuyền nhân trong cuộc thi "Chuyện Kể Về Hành Trình Biển Đông," tôi không thể mường tượng được rằng, những nạn nhân này của chế độ Cộng Sản lại có thể viết ra được những điều kinh hoàng như thế. Khi nỗi đau trong đời một người ở mức cao nhất, thường là họ có thói quen trau chuốt những câu chuyện về đời mình. Và khi một người trau chuốt những câu chuyện về đời mình thì sự thực thà giảm đi. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là sau khi đọc vài bài dự thi đầu tiên, tôi bị lôi cuốn ngay bởi lối kể chuyện mộc mạc với những câu văn nhiều khi sai cả văn phạm, chính tả và lại những hình ảnh nếu những ai không từng đi biển, không từng đối diện với những hiểm nguy trên biển khơi thì không thể hiểu nổi. Chỉ còn cách tham khảo sách vở và những người quen thuộc với những chuyến hải hành bình thường mới hiểu nổi. Chính những bài viết ít những lời cáo buộc chế độ đã khiến thuyền nhân phải chấp nhận sự đánh đổi tự do ấy đã hấp dẫn tôi, đã tạo cho tôi niềm tin rằng những lời lẽ mộc mạc tự thuật ấy chính là sự thật. Chính những thảm kịch lớn lao nhất trong đời họ, những cuộc tái sinh chết đi sống lại, những tấm lòng nhân ái cũng như những sự hung dữ giữa người với người trên biển đông mà thuyền nhân Việt Nam từng gặp khiến không ai còn có thể quay lưng lại đối với những cái giá mà những thuyền nhân Việt Nam phải trả.

Thế nhưng, kẻ quay lưng trước hết không ai khác hơn là nhà cầm quyền Cộng Sản tại Việt Nam, một tập hợp phần đông những người đang trực tiếp hưởng lợi lộc từ những món tiền do thuyền nhân gởi về giúp gia đình sau những năm tháng vượt lên trên những ký ức kinh hoàng để làm việc kiếm sống cho chính mình và cho chính gia đình mình còn kẹt lại tại Việt Nam. Chính những người Cộng Sản cũng đã thừa biết rằng, không một đời sống của thuyền nhân nào toàn vẹn, và không phải thuyền nhân nào cũng đến bến bờ tự do được. Trong những trang sử thuyền nhân, còn đầy rẫy những mất mát, những hành trình dang dở, người ra đi nằm yên trong lòng biển sâu, người còn lại vẫn từng ngày trông chờ họ trở về. Cho nên, những người còn sống đặt một tấm bia nhỏ tưởng niệm những vong hồn những người phải bỏ dở hành trình vì nhiều lý do khác nhau trên hai hòn đảo ngày xưa là trại tị nạn, bây giờ đã hoang phế thì có gì là nguy hiểm đe dọa đến địa vị của chính quyền Hà Nội? Thế thì tại sao họ phải dùng đến biện pháp hèn hạ để áp lực những quốc gia buôn bán với mình như Mã Lai hay Indonesia phải tẩy xóa dấu tích hành trình dang dở của thuyền nhân Việt Nam?

Chúng ta có thể hiểu được hành động của chính quyền Mã Lai và Indonesia. Nhưng không ai có thể hiểu và biện minh được cho những quyết định của nhà cầm quyền Hà Nội. Lẽ ra chính họ phải là những người chủ động dựng lên những tấm bia ở Bidong, ở Galang và tất cả những nơi trước đây đã từng có những trại tị nạn ở Phi Luật Tân, ở Hồng Kông và Thái Lan để tỏ lòng ân hận vì những hà khắc mà người Việt Nam không chịu nổi phải bỏ nước ra đi.

Ngày nay, nhà cầm quyền Hà Nội đi ngược lại lương tri con người, lăng nhục cả những người đã chết cũng chỉ vì họ muốn rửa sạch những dấu tích tuy chỉ rất nhỏ nhưng sẽ trở thành lời cáo buộc hùng hồn nhất về sự phi nhân của chế độ Cộng Sản. Tuy nhiên các cố gắng của họ sẽ không bao giờ thành công bởi vì lịch sử của những người đi tìm tự do như thuyền nhân không chỉ gồm có những tấm bia nhỏ đó ở Galang hay Bidong mà nó còn gồm cả hàng chục ngàn trang sách, tài liệu, biên bản, hình chụp trong kho lưu trữ tại những văn khố của nhiều nước trên thế giới.

Nếu Hà Nội nghĩ rằng dẹp được hai tấm bia ở Pulau Bidong và Pulau Galang là dẹp được những trang sử thuyền nhân, những trang sử có nguy cơ biến thành những lời cáo buộc chế độ Cộng Sản trước tòa án quốc tế thì quả thật đó là một điều lầm lẫn.

Nhân chứng không phải chỉ là thuyền nhân mà còn là hàng chục triệu người Việt Nam hiện đang sống ở trong nước và nước ngoài. Nhân chứng đã từng giãi bày tâm sự của mình trên những trang giấy, những quyển sách, những văn khố lưu trữ khắp mọi nơi trên trái đất này. Liệu đốt hết, phá bỏ hết được những chứng tích đó không? Hà Nội đang tự đẩy mình vào tình trạng của một người làm chuyện bậy bị quay phim chụp hình nay muốn xé bỏ những hình ảnh ấy trong khi không hủy hoại hay tước đoạt được phim gốc.

Hòn đảo bị lãng quên

MENG YEW CHOONG

Lời Tòa Soạn: *Bài dưới đây về tình trạng của đảo Bidong, một thời từng là chốn nương thân của thuyền nhân Việt Nam hồi các thập niên 1970 và 1980, được trích từ báo The Star, phát hành ngày 29 tháng Chín năm 2002 tại tiểu bang Terengganu của Mã Lai Á nơi có trại tỵ nạn Pulau Bidong. Nguyên văn bài báo bằng Anh ngữ của Meng Yew Choong, được ký giả Vann Phan dịch tóm lược sang tiếng Việt.*

Quá khứ khác thường của đảo Bidong (Bi-đông) trong vai trò một trại tị nạn nay đã trở thành một hấp dẫn du lịch âm thầm đối với nhiều người ngày xưa là thuyền nhân Việt Nam, một chuyển biến được ghi nhận qua lời phát biểu của Bộ Trưởng Văn Hóa, Thanh Niên và Du Lịch Mã Lai Á Datuk Paduka Abdul Kadir Sheikh Fadzir tại Quốc Hội vào hôm 25 Tháng Chín, 2002.

Ấy thế mà hiện nay người ta vẫn chưa có hoạt động nào nhằm bảo tồn những di tích ngậm ngùi kia của nơi một thời từng là trại tị nạn nhộn nhịp. Bài viết sau đây về hòn đảo này là của Meng Yew Choong.

"Ngày trở lại Bidong, tôi như được gợi nhắc lại sức mạnh huyền bí của thiên nhiên và những may mắn kỳ diệu giúp tôi sống sót qua cuộc hải hành gian truân trong một chiếc thuyền lậu nước dài 10 mét rưỡi với 61 hành khách trên đó. Tôi nhớ lại hình ảnh những người đàn ông Mã Lai da sậm mặc xà-rông đi trên hai chiếc thuyền đã hết sức tử tế đem cho chúng tôi nước uống và thức ăn để chúng tôi có sức tiếp tục cuộc hành trình. Vâng, hồi Tháng Ba rồi tôi đã gặp lại họ. Trong trái tim tôi, họ là những người anh hùng và là những thiên thần. Suốt quãng đời còn lại, tôi sẽ không bao giờ quên được hình ảnh đó... Trong chuyến đi này, tôi cũng còn được nhắc nhở rằng hầu hết dân chúng nơi đây là những con người tốt bụng. Thật là cao đẹp khi nhận chân rằng những người mà tôi chưa hề biết và chưa một lần gặp mặt đã đưa tay ra giúp đỡ và rồi còn dành riêng ra một hải đảo để đáp ứng nhu cầu tạm trú của những thuyền nhân như chúng tôi." -Daniel Nguyễn, thuyền nhân cũ trên đảo Bidong.

Daniel Nguyễn nằm trong số 1.6 triệu người Việt Nam mà từ năm 1975 cho tới cuối thập niên 1980 đã thực hiện những chuyến hải hành đầy gian nguy ra đi từ quê hương đen tối, bất định của họ trên đường mưu tìm một chốn trú thân yên ổn xa tít bên kia Biển Nam Hoa (Biển Đông).

Gần 255,000 người trong số đó đã kết thúc

cuộc hành trình trên những bờ biển của Mã Lai Á và hầu hết đã được đưa về trú ngụ trên hòn đảo nhỏ bé Bidong, ngoài khơi tiểu bang Terengganu.

Nhưng Bidong là cái tên không khơi động được gì trong lòng thế hệ trẻ tại Mã Lai Á hôm nay. Một đồng nghiệp đã ngót 30 tuổi của tôi chẳng hề nghe tới tên hòn đảo đó. Còn những ai đã có hoài niệm gì thì niềm nhớ kia cũng mơ hồ, xa vắng, và họ không hoàn toàn hiểu được hết ý nghĩa của hòn đảo diện tích chỉ vỏn vẹn có 260 éc-ta kia.

Nhắc qua lịch sử một chút: Toán thuyền nhân (tên gọi thông dụng của họ) đầu tiên đã trốn chạy khỏi Miền Nam Việt Nam sau khi Cộng Sản Bắc Việt đánh chiếm thủ đô Sài Gòn (mà sau này được đặt tên lại là Thành Phố Hồ Chí Minh) vào năm 1975.

Và rồi tình hình trở nên tệ hại thêm vào năm 1978 khi Trung Quốc bất ngờ đưa quân xâm lăng vùng cực bắc của Việt Nam hồi đó vừa mới thống nhất lại, làm dậy lên những tình cảm dữ dội chống dân thiểu số người Việt gốc Hoa tại Việt Nam.

Vì tài sản của họ bị nhà cầm quyền tịch thu và cơ sở làm ăn của họ bị đóng cửa, nhiều người Việt gốc Hoa đành trông cậy vào chuyện phải trả giá cao bằng vàng để mua cho bằng được con đường an toàn rời khỏi đất nước từng là quê hương thứ hai của họ.

Và thế là khởi đầu cho cuộc di tản lớn của người Việt Nam trên những con thuyền thường là mong manh, quá tải và không đủ sức đi biển băng qua đại dương trên đường tìm kiếm một tương lai tươi sáng hơn. Và đó cũng là lý do vì sao mà những người như Nguyễn đã đặt chân đến chốn này.

Nguyễn bước chân lên bờ biển Mã Lai Á vào lúc đêm tối ngày 14 Tháng Tư, 1980. Hai ngày sau, anh được chuyển về đảo Bidong. Bảy tháng sau, anh lại rời hòn đảo này để lên đường đi định cư tại Hoa Kỳ.

Mặc dù điều kiện sống trên đảo còn lâu mới đạt mức lý tưởng, hòn đảo vẫn tiêu biểu cho một chốn nương thân đối với những kẻ đang trốn chạy chế độ cộng sản áp bức vào lúc đó.

"Nghĩ lại, thời gian mà tôi còn ở Bidong là thời điểm đặc bệt nhất trong đời. Chúng tôi đã sống khá vất vả, nhưng tôi vẫn nghĩ đó là một kinh nghiệm ấm lòng," Nguyễn tâm sự qua email như thế.

Chẳng mấy chốc, những đoàn người lúc đầu chỉ nhỏ giọt đổ lên bờ biển Mã Lai Á đã biến thành những cơn lũ lụt, và các tổ chức cứu tế không thuộc chính phủ đã phải kêu gọi Liên Hiệp Quốc và chính phủ Mã Lai Á ra tay giúp đỡ.

Vào Tháng Tám năm 1978, chính phủ Mã Lai Á đã quyết định để riêng đảo Bidong ra làm một trại tị nạn, và dân chúng địa phương từ nay không được lai vãng tới.

Vào lúc cao điểm, Bidong chứa tới 40,000 dân tị nạn, và đó thật sự là là một Sài Gòn nho nhỏ với những căn nhà gỗ mái tôn. Đêm đêm, dân tị nạn trên đảo vẫn có thể nhìn thấy ánh đèn điện chập chờn từ đất liền của Mã Lai Á (ít nhất thì cũng vào lúc trước giờ giới nghiêm thường kéo dài từ 11 giờ rưỡi đêm tới 6 giờ sáng).

Nhà cầm quyền Mã Lai Á -Phủ Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đứng ra bảo trợ cho trại tị nạn trong khi Hội Lưỡi Liềm Đỏ của Mã Lai Á điều hành công việc hằng ngày trên đảo-- đã xây cất một trung tâm hành chánh, một trường học, một bệnh viện, một thư viện và đã cho phép dân tị nạn được dựng lên những hàng quán. Các tín đồ tự tay xây dựng một ngôi chùa thờ Phật cũng như một nhà thờ Công Giáo mà ngày nay vẫn còn đứng đó.

Cho đến năm 1989, chính phủ Việt Nam đồng ý việc cho các thuyền nhân hồi hương, một biến chuyển mà sau cùng chấm dứt những cuộc vượt biển đầy hiểm nguy của dân chúng.

Khoảng năm 1991, đảo Bidong không còn cần thiết phải là một trung tâm dành cho người tị nạn nữa, và chính phủ liên bang Mã Lai Á đã chính thức trao trả hòn đảo này lại cho chính quyền tiểu bang Terengganu. Nhưng quy chế giới hạn việc đi lại của dân chúng địa phương tới đảo vẫn còn tiếp tục cho tới năm 1999.

Ngay cả khi cuối cùng du khách được phép tới đây viếng thăm, việc chụp hình trên đảo vẫn không được phép, và hòn đảo vẫn được nhân viên an ninh canh gác.

Khi các nhà báo của tờ WeekEnder đến thăm đảo vào Tháng Sáu năm 1999, hầu hết các tòa nhà trên đảo đều ở trong tình trạng sắp sụp đổ, nếu không thì phần lớn cũng chịu cảnh giậu đổ, bìm leo hay mặc tình cho cỏ hoang che phủ.

Hai tuần trước đây, khi tôi tới thăm đảo, tình trạng mục nát càng thêm tệ hại; tôi đã bị vấp ngã vì chân sụp xuống một miếng gỗ lót nền trong ngôi nhà thờ.

Và dẫu cho thiên nhiên có để yên cho tạo vật đứng đó một mình thì bọn phá hoại cũng không chịu làm như thế. Sau khi Đảng Hồi Giáo Mã Lai (PAS) thắng cuộc tổng tuyển cử vào Tháng Mười

Một năm 1999, những kẻ thuộc giới phá phách các công trình đã gây nhiều thiệt hại cho các di vật có giá trị lịch sử (và có tiềm năng du lịch) trên đảo.

Theo lời những chủ ghe địa phương, không còn có Rela (lính gác địa phương) canh gác trong khu vực sau năm 1999 vì "chính phủ mới không muốn trả tiền mướn họ."

Kể từ đó, nhiều ngôi nhà đã bị cạy ván, và nhiều ngôi nhà khác thì bị đốt cháy (vụ mới đây nhất là vào Tháng Ba khi có hai nhà bị đốt).

Chiếc cầu tàu duy nhất phục vụ cho hòn đảo cũng đã bị bóc sạch ván và chỉ có cái nền bằng bê-tông là tồn tại mà thôi. Những đồ gì còn lại trong xưởng huấn nghệ đều bị đập phá, và cả những bức tượng thờ trong chùa và nhà thờ cũng bị hư hại nữa.

Còn sống sót chăng là nhiều tấm biển bằng xi-măng được dựng lên để biểu lộ lòng biết ơn vô tận của thuyền nhân đối với Đấng Tối Cao đã giúp họ sống sót qua những chuyến hải hành cũng như để tưởng niệm những người đã nằm xuống. Trên đường, còn có những mộ bia đánh dấu mồ chôn những người đã chết khi vượt biển hay sau đó đã qua đời trên đảo, nhưng chỉ có người nào biết chỗ mới tìm được mà thôi.

Những sự kiện đó không có nghĩa là chính phủ Mã Lai Á sẽ không có lợi ích gì khi bỏ công, bỏ của ra bảo tồn những kiến trúc trong trại tị nạn. Kể từ năm 1992, một năm sau khi chính phủ liên bang trả lại hòn đảo này cho chính quyền Terengganu, có tin rằng đã có một đề nghị hãy bảo trì những di tích này để những thuyền nhân có thể trở về xem lại đoạn đời quá khứ của mình.

Điều đáng buồn là vẫn chưa có gì được đem ra thực hiện cả. Nhưng sự hứng thú dường như lại được hồi sinh khi viện bảo tàng tiểu bang Terengganu mở một cuộc triển lãm ảnh về trại tị nạn Bidong kéo dài một tháng, cho tới ngày 6 Tháng Mười năm rồi mới chấm dứt.

Theo vị phó giám đốc viện bảo tàng, Che Mohd Azmi Ngah, cuộc triển lãm nhằm đề cao ý thức về quá khứ lý thú của hòn đảo, bởi vì "nhiều người Mã Lai đã không hiểu biết tí gì về nơi này."

Và chính vì sự thiếu hiểu biết đó mà nhiều di tích trên đảo đã bị phá hoại, hầu hết là do các ngư dân địa phương.

"Người ta vẫn hy vọng rằng khi dân chúng ý thức đầy đủ hơn, chính phủ sẽ có động lực để thực hiện việc bảo trì những gì còn sót lại vào lúc này," Phó Giám Đốc Mohd Azmi giải thích như thế.

Ông Mohd Azmi nói thêm rằng chính quyền tiểu bang cũng đã mở một cuộc hội thảo hồi đầu năm nay bàn về cách nào hay nhất để phát triển hòn đảo.

Trong khi dường như chính quyền tiểu bang bắt đầu nhận ra tiềm năng du lịch của đảo Bidong, câu hỏi lớn vẫn là: Loại du lịch nào cần được khai thác? Và, quan trọng hơn, ai sẽ là thành phần trước hết có trách nhiệm tạo dựng lại các di tích đó?

Bất kể chuyện đảo Bidong nom như thế nào ngày nay, các cư dân cũ của Bidong cùng con cái họ vẫn không hề thiếu cảm hứng muốn thăm lại hòn đảo xưa.

Nguyễn nói rằng anh tin là hầu hết những dân tị nạn Việt Nam trước đây từng sống tại Bidong "nhất định là sẽ hưởng ứng" việc trở lại viếng thăm đảo.

Đối với anh, chuyến thăm Bidong vào hồi Tháng Ba của anh "thì cũng giống như là một cuộc hành hương tinh thần có tính cách riêng tư."

"Cá nhân tôi, tôi thích ở lại đêm trên đảo, nếu có thể. Khi con cái tôi khôn lớn, tôi muốn đưa chúng tới thăm viếng Bidong để nhìn thấy một đoạn lịch sử của gia đình."

Nguyễn nói thêm rằng anh "hiểu rõ tình hình kinh tế không cho phép người ta bỏ công của ra gìn giữ đảo Bidong" cho nên anh cũng không lấy làm buồn lắm nếu chuyện đó không thành.

"Tuy nhiên, tôi vẫn có cảm tưởng bị mất mát một cái gì đó khi nhìn thấy hòn đảo trong tình trạng hoang phế như vậy. Bidong là một kinh nghiệm đau thương mà chúng tôi, những người tị nạn cũ, có thể không muốn làm sống lại. Nhưng đó là một phần trong di sản của chúng tôi cũng như đó là một biến cố sẽ sống mãi trong dòng lịch sử của dân tộc Mã Lai."

"Giải pháp lý tưởng nhất là hai phía chúng ta cùng nhau làm việc để duy trì một nơi chốn lịch sử cho đảo Bidong. Bidong phải mãi là ngọn hải đăng của Tự Do, mãi là một đặc trưng của trái tim nhân đạo và lòng hiếu khách của dân chúng địa phương, và mãi là một biểu tượng của tình bạn thân thiết giữa hai dân tộc Việt Nam và Mã Lai."

(Vann Phan)

Dân Biểu Loretta Sanchez gửi thư cho Ngoại Trưởng Mã Lai Á về vụ Pulau Bidong

Dân Biểu Liên Bang Hoa Kỳ
Loretta Sanchez

Trước việc chính quyền Liên Bang Mã Lai quyết định phá hủy tượng đài kỷ niệm thuyền nhân trên đảo Bidong, Dân Biểu Liên Bang Hoa Kỳ, bà Loretta Sanchez, gửi thư cho Ngoại Trưởng Mã Lai Á, bày tỏ "sự kinh ngạc" trước quyết định cho phá hủy tượng đài, bởi vì theo bà, Đài Tưởng Niệm có chức năng tích cực, là biểu tượng thiêng liêng của tự do, đồng thời cũng là "biểu tượng của lòng thiện chí" của cộng đồng người Việt đối với chính quyền Mã Lai. Sau đây là nguyên văn lá thư của Dân Biểu Sanchez ký ngày 22 Tháng Sáu:

Ngài Yb Dato' Seri Syed Hamid Albar
Bộ Trưởng Ngoại Giao - Malaysia
Wisma Putra
No 1 Jalan Wisma Putra, Precint 2
62602 Putrajaya
Malaysia

Kính thưa ngài:

Là đại diện của địa hạt 47th thuộc Quốc Hội Hoa Kỳ - nơi cư trú đông đảo nhất của người Việt tại hải ngoại, tôi viết thư này để bày tỏ sự quan tâm của cư dân của địa hạt 47th về việc phá hủy Đài Tưởng Niệm Thuyền Nhân tại Pulau Bidong.

Đài Tưởng Niệm Thuyền Nhân là để nghi nhớ hằng trăm ngàn người Việt đã bỏ mình nơi biển cả trên con đường đi tìm tự do. Và theo như tôi được biết, Đài Tưởng Niệm Thuyền Nhân cũng là biểu dấu của lòng tri ân của cộng đồng người Việt tại hải ngoại đối với nhân dân Malaysia, hội Malaysian Red Cresent Society, và chánh quyền Malaysia vì đã cưu mang những thuyền nhân.

Quyết định phá hủy Đài Tưởng Niệm Thuyền Nhân đã gây kinh ngạc cho rất nhiều cư dân của chúng tôi vì chúng tôi tin rằng Đài Tưởng Niệm có chức năng tích cực, và cũng là biểu tượng của lòng thiện chí của cộng đồng người Việt đối với chính quyền Malaysia. Cộng đồng người Việt tại hải ngoại tin rằng Đài Tưởng Niệm Thuyền Nhân còn là biểu tượng thiêng liêng của Tự Do.

Tôi xin cam kết sự ủng hộ của tôi cho sự quan hệ song phương giữa Hoa Kỳ và Malaysia, và hy vọng ngài sẽ chuyển sự quan tâm của tôi đến với chính quyền Malaysia và tái xét quyết định phá hủy Đài Tưởng Niệm Thuyền Nhân.

Nếu như ngài có thắc mắc, xin vui lòng liên lạc với tôi tại số điện thoại 202-225-2965.

Thành kính,
Loretta Sanchez,
Dân Biểu Quốc Hội Hoa Kỳ

Tưởng cần nhắc lại, Tượng Đài Kỷ Niệm Thuyền Nhân được xây dựng trên đảo Pulau Bidong, thuộc tiểu bang Terengganu, Mã Lai Á hồi Tháng Ba vừa qua. Gần đây, do áp lực của chính quyền Cộng Sản Việt Nam, Bộ Ngoại Giao Mã Lai Á đã đòi tiểu bang Terengganu phải phá hủy tượng đài. Diễn biến này đã gây nhiều xúc động và phản ứng trong cộng đồng người Việt hải ngoại.

XÓA DẤU VẾT TỘI ÁC

PHẠM PHÚ MINH

Khuynh hướng tự nhiên của những kẻ gây tội ác là cố gắng xóa đi những dấu vết tội ác do mình gây ra. Những kẻ cướp của giết người che giấu tội lỗi của mình để tránh bị bắt bớ trừng phạt đã đành, những chế độ chính trị ác nghiệt cũng hay có khuynh hướng bôi xóa, thủ tiêu, che đậy những điều thất đức mình đã làm. Đức quốc xã trong những ngày sắp bại trận đã ra sức tiêu hủy những hồ sơ liên quan đến các lò sát sinh giết người Do Thái; chế độ Stalin giết mấy ngàn sĩ quan Ba Lan trong vòng bí mật tại rừng Katyn, qua bao nhiêu đời lãnh tụ cộng sản vẫn giấu nhẹm đổ tội cho Đức quốc xã, cho đến bây giờ dù nước Nga đã nhận tội, hồ sơ tội ác đó vẫn chưa được công bố; đối với những người bị giết trong cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam trong thập niên 1950, Cộng Sản Việt Nam cũng ra lệnh xóa tan không còn dấu vết bằng cách không cho thân nhân dựng bia cho người đã chết; tập thể những trí thức thuộc Đệ tứ quốc tế bị chế độ Hồ Chí Minh giết khoảng 1945, 46 tại miền Nam thì cho đến gần đây các đao phủ vẫn còn sống cả, thế mà vẫn cứ chối quanh, người nọ chỉ người kia; vụ thảm sát Tết Mậu Thân ở Huế sờ sờ ra như thế, mà người cộng sản Việt Nam cũng không hề một lần mở miệng nhận việc mình làm. Hiện tượng giấu nhẹm ấy cho thấy một điều: những kẻ gây tội ác biết đó là tội ác, và do một nỗi sợ, hoặc do một bản chất gian dối, không muốn cho người khác, đời nay hoặc đời sau, biết là mình đã làm việc đó. Họ luôn luôn đóng vai đạo đức giả, nghĩa là bản chất thì cực kỳ gian ác, mà bề ngoài thì làm ra vẻ mình là kẻ rất đạo đức.

Riêng những thảm cảnh người vượt biên gặp phải trên biển cả, trên đất liền từ năm 1975 đến đầu thập niên 1990, người cộng sản có thể coi là mình vô can. Họ làm họ chịu, chúng tôi nào có mắc mớ gì? Chúng tôi chỉ lo xây dựng một Việt Nam xã hội chủ nghĩa, mấy người bỏ trốn đi là đã can tội phản quốc ("yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội" - Lê Duẩn), vậy có bị cái gì thì ráng mà chịu, chúng tôi không cần biết. Cùng những loạt đạn bắn theo ghe thuyền vượt biên, những lời chưởi rủa xấu xa ném theo những người ra đi thì nhiều vô số kể, đó là những lời xấu nhất mà một chế độ, một nhóm người có thể dùng để gửi đến những người công dân, người đồng bào tội nghiệp của mình khi họ không còn con đường sống hợp với nhân phẩm, phải ra đi để tìm sự sống trong cái chết.

Nhưng nhờ ơn tổ tiên phò hộ, nhờ cánh tay đưa ra của phần nhân loại không theo chủ nghĩa cộng sản, mấy triệu người Việt Nam trong khoảng 15 năm, đã tìm được đất sống, sau khi khoảng nửa triệu đã vùi thây dưới biển cả, trong rừng sâu. Người ra đi lặng lẽ chịu đựng những thảm cảnh của chính mình và thân nhân, lặng lẽ lo gầy dựng cuộc sống mới trong tự do mà mình đã tìm được. Cũng nhờ cuộc sống tự do ấy, người Việt Nam tị nạn cộng sản vun bồi được đời sống tinh thần và đạo đức, không quên ơn ông bà tổ tiên, không quên thân nhân và đồng bào ruột thịt còn sống ở quê nhà, và nhất là không quên cái ơn lớn lao mà dân và chính phủ các nước đã cưu mang, giúp đỡ mình trong cuộc đi tìm tự do thập tử nhất sinh diễn ra cách đây mấy mươi năm. Chính trong tinh thần ấy mà vào đầu năm nay, nhiều phái đoàn người Việt Nam tị nạn cộng sản từ khắp thế giới đã mở những cuộc "hành hương" về những bến bờ đã đón tiếp mình từ tay biển cả trong các cuộc vượt biên xưa. Và như một cử chỉ cụ thể để tỏ lòng biết ơn các quốc gia đã cứu vớt mình, người Việt tị nạn cộng sản đã xin phép chính quyền sở tại đặt những tấm bia kỷ niệm tại nơi ngày xưa đã là trại tạm trú đầu tiên của những người đặt chân lên được đất sống. Với tấm lòng có trước có sau, người tị nạn chỉ ghi lại những lời tri ân hay lời tưởng niệm, là những thứ người ta nghĩ là có thể tồn tại với thời gian vì ý nghĩa nhân bản phi chính trị nhất thời của nó. Chẳng hạn lời dịch sau đây từ tấm bia viết bằng tiếng Anh, dựng trên đảo Bidong thuộc tỉnh Terengganu thuộc nước

Mã Lai Á vào tháng Ba 2005:

"Tưởng nhớ hàng trăm ngàn người Việt Nam đã thiệt mạng trên đường tìm tự do (1975-1996). Dù họ đã chết vì đói, khát, bị hãm hiếp, bị kiệt sức hoặc vì một nguyên nhân nào khác, chúng ta cầu xin rằng họ bây giờ được hưởng yên bình vĩnh cửu. Sự hy sinh của họ không bao giờ bị quên lãng. Các cộng đồng người Việt hải ngoại, 2005."

Và những dòng chữ mặt bia bên kia:

"Để nhớ ơn những nỗ lực của Phủ Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, Hồng Thập Tự Quốc Tế và Hội Lưỡi Liềm Đỏ Malaysia và các tổ chức cứu trợ quốc tế khác, chính phủ và nhân dân Malaysia cùng các quốc gia đã cung cấp nơi tạm trú đầu tiên cũng như nơi tái định cư. Chúng tôi cũng xin bày tỏ tri ân đến hàng nghìn cá nhân khác từng làm việc hết mình để giúp đỡ người tị nạn Việt Nam.

Các Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại."

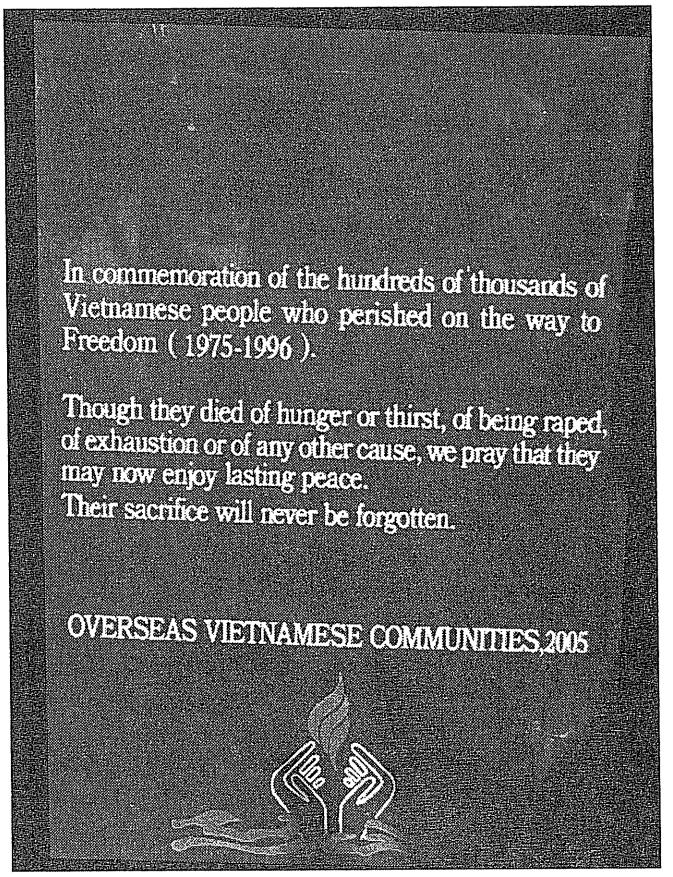

Một tấm bia tưởng niệm những người đã chết thảm trên đường đi tìm tự do và tri ân sự giúp đỡ cho những người sống sót: chừng đó đã đủ để chính quyền cộng sản Việt Nam vận dụng các thủ thuật ngoại giao để xóa bỏ nó đi. Họ đã vận động với chính phủ Mã Lai Á để phá bỏ tấm bia trên đảo Bidong, với chính phủ Indonesia để phá bỏ tấm bia tương tự trên đảo Galang. Với lợi ích ngoại giao trước mắt thì các chính phủ liên hệ thấy không có vấn đề lớn lao gì để không thỏa mãn các đòi hỏi xem ra không quan trọng gì mấy đối với họ. Và thế là các tấm bia chứa đựng biết bao tâm tình, biết bao tấm lòng thành kính và thương yêu trước hương hồn của những người đồng bào kém may mắn đã bỏ thây trong biển cả, đã hoặc sắp bị triệt hạ. Chỉ vì Hà Nội muốn như thế.

Hà Nội nhằm cái gì trong sự vận động này? Muốn giữ một "lý lịch sạch sẽ" trong lịch sử? Muốn giữ một "bộ mặt sạch sẽ" trước thế giới? Muốn không ai được hiểu rằng sở dĩ người Việt Nam phải bỏ nước ra đi là do chính sách tịch thu tài sản ruộng vườn, "đánh tư sản" một cách triệt để, do chính sách kỳ thị một cách khốc liệt không cho con cái của quân nhân công chức cũ của miền Nam được ăn học trong chế độ mới của họ, do giam hãm tù đày hàng triệu người, do tước đoạt hết quyền tự do và quyền làm ăn sinh sống của cả một xã hội miền Nam để lùa mọi người vào cái trại lính mà họ gọi là xã hội chủ nghĩa?... Mấy triệu người vượt biên tìm tự do chính là lời tố cáo tội ác của họ, nhưng họ vẫn muốn trốn tránh những vết tích cụ thể trong vùng Đông Nam Á chứng tỏ là đã có thảm cảnh của người Việt Nam trong sóng nước đại dương thuộc vùng này. Khi vận động phá bỏ những tấm bia kỷ niệm ấy, họ có biết rằng họ đang xúc phạm đến những người đồng bào đã chết hay không? Họ đang dùng cái thứ đạo lý gì vậy?

Thực ra, đối với người cộng sản, dùng chữ "đạo lý" thì hơi quá đáng, vì đó là thứ họ không có, không cần có. Với họ, chỉ có thủ đoạn và mánh khóe, cái thứ thủ đoạn của Stalin với dân Ba Lan, của Hồ Chí Minh đối với nhóm Đệ tứ và với những người bị đảng cộng sản quy cho cái tội địa chủ ác ôn, của cách đối xử cực kỳ ác độc đối với đồng bào miền Nam sau 1975... Và bây giờ, hành động mới nhất, vào tháng Năm, tháng Sáu năm 2005,

là vận động xóa bỏ dấu vết các bia tưởng niệm người chết trên đường trốn chạy tại các nước Đông Nam Á.

Năm ngoái, đảng cộng sản Việt Nam ra nghị quyết 36, kêu gọi người Việt tị nạn ở nước ngoài quên đi quá khứ, cùng hợp tác với họ để xây dựng đất nước. Nhiều người đã nhìn thấy đây như là một cử chỉ hòa giải, kêu gọi cùng thông cảm những lỗi lầm trong quá khứ của nhau và bỏ qua hết, để cùng nhắm về một mục tiêu tốt đẹp làm cho đất nước giàu mạnh và hạnh phúc. Sau hơn nửa thế kỷ thù hận, người Việt Nam nào mà chẳng mong ước điều ấy? Người Việt ở nước ngoài đã chẳng tích cực gửi tiền bạc về giúp đỡ đồng bào trong nước đó sao? Và thiếu gì người chỉ vì thiện chí xây dựng đã đầu tư tài sản và trí tuệ để xây dựng công cuộc làm ăn tại Việt Nam (dù rốt cuộc nhận lãnh những hậu quả vô cùng đau đớn: tài sản mất hết, thân bị tù tội chỉ vì sự tham lam và xảo trá của chính quyền trong nước, ai mà chẳng thấy nhan nhản những trường hợp ấy?) Nhưng nếu tưởng nghị quyết 36 bày tỏ sự thực tâm của những người cộng sản là lầm. Nghị quyết ấy chỉ là một mệnh lệnh theo thói quen cai trị bằng mệnh lệnh của chế độ ấy, chứ bản chất tấm lòng của người cộng sản với đám người Việt hải ngoại thì vẫn không có gì thay đổi: nghi kỵ, hiềm thù, đố kỵ, họ chỉ muốn người Việt ở nước ngoài đóng góp tiền bạc và trí tuệ ***cho họ***, còn ngoài ra không bao giờ coi tập thể người này là những người đồng bào với những tâm tình chung, ước nguyện chung, có quyền nói chuyện ngang vai vế với họ về những vấn đề của đất nước. Họ đã biết vì sao mà có tập thể người tị nạn Việt Nam trên khắp thế giới ngày nay chứ? Họ thừa biết bằng cách nào đám người đó hiện diện ở nước ngoài chứ? Họ dư biết những nỗi đau thương mà người đi tìm tự do phải chịu chứ? Họ biết rất rõ hằng trăm ngàn đồng bào đã bỏ mình ngoài biển chứ? Thế mà họ không xem tâm tình của người tị nạn ra cái gì cả, một tấm bia tưởng niệm người đã chết họ cũng không tha! Tình nghĩa đồng bào với nhau ở đâu? Đối với họ, tình nghĩa đó chỉ được hiểu bằng một động tác: đóng góp đô la cho họ. Họ kêu gọi người tị nạn quên quá khứ, nhưng còn họ? Cái quá khứ rất gần, họ đã hành hạ dân chúng ra sao sau ngày 30.4.1975 họ có quên đâu? Họ biết rõ nửa triệu người bỏ mình trên biển là do chính họ gây ra, nhưng họ không bao giờ có một cách cư xử hợp đạo lý, chỉ muốn khỏa lấp mọi chuyện bằng cách kêu gọi "quên đi" trong khi cái nguyên nhân gây ra thảm cảnh thì họ vẫn còn giữ nguyên: một chế độ toàn trị bằng bạo lực và sự xảo trá. Họ vừa mang một lòng kiêu hãnh thô lỗ rằng chính họ mới là chủ nhân ông của đất nước, vừa mang một mặc cảm tội lỗi, lúc nào cũng muốn che đậy tội ác của mình, lúc nào cũng mong xóa đi dấu vết tội ác ấy. Khi họ kêu gọi người tị nạn hãy quên quá khứ đi, họ muốn người tị nạn quên những tội ác của họ đã làm khiến đồng bào phải chạy trốn, nhưng về phần họ thì họ vẫn nhớ rất rõ, và làm bất cứ động tác nào để tẩy xóa, che đậy tội ác của chính họ, dù động tác ấy xúc phạm một cách thô bạo đến tâm tình của người Việt ở nước ngoài.

Đến thời điểm này, tại sao không đối xử với nhau một cách tử tế? Tôi nghĩ nếu chính quyền cộng sản Việt Nam còn có tình đồng bào và biết tôn trọng nỗi đau thương của người tị nạn thì nên giúp trùng tu các khu tưởng niệm, thậm chí cử một phái đoàn đến thắp một nén nhang trước các tấm bia như là một cử chỉ thiện chí, thì hiệu quả của công việc ấy sẽ gấp trăm gấp ngàn lần cái nghị quyết 36 hách dịch và vô hồn kia. Nước Đức, sau khi chế độ quốc xã sụp đổ, vẫn giữ lại một vài dấu vết các lò thiêu người mà nước này đã dùng để giết người Do Thái, như một bài học ô nhục mà một chế độ chính trị của dân tộc Đức đã làm. Họ có can đảm giữ lại để làm tấm gương cho hậu thế. Sự kiện ba triệu người Việt Nam đi ra sống trên khắp thế giới và nửa triệu vùi thây trong lòng đại dương là sự kiện có một không hai trong lịch sử nước ta, không khác gì việc sáu triệu người Do Thái bị giết trong lò thiêu của Đức Quốc Xã. Biến cố người Việt ra đi sinh sống khắp nơi trên thế giới trong thế kỷ 20 có một ý nghĩa vĩ đại về mặt lịch sử, sau những thế kỷ Nam tiến để tạo thành nước Việt Nam ngày nay. Chính quyền cộng sản đã không làm gì để đánh dấu biến cố đó ngoài việc kêu gọi người ta hãy quên nó đi, đó là về phần của họ. Về phần người đi tị nạn và cả thế giới văn minh nữa, phải ghi lại trang sử ấy, họ đã làm nhiều cách, các thế hệ loài người mai sau sẽ biết rõ sự kiện đó trong không biết bao nhiêu tài liệu nằm trên những tượng đài, những kệ sách trong thư viện, và nhất là nằm trong lòng con cháu của lớp người ra đi ấy, trong hay ngoài nước Việt Nam. Xóa làm sao được. Cái ác làm sao thắng được lẽ thiện ở đời. Những tấm bia hiền lành thấm đẫm tình người của người tị nạn dựng ở Bidong, Galang đã bị những kẻ thiếu nhân tính âm mưu phá hủy đi. Nhưng họ nên nhớ rằng tình người mới là cái bất diệt, còn sự gian trá, xảo quyệt

chẳng qua chỉ là những màn che đậy nhất thời, mà trong thế giới ngày nay, càng che đậy càng lộ ra cái tâm lý ti tiện và sự tội nghiệp của con thú cộng sản cuống quít trong bước đường bạo lực cuối cùng của nó.

Và người cộng sản hãy đừng bao giờ quên rằng: bước đi của những người đi tìm tự do sau 1975 chính là một tiên tri và là bước hướng dẫn cho cuộc đổi mới của chính quyền cộng sản Việt Nam từ giữa thập niên 1980. Cuộc trốn đi của người đi tìm tự do, sự bỏ mình lớn lao của họ trên biển cả như có một lời nhắn để lại sau lưng: hãy đi theo bước của chúng tôi, Việt Nam sẽ không còn con đường nào khác ngoài con đường đến với thế giới văn minh. Chính quyền cộng sản đã đi theo đúng lời nhắn bảo thiêng liêng ấy, đi theo đúng bước chân ấy, và quả nhiên đã tìm thấy con đường sống. Thế thì thay vì vội khoe khoang vì một ít bề ngoài hào nhoáng do những công ty các nước tư bản mang lại, hãy khiêm tốn lắng nghe lời của những oan hồn trên biển, rằng Tự Do mới là chìa khóa then chốt để mở cánh cửa Hạnh Phúc và Thịnh Vượng cho dân tộc chúng ta. Chính vì Tự Do mà nửa triệu người đã bỏ mình, lời nguyền đó sẽ linh thiêng và ứng nghiệm lắm!

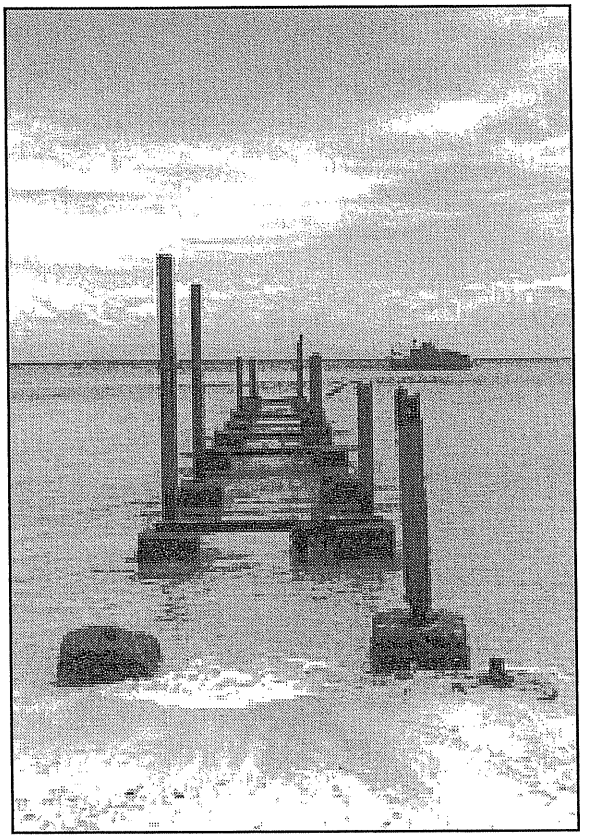

Sao lại thô bạo với nhau, nhất là với những người đã chết? Chính cái chết của họ đã đóng góp tích cực cho một ý hướng tinh thần chúng ta cần đi theo. Ngay cả những người lính Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ đã chết trên chiến trường Việt Nam từ bốn mươi năm trước, cũng đã đóng góp phần rất quyết định cho Việt Nam ngày nay. Một con cá quẫy đuôi bên này đại dương còn gây ảnh hưởng đến bên kia đại dương, huống chi một cuộc chiến lớn như thế há lại không bằng cách này hay cách khác, góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa cộng sản trên thế giới? Và thử tưởng tượng, nếu chủ nghĩa cộng sản không sụp đổ ngay nơi thành trì của nó là Liên Xô và các nước Đông Âu, thì liệu Trung Quốc, Ba Lan, Tiệp Khắc... và nhất là Việt Nam, có được như ngày nay? Hay là vẫn ì ạch với tem phiếu, với khẩu hiệu, với hộ khẩu, với phân phối xếp hàng cả ngày, với các kế hoạch năm năm kế tiếp nhau mà vẫn dẫm chân hoài một chỗ?... Những lãnh tụ cộng sản Việt Nam bây giờ là triệu phú đô la hãy nhớ ơn các chiến sĩ chống cộng đã bỏ mình trên chiến trường Việt Nam thuở xưa, những thuyền nhân xấu số đã bỏ mình trên đường đi tìm tự do, vì chính những chiến đấu cho tự do đó đã làm thay đổi bộ mặt thế giới và giúp cho các "đổi mới" ở Việt Nam ngày nay được phần nào thành tựu. Suy nghĩ như thế không có gì là ngược đời đâu, đó là kết quả hiển nhiên có tính cách nhân quả của cuộc diện thế giới, khu vực và từng nước.

Trong sự ràng buộc nhân quả chằng chịt ấy mà chính quyền Việt Nam vẫn cứ khư khư chỉ biết có đảng của mình, và có thái độ cực kỳ chật hẹp đối với bao nhân tố khác đã xây dựng nên bộ mặt thế giới ngày hôm nay thì quả là đáng tiếc. Hãy tôn trọng những người đã chết, nhất là những cái chết ấy đã gây một cảm hứng vô song trong công cuộc xây dựng cho con người còn lại trên thế giới này, là ý thức Tự Do. Không có tự do sẽ không có thịnh vượng và hạnh phúc, đó là điều chắc chắn. Hãy đi qua Bidong, Galang, đến những tượng đài tưởng niệm thuyền nhân đã bỏ mình, thành tâm thắp hương tưởng niệm linh hồn của họ, đó là hành vi duy nhất hòa giải với quá khứ và hiện tại, và mở được cửa đến một tương lai sáng sủa.

Những người tị nạn còn sót lại tại Phi Luật Tân

HOÀNG KHỞI PHONG

LTG: Đã gần hai chục năm qua, có khoảng hai ngàn người vượt biên tuy may mắn không phải bỏ mình trên biển cả, đã tới được một bến bờ, nhưng đã tới quá trễ và lẽ ra đã phải trục xuất về nước, nhưng họ đã được Phi Luật Tân mở lòng cho ở lại trong tình trạng vô tổ quốc. Đã gần hai chục năm nay những người này sống vật vờ như thể những cái bóng....

Bài viết này xin được nhắc tới hơn hai ngàn người tị nạn còn sót lại tại Phi Luật Tân trong tình trạng vô tổ quốc. Những người này đã may mắn hơn những người đã khuất là tới được một bến bờ, nhưng lại không đủ may mắn khi họ đặt chân lên một hòn đảo nào đó thì Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đã chính thức ra lệnh đóng cửa các trại tị nạn ở Indonesia, Malaysia, Hong Kong, Thailand, Singapore... Chỉ riêng tại Phi Luật Tân với sự can thiệp của Giáo Hội Công Giáo đã mở một cánh cửa hẹp cho những người vượt biên đủ may mắn để không làm mồi cho cá, cho hải tặc nhưng đã tới nơi quá trễ khi cánh cửa tị nạn đã khép lại. Hồi tưởng lại vào thời gian cuối thập niên 80 đầu thập niên 90, trên mặt báo chí của các quốc gia Đông Nam Á, và tất nhiên trên các trang báo Việt Ngữ ở khắp nơi trên thế giới là hình ảnh những người tị nạn Việt Nam bị trục xuất, bị tống xuất lên phi cơ ở Hong Kong, Malaysia, Thailand... Chỉ riêng

nước Phi đã không cưỡng bách người tị nạn hồi hương, nhưng chỉ có thể cho họ tạm trú trên nước Phi với tình trạng vô tổ quốc, để chờ một quốc gia khác mở lòng hào hiệp đón nhận.

Sau khi những người tị nạn tình nguyện hồi hương về Việt Nam, vì không muốn chờ đợi trong vô vọng, số người Việt ở lại Phi Luật Tân trong tình trạng vô tổ quốc vào khoảng hai ngàn người. Thời gian qua đi đã hơn 15 năm, hiện nay số người Việt còn sót lại do nhiều nguyên nhân đã gia tăng lên tới hơn hai ngàn người. Ban đầu họ được nước Phi cho ở lại trại tị nạn cũ, trại này được thiết lập trong phạm vi của một trại lính trên hòn đảo Palawan, nhưng sau đó do nhu cầu của quân đội Phi, trại này phải đóng cửa. Trước đó qua sự vận động của Giáo Hội Công Giáo Phi Luật Tân và đặc biệt là do những hoạt động của sơ Pascale Lê Thị Tríu, với sự đồng ý của Giám Mục Agilla, cộng đồng Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới đã quyên được 2.5 triệu đô la, để thiết lập một ngôi làng tị nạn dưới sự điều hành của cơ quan CADP, một cơ quan được thành lập bởi Giáo Hội Công Giáo Phi Luật Tân, và người được chỉ định làm giám đốc cơ quan này là Sơ Pascale Lê Thị Tríu, một nữ tu người Việt du học ở Phi, và trở thành công dân Phi Luật Tân sau khi miền Nam xụp đổ.

Phải công tâm mà nói khi Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đóng cửa các trại tị nạn tại Đông Nam Á, toàn bộ người Việt không vượt qua được các cuộc thẩm vấn thanh lọc ở những trại tị nạn này bị trục xuất về Việt Nam, thậm chí đã có những xô xát diễn ra giữa người tị nạn với nhân viên thừa hành ở các trại tị nạn Hong Kong, Malaysia... Thế nhưng ở Phi Luật Tân sơ Pascale Lê Thị Tríu là người có công đầu, đã mở ra cho người Việt tị nạn tại Phi một cánh cửa hẹp: Được tạm trú lại tại Phi trong tình trạng vô tổ quốc để chờ một quốc gia đệ tam đón nhận. Vào thời gian đó thuyền nhân Việt Nam không muốn hồi hương ở Phi, chỉ có một con thuyền và một bến đậu thông qua sự trợ giúp của Giáo Hội Công Giáo Phi Luật Tân mà người đại diện chính thức không ai khác hơn là sơ Pascale Lê Thị Tríu và cơ quan CADP, có trách nhiệm quản trị ngôi làng của người tị nạn Việt Nam ở Palawan.

Khi việc đóng cửa các trại tị nạn xẩy ra, ở Nam Cali một số luật sư trẻ gấp rút thành lập một tổ chức có tên LAVAS, nhằm mục đích dùng những kẽ hở của luật pháp, nhất là các sơ sót của các nhân viên địa phương khi thẩm vấn, và đôi khi có cả việc hối lộ của các hồ sơ bị bác bỏ để lách dần cánh cửa cho người tị nạn tại Phi. Từ khi Cao Ủy Tị Nạn chính thức đóng cửa, có một số người Việt còn sót lại tại Phi đã được sang định cư tại một số quốc gia, mà nhiều nhất là Úc và Hoa Kỳ, qua những hồ sơ bổ túc được LAVAS thiết lập, Úc và Hoa Kỳ đã đón nhận khoảng năm trăm người. Về phía tổ chức LAVAS, một mặt họ xúc tiến việc thiết lập hồ sơ cá nhân cho các thuyền nhân, đồng thời họ đã tổ chức rất nhiều cuộc gây quỹ thành công ngoạn mục, chỉ nhằm đóng góp vào vấn đề tài chánh cho việc tái định cư người tị nạn, sau khi trại tị nạn ở Palawan bị đóng cửa. Thành viên của LAVAS phần đông là những người trẻ trưởng thành tại Mỹ, họ là những luật sư, kỹ sư và chuyên viên người Việt trẻ được đào tạo tại hải ngoại, và khi nói tới những hoạt động chính của họ tranh đấu cho người Việt còn sót lại tại Phi Luật Tân, thì không thể không nói tới Luật Sư Trịnh Hội, một người Việt tị nạn tại Úc, được đào tạo tại Anh. Để cho việc thiết lập hồ sơ cho người tị nạn tại Phi được thúc đẩy mạnh, với sự trợ giúp tài chánh của Cộng Đồng Người Việt Tự Do ở Úc, LS Trịnh Hội đã sang Manila sát cánh cùng cùng với Ban Đại Diện Cộng Đồng Việt Nam tại Phi Luật Tân từ những năm cuối của thập niên 90. Ở Manila LS Trịnh Hội đã cư ngụ ngay tại văn phòng của Ban Đại Diện. Giờ đây người Việt tại Phi không chỉ còn một con thuyền Giáo Hội Công Giáo Phi Luật Tân, và một bến đậu là người tị nạn vô tổ quốc sống bên ngoài lề xã hội Phi, không được bảo đảm về bất cứ một phương diện gì. Kể cả con cháu họ tốt nghiệp đại học được phát một mảnh bằng để treo trên tường, chứ không phải là để bổ túc vào các hồ sơ xin việc, vì người Việt ở Phi không có tư cách pháp nhân để đi làm. Tổ chức LAVAS, và đặc biệt là LS Trịnh Hội đã mở cho người Việt ở Phi thấy là có những con thuyền khác và những bến đậu khác. Vấn đề là kiên nhẫn, chịu đựng cho tới khi có một quốc gia nào động tâm nghĩ lại đến số phận bị bỏ sót của họ trong gần hai chục năm qua.

Năm 2003, cái cánh của hẹp do sơ Pascale Lê Thị Tríu gây dựng từ những năm cuối thập niên 80, đã được các thành viên của LAVAS kê vai vào đẩy, để mở ra một lối thoát rộng rãi hơn. Bên cạnh việc nước Úc đã thâu nhận rất nhiều cá nhân đơn lẻ, phát ngôn nhân của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã chính thức công bố là trong quota định cư của năm 2004, nước Mỹ sẽ tái cứu xét các hồ sơ của người tị nạn còn sót lại tại Phi Luật Tân. Tưởng

cũng nên nhắc lại những người này đã tới trại sau khi Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đóng cửa các trại tị nạn tại Đông Nam Á, cũng như rất nhiều hồ sơ của những người đã tới trước đó, nhưng hồ sơ đã bị bác vì không thể chứng minh là người tị nạn chính trị, và bị liệt vào thành phần tị nạn kinh tế. Hầu như toàn bộ người Việt tị nạn tại Phi tin tưởng mãnh liệt là thời gian chờ đợi 15 năm mòn mỏi của họ, sẽ được phái đoàn thẩm vấn của Mỹ coi như là một điểm son hàng đầu trong việc cứu xét hồ sơ.

Cho tới thời điểm của năm 2003 khi Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ chính thức tuyên bố sẽ tái cứu xét nhập cư cho người Việt còn sót lại tại Phi, thì những xung đột ngấm ngầm giữa hai khuynh hướng bắt đầu bộc phát mạnh. Khuynh hướng thứ nhất do Sơ Pascale Lê Thị Tríu giám đốc cơ quan CADP của Giáo Hội Công Giáo Phi Luật Tân, muốn vận động với Quốc Hội Phi để ban hành quy chế thường trú nhân cho người tị nạn. Khuynh hướng thứ hai do LS Trịnh Hội và các thành viên của tổ chức LAVAS, muốn dùng con đường luật pháp để hoàn thành giấc mộng định cư ở quốc gia đệ tam cho người tị nạn tại Phi, đó là giấc mơ của họ khi bước chân xuống thuyền vượt biên, cho dù sự vượt biên có rất nhiều xác xuất phải bỏ mình trên biển cả.

Năm 2003 nhằm thời gian Hoa Kỳ tuyên bố sẽ mở cánh cửa cho người tị nạn tại Phi qua Mỹ, một phái đoàn hùng hậu hơn 40 người gồm các luật sư, nghệ sĩ và truyền thông từ Hoa Kỳ tới Phi Luật Tân. Tôi là một thành viên của phái đoàn này. Chúng tôi có 10 ngày để thăm viếng, thiết lập hồ sơ tị nạn, giúp vui, và tường thuật cho người Việt ở khắp nơi trên thế giới biết đến tình trạng của người Việt còn sót lại tại Phi Luật Tân. Trong khi các luật sư lo hoàn tất hồ sơ pháp lý cho người Việt ở khắp nơi trên nước Phi, tụ hội về Manila, các nghệ sĩ đã tổ chức hai buổi trình diễn văn nghệ giúp vui cho đồng bào tại Manila và Palawan, còn giới truyền thông đã tường thuật tại chỗ những gì họ mục kích trong chuyến thăm viếng này.

Nhằm mục đích dàn xếp những khác biệt giữa hai khuynh hướng giải quyết người tị nạn còn sót lại ở Phi Luật Tân của sơ Pascale Lê Thị Tríu và cơ quan CADP cùng với khuynh hướng của LS Trịnh Hội cũng như tổ chức LAVAS, qua trung gian của Đức Ông Nguyễn Văn Tài, sơ Pascale Lê Thị Tríu đồng ý một cuộc tiếp xúc với phái đoàn thu hẹp từ Mỹ qua, gồm LS Từ Huy Hoàng, Du Miên, Nguyễn Huỳnh Mai, Nguyễn Ngân, Ngụy Vũ, Jenifer Trần, Vũ Đạm, Phương Trang... Cuộc tiếp xúc này đã được anh Vũ Đạm thu hình và phát lại trên đài truyền hình Little Saigon Television. Ngay sau cuộc tiếp xúc này không đầy nửa tiếng Sơ Pascale Lê Thị Tríu công bố một lá thư ngỏ gửi toàn thể người Việt còn sót lại tại Phi. Lá thư này cũng được phổ biến rộng rãi trên nhiều tờ báo. Hai ngày sau các thành viên của phái đoàn trả lời từng điểm một trên lá thư của sơ Pascale Lê Thị Tríu, và cũng được thông báo cho người Việt tị nạn tại Phi cũng như công bố trên nhiều tờ báo. Khó khăn của cuộc tiếp xúc này là quan điểm của sơ Pascale Lê Thị Tríu và của tổ chức LAVAS triệt tiêu lẫn nhau. Nếu chính phủ Phi ban hành đạo luật thường trú nhân, thì nước Mỹ sẽ quay lưng lại với người Việt còn sót lại ở Phi, vì sớm hay muộn những người này sẽ trở thành công dân Phi, không còn tình trạng vô tổ quốc ăn nhờ ở đậu vô thời hạn trên nước Phi. Ngược lại nếu nước Mỹ mở rộng vòng tay với những người tị nạn, thì nước Phi có cớ để không ban hành đạo luật thường trú. Cũng nên nhắc lại là đạo luật này đã được các nghị sĩ thân Giáo Hội Công Giáo Phi đưa lên Thượng Viện Phi thông qua vào năm 2002, nhưng bị bác bởi Hạ Viện.

Qua sự trung gian của Đức Ông Nguyễn Văn Tài, phái đoàn từ Mỹ qua khẩn khoản xin sơ Pascale một thời hạn, khoan hãy vận động ráo riết với quốc hội Phi, để nước Mỹ cứu xét các hồ sơ của người Việt tị nạn một lần chót. Tất nhiên mọi người trong phái đoàn cùng hiểu rằng cho dù có rộng lượng cách mấy, không thể nào nước Mỹ đồng ý 100% với tất cả các hồ sơ. Sẽ có một số nhỏ không thể nào chứng minh được mình là người tị nạn chính trị, nhưng con số ước lượng khoảng 80% các hồ sơ này đủ tiêu chuẩn để vào Mỹ. Chừng đó với những người bị rớt lần thẩm vấn cuối cùng này, sẽ là những người được sơ Pascale cứu vớt. Nhưng sơ Pascale khăng khăng cho rằng chỉ có đạo luật thường trú nhân của nước Phi là giải pháp duy nhất cho người Việt ở Phi, và tận lực thúc đẩy cho đạo luật này ra đời. Hiện nay đạo luật thường trú nhân đã nhiều lần được đệ trình lên quốc hội Phi, nhưng vẫn chưa được thông qua.

Trong khi đó thì từ hơn một tháng nay người Việt tại Phi đang được phái đoàn Mỹ phỏng vấn sơ bộ tại Manila. Cũng nên nhắc lại năm 2003 khi phái đoàn từ Mỹ qua, sơ Pascale đang công tác tại Việt Nam, và đã có nhã ý bay sang Manila

để tiếp phái đoàn. Hiện nay sơ Pascale Lê Thị Tríu đã không còn giữ chức vụ Giám Đốc cơ quan CADP nữa, chức vụ này đã chuyển sang cho sơ Gloria, một nữ tu người Phi Luật Tân. Tuy nhiên trong tư cách một thành viên của phái đoàn, và trong cả cuộc tiếp xúc với sơ tôi ghi nhận được một điều: Cho dù sơ ở Việt Nam, ở Manila hay là đã hết làm giám đốc cơ quan CADP, thì lúc nào cái bóng của sơ Pascale Lê Thị Tríu vẫn bao trùm lên toàn bộ công việc của cơ quan CADP này. Tôi cũng xin ghi lại một điều khá quan trọng trong cuộc thăm viếng này, là trong tổng số gần một ngàn tám trăm người hiện diện trong đêm văn nghệ ở Manila, có hơn một ngàn sáu trăm người đã ký tên không công nhận cơ quan CADP là người đại diện cho họ. Chính vì vậy mà người Việt tại Phi đã bầu ra một Ban Đại Diện với ông Lâm Kim Tài là Chủ Tịch. Kể từ ngày đó tới nay cơ quan CADP hầu như là một cơ quan hữu danh vô thực, chỉ còn quản trị ngôi làng Việt Nam ở Palawan, một ngôi làng được hình thành do tiền quyên góp của người khắp nơi trên thế giới, mà khi mới khánh thành có gần một ngàn cư dân, chỉ trong vòng vài ba năm, năm 2003 khi phái đoàn từ Mỹ qua thăm viếng, số người còn sinh sống tại làng không đầy một trăm người, và 80% những ngôi nhà bỏ hoang bị dột nát, hay hư hỏng toàn bộ.

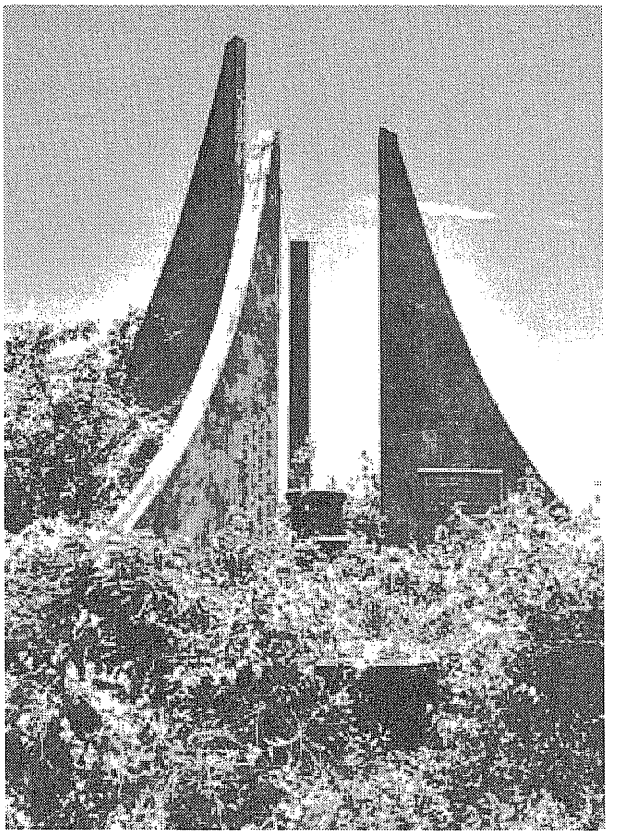

Kể từ khi là một thành viên trong phái đoàn thăm viếng đồng bào tại Phi, tôi được thông báo khá đầy đủ những diễn tiến đang xẩy ra với người Việt còn sót lại tại Phi. Qua những điện thư thông báo của ông Lâm Kim Tài, người đại diện chính thức của cộng đồng Việt Nam tại Phi Luật Tân và những điện thư trao đổi của LS Trịnh Hội với những ai đã và đang quan tâm tới số phận của đồng bào ruột thịt đang, tôi được biết đã từ hơn một tháng nay phái đoàn thẩm vấn của Mỹ đã làm việc rất chặt chẽ với các đại diện của người Việt còn sót lại ở Phi Luật Tân. Tiến trình thẩm vấn hồ sơ sẽ trải qua nhiều giai đoạn, giai đoạn thẩm vấn sơ bộ đã bắt đầu được hơn ba tuần lễ. Vì Phi Luật Tân là một quốc gia có khoảng hơn 7000 hòn đảo rải rác trong một vùng biển rộng, phần đông người Việt cư ngụ tại Manila, làm nghề buôn bán hàng rong. Tuy vậy cũng còn vài trăm người sống rải rác trong những tỉnh xa Manila, phải trở về Manila để được phái đoàn Mỹ phỏng vấn sơ khởi. Qua điện thư của ông Lâm Kim Tài và của LS Trịnh Hội, rất nhiều người tài chánh eo hẹp, cố lắm cũng chỉ có đủ tiền mua vé xe, thuyền về thủ đô, và không có khả năng tài chánh để sống vài ngày chờ đợi. Mặc dù Ban Đại Diện của người Việt ở Manila đã cố gắng tối đa, kể cả việc dùng trụ sở làm nơi trú ngụ tạm cho đồng bào ở khắp nơi đổ về, nhưng cố gắng cách mấy cũng không thể cáng đáng hết cho mọi người. Cũng trong những điện thư này tôi biết được số tiền cứu trợ của người Việt gửi về do cơ quan CADP quản trị còn gần 400.000 đô la, và sơ Pascale Lê Thị Tríu cũng đã cho biết sẵn sàng giúp đỡ cho số đồng bào nghèo này. Tuy nhiên có một điều khó hiểu là cơ quan CADP có sẵn phương tiện trong tay, khi tiếp nhận đồng bào từ các nơi đổ về Manila đã tính tiền như là một cơ sở thương mại cung ứng dịch vụ cho đồng bào.

Tương lai quan hệ Việt-Mỹ

LÊ XUÂN KHOA

Chuyến công du Hoa Kỳ của Thủ tướng CHXHCN Việt Nam, dù còn tiếp tục ở New York và Boston, đã chính thức kết thúc ở thủ đô Washington sau khi hai nhà lãnh đạo chính phủ gặp nhau và công bố bản tuyên bố chung ngày 21 tháng Sáu, 2005.

Bản tuyên bố chung cho biết Tổng thống Hoa Kỳ và Thủ tướng Việt Nam đều hài lòng về những tiến bộ đã đạt được, chia sẻ những mối quan tâm chung và khẳng định tiếp tục đối thoại để giải quyết những vấn đề còn có sự khác biệt. Quan trọng nhất là hai bên đã đồng ý nâng các quan hệ song phương lên một bình diện cao hơn qua sự hợp tác "thân hữu và xây dựng" trên nhiều lãnh vực, không chỉ giới hạn về thương mại, nhân đạo, khoa học mà gồm cả quân sự và văn hoá, giáo dục.

Về quân sự, tin tức được tiết lộ là Việt Nam sẽ gửi sĩ quan sang dự các khoá huấn luyện ở Hoa Kỳ và các chiến hạm Mỹ sẽ tiếp tục thăm viếng các hải cảng Việt Nam. Người ta chưa được biết có những thỏa thuận nào khác về quân sự hay không, nhưng cuộc gặp gỡ giữa Thủ tướng Khải và Bộ trưởng Quốc phòng Rumsfeld trong chuyến đi này nhất định không thể chỉ đề cập đến những vấn đề đã được tiết lộ. Nếu Việt Nam và Hoa Kỳ có mối quan tâm chung về an ninh và quốc phòng thì vụ ông Rumsfeld chỉ trích Trung Quốc gia tăng lực lượng quốc phòng tại Diễn đàn An ninh ASEAN ở Singapore hồi tháng trước và vụ Trung Quốc vừa thành công trong việc bắn thử hoả tiễn tầm xa JL-2 hẳn không thể không được ông Khải chia sẻ ý kiến và thảo luận.

Về văn hoá giáo dục, cho đến nay, chính phủ Hoa Kỳ vẫn chỉ giúp đỡ và hợp tác với Việt Nam qua chương trình học bổng Fulbright và Vietnam Education Foundation (Quỹ Giáo dục Việt Nam, gọi tắt là VEF). Từ ngày thành lập bởi một đạo luật của Quốc hội Mỹ năm 2002, và được sự thỏa thuận của Việt Nam, VEF chỉ chú trọng vào việc cung cấp học bổng du học cho những sinh viên ưu tú của Việt Nam thuộc ngành khoa học và kỹ thuật. Theo bản thông cáo chung ngày 21.6, trong những ngày tháng sắp tới, VEF sẽ có thêm sứ mạng khai triển các chương trình trao đổi văn hoá, cho đến nay hầu hết chỉ được thực hiện giới hạn và một chiều do một số quỹ hay cơ quan tư nhân bảo trợ.

Một điểm đáng chú ý là bản thông cáo chung đã không nhắc đến hay chỉ lướt qua những vấn đề nhạy cảm đối với Việt Nam, cụ thể là các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc thiểu số và tự do tôn giáo. Trong lời phát biểu với báo chí trước khi bản thông cáo chung được công bố, Tổng thống Bush có nói đến việc hai bên đã ký kết một thoả hiệp giúp cho dân chúng được tự do thờ phụng hơn. Đây là bản thoả hiệp đã được ký một tháng trước chuyến đi của Thủ tướng Việt Nam và chưa giải quyết được những vấn đề còn lại về tự do tôn giáo. Điều này đã làm cho những người tranh đấu cho tự do dân chủ và nhân quyền thất vọng, nếu không muốn nói là tức giận, đối với ông Bush. Tuy nhiên, nếu bình tâm theo dõi tin tức, chúng ta sẽ thấy rằng các vấn đề nhạy cảm này đã được đem ra thảo luận. Có thể Việt Nam đã đồng ý hay hứa hẹn một số thay đổi nào đó nhưng không muốn bị coi như là nhượng bộ vì áp lực. Hoa Kỳ đã thông cảm điều đó nên đã chấp nhận sử dụng trong bản tuyên bố chung cụm từ "hợp tác trên căn bản bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và hai bên cùng có lợi" luôn luôn được Việt Nam nêu ra khi nói đến các quan hệ song phương. Điều đó cũng có nghĩa là trong những ngày tháng tới, nếu Việt Nam có biện pháp nào cải thiện về tự do và nhân quyền thì sẽ phải được hiểu là do Việt Nam hoàn toàn chủ động.

Một điều đáng nói hơn nữa là mọi người vì quá bận bịu phân tích bản tuyên bố chung nên đã ít chú ý đến một tài liệu quan trọng khác được đưa ra đúng vào ngày Tổng thống Bush tiếp Thủ tướng Khải tại Bạch Cung. Đó là bài báo của ông Phan Văn Khải đăng trên tờ *The Washington Times* ngày 21.6 nhan đề "Việt Nam trên đường đổi mới — Hoa Kỳ, một đối tác quan trọng." (Vietnam on the path of reform - U.S. an essential partner).

Trong bài này, Thủ tướng Việt Nam tóm lược những thành quả đã đạt được trong 10 năm đổi mới kinh tế, mở cửa giao thương, hội nhập với thế giới và bình thường hoá các quan hệ với Hoa Kỳ. Sau đó, ông dành phần lớn bài để nói về sự cần thiết phải gia tăng nhịp độ đổi mới theo kinh tế thị trường song song với những cải cách xã hội và chính trị. Ông viết, "Đổi mới kinh tế có thể đã tiến trước một bước, nhưng nó phải được gắn liền với đổi mới chính trị." Ông nhấn mạnh vào việc thiết lập một nhà nước pháp trị để gia tăng sự tham gia của người dân vào công việc trị nước. Ông trình bày một loạt những công việc cần phải làm như tăng cường vai trò và hiệu năng của quốc hội bằng những đạo luật mới thể hiện tính cởi mở và trong sáng của bộ máy hành chánh, loại bỏ các lề thói thiên vị bao che để khuyến khích tư doanh và xúc tiến mạnh mẽ kinh tế thị trường, gia tăng đầu tư vào các địa hạt y tế, giáo dục và dịch vụ xã hội. Ông đề cao các nỗ lực của báo chí rất có hiệu quả trong công cuộc bài trừ tham nhũng và quan liêu, coi đó là những hành động dũng cảm cần phải được khuyến khích và bảo vệ. Ông xác nhận ý muốn của tân giáo hoàng công giáo muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và nhận xét là quan hệ giữa Việt Nam và Vatican đã cải thiện đáng kể, mở đường cho sự phát triển xa hơn nữa. Ông xác nhận Việt Nam là một nước có sự hiện diện của nhiều tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo và Tin lành và quả quyết rằng tự do tôn giáo được tôn trọng và bảo vệ.

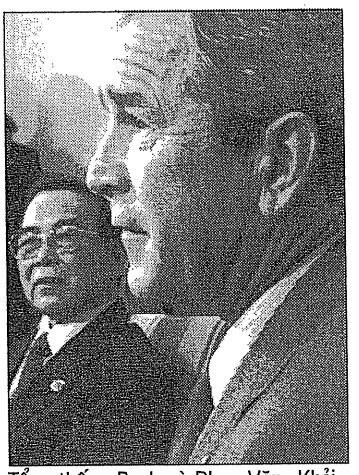
Tổng thống Bush và Phan Văn Khải

Cuối cùng, Thủ tướng Khải nói đến khả năng của Việt Nam hợp tác với cộng đồng quốc tế để duy trì hoà bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới. Ông nhắc đến những tổn thất kinh hoàng của nhân dân Hoa Kỳ trong vụ 11 tháng Chín và xác nhận rằng nạn khủng bố đã trở thành một mối đe dọa toàn cầu. Ông nhấn mạnh vào nhu cầu chống khủng bố và nguyện sát cánh với các nước láng giềng và Hoa Kỳ trong cuộc chiến chống khủng bố. Ông khẳng định Việt Nam sẽ tích cực đóng góp vào những nỗ lực duy trì hoà bình của Liên Hiệp Quốc, kể cả việc gửi binh sĩ tham gia đoàn quân mũ xanh để bảo vệ hoà bình và thịnh vượng của thế giới.

Với cách trình bày như trên, bài báo của ông Phan Văn Khải chắc chắn có hiệu lực chinh phục cảm tình của chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ với hình ảnh của một nước Việt Nam hiếu hoà, đang cố gắng đổi mới về mọi mặt, chia sẻ mối ưu tư của Hoa Kỳ, và mong muốn hợp tác lâu dài với Hoa Kỳ vì những lợi ích chung của cả hai nước. Tuy nhiên, tất cả những điều ông Khải trình bày vẫn chỉ là những lời hứa hẹn, có điểm không đúng với sự thật và nhiều điểm chưa đáp ứng được sự trông đợi của mọi người.

Dù sao, ông Khải cũng đã đưa ra được những hứa hẹn cụ thể trên giấy trắng mực đen. Những hứa hẹn đổi mới này nếu thực hiện được sẽ ghi dấu những bước đầu cần thiết của sự hình thành một xã hội công dân, của tiến trình dân chủ hoá, công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, có thể giúp cho Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển, có vị thế xứng đáng trong khu vực và cộng đồng quốc tế. Tương lai quan hệ Mỹ-Việt tùy thuộc vào các thành quả đạt được. Quan trọng hơn nữa, tương lai của Việt Nam cũng tùy thuộc vào những thành quả này. Có hai việc Hoa Kỳ sẽ làm trong những ngày tháng tới:

Thứ nhất là theo dõi xem nhà nước Việt Nam có thực hiện được những lời hứa hẹn cụ thể trên đây hay không; nếu cần, sẽ thúc đẩy và giúp đỡ đạt được mục tiêu.

Thứ hai là tiếp tục những cuộc đối thoại về những vấn đề còn bất đồng ý kiến nhằm đạt được đồng thuận và giải quyết thoả đáng vì lợi ích chung của cả hai bên.

Tổng thống Bush đã nhận lời mời của Thủ tướng Khải sang thăm Việt Nam năm 2006. Đó cũng là năm Đại hội 10 của Đảng Cộng sản Việt Nam được triệu tập. Có những dấu hiệu cho thấy đã có sự đồng thuận trong giới lãnh đạo Đảng trước chuyến đi Hoa Kỳ của ông Khải. Từ đồng thuận về nguyên tắc cho đến những quyết định cụ thể về những vấn đề nhạy cảm trong quan hệ hợp tác giữa hai nước chắc chắn sẽ còn nhiều thảo luận gay go trong nội bộ Đảng trước khi ông Bush tới Việt Nam. Kết quả đáng lạc quan hay bi quan? Hãy chờ xem.

Maryland, 22.6.2005

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

A-PHÚ-HÃN, Á-PHIỆN, KHỦNG-BỐ VÀ HOA-KỲ

CỔ-LŨY

Năm năm trước khi viết về nguy-cơ độc-dược ma-túy ở Đông-Nam-Á và thế-giới nói chung, chúng tôi đã đề-cập đến nơi sản-xuất á-phiện lớn nhất: A-Phú-Hãn (Afghanistan). Tuy không là nơi sản-xuất heroin lớn Afghanistan cũng là nơi cung-cấp á-phiện lớn nhất—và từ đây heroin được chế-biến ra, theo tỉ-số thông-thường một kí-lô heroin cần mười kí-lô á-phiện.

Hơn ba năm rưỡi sau khi Hoa-Kỳ dẫn đầu cuộc xâm-chiếm Afghanistan để trục-xuất chính-quyền Hồi-giáo cực-đoan Taliban, Liên-Hiệp-Quốc và Hoa-Kỳ lên tiếng cảnh-cáo rằng Afghanistan đang biến thành một nước buôn bán độc-dược ma-túy dưới quyền kiểm-soát của giới buôn lậu quốc-tế. Bộ Ngoại-giao Mỹ mới đây xem buôn bán độc-dược ở Afghanistan "là mối đe-dọa an-ninh toàn-cầu." LHQ ước lượng Afghanistan sản-xuất khoảng tám-mươi-bảy phần trăm tổng sản-lượng á-phiện trên thế-giới.

Qua bao nhiêu thập-niên, nông-dân Afghanistan nghèo-khổ sống nhờ vào việc gặt hái nhựa á-phiện cung-cấp cho cả thế-giới. Ngày nay đây đã thành một kỹ-nghệ lớn nhờ vào chiến-lược Mỹ lật đổ chính-quyền Taliban (Taliban khắc-khổ cấm ngặt sản-xuất á-phiện) và bình-định Afganistan sau hai thập-niên chiến-tranh. Lính Mỹ (khoảng một nửa của hai-mươi ngàn quân-đội LHQ chiếm-đóng Afghanistan) hợp-tác chặt-chẽ với các lãnh-chúa sứ-quân (warlords) bản-xứ cung-cấp lính địa-phương chống lại quân Taliban. Một số đồng-minh của Mỹ này bị xem là tay buôn độc-dược ma-túy "gộc," nắm kiểm-soát nguyên hệ-thống sản-xuất, băng-đảng tội-phạm và ngay cả nhân-viên cảnh-sát có nhiệm-vụ chống độc-dược ma-túy. Họ cũng không ngần-ngại làm ăn với tàn-quân (nhưng còn rất mạnh) Taliban nếu có lợi trước mắt.

Hoa-Kỳ ủng-hộ tổng-thống "gà nhà" Hamid Karzai, tổng-thống Hoa-Kỳ đặt-để nay đã chính-thức-hóa. Giống như nguyên cố-vấn an-ninh và bà ngoại-trưởng Mỹ Condoleezza Rice hiện nay, ông Karzai là một thành-viên trong hội-đồng quản-trị của một đại công-ty dầu hỏa Mỹ. Oái oăm thay—nhưng cũng không mấy ngạc-nhiên—ông Karzai đã đưa một số lãnh-chúa sứ-quân "gộc" nói trên vào nội-các mới vì thế-lực của họ và thế yếu của chính-quyền với "khuyến-cáo" của cố-vấn Hoa-Kỳ.

Kết-quả cho thấy, theo lời ông Alexandre Schmidt, phó giám-đốc Văn-phòng Ma-túy và Tội-ác (LHQ) ở Afghanistan, "Tiền bạc từ độc-dược ma-túy đang trợ-lực ủng-hộ các nhóm khủng-bố" — ngược hẳn mục-đích chính trong việc xâm-chiếm Afghanistan cuối năm 2001, sau vụ khủng-bố tấn-công Hoa-Kỳ ngày 11 tháng Chín. Bài sau đây nối tiếp theo bài Nạn Độc-Dược Ma-Túy Ở Đông-Nam-Á *(Thế-Kỷ 21,* tháng Chín năm 2000) *cùng người viết, và điều-tra đặc-biệt của nhật-báo* Los Angeles Times *trong loạt bài thường đoạt giải Pulitzer hàng năm.*

CỔ-LŨY

Đầu năm 2005 cho thấy vụ mùa á phiện tốt đẹp ở Afghanistan bắt đầu ,và ở Hoa-Thịnh-Đốn những bàn cãi gắt gao về các phương cách tiêu diệt vụ mùa này cũng cấp bách và nóng hổi không kém —dù chính quyền Afghanistan phản đối chuyện can thiệp này khá mạnh mẽ.

HAI CHỌN-LỰA

Một phái gồm các viên chức Mỹ ủng hộ tiêu diệt vụ mùa bằng máy bay rải thuốc (aerial spraying) giết chết cây á phiện trồng đầy rẫy trong các thung lũng. Họ cảnh cáo rằng nếu vụ gặt hái thành công thế giới Tây-phương có thể tràn ngập với heroin và á phiện, làm giầu cho quân Taliban và tài trợ những hoạt động khủng bố ở Afghanistan và xa hơn nữa. Các xứ quân lãnh chúa có thể thu vào bẩy tỉ Mỹ-kim nhờ vụ mùa á phiện năm nay, so với kỷ lục hai-tỉ-hai năm 2004.

Với vụ mùa bắt đầu đầu năm bộ Ngoại-giao Mỹ đang yêu cầu Quốc-hội chuẩn chi 780 triệu viện trợ cho Afghanistan, với 152 triệu dành cho máy bay rải thuốc giết cây á phiện. Nhưng, dù đã từng tuyên bố "thánh chiến" chống lại kỹ nghệ độc dược ma túy, tổng thống Hamid Karzai lại phủ quyết biện pháp này. Và quyết định của ông được nhiều viên chức Mỹ ủng hộ, nhất là phái viên chức bộ Quốc-phòng. Họ cảnh cáo rằng diệt á phiện lớn lao trong thời gian ông Karzai vận động bầu cử quốc hội mùa xuân trong tháng Tư sẽ có nhiều bất lợi cho tổng thống. Phái này muốn rời lại thời gian rải thuốc diệt cây và dồn nỗ lực vào việc bắt giữ ngăn chặn giới buôn hàng lậu.

Cũng giống như những va chạm mâu thuẫn về chính sách, phương cách và nhân sự ở Iraq, Hội-đồng An-ninh Quốc-gia rất gần với tổng thống, hai bộ mạnh nhất trong nội các Ngoại-giao (bản doanh ở Foggy Bottoms) và Quốc-phòng Mỹ (bản doanh ở Ngũ-Giác-Đài, Pentagon) ít khi đồng ý với nhau về Afghanistan. Đây là cái khó xử cho Hoa-Kỳ; chính quyền George W. Bush dẫn đầu tiến chiếm Afghanistan với sự thỏa thuận của LHQ và ủng hộ của dư luận thế giới (khác hẳn với trường hợp Iraq), nhưng nay lại có nhiều mâu thuẫn giữa ba mục tiêu chính ở đây: chống khủng bố, chống độc dược ma túy, và xây dựng ổn định chính trị. Một phụ tá Cộng hòa cao cấp nhưng ẩn danh cho biết, "Chúng ta vẫn không có chính sách rõ rệt."

Một số nhà ngoại giao quốc tế và chuyên viên ngoài chính quyền lý luận rằng rải thuốc bằng máy bay rất là dại dột. Ông Barnett Rubin, nguyên cố vấn LHQ năm 2000, nói, "Làm thế nào để giải thích cho dân chúng Afghanistan rằng họ đang bầu ra một nước dân chủ trong khi chính quyền của họ cho phép người nước ngoài đến xứ họ và tiêu diệt nguồn sống của họ?... Và nếu ta cố tiêu diệt vụ mùa á phiện ảnh hưởng vào kinh tế đi xuống mười, hai-mươi, đến bốn-mươi phần trăm trong một năm, kết quả sẽ ra sao? Kết quả sẽ là nổi loạn bằng vũ trang." Ông Mark Schneider, nguyên một giám đốc trong Đoàn Hòa-bình (Peace Corps, do tổng thống John Kennedy lập ra, gồm những người trẻ ưu tú với lý tưởng phục vụ các khu vực chậm tiến) và nay làm việc cho International Crisis Group, cũng đồng ý là Hoa-Kỳ và chính quyền Afghanistan nên chú mục vào việc giúp nông dân sinh sống trồng trọt các loại vụ mùa khác, cải thiện lực lượng an ninh cảnh sát và ngăn chặn độc dược ma túy. Biện pháp

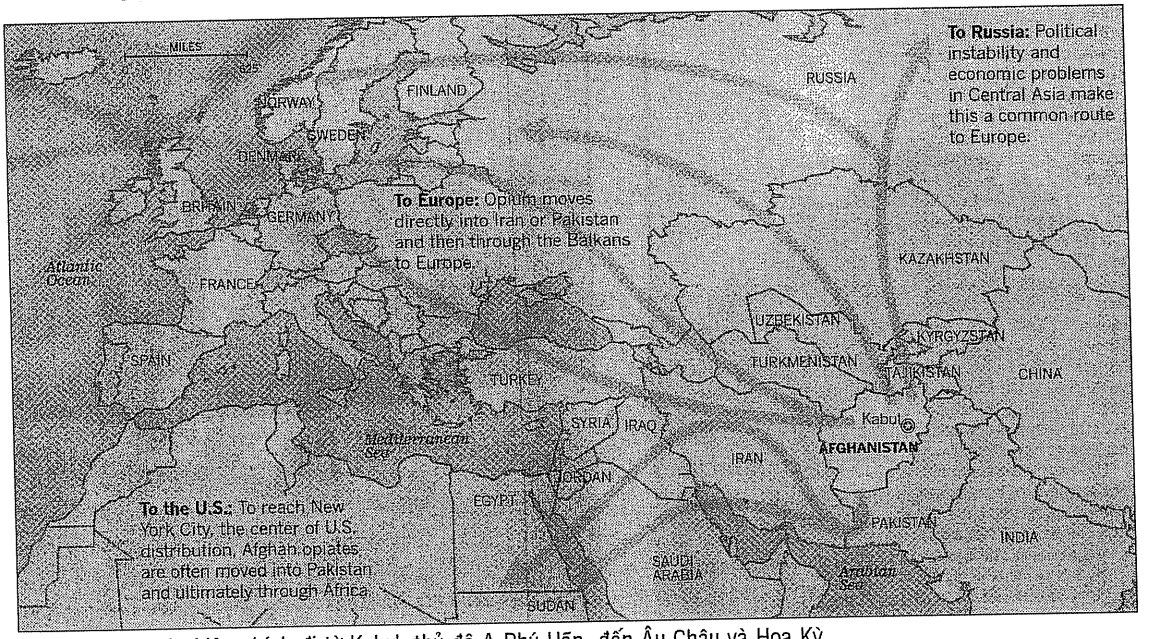

Những lộ trình á phiện chính đi từ Kabul, thủ đô A Phú Hãn, đến Âu Châu và Hoa Kỳ

mạnh rải thuốc phải chờ cho tới khi chính trị đã ổn định.

Các viên chức chính phủ và nhà lập pháp khác cảnh cáo rằng nếu để cho kinh tế Afghanistan lệ thuộc vào độc dược ma túy là điều nguy hiểm khôn lường. Một viên chức nói: "Ủy-hội Điều-tra Biến-cố 11 Tháng Chín ước lượng cần khoảng nửa triệu Mỹ-kim để tổ chức tấn công khủng bố ở Hoa-Kỳ. Thử tưởng tượng khủng bố có thể làm những gì với mười tỉ bạc trong tay."

Những người ủng hộ biện pháp mạnh lo sợ các sứ quân lãnh chúa có thể dùng lợi nhuận độc dược ma túy để ảnh hưởng vào các bầu cử sắp tới, đúng như sách vở và thực tế dân chủ Mỹ. Họ kêu gọi can thiệp tức khắc trước khi vụ mùa á phiện năm tới làm giầu thêm cho các xứ quân lãnh chúa.

LÃNH-CHÚA, XỨ-QUÂN Ở CÁC TỈNH

Thành phố Kunduz , thuộc đông bắc Afghanistan, là một trong những tiền tuyến chống độc dược ma túy mà tổng thống Karzai gọi là thánh chiến. Đây chỉ cách biên giới với Tajikistan khoảng một giờ rưỡi lái xe, và đây cũng là lộ trình mang độc dược ma túy đến các đường phố châu Âu.

Lực lượng an ninh chống ma túy ở đây cho biết nếu họ bắt được dân buôn lậu nào người ấy sẽ được các viên chức tham nhũng hối lộ thả ra ngay. Một số dân buôn khác không ai dám đụng đến vì họ có liên hệ với các ông lớn. Danh sách dân bị tình nghi buôn độc dược ma túy chạy dài đến các tên tuổi lớn trong chính quyền Hamid Karzai. Một trong những tên tuổi lớn là "tướng" Mohammed Daoud, một lãnh chúa trước đây nhưng nay là thứ trưởng bộ Nội-vụ đặc trách chống độc dược ma túy.

Một viên chức trong ủy hội nhân quyền phía đông Afghanistan nói cảnh sát thuộc tỉnh Nangarhar thường ngoảnh mặt làm ngơ dân buôn và các tội phạm có "gốc" lớn dù cảnh sát ngăn chống dân trồng á phiện gắt gao. Lực lượng cảnh sát tỉnh nằm dưới quyền ông Hazrat Ali, một lãnh chúa từng góp quân trợ lực cho lực lượng đặc biệt Mỹ lùng bắt Osama bin Laden ở Tora Tora cuối năm 2001. Cả hai lãnh chúa đều phủ nhận những tố cáo nói trên.

Nhưng không phải chỉ riêng những lãnh chúa xứ quân đồng minh với Mỹ được hưởng lợi từ độc dược ma túy mà thôi. Du kích Taliban cũng có phần chia chác trong kỹ nghệ độc dược ma túy, khoảng ba tỉ Mỹ-kim một năm theo ước lượng của LHQ. Các lãnh chúa xứ quân trước đây xung đột với Taliban nhưng nay thu thuế mãi lộ trên trục Taliban chuyển ma túy qua ngã Ba-Tư (Iran), Hồi (Pakistan) hoặc Tajikistan. Theo lời cảnh sát và các tay buôn Taliban sẵn sàng đóng thuế và các lãnh chúa cũng không bận tâm về chuyện đụng độ va chạm cũ.

Một số dân buôn gộc có cái nhìn mới mẻ: họ đã nắm cả triệu Mỹ kim và nay cách hay hơn là bảo vệ quyền lợi mình bằng chính trị và hô hào cải cách. Theo một viên chức chống độc dược ma túy Tây phương giấu tên, những người này nay đang nắm vai trò lớn trong chính quyền, "Cách tốt nhất là mang họ vào chính quyền để dễ kiểm soát hơn thay vì để họ tại các địa phương xa." Nhưng ông cũng nói rằng không chắc điều này mang lại hiệu quả nào.

LHQ và chính quyền Afghanistan tiên đoán mùa á phiện năm nay sẽ giảm bớt khoảng ba-mươi phần trăm so với mức hơn bốn ngàn tấn năm ngoái, một phần vì nỗ lực ngăn chặn chặt chẽ. Một phần nữa là vì số cung lớn rộng làm giá bán ra và mức lời đi xuống. Nhưng cứ theo luật cung cầu này, nếu vụ mùa năm nay thấp hơn sẽ đẩy giá bán và mức lời cao hơn năm qua; và lợi nhuận cao hơn sẽ lại gia tăng mức trồng tỉa sản xuất và trao đổi buôn bán. Căn cứ trên lý luận này chính quyền và những nước viện trợ cần đưa tới hàng trăm triệu Mỹ kim trợ giúp nông dân Afghanistan trước mùa trồng tỉa mới năm nay để họ không trồng cây á phiện. Tiền viện trợ đã được hứa hẹn, nhưng nhiều nước chưa chịu giữ lời hứa. Và tình trạng an ninh nói chung là trở ngại chính làm chậm công cuộc phát triển kinh tế ở đây. Lo ngại lớn là vụ mùa năm 2006.

Cuối năm 2001 một số toán Lực-lượng Đặc-biệt và Trung-ương Tình-báo Mỹ móc nối hoạt động với nhóm nổi loạn Liên-minh Bắc-bộ (Northern Alliance) bao vây hàng ngàn quân Taliban ở Kunduz. Những hợp tác đánh chiếm Kunduz củng cố liên hệ chặt chẽ giữa các lực lượng Mỹ và "tướng" Daoud, lúc đó nắm quyền tài chánh cho lãnh tụ Liên-minh Ahmed Shah Massoud. Ông Mashoud bị Taliban ám sát hai ngày trước vụ tấn công khủng bố 11 tháng Chín năm 2001. Trước khi khủng bố tấn công và trước khi quân đội Mỹ xâm chiếm Afghanistan bộ Ngoại-giao Mỹ thường nhắc đến chuyện Liên-minh Bắc-bộ dính dáng đến buôn bán á phiện như một lý do Hoa-Kỳ không nên công khai hỗ

trợ các lãnh chúa chống lại Taliban.

Nhưng cảnh sát và dân buôn ở Kunduz đều cho biết "tướng" Daoud còn làm nhiều chuyện ngoài việc dùng tiền từ độc dược ma túy để tài trợ cuộc chiến chống Taliban. "Tướng" này xem chuyện buôn bán lậu là chuyện làm ăn của gia đình ông. Những người trả lời phỏng vấn cho biết Daoud tiếp tục làm giầu bằng độc dược ma túy ngay cả sau khi ông Karzai đưa ông vào chức vụ cao cấp trong chính quyền trung ương tháng Tám năm ngoái. Họ tố cáo Haji Agha, em ruột tướng Daoud, là người điều hành hoạt động buôn bán ma túy cho Daoud, và Daoud chính là người can thiệp cho các tay buôn lậu bị bắt giữ. Nguyên phụ tá của Daoud, hiện là tỉnh trưởng cũng bị than phiền là không chịu hỗ trợ nỗ lực chống buôn lậu tại địa phương và còn làm áp lực với cảnh sát chống ma túy.

"Tướng" Daoud phủ nhận mọi liên hệ với buôn lậu và cho biết là nhiều viên chức chính quyền cao cấp, cảnh sát và chỉ huy địa phương quân có dính dáng đến chuyện này. Ông tuyên bố hai anh em không bao giờ dính đến á phiện hay heroin, và các chỉ huy trưởng Liên-minh không bao giờ buôn lậu ma túy vì lãnh tụ Massoud không tha thứ chuyện này. Viên chức Tây phương cho biết Daoud trước đây có buôn lậu ma túy nhưng nay họ xem ông là người hết lòng chống ma túy!

Một viên chức cao cấp thuộc cơ quan chống ma túy Mỹ DEA (Drug Enforcement Agency) nói: "Ngăn chặn ma túy ở Afghanistan chẳng khác gì xúc cát trên bờ biển với một cái rổ." Tham nhũng dễ cho lọt sổ người bị bắt. Với ngoại viện Afghanistan đang thành lập các tòa án đặc biệt để xử tội buôn bán lậu ma túy, nhưng các quan tòa rất dễ hủ hóa vì đồng lương quá thấp, và dân buôn tin rằng họ không phải lo sợ gì cả. Một "nhà buôn" lớn nói: "Càng hạn chế thì bi-di-nét càng phát mạnh. Giá cả sẽ đi lên, số nhà buôn đi xuống, và lợi tức của tôi càng cao hơn. Nhà buôn chuyên nghiệp sẽ tồn tại. Họ có móc nối tốt. Ai chịu khó làm việc sẽ thắng lợi." Ví dụ cho thấy cảnh sát bắt được tay buôn với hai trăm kí á phiện giấu trong xe vận tải với hàng đống dưa thơm để che mùi á phiện tươi. Khi bị chặn bắt, tay buôn dùng điện thoại di động để kêu cứu. Rồi tay buôn ra giá hối lộ; không xong, tay buôn mang tên "tướng" Haji Mohammed Almas thuộc Liên-minh Bắc-bộ —một "tướng" bị nghi là có liên hệ đến những cướp giựt và ám sát tại thủ đô Kabul— ra dọa. Nhưng trên đường hộ tống tay buôn về nhà giam xe cảnh sát bị xe vận tải với nhiều tay súng theo sát gót. Sau đó cảnh sát bị nhiều cú điện thoại đe dọa. Một tuần sau tay buôn được thả cùng với xe chở á phiện.

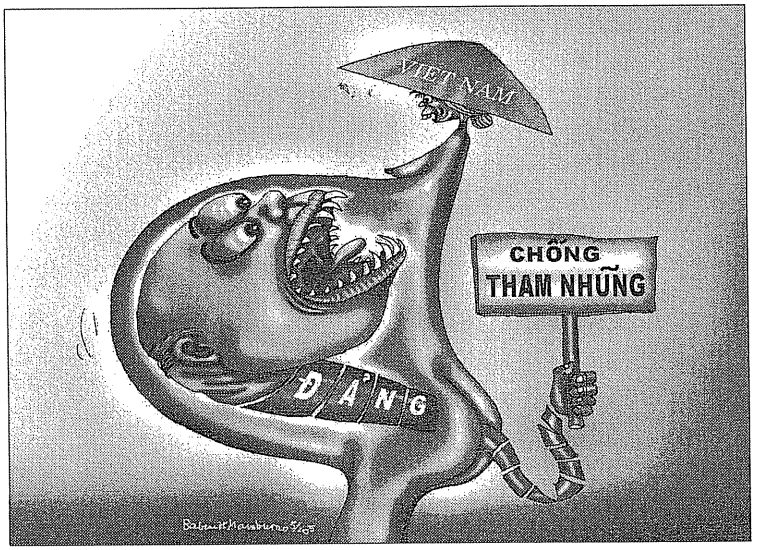

NGĂN-CHẶN VÀ PHÂN-PHỐI

LHQ ước lượng á phiện, moọc-phin và heroin từ Afghanistan ra cung cấp cho nhu cầu mười triệu người, trên tổng số mười-lăm triệu người nghiện ngập thuốc rút từ cây á phiện trên thế giới. Những thuốc độc này cũng giết hại mười ngàn người hàng năm. Châu Âu là thị trường tiêu thụ mầu mỡ nhất thế giới.

Cho đến năm ngoái Afghanistan là nước xuất cảng á phiện nổi tiếng, nhưng không mấy tiếng tăm về heroin. Nhưng với vụ mùa tốt, không khí chính trị thuận tiện và tình trạng hỗn loạn, những phòng bào chế heroin xuất hiện ở hàng trăm các làng rải rác khắp nước. Mỗi phòng bào chế trung bình gồm mười thùng lớn, một máy ép, khăn lọc bằng vải và acetic anhydride, một loại a-xít, là đủ để sản xuất heroin từ các bánh nhựa á phiện. Dân trong nghề nói có đủ á phiện giấu dưới các giếng trong làng cũng như những nơi khác để sản xuất heroin cho cả mười đến mười lăm năm tới

—dù cây á phiện bị diệt hoàn toàn. Ông Schmid nói trên xem đây là ước lượng quá thấp. Sản xuất và bào chế gần như công khai vì đây được xem là chuyện thông thường không cần giấu diếm gì cả.

Đầu năm nay tổng thống Karzai thiết lập lực lượng bán quân sự chống ma túy, Special Narcotics Force, trực tiếp dưới quyền ông và bộ trưởng Nội-vụ. Giới chức nhà nước từ chối không cho biết lực lượng này lớn tới mức nào. Bộ Nội-vụ nói lực lượng thi hành mười-hai chiến dịch trên khắp ba-mươi-bốn tỉnh trong nước năm qua, phá hủy bẩy-mươi phòng bào chế và tám-mươi-tám tấn độc dược—khoảng hai phần trăm tổng sản lượng độc dược sản xuất trong nước.

Độc dược ma túy xuất cảng từ khắp mọi nơi ở Afghanistan đều đi qua cửa ngõ thủ đô Kabul. Từ đây độc dược ma túy được chuyển trực tiếp qua Ba-Tư hoặc Hồi và rồi qua những nước Đông-Âu vùng Balkan đến thị trường tiêu thụ Bắc và Tây Âu. Một đường khác cũng đi qua Hồi, rồi Iraq, Saudi Arabia, qua các nước Bắc Phi khác, vượt Đại-Tây-Dương đến thành phố Nữu-Ước, trung tâm phân phối đến khắp mọi nơi ở Hoa-Kỳ. Đây là lộ trình mới; cách đây mấy thập niên các phòng bào chế á phiện thành heroin thường nằm dưới các tầu ngầm ngoài khơi Đại-Tây-Dương (vì vậy mới có danh xưng "Horse Under Water," chữ "Horse" bắt đầu bằng "h" giống như chữ "heroin" và cũng để chỉ tầm ảnh hưởng nhanh của độc dược khi vào cơ thể —nhanh như "ngựa" chạy; hai chữ "Under Water" chỉ xuất xứ phòng bào chế dưới nước của heroin). Lộ trình thứ ba cũng từ Kabul đi lên phía bắc qua Tajikistan đến Nga. Nhưng trước khi đến Nga một phần không nhỏ đã tạt qua phía tây nhắm hẳn vào thị trường Bắc và Tây Âu.

Thay lời kết: Ba năm trước, sau khi đứa con lớn nhất của ông mất lúc mới lên sáu, nông dân Khan vay mượn người làng xóm được gần năm ngàn Mỹ kim. Ông dự định sẽ trả lại số tiền này với lợi tức từ mùa á phiện tới. Nhưng khi mùa gặt hái á phiện đến cảnh sát xuất hiện và ra lệnh ông Khan cùng dân làng triệt hạ hất cây á phiện. Mỗi người được trả năm Mỹ kim một ngày để triệt nguồn sống độc nhất của họ, và hy vọng trả lại tiền đi vay nợ của ông Khan. Trước đây phái đoàn cố vấn Đức có khuyến khích nông dân Khan trồng hoa hồng rồi gặt bán cho nhà sản xuất nước hoa bên Pháp; nhưng phải chờ ba năm mới biết có thể trồng được hoa hồng ở khí hậu chỉ thích hợp với á phiện thôi, và cũng không rõ giá hoa hồng sẽ được bao nhiêu.

Ông Khan nói: "Tôi không muốn trồng hoa hồng. Tôi sẽ chết trước khi hoa hồng nở." Ông đã sáu-mươi-mốt tuổi và sống ở một xứ với lợi tức đồng niên mỗi đầu người có hai trăm Mỹ kim. Nay ông cố sống qua ngày bằng cách bán củi rong, không đủ để trả món nợ lớn. Và theo tục lệ địa phương chủ nợ sẽ "xiết" con gái lớn của ông để trừ nợ.

Những con số thống kê cho thấy: một mẫu đất trồng lúa mì năm 2003 sản xuất lợi tức 470 Mỹ kim cho chủ; trồng á phiện lợi tức lên đến 12 ngàn bẩy trăm Mỹ kim cho chủ.

"Deep Throat" Bất Ngờ Lộ Diện

Nhân Vật Số 2 FBI Là Nguồn Tin Bí Mật Của Washington Post Trong Vụ Watergate

VŨ THỤY HOÀNG

Deep Throat, nhân vật bí mật hầu như huyền thoại của báo *Washington Post* đã đột nhiên xuất đầu lộ diện, công khai nhận mình là nguồn tin ẩn danh trong loạt bài điều tra phanh phui vụ Watergate khiến Tổng Thống Mỹ Richard Nixon phải từ chức cách đây gần 31 năm.

Deep Throat là nguồn tin ẩn danh nổi tiếng và được giữ kín nhất trong mấy chục năm qua. Lúc đầu chỉ có hai phóng viên nổi bật trong vụ Watergate là Bob Woodward và Carl Bernstein cùng chủ bút Ben Badlee biết tên thật của Deep Throat. Ngay cả những nhân vật cao cấp nhất của Washington Post như Katherine Graham, cố chủ tịch của công ty, và người kế vị đương thời là Donald Graham, đã không được cho biết, và họ cũng không hỏi. Washington Post từng cam kết giữ kín danh tính của Deep Throat cho tới khi người đó qua đời.

Deep Throat lộ diện được coi như màn chót của một cuộn phim trinh thám, trong đó người ít bị nghi ngờ lại là nhân vật then chốt mà mọi người tìm kiếm. Từ vụ Watergate, khi bí mật còn bao kín, một số người thân cận với Nixon như Alexander Haig, Patrick Buchanan, Diane Sawyer và ngay cả H. R. Haldeman, John Dean đã bị nghi là Deep Throat. Nay Deep Throat bất ngờ xuất hiện là một ông già lụ khụ, gày yếu, 91 tuổi, tên là W. Mark Felt, từng đứng hàng thứ hai trong cơ quan Điều Tra Liên Bang Mỹ (FBI) ngay lúc Nixon còn tại chức. Chính Mark Felt cũng đã bị nghi, và một vài nhà báo nêu đích danh ông là Deep Throat, nhưng ông đều phủ nhận.

Deep Throat chường mặt ra khi tạp chí *Vanity Fair* cho phổ biến bài báo với tựa đề "Tôi Là Người Họ Gọi Là Deep Throat." John O'Connor, luật sư của gia đình Felt, đã viết bài báo với sự thỏa thuận của thân chủ. Bài báo ở *Vanity Fair* đã được O' Connor chuẩn bị từ hai năm nay và được tiến hành kín đáo. Khi quyết định chọn

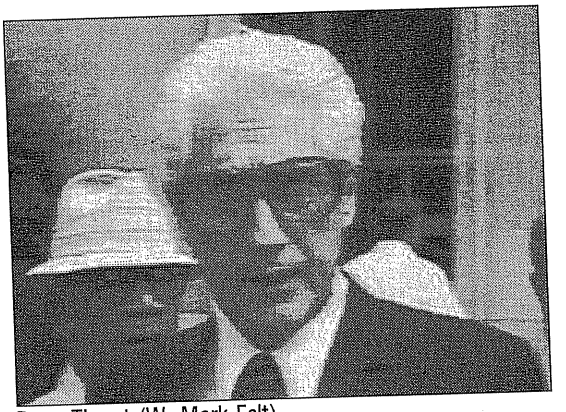

Deep Throat (W. Mark Felt)

đăng, Vanity Fair đã cử 15 chủ biên và nhân viên biên tập tham dự việc soạn bài, đặt bí danh cho bài viết, và khi đưa in đã làm tựa đề giả để che đậy nội dung.

Vanity Fair đã làm *Washington Post* hụt chân, vì Washington Post, Woodward và Berstein đã hứa giữ kín nguồn tin ẩn danh nổi tiếng nhất của mình và tưởng sẽ được độc quyền tiết lộ. Khi được tin *Vanity Fair* bật mí, *Washington Post* quyết định xác nhận nguồn tin Deep Throat là Mark Felt. Tuy làm *Washington Post* chưng hửng, Felt đã đánh tan những nghi ngờ của một số người cho rằng Deep Throat là giả tạo, là nhân vật tổng hợp theo nhiều nguồn tin khác nhau. Rồi Woodward viết bài kể lại trường hợp quen biết Felt và những lần gặp gỡ để hỏi tin. Woodward kể những tình tiết hấp dẫn, ly kỳ của vụ này như những truyện trinh thám, gián điệp.

Felt từng gia nhập FBI từ trước thế chiến thứ hai, và leo dần lên địa vị thứ hai tại cơ quan này. Vào năm 1972 khi người đứng đầu FBI là J. Edgar Hoover qua đời, Felt được cử xử lý thường vụ và nghĩ mình sẽ là người kế vị. Nhưng Nixon lại bổ nhiệm người trong phe đảng là L. Patrick Gary III vào thay thế. Việc này xảy ra sáu tuần lễ trước vụ đột nhập ở Watergate.

Vụ Watergate khởi đầu bằng một màn đột

nhập lén lút vào trụ sở của Ủy Ban Toàn Quốc Đảng Dân Chủ đặt trong tòa nhà Watergate bên cạnh dòng sông Potomac tại thủ đô Washington D.C. vào sáng sớm ngày 17 tháng 6 năm 1972. Báo Washington Post được thông báo về vụ này đã điện thoại đánh thức phóng viên Bob Woodward dậy. Woodward là một phóng viên tay mơ, mới vào làm có chín tháng, được cử đi lấy tin. Khác với những vụ trộm cắp vặt, can phạm thường là những tay ăn mặc xuềnh xoàng, năm người bị bắt trong vụ Watergate quần áo bảnh bao, com lê, cà vạt, tay xách cặp, mang theo máy nghe lén và những dụng cụ chụp hình. Trong túi họ lại có những xấp giấy bạc 100 đô la. Hai người còn có sổ tay, trong có ghi điện thoại của vài nhân vật với chữ tắt ám chỉ tòa Bạch Ốc. Tấm phóng viên của tờ báo liền được cử đi điều tra thêm ngay trong ngày.

Thường các vụ trộm cắp chỉ được đăng trong mục tin địa phương của đô thành. Vụ trộm xảy ra vào lúc đảng Dân Chủ đang sửa soạn đại hội để chuẩn bị cho cuộc tranh cử với tổng thống đương nhiệm Nixon. Thấy hoạt động tranh cử sắp bước vào giai đoạn tột đỉnh, và thấy ký hiệu trong sổ tay điện thoại có vẻ liên hệ đến nhân viên tòa Bạch Ốc, *Washington Post* cho đăng tin ở trang nhất, phía trái, trong số báo ngày chủ nhật 18 tháng 6, 1972 với tựa đề "5 Bị Bắt Trong Vụ Mưu Nghe Lén Trụ Sở Đảng Dân Chủ Ở Đây."

Được hỏi về vụ xâm nhập, tòa Bạch Ốc bảo đó chỉ là vụ trộm vặt, không dính líu gì với Phủ Tổng Thống. Những cuộc điều tra sau đó dần dần cho biết một người trong số bị bắt là cựu nhân viên Cơ Quan Tình Báo Trung Ương (CIA) làm việc cho Phủ Tổng Thống, một người khác là điều hợp viên trong Ủy Ban Vận Động Tái Cử Tổng Thống Nixon, và một chi phiếu 25.000 đô la dành vào quỹ tranh cử của Nixon đã được bỏ vào trương mục ngân hàng ở Mexico City của một bị can.

Bí Mật Bằng Mọi Giá

Woodward nhờ có nguồn tin "người bạn" nên được đặc phái vào vụ Watergate cùng với Carl Bernstein. Hai năm trước khi còn là đại úy Hải Quân, Woodward trong khi ngồi chờ ở tòa Bạch Ốc để giao tài liệu của Tư Lệnh Hải Quân đã tình cờ gặp và làm quen Mark Felt của FBI. Woodward năm đó 27, còn Felt lớn hơn khoảng ba chục tuổi, nên mối liên lạc giữa hai người sau đấy có vẻ như "cha con," theo Woodward kể lại trên báo Washington Post.

Lúc làm phóng viên, Woodward mỗi khi cần thường gọi hỏi Felt. Thấy Woodward nhiều lần gọi điện thoại hoặc tới gặp Felt ở nhà để hỏi tin tức về vụ Watergate là điều nguy hiểm, Felt bảo đừng nói chuyện bằng điện thoại, mà chỉ khi có gì quan trọng mới gặp nhau ở chỗ nào mà không bị dòm ngó. Felt dặn Woodward phải giữ bí mật bằng mọi giá, đừng đề cập gì tới ông, không nói năng hớ hênh, và đừng cho ai biết có nguồn tin bí mật.

Hai bên thỏa thuận cách thức gặp nhau khi cần. Woodward ngụ tại căn phòng trong một chung cư, phía trước lan can có sẵn chậu hoa với miếng vải đỏ cột vào. Nếu muốn gặp, Woodward mang chậu hoa lùi vào phía trong, và tối hôm đó vào lúc hai giờ sáng hai bên gặp nhau ở hầm dưới cùng chỗ đậu xe của khách sạn ngay đầu cầu Key thuộc Rosslyn, Virginia. Woodward được dặn đi hẻm phía sau lúc ra khỏi nhà, không được lái xe, mà lấy taxi đến gần một khách sạn khác, xuống xe đi bộ mấy đoạn đường, đến một bãi đậu xe cho taxi, lấy taxi khác đi tới gần điểm hẹn thì xuống xe, đi bộ thêm mấy khúc đường nữa. Để ý xem có ai đi theo không. Nếu bị theo, đừng tới chỗ hẹn, và cuộc gặp gỡ bị hủy bỏ. Để tới chỗ hẹn, nên dành khoảng thì gian một tới hai tiếng đồng hồ, trong khi từ nhà của Woodward ở Dupont Circle tới Rosslyn thường không đến nửa giờ.

Còn Felt khi muốn gặp sẽ thông báo cho Woodward biết ở phía dưới trang 20 của báo *New York Times* mà Woodward đặt mua và được giao mỗi ngày tại khu nhà ở. Dấu hiệu thông báo là vòng tròn như mặt đồng hồ có vẽ hai vạch chỉ giờ hẹn. Hai bên gặp nhau vào giờ cùng ngày hôm đó.

Cho tới nay Woodward vẫn chưa hiểu Felt làm cách nào để quan sát mỗi ngày là chậu hoa có di chuyển hay không, hoặc làm cách nào để đánh dấu vào báo New York Times của mình.

Trong những lần gặp, Felt không cho tin tức mà chỉ xác nhận đúng hay sai những tin tức Woodward thu thập được ở những chỗ khác. Woodward cũng như các phóng viên của *Washington Post* phải thu lượm tin tức về vụ Watergate từ nhiều nguồn tin biệt lập. Những cuộc gặp gỡ đó được coi là để biết "bề sâu hậu cảnh" theo danh từ "deep background" trong giới làm báo. Do đấy tổng thư ký tòa soạn Howard Simons của *Washington Post* mới gọi đùa vụ gặp gỡ là Deep Throat, dựa theo tên của một cuốn phim khiêu dâm đang nổi tiếng hồi đó.

Washington Post tiếp tục đẩy mạnh cuộc điều tra vụ Watergate vì có sẵn nhân viên hùng hậu ngay tại thủ đô, trong lúc các báo lớn khác không hăm hở mấy ở giai đoạn đầu của Watergate vì không có nhiều phóng viên tại chỗ, hoặc vì thấy tin tức vụ đột nhập còn mù mờ chưa thành tin lớn ở tầm mức quốc gia.

Những bài báo liên hệ tới Watergate của *Washington Post* đã bị tòa Bạch Ốc cho rằng chỉ có tính cách "nghe nói," chứ không có sự kiện; rằng *Washington Post* có ý xấu khi làm người đọc cảm tưởng có mối liên hệ trực tiếp giữa vụ Watergate với Phủ Tổng Thống; rằng tờ báo làm việc bôi nhọ và có ý thù ghét Nixon. Giới chức điều hành báo *Washington Post* nhiều lúc đã đắn đo, phân vân khi nghĩ những bài điều tra nếu không đúng sẽ làm uy tín tờ báo xuống dốc. Họ liền chỉ thị cho bộ biên tập là tin ẩn danh phải được hỗ trợ ít nhất bằng một nguồn tin độc lập khác, tin đăng ở báo khác không được đăng lại trên *Washington Post* nếu không được kiểm chứng độc lập, và mỗi chữ trong bài phải được ít là một trong ba chủ biên cao cấp đọc trước khi in.

Đến tháng 10, 1972 báo *Washington Post* loan tin "Vụ xâm nhập tòa nhà Watergate khởi đầu do chiến dịch do thám và phá hoại có tính cách chính trị... được điều khiển do nhân viên tòa Bạch Ốc và Ủy Ban Tái Cử Tổng Thống Nixon." Tháng sau đó, Nixon đè bẹp đối thủ George McGovern của đảng Dân Chủ với đa số lớn lao 520 trong số 538 phiếu của cử tri đoàn.

Cuộc điều tra Watergate kéo dài hơn hai năm, phanh phui thêm nhiều việc làm của chính quyền Nixon có tính cách do thám, theo dõi, xâm nhập tư gia và văn phòng đối phương. Khi những vụ này bị lộ, Nixon đã tìm cách che đậy và ngăn cản công việc điều tra của cơ quan công quyền. Cuối cùng quốc hội mở cuộc điều tra và tòa án buộc Nixon phải giao nộp những cuộn băng ghi âm tại tòa Bạch Ốc. Tình trạng trở nên nguy kịch. Nixon bị cáo là ngáng trở công lý, che dấu những bằng chứng cụ thể, cưỡng bức nhân chứng, lạm dụng các cơ quan CIA và sở thuế IRS. Để tránh bị luận tội và truất chức, Tổng Thống Nixon đã từ chức vào tháng 8, 1974. Hơn ba chục nhân viên thân cận Nixon có dính líu vào vụ Watergate đã nhận tội hoặc bị kết án.

Deep Throat, tuy không cho tin, đã giúp đắc lực trong việc hướng dẫn và cho biết cuộc điều tra đi đúng hướng hay lạc hướng. Chẳng hạn Deep Throat bảo Woodward cần đi mạnh hơn để biết ai coi quỹ mật tài trợ vụ xâm nhập. Dần đà trong những lần khác, Felt cho biết việc đò thám và phá hoại có tính cách quy mô nhằm gây hại cho đối phương, chánh văn phòng H. R. Haldeman của Nixon trông coi quỹ mật tài trợ vụ xâm nhập, và Ủy Ban Tái Cử Nixon âm mưu vụ đó.

Felt có công giúp vào việc điều tra vụ Watergate, nhưng chính Felt mấy năm sau đã bị kết tội vì cho phép nhân viên đột nhập nhà một số đoàn viên của nhóm thiên tả Weather Underground. Felt sau được Tổng Thống Ronald Reagan xá tội.

Sau vụ Watergate, *Washington Post* vọt lên hàng đầu trong vài tờ báo có ảnh hưởng nhất tại Mỹ. Trong phòng họp ở lầu 5 của bộ biên tập, nơi các chủ biên hàng ngày gặp nhau để quyết định chọn tin nào ra trang nhất, trên tường có treo làm kỷ niệm một bản kẽm dùng để in hôm báo loan tin với tựa đề thật lớn NIXON RESIGNS (Nixon Từ Chức.) Gần cạnh đấy là một tấm ảnh đóng khung chụp bức hí họa có hình Tổng Thống Gerald Ford với câu nói ở cửa miệng "Tôi Có Việc Nhờ Washington Post."

Dù lộ diện, Deep Throat còn giữ vài bí mật chưa được ra ánh sáng. Động cơ nào thúc đẩy Felt trong vụ Watergate? Vì không được lên chức ở FBI? Vì muốn ngăn cản những lạm quyền của Nixon? Hay vì muốn bảo vệ dân chủ? Deep Throat là anh hùng hay là tay bội phản? Những bí ẩn này hứa hẹn tái ngộ Deep Throat trong những cuốn sách hoặc phim ảnh mới. Gia đình Mark Felt cho biết việc công khai nhận Felt là Deep Throat nhằm giúp gia đình trang trải những món tiền phải trả. O'Connor đã đề nghị viết sách về Deep Throat. Một số nhà xuất bản đang xúc tiến với những cây viết trong cuộc để có sách in sớm. Woodward chắc sẽ viết sách về Deep Throat để thêm vào số 12 cuốn mà ông đã viết và được liệt vào hàng bán chạy nhất. Các nhà làm phim và các đài truyền hình cũng nghĩ tới việc đưa Deep Throat lên màn ảnh.

Tháng 6, 2005

Người viết là tác giả các sách ***Sài Gòn Tuyết Trắng****: Việt Nam Tháng 4, 1975,* ***Quê Hương Thương Ghét****: Nỗi Lòng Người Việt Hải Ngoại, và* ***Múa Bút****: Thuật Viết Văn, Viết Báo, Hồi Ký để Viết Dễ, Viết Nhanh, Viết Hay. Ông có 49 năm viết văn, viết báo, trong đó có 33 năm với Washington Post. Ông đã về hưu từ năm 2000 và hiện ngụ tại Virginia.*

NGÔ NHÂN DỤNG

COI CHỪNG MẤT CẢ ĐỜI TƯ!

Tháng trước có hai phụ nữ người Việt bị giết ở khu Little Saigon, hung thủ ra tay rất tàn nhẫn còn để dấu tích trên thi thể người mẹ và cô con gái. Chỉ trong vòng mấy tuần, cảnh sát bắt giữ được mấy nghi can. Vì người ta thấy thẻ tín dụng và bằng lái xe của cô con gái đã được dùng để mua vé máy bay đi từ miền Đông nước Mỹ sang Los Angeles. Mấy người dùng giấy tờ của cô Anita Võ vừa xuống phi trường, thì bị bắt giữ. Sau đó cảnh sát theo dõi một người đàn ông ở tiểu bang North Carolina, chờ tới lúc anh ta ra bờ biển, thay đồ, bắt đầu tắm nắng thì ập lại bắt.

Chiếc thẻ tín dụng là đầu mối dẫn cuộc điều tra đến một khúc ngoặt. Chắc cảnh sát đã biết trong số các món bị mất trong vụ này có cái thẻ tín dụng và bằng lái xe của một nạn nhân, cho nên đã báo động khắp nơi. Một điều khó hiểu là: Tại sao nghi can dùng thẻ mạo danh, một phụ nữ mới ngoài 40 tuổi, mà lại không biết rằng bây giờ cảnh sát có khả năng theo dõi cái thẻ tín dụng đó rất dễ dàng, dễ hơn công an lái xe gắn máy theo dõi người ta nữa. Máy vi tính khắp thế giới có thể nối với nhau; khi dùng một cái thẻ có số khả nghi và bị theo dõi, đèn sẽ bật lên nhấp nháy. Dùng thẻ tín dụng hay bằng lái xe của một người đã được ghi tên trong hồ sơ điều tra của cảnh sát thì người ta sẽ biết ngay mình đang ở đâu, đang làm gì. Đi ăn trộm ngày nay cũng không thể hoàn toàn "mù chữ" về tin học.

Một người ở California mất thẻ rút tiền tự động; trước khi biết để báo ngân hàng thì kẻ gian đã dùng số thẻ đó tìm được những chi tiết khác về trương mục, về các dữ liệu đời tư của nạn nhân. Từ đó, họ chuyển tiền của nạn nhân sang một số trương mục khác, rồi rút hết tiền ngay trong một thời gian ngắn. Họ có thể tìm ra các dữ liệu khác về nạn nhân, đi xin thẻ tín dụng khác, và tiêu xài thả cửa!

Công ty Tài chánh cho Người Tiêu thụ của Citigroup đã thông báo cho 3.9 triệu thân chủ ở Mỹ báo động là hồ sơ cá nhân của những người này đã bị đánh mất. Mất, không biết đang ở đâu, không biết có ai khác đang cầm hay không. Thử tưởng tượng nếu có một kẻ gian nào sử dụng những dữ liệu trong gần 4 triệu hồ sơ đó. Công ty Tài chánh này là một chi nhánh chuyên về người tiêu thụ trong Citigroup, còn các ngành phụ trách cho vay mua xe hay mua nhà không bị ảnh hưởng. Cuốn băng chứa các dữ liệu trên được giao cho công ty bảo tiêu UPS chuyển từ New Jersey xuống Texas, ngày 2 tháng 5. Đến ngày 24 tháng 5 thì Citigroup mới chính thức xác nhận nó biến đâu mất rồi. Có thể cuốn băng đã bị bỏ vào thùng rác, hay còn đang nằm trong cái thùng nào đó, chẳng ai biết đến cả.

Đây không phải là một vụ mất dữ liệu cá nhân duy nhất. Ngân hàng Bank of America cũng mất hồ sơ lưu trữ của 1.2 triệu nhân viên chính phủ liên bang, bị mất trong lúc gửi qua đường máy bay. Tháng Năm, công ty Time Warner cũng làm mất hồ sơ cá nhân 600,000 nhân viên của họ, trong khi chuyên chở tài liệu tới nơi để cất giữ.

Mất các dữ liệu cá nhân là một điều ai cũng phải lo ngại. Ngoài chuyện tiền bạc ra, còn bao nhiêu dữ liệu khác tiết lộ đời tư mỗi người đang được chứa trong các hệ thống máy vi tính, có thể liên hệ với nhau. Kẻ gian có khả năng sẽ vào đó tìm ra đủ thứ: điểm thi cuối năm của cô, cậu sinh viên; số đo quần áo của quý bà; ông đi khám bệnh ngày nào, bác sĩ chẩn đoán ra sao, vô nhà thương cưa, cắt những chỗ nào; tất cả đều được mã hóa, nằm trong những "kho dự trữ," gọi là ngân hàng dữ liệu. Tuy hồ sơ về đời tư của chúng ta được bảo vệ theo lối tân tiến nhất, nhưng những cái "đĩa cứng" để chứa đựng hồ sơ bằng mã số thì vẫn dùng tay người chuyển đi qua xe cộ, máy bay vận tải, có thể lạc mất trên đường đi. Năm ngoái, hồ sơ của 120,000 thân chủ của Citigroup ở Nhật Bản đã bị rớt ra đường vì cánh cửa sau xe bị bật ra. Chuyện xảy ra làm cả nước Nhật náo động. Trong tất cả mấy vụ mất dữ liệu cá nhân trên, may mắn chưa thấy có ai lợi dụng các hồ sơ cá nhân để gây thiệt hại cho các thân chủ ngân hàng nào cả.

Luật lệ tiểu bang California bắt buộc các ngân

hàng phải thông báo cho công chúng biết mỗi khi có những biến cố khiến hồ sơ cá nhân của họ mất an toàn; thí dụ nếu số an sinh xã hội có thể bị tiết lộ. Kính trọng và bảo vệ các dữ liệu cá nhân của thân chủ là biểu hiệu lòng kính trọng và bảo vệ quyền lợi thân chủ như những cá nhân, từng người một. Không một tổ chức kinh doanh nào dám vi phạm quy tắc đó, nếu hoạt động trong thị trường tự do cạnh tranh. Cạnh tranh trong thị trường tự do là một bảo đảm cho quyền lợi người tiêu thụ.

Tự do là tự do của từng người

Các chính quyền một nước cũng vậy. Người cầm quyền ở các nước tự do cũng phải nhìn dân chúng (bị trị) như các thân chủ của họ. Vì họ cũng phải cạnh tranh với nhau, với các đảng phái khác, trong các cuộc bầu cử định kỳ. Mất tín nhiệm là bị dân gạt bỏ, mất cả quyền hành.

Ở Mỹ, nếu cảnh sát muốn được phép vào tìm trong nhà bạn, trong các máy vi tính dùng chung hay máy riêng như vậy, phải có lệnh của tòa án. Cảnh sát không thể cứ khám đại, muốn khám nhà ai thì khám như công an khu vực. Vì trong xã hội Mỹ, ý niệm bảo vệ đời sống riêng tư của mỗi con người trở thành thiêng liêng, vì ở quốc gia này người ta tôn trọng các cá nhân. Trong thời đại thông tin mới, nước Mỹ và các nước tiên tiến đang suy nghĩ làm cách nào bảo vệ đời tư của mọi công dân, khi mà tin tức về mỗi người được chứa chất ở hàng trăm, hàng ngàn chỗ khác nhau. Mỗi người có thể vô tình bị phơi bầy cả đời tư ra trước công chúng. Bổn phận của quốc gia là bảo vệ các dữ liệu cá nhân, đó cũng là một hình thức bảo vệ an toàn cho các công dân. Tại sao người ta lo cho từng công dân như vậy?

Chế độ dân chủ dựa trên quyền tự do, mà nói quyền tự do tức là nói đến từng người một, chứ không phải là nói chung chung. Ông Lê Đăng Doanh khi thuyết trình năm ngoái ở Hà Nội cũng nói một câu đáng ghi nhớ: Tự do là tự do của từng cá nhân một; nếu cá nhân không được tự do thì tập thể cũng không có tự do.

Gần đây nhiều lãnh tụ cộng sản ở nước ta lại lên tiếng đả kích "chủ nghĩa cá nhân;" cho rằng đó là nguyên nhân chính gây ra nạn tham nhũng ngày càng trầm trọng ở nước ta. Nhưng đó là một luận điệu sai lầm.

Thứ nhất là tính chất gian ác của bọn người tham nhũng là tính ích kỷ, hay vị kỷ, vị lợi chứ không do một chủ nghĩa nào cả. Thứ hai, những người ham lợi thì dù họ có tôn giáo hay tự xưng mình theo một chủ nghĩa đề cao tập thể nhất, họ vẫn tham nhũng như thường. Đại đa số những người tham nhũng nhất ở Việt Nam đều từng theo chủ nghĩa cộng sản cả. Nhưng không thể bảo vì họ theo chủ nghĩa Cộng Sản nên thấm nhuần tư tưởng tham nhũng – vì chủ nghĩa cộng sản không dậy ai đi ăn cắp. Tất cả những guồng máy cai rị độc tài chuyên chế thế nào cũng sinh ra tham nhũng, dù mang danh bất cứ chủ nghĩa nào.

Trong vụ một phó bí thư đảng ủy Công ty Gốm Xây dựng Hạ Long tiêu phí 847 triệu đồng Việt Nam để ăn mừng xí nghiệp được huân chương, họ vẫn bảo vệ mấy cá nhân rất kỹ, khi đó là những đảng viên cao cấp! Công ty mở tiệc ăn mừng, khách khứa đến đều dự được phong bì (*thanh tra, thanh mẹ, thanh dì – hễ có phong bì thời lại thank you!*) Bộ trưởng được 10 triệu, thứ trưởng 5 triệu, chủ tịch hội đồng quản trị hay tổng giám đốc 5 triệu. Đến hàng cán bộ ban thi đua khen thưởng trung ương, những người bình nghị cho huân chương, mỗi trự cũng 2 triệu. Đến khi nội vụ được hỏi đến, người ta hỏi các quan chức lớn mỗi người nhận được bao thư là bao nhiêu, ông giám đốc công ty bèn từ chối không tiết lộ. Để bảo vệ dữ liệu cá nhân! Ông nói: "Cái này anh thông cảm. Nói ra chuyện các ông (lớn) thì còn ra làm sao nữa!" Bảo vệ đời tư của cá nhân như vậy, vì đó là cá nhân các quan lớn!

Những biện pháp bảo vệ đời tư, bảo vệ các dữ liệu tư, là dấu hiệu của các xã hội tự do. Khi tất cả các cá nhân đều được bảo vệ như nhau. Ở các nước độc tài thì khác, chính quyền tự cho họ quyền mở thư của mọi người ra đọc, nghe lén điện thoại của bất cứ ai; giống như mọi người đều sống trong nhà tù. Mà quả thật, tất cả mọi người dân đều là tù nhân của một nhóm độc quyền chính trị! Trong nhà tù, không còn các cá nhân nữa.

ÔNG PHAN VĂN KHẢI THĂM BẮC MỸ

Nhiều người coi việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới là mục đích của chuyến Mỹ du này. Nhưng chính phủ Mỹ vẫn có ý định khuyến khích Việt Nam vào trong WTO, điều này ông đại sứ Mỹ ở Hà Nội mới nói rõ với người Việt ở vùng Washington. Nước Mỹ lúc nào cũng có lợi khi mở rộng giao thương với các nước khác, bất kể hệ thống chính trị. Và việc mua bán diễn ra trong vòng kỷ luật của một tổ chức quốc tế thì bao giờ cũng tốt hơn, theo quan niệm cái gì cũng phải có "luật chơi" minh bạch. Chính phủ Mỹ có

tích cực giúp Việt Nam nhiều hơn, vào WTO sớm hơn hay không, là chuyện các viên chức phải thương lượng, mặc cả lâu ngày chứ không phải chỉ chờ một cuộc gặp gỡ giữa ông Khải và ông Bush. Cho nên người ta không thấy lạ khi Tổng thống George W. Bush công khai tỏ ý ủng hộ việc Việt Nam gia nhập WTO. Cuộc thương thuyết để Mỹ biến hiệp định thương mại song phương thành vĩnh viễn bị ngưng lại trước khi ông Khải tới, hẹn tháng Bẩy mới họp lại. Như vậy là còn phải đàm phán nhiều hơn nữa.

Chuyến đi của ông Phan Văn Khải ở Mỹ và Canada chỉ bị một đám mây đen che phủ là những cuộc biểu tình của người Việt Nam tại những nơi ông tới.

Ông không nên hiểu lầm là những người này chỉ "đả phá, chống đối" mà thôi. Thực ra họ muốn ông lắng nghe các ý kiến, đều là ý kiến xây dựng cả. Tự do, dân chủ, toàn là những mục tiêu xây dựng. Vì không có tự do, dân chủ thì không có cách nào trừ được nạn tham nhũng. Hiện giờ các ông lãnh tụ cũ, lãnh tụ mới ở Việt Nam đua nhau than về nạn tham nhũng; than vãn hàng chục năm rồi và chắc còn than thở thêm mười năm nữa. Còn bị nạn tham nhũng hoành hành thì kinh tế không phát triển được. Đòi cho người Việt Nam được sống tự do hơn, là để xây dựng đất nước giầu mạnh hơn. Nếu ông Phan Văn Khải nhìn vấn đề được dưới con mắt như vậy thì chắc ông sẽ không thấy mây đen che phủ mà chỉ thấy hy vọng! Bao giờ còn những người Việt ở khắp thế giới quan tâm muốn giúp nước tiến lên bằng cách đấu tranh xây dựng một chế độ dân chủ, tự do, thì còn nhiều hy vọng cho tương lai.

Ông Phan Văn Khải sang Mỹ là để gặp chính quyền nước Mỹ, không cốt gặp gỡ hay nghe ngóng những người Việt sống ở đây. Thực ra, ông không cần quan tâm đến những người chống đối ở nước ngoài mà hãy lo lắng về đời sống của người Việt Nam ở trong nước hơn. Đảng Cộng Sản Việt Nam và chính các ông được lịch sử đánh giá ra sao, là do những gì đang làm cho người Việt Nam ở trong nước chứ không phải là chuyện được hoan hô hay bị đả đảo ở nước ngoài.

Người dân bình thường sống thế nào

Điều quan trọng nhất mà ông Khải nên quan tâm là đời sống của người dân bình thường, những người dân ở thôn quê hiện nay, họ đang sống thế nào. Ông Phan Văn Khải có đọc những bản tin nho nhỏ trong báo chí Việt Nam để biết đồng bào mình sống ra sao hay không? Hãy thử đọc một tin nhỏ, để thấy rằng những gì xẩy ra ở các thôn xóm Việt Nam mới quan trọng. Thí dụ có những bản tin như thế này:

QUẢNG BÌNH 03-06 - Một bé gái ở Thị tứ Khê Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã bị đuổi khỏi làng vì nhiễm HIV. Mọi chuyện bắt đầu từ khi bố của bé qua đời sau một thời gian dài bị bệnh "lạ". Dân trong vùng đã nghi ngờ về cái chết "bí ẩn" này.

Người Bố chết khi đứa con đầu lòng, bé Lê Thị Nhã vừa mới sinh mấy tháng. Một thời gian sau, mẹ của bé sức khỏe suy giảm nặng. Chị không mảy may nghi ngờ chồng mình mắc phải căn bệnh AIDS, cứ chạy chữa thuốc thang lối thông thường. Xác của chị được đưa về làng ngày 14 tháng 5 năm 2005. Mọi người đều cùng chung tay vào lo cho đám tang của chị được mồ yên mả đẹp.

Nhưng rồi, người ta nghe rằng chị mang bệnh AIDS, những người tham gia khâm liệm, đón đưa quan tài chị bây giờ lo sợ. Giờ bé Nhã đang sống với bà ngoại. Bà Phạm Thị Liệu nghẹn ngào: 'Họ đã đến đây, họ nói với tôi phải đưa con bé đi, không thì cả xóm này bị ô nhiễm. Họ còn bảo, nay mai đây rồi con bé cũng sẽ chết, lúc đó ngôi nhà này chẳng một ai đặt chân vào nữa ...' Bà Liệu có hai người con, một đang lao động ở Hàn Quốc và người thứ hai là mẹ của bé Nhã."

Chắc ông Phan Văn Khải biết cái gì gây ra bệnh Si đa ở Việt Nam. Phần lớn là do ma túy. Khi ma túy và bệnh Sida đã về tới những làng quê ở Quảng Bình như vậy, thì còn chừa nơi nào không tới? Ai để cho nạn ma túy tràn lan như vậy? Tại sao các ông đã bắt những người như nhà thơ Bùi Minh Quốc, Bác sĩ Phạm Hồng Sơn bắt thì nhanh thế; mà các ông không bắt được bọn buôn ma túy? Chỉ có một lý do là chế độ của các ông dung dưỡng bọn buôn ma túy, để "bảo vệ đoàn kết" trong đảng! Tình đoàn kết trong đảng quan trọng hơn là việc phát triển đất nước và quyền tự do, hạnh phúc của người dân. Ma túy đang tràn ngập khắp nước, không đâu ghê rợn bằng Quảng Ninh và Hải Phòng.

Không biết ông Phan Văn Khải có đọc bản tin sau đây hay không, tin được hai tờ báo trong nước đăng.

Ở Hải Phòng, có một cây cầu mới xây trên đường đi Quảng Ninh, gọi là Cầu Bính, được ca tụng là một cây cầu đẹp nhất Đông Nam Á. Do chính phủ Nhật Bản tài trợ. Mới khánh thành ngày

13 tháng Năm vừa qua. Trong những ngày 18 và 19 tháng Năm, hàng trăm dân chúng hai xã Tân Dương và Hoa Động công khai dùng cưa, đục, đi ăn cắp những vật liệu như sắt thép, giàn giáo, dụng cụ dùng trong công trường xây cầu. Trước khi hoàn thành, đã có nhiều vụ mất cắp vật liệu. Sau khi khánh thành, người ta đến vặn cả những cái 'ê-cu" bằng thép ra để lấy đồ đem về. Chuyện xẩy ra giữa ban ngày, cho thấy người ta không coi chuyện ăn cắp là đáng xấu hổ!

Ngày xưa có một xã ở Thanh Hóa họp hội đồng nhân dân biểu quyết đi tháo gỡ đường xe lửa xuyên Việt về cho xã dùng, nghe như trong truyện cổ tích Phi châu. Đã tưởng tình trạng đạo lý và tinh thần công dân xuống đến như thế là xuống đáy rồi. Không ngờ ngày nay vẫn còn thấp như thế.

Dân tộc Việt Nam có truyền thống ăn cắp từ bao giờ? Nếu tổ tiên chúng ta không có tập tục đó thì cái gì đã tạo ra cái thói ăn cắp tập thể như vậy?

Hai câu chuyện đọc ở báo trong nước đủ để cho mọi người suy ngẫm về những "tiến bộ" mà đảng Cộng Sản Việt Nam đã đạt được kể từ khi bỏ kinh tế cộng sản để theo lối thị trường. Đúng như ông Lê Đăng Doanh nói, kinh tế thị trường cộng với tình trạng độc tài và bất chấp luật pháp tạo nên những hậu quả tai hại khôn lường. Nhưng cái thói tập thể ăn cắp thì đã có từ thời chưa đổi mới!

Nếu ông Phan Văn Khải chưa bao giờ đọc những bản tin trên thì ông nên nổi giận. Tại sao ông đi theo đảng từ 60 năm nay chỉ để tạo ra một nước Việt Nam như vậy?

Làm sao để được kính trọng?

Cuộc hành trình của ông Phan Văn Khải được sắp xếp cho thấy ông tới Mỹ, ngoài tính cách tượng trưng kỷ niệm 10 năm giao thiệp bình thường, chủ yếu là vì chuyện cải tổ kinh tế (thăm thị trường chứng khoán New York), và nhấn mạnh đến giáo dục cao cấp (thăm Boston, có hai trường đại học Havard và MIT). Ông đã gây ra được đúng các ấn tượng đó. Nhưng ông Phan Văn Khải cũng có lúc vô tình làm cho người Mỹ thấy rằng làm ăn với chính phủ ông rất khó, và chính ông cần học hỏi nhiều điều. Đó là những ấn tượng gây ra do cuộc họp báo bỏ nửa chừng của ông Khải khi mới đặt chân tới nước Mỹ. Điều ông cần học hỏi là cách cư xử khi gặp nghịch cảnh, và đặc biệt là cần biết kính trọng những người dân bình thường.

Hành động ngưng cuộc họp báo sau khi bị la lối chứng tỏ ông Phan Văn Khải là người nóng. Nhưng cũng cho thấy là ông không có thói quen đối đầu với những người dân bình thường bất đồng ý kiến với mình. Năm ngoái chúng ta đã chứng kiến hai ứng cử viên tổng thống Mỹ đi tới nhiều nơi bị người ta đả đảo. Ông Bush cũng như ông Kerry tỉnh bơ, cứ thế tiếp tục nói chuyện với những người ủng hộ họ. Những lãnh tụ cộng sản không có thói quen đó, mà không phải là lỗi cá nhân họ. Họ được đào tạo trong môi trường như vậy. Nghe ai lớn tiếng phản đối mình là họ không chịu nổi, vì xưa nay họ đi tới đâu cũng chỉ nghe hoan hô thôi.

Có người mới viết khen ngợi bà Angela Merkel, một nhà chính trị đang lên ở Cộng hòa Liên bang Đức. Bà có thể lên tới chức thủ tướng Đức nếu đảng Dân Chủ Thiên Chúa giáo (CDU) đánh bại đảng Dân Chủ Xã Hội của Thủ tướng Gerhard Schroder trong cuộc bầu cử tháng Chín này. Nếu đắc cử, bà sẽ là vị thủ tướng Đức trẻ nhất từ sau đại chiến, và vị nữ thủ tướng đầu tiên.

Bà Merkel 51 tuổi, rất đáng chú ý: Bà lớn lên ở Đông Đức cho tới năm 36 tuổi nhưng lại được một đảng đã cầm quyền lâu nhất ở Tây Đức chọn làm lãnh tụ (xưa nay họ chỉ chọn đàn ông vào địa vị đó thôi). Bà lại có nhiều đức tính cần thiết của một người có thể chơi trò chính trị trong một hệ thống dân chủ, bầu cử tự do, là tính lì. Một chứng cớ mà ông Andre Minuth kể trên Nhật báo Wall Street cho thấy bà Merkel biết cách đối phó với 'những trò ba hoa ngốc nghếch' (lời ông Minuth) là: Trong thời gian theo học để lấy bằng tiến sĩ vật lý, bà bắt buộc phải theo những lớp giáo lý cộng sản. Năm đầu học chủ nghĩa Mác Lê nin; năm thứ hai học triết học và kinh tế học xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; năm sau cùng học Chủ nghĩa Cộng Sản Khoa học – cái tên nghe đã thấy nghịch lý, ông Minuth phải yêu cầu độc giả "đừng cười." Phải học các môn đó suốt ba năm mà không cười cũng không mếu! Con người đởm lược như vậy thì còn sợ gì những chướng ngại trong một mùa tranh cử, trong đó ai cũng có quyền chỉ trích, xỉ vả mình?

Ông Phan Văn Khải cũng từng du học ở Liên bang Xô Viết (hồi chế độ xô viết còn tại thế) và chắc cũng phải học qua các môn giáo lý trên. Nhưng coi bộ ông thua bà Merkel. Vì hôm họp báo ở Seattle, tiểu bang Washington, mới nghe mấy câu hô đả đảo mà ông đã nổi nóng. Trước bao ống kính truyền hình của báo chí Việt, Mỹ

và thế giới, ông thủ tướng không giữ được bình tĩnh, mở miệng đòi đuổi một người ra khỏi phòng họp, "Đuổi nó ra ngoài!" Rồi ông phủi áo đứng dậy, dỗi luôn, không thèm nói chuyện với ai nữa! Nhiều người ngạc nhiên sao có một nhà chính trị làm đến chức thủ tướng mà còn nóng nẩy như thế. Ở một quốc gia có tự do dân chủ, người ta không kính trọng những chính trị gia như thế.

Điểm khác biệt khiến ông Khải thua bà Merkel là kinh nghiệm chính trường. Bà Angela Merkel đã từng đi vận động dân Đông Đức đòi đổi mới, ngay trong thời cộng sản cai trị. Khi nước Đức thống nhất, bà đắc cử vào quốc hội liên bang năm 1991 và được mời làm bộ trưởng mấy bộ nhỏ trong chính phủ Helmut Kohl, đến năm 1994 đã leo lên làm tổng thư ký đảng CDU. Bà chắc được dân Đức kính trọng, mà người ngoại quốc cũng kính trọng, mặc dù tính tình bà bị coi là lạnh lùng, không có tài hùng biện khi ra trước công chúng. Ở những nước tự do, dân chủ, các nhà chính trị bắt buộc phải ra trước công chúng. Nhờ lá phiếu của dân chúng họ mới leo lên được những địa vị như bộ trưởng, thủ tướng. Ở các nước cộng sản thì khác.

Đọc hồi ký của ông Đoàn Duy Thành, nguyên bí thư thành ủy Hải Phòng, từng làm bộ trưởng và phó thủ tướng cho các ông Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, chúng ta thấy nhiều lần ông Thành được cử lên giữ chức mà không biết trước. Đến dự họp, nghe ông Đỗ Mười gọi mình là phó thủ tướng, mới biết mình được thăng chức! Nhiều khi được hỏi ý kiến (ông Lê Duẩn đã ngỏ ý ông Thành có thể làm tổng bí thư, trong khi chờ đợi có thể làm thủ tướng) thì người đảng viên trung thành chỉ nói "Tùy các anh ở trên quyết định." Ông Thành cũng kể những lần nghe các ông Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh hỏi ý kiến về những họ người họ muốn chọn kế vị. Tất cả là do một nhóm chọn lựa lẫn nhau, ai mạnh cánh thì thắng. Ông Đỗ Mười chủ mưu xúi dục đàn em của ông Thành vu cáo ông nhiều chuyện xấu, chính ông Thành khẳng định. Chắc cũng chỉ vì coi ông là một đối thủ tranh các chức vụ với mình.

Ở các nước cộng sản, những lãnh tụ khi leo lên đến Trung ương Đảng hay Bộ Chính trị thường cũng là nhờ vận động ở hậu trường. Họ không có dịp vận động trước công chúng. Khi họ ra trước đám đông chúng tất cả bài bản đã được đạo diễn, vỗ tay cũng theo đúng nhịp. Ai được vỗ tay nhiều, vỗ tay ít, đều có "cô ta," theo tiêu chuẩn, giống như khẩu phần, tem phiếu, ấn định trước hết.

Vì thế ông Phan Văn Khải đã ngưng cuộc họp báo nửa chừng, khiến người làm báo ở Mỹ ngạc nhiên. May một điều là báo chí và dư luận họ không coi cuộc viếng thăm của ông là quan trọng, cho nên sự kiện này không ai chú ý tới. Hiện tượng ông thủ tướng chính phủ Việt Nam đến Tòa Bạch ốc cắm cúi đọc bài phát biểu viết sẵn, nghe giọng đọc chán đời như giọng đọc điếu văn, cũng không bị người Mỹ để ý. Chỉ có mấy độc giả báo Người Việt viết thư tỏ ý xấu hổ, hỏi tại sao ông Khải không thể học thuộc lòng để giả bộ nói như ứng khẩu? Độc giả này còn hỏi hay là ông ta sợ không dám ứng khẩu vì không nói dám sai một chữ nào trong bài diễn văn đã được kiểm duyệt trước?

Ông Phan Văn Khải qua Canada, người Việt tị nạn cũng đón ông như ở Washington D.C., với những lời kêu gọi thực thi nhân quyền ở Việt Nam. Nhưng chắc chắn ông Khải sẽ không đến đặt vòng hoa tại đài kỷ niệm thuyền nhân tị nạn, ngay ở thủ đô Ottawa! Vì người tị nạn sẽ hỏi tại sao chính phủ ông lại yêu cầu các nước Indonesia và Mã Lai Á phá các bia tưởng niệm những thuyền nhân tử nạn trên các đảo Galang và Bidong? Những người quá cố sống không nổi với chế độ của các ông, họ sợ các ông quá đến nỗi liều chết vượt biển. Họ đã bị dập vùi trong sóng biển lênh đênh, sao các ông còn đuổi theo họ, mang lòng oán hận, ganh ghét, đòi phá cả mộ bia của người ta? Một dân tộc văn minh ai nỡ trả thù những người đã chết một cách vô lương tâm như thế? Nếu một chính phủ mà làm như vậy thì có đáng được người dân kính trọng hay không.

MỘT THẾ KỶ TRƯỚC

Ông Trần Đức Lương công du Trung Quốc, ông Nông Đức Mạnh đi Âu châu, còn ông Phan Văn Khải sang Mỹ. Mấy chuyến đi ra nước ngoài của các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam khiến nhiều người lại nhớ chuyến đi của vua Khải Định sang Pháp năm 1922. Người ta không ví các ông giống như ông Khải Định, vì các ông khác xa. Nhưng phản ứng của người Việt Nam sống ở Pháp, ở Mỹ khi biểu tình đón các ông Nông Đức Mạnh, Phan Văn Khải, thì cũng tương tự như phản ứng của các Việt kiều sống ở Pháp vào năm 1922. Năm đó chính phủ Pháp bảo vệ vua Khải Định rất kỹ, không người Việt Nam nào có thể đi biểu tình đả đảo, cho nên chỉ có thể biểu tình trên giấy tờ, tức là viết thư. Đặc biệt có lá thư do Phan

Châu Trinh viết kể bẩy tội của Khải Định, thường gọi là "Thất điều thư." Tội thứ nhất là "tôn quân quyền" có thể nói cũng giống như chế độ "độc quyền lãnh đạo" bây giờ; ngoài ra là những tật xấu của một ông vua chuyên chế.

Ông Phan Văn Khải ngày nay được coi trọng hơn ông Khải Định ngày xưa rất nhiều. Ông được tiếp đón như người đứng đầu một chính phủ có chủ quyền chứ không phải là một ông vua bị bảo hộ.

Tại sao Phan Châu Trinh mất công viết lá thư kể tội dài dòng như vậy? Thực ra cụ không quan tâm mấy đến cá nhân ông vua bù nhìn này. Trong một bức thư đề ngày 28 tháng 9 năm 1922 gửi cho báo *La Tribune Indigène* (Diễn đàn Dân Bản xứ) xuất bản ở Sài Gòn, Phan Châu Trinh nói cụ muốn nhân đả kích ông vua mà nhắm mục đích "hủy diệt" cái hệ thống quan trường "đã làm cho dân tộc ta suy yếu." Guồng máy quan trường mà nhà ái quốc đất Quảng Nam muốn "phải đào tận gốc" là một hệ thống tham nhũng khổng lồ trong chế độ tôn quân. Đó là một điều tương tự giữa thời Khải định và thời Nông Đức Mạnh, Phan Văn Khải.

Trong năm 1922, Phan Tây Hồ cũng viết 500 câu thơ bài Tỉnh Quốc Hồn Ca (thứ nhì,) mô tả hệ thống các ông quan chen chúc bên dưới ông vua thời đó, như sau:

"Dưới đại thần đua chen tước lộc
Ngoài trăm quan hì hục thân danh
Cúi lòn đút lót đủ vành
Làm quan cố để rán sành dân ngu.
Thói tham lam nhuộm xâu đến tủy,
Máu ham quan như đĩ ham tiền
Đua tranh những việc nhãn tiền
Biết đâu nghĩa vụ, công quyền là đâu!"

Thực ra trong thời quân chủ nhà Nguyễn cũng có những "nhà nho chân chính" họ là những vị quan thanh liêm, Phan Châu Trinh cũng biết. Nhưng ông không nhắm vào các cá nhân mà muốn xóa bỏ cả cái hệ thống quan lại, và chế độ "tôn quân quyền" nuôi dưỡng cả hệ thống tham nhũng, cho nên phải dẹp bỏ. Thời đó, ông vua nhà Nguyễn đương nhiên nắm quyền lãnh đạo, ông không bị ai kiểm soát hết. Ngày nay đảng Cộng Sản Việt Nam cũng nắm trong tay một thứ "quân quyền" như vậy, được ghi hẳn vào trong hiến pháp.

Thời Phan Châu Trinh cũng có những vị giống như đại biểu quốc hội bây giờ, được tiếng là đại diện cho dân nhưng chỉ dùng để làm cảnh, mà cụ gọi thành "đợi biểu" – đứng đợi nghe lệnh trên biểu, vì họ cũng thuộc loại Quan Tây cử, cho dân bầu!

"Lại nói đến các tay đại biểu
Lòe loẹt thay một kiểu y quan:
Khăn đen, áo gấm, nút vàng,
Khoanh tay bắt đứng xếp hàng thật xinh!
...
Còn lắm chuyện khả phi, khả tiếu
'Đợi biểu' này 'đợi biểu' cho ai?"

Thời đầu thế kỷ 20 nước ta cũng chịu thua kém các nước lân bang, mà Phan Châu Trinh coi đó là một mối nhục. Đọc những lời thức tỉnh quốc hồn của cụ thấy như nghe chuyện thời sự:

"Kìa xem trong cõi Á Đông
Trung Hoa, Nhật Bổn cũng giòng giống ta,
Nhìn ngoái lại Xiêm La gần đấy,
Phi Líp Pin chẳng bấy nhiêu xa.
Trông người lại ngẫm đến ta!"

Một hình ảnh được Phan Châu Trinh trình bầy cũng rất thời sự, là tình trạng báo chí.

Kìa các sở nhật trình, nhật báo,
Chỉ để cho nói hão nói huyền.
...
Còn những chuyện nước nhà lợi hại
Nào cho ai bàn nói vào đâu?
Bắt khoan, bắt nhặt từng câu,
Còn ai mở miệng cất đầu kêu ca!

Tuy nhiên thời thực dân Pháp báo chí còn tự do hơn bây giờ. Thời đó trong nước còn nhiều tờ báo, nhiều văn phái độc lập với nhau. Bây giờ ai cũng phải theo lệnh đảng, trên bảo sao viết vậy! Trong đại hội của Hội Nhà văn Việt Nam, tại Hà Nội vào cuối tháng Tư vừa qua, nhà văn Hoàng Quốc Hải nói đề tài: "Tại sao văn học Việt Nam hiện nay không có tác phẩm đỉnh cao?" Ông trả lời: Vì không có tự do sáng tác. Ông viết, "Cả nước có gần 1,000 tờ báo và tạp chí, nhưng quy về chỉ có một tổng biên tập." Đọc lại những lời thơ tả cảnh nước ta vào thế kỷ trước, đồng bào cùng nhau ngẫm nghĩ sau một trăm năm đất nước giờ đã đạt được những tiến bộ như thế nào!

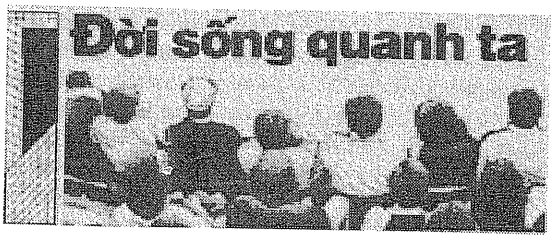

SÀI GÒN KINH HOÀNG TRONG CƠN MƯA CHIỀU 20 THÁNG SÁU

NGUYỄN ĐẠT

Trận mưa chiều thứ Hai, ngày 20 tháng 6 năm 2005, kéo dài trên 2 tiếng đồng hồ, từ 3 giờ tới gần 5 giờ 30 phút chiều. Không phải là trận mưa đầu mùa của Sài Gòn, nhưng với chúng tôi, là trận mưa đầu tiên thấm buốt tới ruột gan. Từ nhà ở đường Bình Thới - quận 11, chúng tôi chở nhau trên xe gắn máy, đến một trung tâm dạy Anh ngữ ở đường Tân Kỳ-Tân Quý, quận Tân Phú, khoảng cách chừng sáu cây số. Bình thường, với khoảng cách này, chúng tôi đi mất 15 phút, nhưng khi thấy trận mưa đã ngớt nên vội vàng đi ngay, từ lúc 5 giờ (tiết dạy bắt đầu từ 5 giờ 30 chiều).

Con đường chính chúng tôi đi từ nhà tới trung tâm Anh ngữ nói trên, là đường Âu Cơ, quận Tân Phú. Vốn biết đường Âu Cơ thường ngập sâu dưới nước mỗi lần mưa tương đối lớn, nhưng với sự tin tưởng hồn nhiên, chúng tôi nghĩ "chẳng lẽ còn ngập lụt thê thảm nữa sao!" Nhất là khi được biết, mỗi năm thành phố trích ngân sách vài chục tỷ đồng (tương đương với vài chục triệu đô la) cho việc thoát nước. Vậy nên, thay vì đi đi vòng đường khác, xa hơn để tới trường, chúng tôi mạnh dạn đi con đường cũ, đường Âu Cơ.

Chiếc xe gắn máy của chúng tôi, may thay không chết máy khi băng qua một đoạn dài khoảng bốn cây số ngập nước. Trên đoạn dài ngập nước đó, đã có nhiều xe chết máy, người người hì hục lội nước đẩy xe lên hai bên lề đường dần đông chật những xe chết máy đang ra sức nổ máy lại. Đến lượt xe chúng tôi chết máy vì phải đi rất chậm trên con đường càng lúc càng dày cứng xe, xe chết máy, xe ngược chiều, xe tải, xe taxi... Chúng tôi cố len lỏi, đôi chân và xe bị nước ngập trì níu, cuối cùng cũng đẩy được chiếc xe lên một chỗ còn trống trên lề đường. Nhìn đồng hồ, mới 17 giờ 10 phút, tự nhủ thế nào cũng sẽ tới trường kịp giờ dạy, vì trường chỉ còn xa chưa tới hai cây số.

Kim đồng hồ mỗi lúc mỗi gần giờ dạy, trong nỗi tuyệt vọng, vì bị đóng cứng giữa cái nêm khổng lồ với hàng trăm các loại xe, chúng tôi không thể tiến thoái, tìm bất cứ một lối nào, một ngõ hẻm chẳng hạn, để thoát ra khỏi vùng đông đặc.

Trên lề đường, vài chiếc xe gắn máy cố len lỏi, hy vọng dùng lề đường thay lòng đường, để vượt thoát khỏi "vòng cương tỏa." Nhưng vô ích, vài chiếc xe gắn máy đó bị một đống xà bần trước cửa nhà ai, dựng thành bức tường vững chắc, chặn hết lối vỉa hè. Năm giờ 30 phút chiều, bắt đầu tiết dạy ở trường. Chúng tôi gọi điện thoại di động (may thay có thứ công cụ thông tin hiện đại này), báo trung tâm Anh ngữ biết tình hình. Nhân viên tại trung tâm nói cuống quýt: "Cố lên giúp tôi. Còn có hơn cây số mà! Học trò nó quậy quá, tôi không coi xuể. Chưa thấy thầy cô nào tới." Chúng tôi nào phải thiếu thiện chí, lại nữa, mất hai tiết dạy là mất hai ngày tiền chợ! Nhưng hoàn toàn không thể, chúng tôi đang bị đông cứng trên một chỗ lề đường.

Người ta bảo, sở dĩ người ở tù có thể chống cự nổi khổ tù đày, ở chỗ có bạn cùng tù. Tôi hỏi người ngồi thu lu cạnh tôi trên bậc thềm một căn nhà đóng cửa: "Thế này thì phải chịu trận tới bao giờ, bác nhỉ?" Người đàn ông trọng tuổi nói: "Chờ nước rút thì phải tới sáng mai nước mới rút bớt, rút bớt chứ không phải là khô đường đâu nhé. Nên phải chờ xe giãn ra mới có lối thoát, mà ai giãn ra được bây giờ, ông nhìn xem, không ai nhúc nhích được."

Cái cảnh không ai nhúc nhích được trong một vụ kẹt xe là "chuyện thường ngày ở huyện (Sài Gòn)"- tên một cuốn truyện của văn học Liên Xô - Vì tập quán của dân Sài Gòn (cũng là tập quán của người đô thị Việt Nam), là không ai nhường ai, dù một phút đi đường. Cứ thế mà kẹt cả đám.

Sao lúc này chúng tôi thèm thấy bóng dáng các ông cảnh sát giao thông. "Người đồng tọa" với chúng tôi nói: "Phải chờ cảnh sát giao thông tới thôi. Mà vào lúc 'mưa lạnh hoàng hôn' như thế này, các ông ấy chẳng dại gì mà xông ra khu vực lâm nạn." Quả là ông này thiếu niềm tin vững chắc về "người đầy tớ của nhân dân", tôi thầm nghĩ.

Vẫn ngồi thu lu trên bậc thềm một căn nhà đóng cửa, tôi nghe tiếng một phụ nữ, đâu như ở rất gần, giữa đám đông dày đặc: "Em vỡ nước

ối rồi!" Tiếng người đàn ông: "Thật không? Cố chút nữa đi. Chắc sắp đi được rồi. Cái xe tải ở trên kia đang di chuyển!" "Thôi chết mất. Nó ướt ra rồi anh ơi. Nếu không đi được, nó ra hết là em chết mất thôi!" Người chồng, chắc là như vậy, cố trấn an cả mình lẫn vợ: "Thật đúng không? Có khi là nước mưa thôi." Người vợ: "Nước mưa nó đâu như thế này. Em biết chứ, làm sao bây giờ anh ơi?!" "Cố đi, cố chút nữa là đi được mà. Nhà hộ sinh cũng không xa đây lắm đâu." Vợ tôi, cô giáo lỡ tiết dạy Anh ngữ nói nhỏ với tôi: "Nguy thật đấy, nước ối mà ra hết, chừng nửa tiếng đồng hồ thôi, sinh sẽ khó lắm. Nguy hiểm là đẳng khác."

Chúng tôi không hy vọng gì nửa giờ nữa sẽ giải tỏa được vụ kẹt xe giữa tối xuống, giữa "sông nước trên đường phố" của Sài Gòn, nếu không có sự ra tay của cảnh sát giao thông. Tôi nghĩ, nếu những xe ở sát bên một lối ngõ, một con đường tiếp giáp nào đó còn nhúc nhích được, mà chịu rẽ xe đi vào hướng đó để có lối cho các xe khác thoát ra, thì đâu đến nỗi. Cảnh sát mà tới, họ sẽ giải quyết như vậy, buộc các xe ấy rẽ, để mở lối cho những xe đang bị kẹt cứng ở giữa và ở phía sau... Đằng này, không ai chịu rẽ, cứ đòi đi thẳng hướng đi của mình. Và rồi như thế có ai đi được đâu. Vậy mà cứ như thế!

Vừa lúc tôi nhìn đồng hồ lần thứ bao nhiêu không nhớ: Bảy giờ 30 phút tối, những xe ở phía trên bắt đầu chuyển động. Chúng tôi nổ máy xe. Người đàn ông trọng tuổi nói: "Tối nay tôi cũng không dám về nhà. Vì tôi phải đi qua con đường Mễ Cốc ở quận 8, con đường này thật khủng khiếp, tụ điểm của những 'vũng trâu', 'vũng voi' từ nhiều năm nay mà vẫn chưa được các ông 'duy tu cầu đường' giải quyết. Gặp trận mưa này, nước ngập nửa mét, làm sao tôi dám đi." Chúng tôi không thể hiểu được, ngoài chuyện sửa chữa đường sá ở Sài Gòn được thực hiện chậm như con rùa lật ngửa, thì chuyện thoát nước như thế này đây, với vài chục tỷ đồng kinh phí mỗi năm!

Cố chạy nhanh xe trên đường ngập nước vì sợ xe bị tắt máy nữa, trong lúc phải cố ghìm xe để không va chạm các xe khác, chúng tôi nhìn thấy nhiều cảnh sát giao thông đang la lên buộc mọi người tuân thủ luồng đi. Tới một con đường lạ hoắc, tối thui vì cúp điện, chúng tôi cũng không ái ngại, lo sợ gì, ngoài chuyện người phụ nữ vỡ nước ối. Hy vọng và mong chị được bình an trong giờ sinh nở. Cũng hy vọng, trong đám kẹt xe, không ai là bịnh nhân phải chở đi cấp cứu.

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

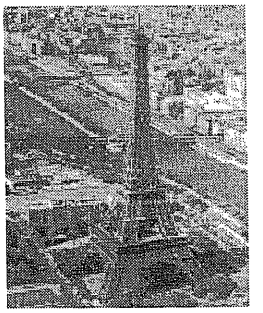

NƯỚC PHÁP VÀO HÈ

Vào hè, các dịch vụ công cộng như metro, bus, điện, nước điện thoại có giá mới. Tăng giá đúng vào lúc bàng dân thiên hạ mãi lo chuyện nghỉ hè, không còn thiết đến chuyện chi khác thì cũng là chuyện.. .bình thường thôi. Năm nào mà chả vậy?

Trong khung cảnh đó, bộ trưởng Kinh tế Thierry Breton họp báo, than phiền: nước Pháp đang sống cao hơn phương tiện của mình cho phép. Làm sao bây giờ? Bộ trưởng đưa ra vài đề nghị, thêm vào những đề nghị trước đây của chính phủ do thủ tướng Villepin trình bày trước Quốc Hội.

Nạn hạn hán cách đây hai năm vẫn còn ám ảnh mọi người. 15 000 người đã chết vì nóng, vì các cơ sở y tế thiếu chuẩn bị. Vì vậy mà trời vừa bắt đầu nóng, nhiều nơi đã báo động. Ngân khoản đã được tháo khoán, các vật liệu trang bị đã sẵn sàng để dự phòng.

Sau ngày hội âm nhạc là ba ngày fête du cinéma. Các em học sinh vừa thi xong hay chương trình học vừa hết, mặc sức đi coi nhé, dịp may mỗi năm chỉ có một lần. Những người ưa mua sắm có dịp để bươn chải: kỳ bán hàng đại hạ giá giữa năm đã bắt đầu thứ sáu 24.6 cho 36 vùng phiá bắc trong đó có Paris và vùng phụ cận.

Những chuyện đó và vài chuyện khác đáng chú ý trong tuần xin được trình bày như sau :

PHÁP ĐANG SỐNG QUÁ PHƯƠNG TIỆN CỦA MÌNH

Lời bộ trưởng Kinh tế Thierry Breton

Rất thận trọng từ khi về bộ Kinh tế, Thierry Breton đã thẳng thừng trong cuộc họp báo lần đầu tiên từ khi được lưu dụng trong chính phủ Villepin. Các bộ trưởng Kinh tế trước đây, Francis Mer hay ngay cả Nicolas Sarkozy không ai đưa ra lời cảnh cáo nặng nề như vậy.

«Nước Pháp đang sống trên mức phương tiện của mình cho phép,» ông nói, gằn từng tiếng muốn mọi người chú ý. «Trong 25 năm, thời gian của một thế

hệ, chúng ta đã tiêu xài thâm thủng quá lố, đến mức mà ngày nay, khi một đứa bé vừa chào đời đã mắc nợ 17 200 euro!»

Bộ trưởng Breton cho rằng cần phải có can đảm nói ra điều đó. Chừng 100 tỉ trong những năm 1980, tới cuối năm nay, món nợ của nước Pháp (công trái) lên tới 1 100 tỉ euro. «Năm 2006, lần đầu tiên trong lịch sử, tiền thu thuế lợi tức chỉ đủ để trả nợ. Điều đó có nghiã rằng số tiền thuế thu được không phải để xây trường học hay bệnh viện mà để trả nợ.»

Một chuyện khác quan trọng không kém được bộ trưởng Breton đưa ra: Cũng từ năm tới, số người đi làm trong lứa 15-60 tuổi giảm xuống. Hai chuyện đó, trong số nhiều chuyện khác, cho thấy Pháp không còn phương tiện để tài trợ cho khuôn mẫu xã hội hằng theo đuổi, nếu mức tăng trưởng trong nước không cao hơn, trên số tối thiểu là 3% một năm.

Phải Làm Việc Nhiều Hơn

«Phải có can đảm mà nói: Ngày nay, muốn có phương tiện để tài trợ các mẫu mực đời sống của chúng ta, chúng ta phải làm việc nhiều hơn, làm việc... suốt cả cuộc đời của chúng ta.» Chỉ còn cách đó mà thôi !

Không nói ra, ai cũng biết ông chĩa mũi dùi về phiá đảng Xã hội. Ông lên án những vụ quốc hữu hoá, rồi giải tư những công ty đã quốc hữu hóa khiến chúng ta mất nhiều tiền bạc, năng lực và làm chậm mức phát triển quốc gia. Nghỉ hưu 60 tuổi do thủ tướng (Xã hội) Pierre Bérégovoy năm 1983 không có phương tiện để tài trợ, và mới đây nhất, vụ 35 giờ làm việc một tuần. «Nói rằng chia việc là tạo thêm việc làm mới là chuyện... hoàn toàn sai lầm.»

Mức phát triển kinh tế không có gì khả quan. Những cuộc dự đoán hạ thấp số phát triển từ 2 – 2,5% xuống còn 2%. Viện thống kê quốc gia Insee đưa ra con số còn thấp hơn nữa: dưới 1,5%.

GIÁ CẢ CÓ GIẢM – ÍT THÔI

Cũng trong cuộc họp báo này, bộ trưởng Breton nói rằng giá cả ở siêu thị đối với một số mặt hàng có giảm, mặc dầu số giảm đó ít thôi. Để chứng minh, bộ Kinh tế nghiên cứu trên phương thức sau đây: Chia người tiêu thụ ra làm bốn nhóm người mẫu, mua những hàng ăn và sản phẩm vệ sinh cá nhân hay gìn giữ nhà cửa. So sánh với giá cả tháng 5.2005 với tháng 2.2005, bộ này thấy như sau:

Nhóm người tiêu thụ độc thân: giảm 0,5% (mua 50 euro trong tháng 2.2005, giá nay là 49,73 euro). Vợ chồng, hai con : -0,6% (130 – 129,26 euro) Vợ chồng ba con hay nhiều hơn : -0,5% (143 – 142,35 euro) hay vợ chồng trên 65 tuổi : -0,7% (từ 105 – 104,23 euro).

ĐẠI HẠ GIÁ (SOLDES) MUÀ HÈ

Một nửa phần đất phiá bắc nước Pháp gồm cả Paris và vùng phụ cận bắt đầu bốn tuần lễ bán hạ giá từ 24.6, một tuần trước khi dân chúng đi nghỉ hè. Tùy theo loại hàng, ngay ngày đầu có nơi giảm giá trên 50%. Phải chăng họ sợ rằng những khách sành điệu không còn có mặt trong vài tuần tới để hưởng ứng lần giảm giá thứ hai, thứ ba?

Áo quần, giày dép vẫn là thứ được bày bán hạ giá nhiều nhất tiếp theo là đồ gỗ hay máy móc dùng trong nhà hay trong bếp. Gặp dịp trời nắng nóng, các cửa hiệu hy vọng thanh toán kho hàng áo quần mùa hè một cách nhanh chóng.

Khách hàng hưởng ứng đông đảo trong ngày đầu chuẩn bị cho chuyến đi nghỉ hè, những cửa hàng có máy lạnh được chiếu cố chuyện đĩ nhiên. Thời gian *soldes* của miền nam nước Pháp (vùng biển) bắt đầu từ ngày 6.7, và của đảo Corse : 15.7.

Một trường hợp đặc biệt
CHUYỆN CỦA MỘT THANH NIÊN PHÁP

Với 300 euro một tháng, tiền ăn 5 euro, ngủ trong xe hơi

Nhân đề cập mức lương tối thiểu SMIC của Pháp, tờ *Le Parisien* tuần trước thuật lại tình cảnh của Christophe, một thanh niên 31 tuổi đang bán hàng tại Mantes la Jolie, vùng Yvelines, phía tây Paris. Xin trích dịch lại như sau :

Christophe sống với 300 euro (chừng hơn 360US$) một tháng: mỗi ngày, 5 euro tiền ăn, tối ngủ trong xe hơi...

Từ công việc làm trước đây anh ta còn giữ lại một gậy đánh golf và một chiếc dù lớn màu đen của một khách sạn hạng sang nằm cạnh Công trường Etoile. Hai thứ này được xếp gọn trong xe hơi: chiếc Fiat Punto màu trắng anh ta đã chọn với kính mờ. «Như vậy, yên thân hơn khi nằm ngủ hay coi télé.»

Làm bồi bàn nửa ngày tại một hiệu ăn ở Mantes la Jolie, Christophe, năm nay 31 tuổi, lương tối thiểu trả theo giờ 700 euro mỗi tháng. Gia tài của anh là chiếc xe hơi: 3 thước vuông dùng làm giường, bếp, bàn giấy với một thứ «xa xỉ» là télé nhỏ anh cắm vào chỗ đốt thuốc lá. «Như vậy, tôi vẫn biết được chuyện gì xảy ra.»

Mới đây, anh là giám đốc thương mãi của một công ty lớn, có nhiều triển vọng. Chạy xe BMW loại số 7, hút xì gà Coiba, uống rượu chát pomerol. Có điều là sau đó, công ty phá sản, dẹp tiệm, từ

giám đốc thương mãi trở thành mình thân trơ trụi. Cũng không có tờ giấy vàng để hưởng phụ cấp thất nghiệp.

Không muốn nhờ vả gia đình, bạn bè, một thân một mình không con. Nhận làm bất kỳ việc gì để sống. Lãnh lương tối thiểu không còn được trợ cấp vì quá mức được hưởng nhưng không thuê được nhà vì không đủ điều kiện (có lương ba lần nhiều hơn tiền thuê nhà).

Còn phải trả nợ 400, mỗi tháng anh ta còn 300 euro. «Tôi tránh những di chuyển không cần thiết. Giá xăng đối với ai cũng như nhau, lương tối thiểu hay là không. Để tắm, điện thoại hay giặt ủi, tôi tới hiệu Declic của hội Emmaus của thành phố Mantes. Khi nào nơi này đóng cửa, tôi ra xa lộ.

«Trưa đã ăn tại tiệm rồi, sáng và tối, tôi biết không thể tiêu quá 5 euro một ngày. Từ khi mất hết tôi mới biết đến giá trị của đồng tiền. Nghèo làm cho con người trở nên nhủn nhặn hơn. Tuy nhiên, tôi không biết làm sao có thể tiếp tục sống trong cảnh như thế này.

Christophe cho mình một năm để thoát ra khỏi cảnh này. Anh ta mơ ước được một công việc trong ngân hàng. Có hai công ty đã nhận hồ sơ của anh ta nhưng cho tới nay không được tin tức gì. (Viết theo Aline Gerard)

*

Một vụ vừa xảy ra được truyền thông nhắc tới nhiều: Trong thành phố Le Courneuve, ngoại ô phía đông Paris, mọi người còn bàng hoàng về việc em Sidi-Ahmed Hammache, 11 tuổi, bị bắn chết ngày chủ nhật 19.6 ngay trước nhà. Hôm đó, ngày fête des pères, em xuống sân lau xe như là làm cadeau cho bố. Đúng lúc, hai viên đạn lạc, đụng em là người vô can. Một viên trúng tim, viên kia trúng vào khí quản: em từ trần ngay tại chỗ. Lúc đó là 13 giờ, trước nhà, đường Honoré de Balzac.

Theo lời thị trưởng La Courneuve thì hai thanh niên thanh toán nhau vì vấn đề "buôn bán bạch phiến." Không biết có phải như vậy không? Một vài người cho báo chí biết rằng lần này không phải vì vụ bạch phiến.

«Một người gốc Tunisie không muốn em gái mình đi chơi với một người Comorien (đen) nên tìm cách bắn người đó. Không may, người này rút súng bắn trước, người Tunisien lại nấp sau em Sidi-Ahmed... »

Bộ trưởng Nội vụ Nicolas Sarkozy đã cùng một phái đoàn tới đây ngày hôm sau, 20.6. Ông loan báo trước một phiên họp đông đảo các viên chức và dân chúng trong thành phố:

1. Sẽ lùng bắt và trừng trị thủ phạm.

2. Từ ngày mai, sẽ càn quét khu «Karcher la cité des 4 000» này. Thêm nhân sự và thời gian cần thiết cho công việc này. Sau đó sẽ có những biện pháp phòng ngừa. Cảnh sát khu vực sẽ được tăng cường với 20 hay 30 người.

3. (Với gia đình của em Sidi) «Tôi nghĩ rằng ông bà không còn muốn ở đây. Chúng tôi sẽ kiếm chỗ khác cho ông bà ở, tốt hơn cho ông bà.»

Thị trưởng La Courneuve cũng như ông hiệu trưởng trường Joliot-Curie, nơi em Sidi theo học, không tỏ vẻ lạc quan trước những biện pháp đưa ra. Ông hiệu trưởng nói rằng vụ này không liên hệ gì với du đãng. «Nỗi bất hạnh của em là sống trong một *ghetto* của người nghèo. Một *ghetto* mà các em nhỏ không có được những ngày sống bình thường. Chuyện không có chi là bình thường khi bị chết vào tuổi 11. Nếu phải càn quét khu vực này để xây dựng lại một *ghetto* khác, dù đẹp hơn, thì cũng vậy thôi.»

Còn lại nhân ngày hội âm nhạc

ÂM NHẠC: MỘT PHẦN ĐỜI NGƯỜI PHÁP

Âm nhạc là một phần đời của người Pháp. Người Pháp cho rằng họ không thể thiếu âm nhạc, họ cần âm nhạc hơn là văn chương và điện ảnh. (Thăm dò dư luận của Sofres cho biết, 74% người Pháp cho rằng âm nhạc không thể không có, 56% thích văn chương và 48% điện ảnh). Điều đó được tiết lộ sau ngày hội âm nhạc tưng bừng năm nay không có gì là mới mẻ.

Mỗi ngày, người Pháp nghe nhạc trong hai tiếng đồng hồ, đông nhất là vào lứa tuổi 15-35, theo lời của Bernard Miyet, chủ tịch của Sacem, hội giữ bản quyền âm nhạc. Dân Pháp thích... nhạc Pháp (66%), chuyện có vẻ dĩ nhiên hơn là nhạc rock hay pop (29%) nhạc cổ điển (22%) hay nhạc ngoại quốc (22%).

Họ nghe nhạc ở đâu? 66% từ chaine hi-fi, 61% từ radio, 28% buổi hòa nhạc, 27% truyền hình, 15% DVD, 4% từ internet. Đi nghe hòa nhạc, họ nghe nhạc gì? 48% nhạc Pháp, 27% rock hay pop, 20% hoà nhạc cổ điển và 11 hòa nhạc jazz. Bao nhiêu người thu nhạc từ internet? 16% cho biết đã làm vậy, trong số đó lứa tuổi 15-24 chiếm 39%.

Ba ngày coi xi nê rẻ tiền

FÊTE DU CINÉMA

Sau ngày lễ âm nhạc là ngày lễ điện ảnh. Năm nay, Fête du cinéma lần thứ 21 tại Pháp diễn ra trong ba ngày 26, 27 và 28. Một dịp vui cho dân ghiền xi nê và cho sinh viên, học sinh chưa đi nghỉ hè.

Thì cũng như mấy lần khác: mua một vé coi một phim với giá bình thường, mỗi khán giả được cấp một sổ thông hành để coi bao nhiêu phim tiếp theo cũng được với giá 2 euro một phim.

Đây là dịp để bù lại những ngày không được đi xi nê hay chỉ theo dõi qua báo chí. Những phim được báo chí nhắc tới :

- *Les Poupées russes* của Cedric Klapisch đã có 553 897 người đi coi trong 550 phòng trên khắp nước Pháp. Trước sự thành công này, công ty Mars Films dàn ra thêm 70 phòng chiếu cho ba ngày fête du cinéma. Một vài phim khác : *Batman Begins* của Christopher Nolan, *Star Wars 3*, la revanche des Siths của George Lucas, *Sin City* của Robert Rodriguez và Frank Miller, *The World* của Jia Zhang-ke, Trung Hoa.

Năm ngoái đã có 4,3 triệu người tham dự ba ngày hội cinéma này. 22 giờ ngày thứ ba 28.6.2005, trước thềm tòa đô sảnh, trình chiếu phim *Le Tour du Monde en 80 jours* của Frank Coraci.

Sức Khỏe của Bạn
THỂ THAO GIẢM RỦI RO CỦA BỆNH UNG THƯ

Mỗi ngày tập thể dục ba mươi phút giảm thiểu rủi ro về bệnh ung thư nhất là ung thư trực tràng và vú. Đó là kết quả của Epic, một cuộc nghiên cứu lớn nhất từ trước đến nay về bệnh ung thư.

Kết quả này được công bố nhân có cuộc triển lãm của chương trình Eurocancer tại Paris, quy tụ một số các nhà nghiên cứu nổi tiếng trên thế giới. BS Elio Riboli và trung tâm quốc tế nghiên cứu về ung thư (Circ) trình bày phần đầu của cuộc nghiên cứu. Ông cho biết rằng sau khi theo dõi hoạt động của 478 040 đàn ông và đàn bà từ 35 đến 70 tuổi trong 10 nước từ năm 1992 đưa tới kết luận rằng hoạt động thể dục và ung thư có liên hệ với nhau.

Theo thống kê, những nhà thể thao giảm ung thư trực tràng từ 40 đến 50% và giảm ung thư vú từ 30% đến 40%. Ung thư tại các nơi khác cũng có ảnh hưởng. Lý do tại sao có kết quả như vậy thì chưa được quả quyết cho lắm. Có thể một phần vì hoạt động thể thao làm tăng các kích thích tố và hệ thống miễn nhiễm. Phần khác vì thể thao làm cho bớt lên cân. Chương trình Epic cho biết rằng : *những người mập dễ bị bịnh nhất là ung thư vú đối với người trên 50 tuổi.*

NHỮNG LỜI KHUYÊN ĐỂ CHỐNG BỆNH UNG THƯ

Sau đây là mấy lời khuyên của Qũy thế giới nghiên cứu chống lại bệnh ung thư :

- Ăn nhiều cá, giảm bớt thịt đỏ.
- Ăn thật nhiều trái cây, ăn ít đường, ít mỡ động vật, ít muối.
- Không hút thuốc, uống ít rượu
- Không để cho lên cân.*
- Hoạt động thể thao... suốt đời.

* Chừng nào là trọng lượng vừa phải? Chỉ số IMC (Indice masse corporel) nằm giữa 18,5 và 25. Muốn có chỉ số IMC, lấy số cân chia cho hai lần chiều cao. Ví dụ bạn 60 kí, cao 1,72, chỉ số IMC là 60 : (1,72 x 1,72) = 20,28. Tốt lắm.

Nếu có lên cân thì chừng nào là giới hạn? So với 20 năm trước, số cân không quá 5 kí. Nói theo lời khuyên của tổ chức này.

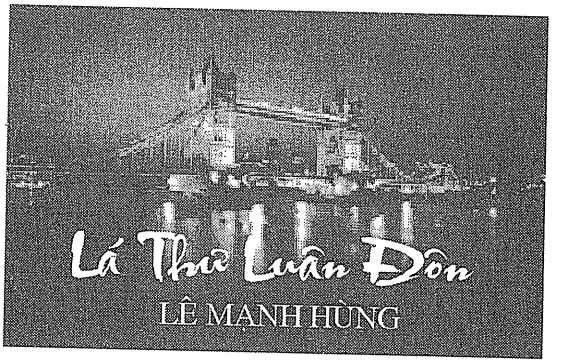

Tháng năm thường vẫn là một tháng mà người dân Anh cho là đẹp nhất trong năm. Trong những năm bình thường, đây là một tháng mà người Anh thường dành cũng nhiều thời giờ để đi nghỉ hè hay về quê như là đi làm vậy. Nhưng tháng năm năm nay có quá nhiều chuyện chính trị xảy ra khiến cho dân Anh không còn thoải mái để có thể đi nghỉ hè như thường lệ được.

Trước hết cuộc bầu cử tại Anh vào giữa tháng năm để chọn một Quốc Hội và chính phủ mới đã diễn ra trong một bầu không khí tương đối gay gắt với thủ tướng Anh Tony Blair bị nhiều ứng cử viên chỉ trích mạnh mẽ là đã không trung thực với dân chúng trong cuộc chiến Iraq. May mắn là vấn đề châu Âu không được lôi ra để bàn cãi vì trước đó ông Blair đã hứa với dân chúng Anh là sẽ tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý về hiến pháp châu Âu vào năm tới.

Nhưng đến cuối tháng năm thì vấn đề châu Âu lại trở nên sôi nổi với các cuộc trưng cầu dân ý tại Pháp và Hòa Lan. Tổng thống Pháp Jacques Chirac có lẽ không bao giờ nghĩ rằng dân Pháp có thể quay lại chống việc hội nhập châu Âu, thành ra ông đã chấp nhận việc trưng cầu dân ý tại Pháp một cách dễ dàng khi ông Blair tuyên bố sẽ cho dân Anh góp ý kiến về châu Âu. Nào

ngờ kể từ khi ông Chirac tuyên bố như vậy thì dân Pháp đã càng ngày càng quay ra chống lại hiến pháp châu Âu. Và mặc dầu chính phủ và các tầng lớp chính trị ủng hộ đã dùng hết cách để dụ dỗ cùng đe dọa dân Pháp nhưng đã chẳng thành công được bao nhiêu. Khi bỏ phiếu dân Pháp đã bác bỏ hiến pháp châu Âu với tỷ số 55 - 45. Ba ngày sau thì đến dịp dân Hòa Lan bác bỏ hiến pháp châu Âu với tỷ số 62 - 38 khiến cho một tiến trình mà các nhà lãnh đạo châu Âu tưởng là chẳng có gì khó khăn bỗng nhiên lăn đùng ra mắc kẹt.

Có lẽ người cảm thấy mừng nhất trong vụ này là ông Tony Blair. Khi ông Blair tuyên bố cho trưng cầu dân ý như vậy, đảng Bảo Thủ đối lập đột nhiên bị mất một đề tài ăn khách: chỉ trích sự kiêu ngạo của một chính quyền không chịu tham khảo với dân chúng về những vấn đề có quan hệ đến vận mệnh của đất nước. Và với việc đó, những e sợ rằng đảng Lao Động dưới sự lãnh đạo của ông Blair sẽ bị thua trong cuộc tổng tuyển cử tới đã hoàn toàn tan biến. Nhưng chẳng bao lâu sau người ta thấy rằng ông Blair có thể sẽ phải trả một giá khá đắt cho việc mua thêm cơ hội thắng cử này. Đó là vì ông Blair hầu như không có hy vọng gì thắng được trong cuộc trưng cầu dân ý về hiến pháp châu Âu cả. Nếu không nhờ dân Pháp và dân Hòa Lan giúp chặn hiến pháp này cho chết ngay từ trong trứng thì ông Blair chỉ có hai lựa chọn khó chịu như nhau hoặc là rút lui trước khi tổ chức trưng cầu dân ý, hoặc là rút lui sau khi bị thất bại một cách thảm hại trong cuộc trưng cầu dân ý này.

Điều làm cho giới lãnh đạo Anh cảm thấy thoải mái nhất, đó là chính Pháp, đối thủ gay gắt nhất của Anh tại châu Âu lại là nước đã giúp cho Anh đạt được mục đích của mình. It nhất là từ 50 năm nay, Anh vẫn luôn luôn theo đuổi hai mục tiêu tại châu Âu. Thứ nhất là làm chùn khuynh hướng tiến tới một liên bang châu Âu về chính trị như kiểu Hoa Kỳ và thứ hai là ngăn chặn việc chi phối chính trị châu Âu của Pháp và Đức. Với cái chết của hiến pháp châu Âu qua sự bác bỏ của Hòa Lan và Pháp cả hai mục tiêu này đều được thực hiện. Thành ra khi ngoại trưởng Anh ông Jack Straw đứng ra tuyên bố ông cảm thấy rất buồn vì dân Pháp bác bỏ hiến pháp Âu châu thì đằng sau những lời đó ta có cảm tưởng nghe được tiếng mở rượu sâm banh của mấy ông ngoại giao Anh. Đau đớn cho ông Chirac là chính ông cũng đã nhìn thấy điều đó. Trong bài nói chuyện cuối cùng với dân chúng trước khi bỏ phiếu, ông đã cảnh cáo các đồng bào của mình rằng một phiếu "non" sẽ là một phiếu giúp cho sự thành công của những kẻ mà từ trước tới nay chỉ muốn châu Âu không là gì khác hơn là một "khu mậu dịch tự do" và chống lại một sự hội nhập chính trị sâu đậm hơn. Nhưng tiếc cho ông Chirac rằng dân Pháp vẫn mặc kệ những lời cảnh cáo đó của ông.

Nhưng hai mục tiêu đó của chính sách ngoại giao Anh đối với châu Âu nhiều khi mâu thuẫn với nhau. Anh quốc đầu tiên tránh không gia nhập Cộng Đồng châu Âu, nhưng khi thấy bị ảnh hưởng nặng về kinh tế trong lúc ảnh hưởng chính trị của mình một ngày một suy tàn đi, các chính khách Anh đã phải đổi chính sách: xin gia nhập châu Âu, nhưng tìm cách ngăn chặn mọi bước tiến tới một Liên Bang châu Âu. Nhưng chính sách đó không phải là dễ thực hiện. Ngay cả dưới thời bà Thatcher, Anh cũng vẫn bị kéo càng ngày càng đi sâu vào trong việc hội nhập với châu Âu. May là các chính phủ Anh lúc nào cũng theo đuổi một cách nhất quán một chiến lược chính trị dài hạn: làm sao mở rộng châu Âu về phía đông để bao gồm cả những nước cộng sản cũ. Và các chính quyền Anh luôn luôn biện luận một cách rất thành khẩn rằng việc cho những nước chư hầu cũ của Liên Sô gia nhập Liên Hiệp châu Âu là một trách nhiệm đạo đức. Điều mà người Anh không nói rằng việc tăng số thành viên của Liên hiệp châu Âu lên 25 đã khiến cho việc chi phối hoạt động của Liên Hiệp châu Âu bởi bất kỳ hai nước nào là một việc hầu như không thể được.

Một quy tắc chính của trò chơi chính trị châu Âu là mọi bên đều phải tìm cách biện minh cho các chính sách của mình bằng cách dựa trên những lý tưởng cao quý nhất. Thành ra có lẽ câu nói rõ nhất về chính sách của Anh đối với châu Âu không phải nằm trong bất kỳ một văn kiện chính thức nào của chính phủ mà lại ở trong một vở kịch TV cũ "Yes, Minister" vốn là một trong những chương trình TV ưa thích của bà thủ tướng Anh lúc đó trong những năm 1980, bà Margaret Thatcher. Trong một đoạn của vở kịch này, sir Humphrey, một công chức cao cấp trong bộ ngoại giao giảng giải cho ông bộ trưởng ngây thơ của mình "Ít nhất từ 500 qua, Anh quốc đã có cùng một mục tiêu trong chính sách đối với châu Âu: đó là giữ cho châu Âu phân hóa." Và Sir Humphrey giải thích thêm "Việc mở rộng Liên Hiệp châu Âu là then chốt. Càng có nhiều thành viên, càng có nhiều tranh cãi và như vậy châu Âu càng trở nên vô hiệu và tê liệt." Nhưng như tờ *The Economist* bình luận, "mọi sự trùng hợp giữa một vở kịch đã 25 tuổi với sự thực của cuộc sống cố nhiên chỉ là một sự trùng hợp."

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

XIN

Lậy ông đi qua , lậy bà đi lại, xin mở lượng hải hà bố thí cho con chén cơm chén cháo. Xin là hạ mình xuống làm bộ thảm khổ để gợi lòng thương của người khác. Để có được sự thảm khổ, phải trình diễn. Hồi tôi mới di cư vào Saigon, ngụ tại khu bình dân Cầu Ông Lãnh, hàng xóm của tôi là một anh thanh niên khỏe mạnh, chỉ phải cái tội hơi gầy ốm. Ngày anh đi làm, tối về la cà đi chơi nhà này nhà kia, hút điếu thuốc, uống chai la ve, như một người lao động chân chính. Cho tới một bữa, tôi tình cờ thấy anh lết ở phía bên ngoài chợ Bến Thành, chân đầy bông băng kín mít điểm thêm những vết máu đỏ rịn ra, mặt méo xẹo, miệng rên la thảm khổ. Chiếc mũ trên tay anh đầy một đống tiền. Trông thấy anh, tôi vội né. Cũng phải làm một chút việc thiện: chẳng nên mang sự ngượng ngùng đến cho người khác!

Anh hàng xóm của tôi thật sự là một người trình diễn. Bông băng hóa trang, buổi tối, khi trở về nhà như một người lao động chân chính, anh tháo ra được. Nhưng có những màn trình diễn bi thảm hơn nhiều, nhất là những "tài tử" được đẩy ra sân khấu lại là những trẻ em. Những người đã trở về Việt Nam chắc chẳng lạ gì với những cảnh những trẻ em tật nguyền, da bọc xương, nhếch nhác một cách đáng sợ bám sát theo để xin tiền. Nếu bạn có lòng thương người, móc tiền cho những đứa trẻ đáng thương này, đích thị bạn đã thương những tên đàn ông đàn bà ngồi đánh bài hoặc ăn uống gần đó. Vì chính những người này, sau chót, sẽ nhận được những đồng tiền bố thí của bạn! Bạn đã bị lừa! Những đứa trẻ khơi gợi lòng trắc ẩn của bạn chỉ là những con chim mồi.

Đây là một hoạt cảnh được mô tả trên tờ báo điện tử trong nước, tờ VnExpress, ngày 3 tháng 11 năm 2004: *"Bé gái độ 7 tuổi bế trên tay một hình hài quặt quẹo, nhỏ xíu, đôi mắt nhắm nghiền, rảo dọc các quán ăn trên đường Nguyễn Trãi. Nó van nài: "Cho con xin vài trăm đồng mua sữa cho em." Vài tờ tiền lẻ cũ kỹ, nhàu nát chìa ra. Nó chộp lấy và giúi vội vào cái ca nhựa rồi bước thẳng đến cột điện bên lề đường. Ở đó, một người đàn bà ngồi chờ sẵn. Mụ thò tay vào cái ca quơ sạch từ tiền giấy lẫn tiền cắc cho vào nón lá xốc xốc chừng để đếm, gầm gừ trong cổ họng: "Nãy giờ có nhiêu đây thôi sao? Ngu quá, mày phải dí sát đứa nhỏ vào người ta, để nếu bọn họ không động lòng thì cũng cho tiền để mày nhanh chóng biến đi, biết chưa?"*

Bài học về môn... xin mà đứa nhỏ vừa được giáo dục chỉ là một trong những mánh khóe moi tiền của bạn, của tôi. Còn nhiều chiêu khác dành cho những người có lòng: quỳ lậy cho tới khi khách phải bật tiền ra, dí sát thân hình hôi hám vào khách để... khủng bố, bám dai nhách như đỉa đói. Những đứa trẻ nhơ nhuốc này có khi là con cái của những... tiểu thương buôn lòng từ tâm của người khác, có khi chỉ là những đứa trẻ được họ thuê mướn. Có cả một thứ nghề gọi là nghề đẻ con để cho mướn, cũng như có cả sự bất nhân khi chọc mù mắt, bẻ gẫy xương trẻ em sơ sinh để tăng thêm... kịch tính!

Nhà văn Nguyễn Thụy Long, sau 1975, đã có lúc bị đời hành hạ đến phải ngủ đường ngủ chợ. Nhờ vậy mà ông ghi lại được những hình ảnh như không có thật. Trong cuốn *Thân Phận Ma Trơi*, được xuất bản năm 2000 tại Hoa Thịnh Đốn, đã... nhân chứng như sau: *"Trời bây giờ mới lất phất mưa. Tôi nhìn sang bên kia đường, những người hàng xóm của tôi lác đác tụ về. Qua màn mưa, tôi vẫn quan sát được họ: ông già cô đơn nằm cuối hàng hiên, gia đình mẹ mìn nằm kế, có anh chồng đui què mẻ sứt. Tôi nghĩ gia đình ấy hành nghề mẹ mìn vì có cả "cô lếch xông" con nít san sát tuổi nhau, mỗi sáng tôi thấy có người tới lãnh đi suốt ngày, tối trả về cho chị ta, tiền thuê mướn sòng phẳng, đôi khi còn kèm thêm quà cáp. Tối, chị điểm danh con, đếm như đếm vịt. Tối nay tôi nghe chị la lên:*

- Còn đứa vắt chân lên cổ nữa, sao giờ này nó chưa trả tao? Trời ơi, muộn chút nữa là nó phải trả thêm tôi hai ngàn, không thì tôi...

Anh chồng chột mắt, cụt giò đang gầy bếp lửa nấu nướng chi đó, gắt lên:

- Làm chi mà ồn vậy, con nhỏ mới ra nghề nhưng coi bộ củng đàng "goàng," mày thiệt...

Chị vợ lồng lên với cơn ghen, chửi chồng không thiếu một câu tục tĩu nào. Đổ thừa cho thằng chồng mê con ăn mày mới. Anh chồng cho con vợ lắm mồm một cái bạt tai, xáng luôn một cây nạng gỗ, rồi mọi chuyện êm ru. Anh chồng uống rượu, cuối cùng chui vào chiếu làm gì lục đục trong đó (tôi không biết). Dăm phút sau anh tạ chui ra chửi thề một câu:

- Lần này mà mày không đẻ thêm đứa nữa thì

chết mẹ với tao nghen. Nhớ lúc nào cũng phải khai là mới sanh lần đầu, đừng quờ quạng khai đã sanh nhiều lần, nó đè ra đoạn sản là mất giống. Tao sẽ bỏ mày, tao lấy con khác liền một khi. Đ. M. coi đứa nào hận đứa nào.

Mụ mẹ mìn nằm trong chiếu, thò đầu ra quác lên:

- Giỏi thì vô đây thằng đui què kia, đừng đổ thừa tao, tưởng bảnh hả?

Cùng lúc đó chị ăn mày bế thằng bé vắt chân lên cổ về. Chị ta moi tiền ra trả, nhưng mụ mẹ mìn không chịu:

- Đâu được mày, giờ này mày mới đưa con tao về, dễ gì... Đưa thêm tao, chớ không mai mày đi mướn chỗ khác nghen...

- Thì em đưa chị thêm một ngàn rồi.

Anh chồng tật nguyền đĩnh đạc ra vẻ một đàn anh đầu nậu chủ gia đình:

- Đâu được, tao không binh vợ, nhưng bà ấy nói có lý. Vì thương mày mới ra nghề, vợ chồng tao giao «cục vàng» cho mày. Mày phải biết làm cái chân nó vắt lên cổ nghệ thuật được như thế không phải dễ. Tao mất bao nhiêu công phu uốn nắn còn hơn mấy cha nghệ nhân uốn cây kiểng. Khai đi, khai thiệt đi, mày trúng mánh ở «tác phẩm» này phải không? Biết điều mai tao lại cho bế cây vàng của tao đi nữa, còn không thì biến đi nghe mậy!»

Loại... cha ăn mày như vậy người ta gọi là «cốc». Danh từ này ngày nay hình như đã mai một đi. Kể từ khi ông Kim Dung ông ấy phóng chưởng ào ạt vào nền báo chí của chúng ta. Chúng ta có một danh từ mới: Cái bang! Cái bang được tổ chức có hệ thống hơn. Chức lớn chức nhỏ không tính bằng lon lá mà bằng... túi. Càng nhiều túi càng... xếp. Tám túi là... thống tướng! Tha hồ lèn tiền của thiên hạ.

Bà Catherine Hebert có phải là một cái bang không? Bà chuyên môn đứng bán mấy cái nhãn dán và kẹo vớ vẩn ở khu thương xá *Eaton Center* ở Toronto. Chẳng ai thèm mấy cái đồ yêu đó nhưng mủi lòng vì những lời tả oán hoàn cảnh của bà nên thường cho tiền bà. Mấy anh nhà báo vô công rỗi nghề mới đây thử theo dõi và viết một bài báo về người đàn bà này. Bà đi... cốc bằng một chiếc xế Jetta đời năm 2001 và ở một căn nhà ba tầng lầu rất đẹp ở Hamilton, một thị trấn gần Toronto. Bà ăn mày loại xịn này bị lột mặt nạ. Bà bèn lên Montreal để tiếp tục... hành hiệp. Bà trấn đóng ở con đường thị tứ nhất thành phố là đường Ste Catherine. Báo chí nơi đây nhận diện được bà liền. Và họ nói chuyện với bà. Bà được dịp thanh minh thanh nga. *Tôi không ăn xã hội, tôi không làm điếm, tôi không bán xì ke ma túy. Tôi chỉ kiếm sống. Nếu người ta muốn cho tôi số tiền lẻ trong túi họ thì tôi vui vẻ nhận. Nhiều người còn làm những việc tệ lậu hơn tôi nhiều để kiếm tiền. Có sao đâu!* Bà kiếm tiền có hạch toán đàng hoàng. Bà chẳng ngại chi để cho biết là chỉ tiêu mỗi ngày của bà phải kiếm được là 75 đô. Dĩ nhiên, để làm mềm lòng những người dư tình thương người, bà phải có mánh khóe. Mánh của bà là dựng nên một câu chuyện đời thương tâm. «Tiểu thuyết» của bà được chính bà kể lại như thế này. Bà là sinh viên khoa Tôn Giáo tại Đại Học McMaster ở Hamilton nhưng vì hoàn cảnh gia đình bà phải tạm ngưng việc học. Bà muốn nhờ vào lòng quảng đại của mọi người để có thể tiếp tục việc học, ra trường và kiếm việc làm chứ đâu có muốn đứng đường đứng chợ như thế này. Có người mủi lòng đã không ngần ngại giúp cô sinh viên lỡ vận này nguyên một tờ bạc 5 đô ngon lành!

«Tiểu thuyết» của bà Catherine Hebert không ăn khách bằng «tiểu thuyết» của một bà gốc Việt ở Abingdon thuộc tiểu bang Illinois, bà Jennifer Nguyễn. Tôi rất thú vị vì là đồng hương với «nhà văn» mang họ Nguyễn này. Năm nay bà được 28 tuổi và tác phẩm của bà đầy phiền muộn. Bà bị đau não nguy kịch, con gái bà là Jade, ba tuổi đang bị ung thư chờ chết. Bà phổ biến ấn bản này tại một siêu thị. Chủ nhân siêu thị không cầm được nước mắt nên chung sức với nhiều tiệm buôn khác tổ chức quyên tiền giúp con người cùng khổ này. Cư dân bốn quận của tỉnh này đã quyên góp được tới năm ngàn đô để giúp bà. Một buổi gây quỹ vào ngày 15 tháng giêng vừa qua tại trụ sở hội *American Legion* tại Abingdon đã vừa quyên, vừa bán đấu giá, thu được gần 3200 đô. Nhưng rồi Cảnh Sát đã nghi ngờ và điều tra. Do lời khai của một thân nhân của bà Nguyễn, câu chuyện xạo của bà đã bị bật mí. Bà đã bị bắt và truy tố ra tòa. Nếu bị xử là có tội, «nhà văn» Jennifer Nguyễn có thể bị ngồi tù bóc tới năm cuốn lịch!

Nguy hiểm như vậy mà sáu ông bà nhà văn của chúng ta vẫn không sợ. Họ vẫn cứ... ăn mày! Chúng ta có cả một trang nhà của sáu nhà văn này mang tên *Ăn Mày Văn Chương*. Nếu truy cập vào địa chỉ www.amvc.free.fr chúng ta sẽ được coi hình chân dung rất không ăn mày của sáu vị này. Đó là các nhà văn và nhà phê bình: Miêng, Mai Ninh, Trần Vũ, Nam Dao, Phan Huy Đường và Phạm Trọng Luật. *«Ăn mày là xin người khác một điều gì và chỉ được toại nguyện khi người khác tự nguyện cho. Kẻ sa cơ thất thế, bị dồn vào cảnh bần cùng vô vọng, ăn mày cơm áo. Tất nhiên nó tự thấy nhục. Nhưng chính*

Tôi cũng thấy nhục, thấy bị xúc phạm mỗi khi phải đương đầu với một người ăn mày vì Tôi cũng là người, không chấp nhận được con người phải như thế và không thể làm người một mình được. Đây là điều ám ảnh Tôi miên man. Chúng Tôi không thuộc loại ăn mày này.»

Vậy các ông bà nhà văn thân mến của chúng ta thuộc loại ăn mày nào? «*Khi Tôi đọc văn của người khác, điều đầu tiên Tôi cố gắng làm là quét sạch kiến thức của Tôi để có thể đón nhận một con người khác Tôi, trong tư thế của một con người tự do, bình đẳng và trìu mến. Đó, với Tôi, là thái độ ăn mày văn chương.*»

Và sáu vị đã có tên tuổi trong văn đàn hải ngoại chia nhau đi tìm những tác phẩm họ ưng ý của những người viết khác, ăn mày những tác phẩm này, mang về để lên *website* cho mọi người thưởng lãm.

Ăn mày sang như vậy không có mặt nhà văn cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi Nguyễn Thụy Long. Ông này đi ăn mày thiệt! Sau khi bị giam gần bốn năm tù vì tội là nhà văn trong chế độ cộng sản, ông được thả ra từ trại giam mang bí số Z30A Xuân Lộc, Đồng Nai. Bạn cùng ra tù với ông là ông cựu Luật Sư Triệu Bá Thiệp. Vừa ra khỏi trại giam, hai ông thèm phở quá nên dùng số tiền về xe trại cấp phát để ăn phở. Ăn xong, túi nhẵn thín, thân đang ở Xuân Lộc, làm sao bò về Saigon? «*Chúng tôi đồng loạt vận quần áo bà ba màu xanh nước biển, áo quần đều có in bí số trại học tập cải tạo, kẻ đi đất, người đi dép râu. Ai nhìn cũng biết ngay là tù. Số tiền được cấp phát để «về quê» sau ba năm lao động học tập cải tạo đủ ăn một bữa, đến vèo một cái, miệng còn chua. Đường về thành phố Saigon còn xa quá! Chúng tôi đi ăn mày ở thị xã. Ngượng miệng rất là khó nói. Tôi đùn cho Triệu Bá Thiệp:*

- Anh xin đi, anh là luật sư quen ăn nói.

- Bố láo, tôi ăn nói, bào chữa ở tòa án chứ đâu có gào ăn xin bao giờ! Anh cũng là nhà văn nhà báo quen ăn nói vậy!

- Tôi chỉ gào thét bằng chữ chứ chưa hề lạy ông, lạy bà.

Chúng tôi suýt nữa cãi nhau. Đang đôi co thì có một tay khác, chú Hạp gọi giật giọng:

- Lại đây đi xe về Saigon, đồng bào thuê nguyên một xe cho mình!»

Ngày tôi từ trại cải tạo về, xe nhà binh dừng đổ cải tạo viên xuống ngay tại vườn Tao Đàn giữa đám đông nghẹt bà con buôn bán tại các khu lân cận tựu về. Trước đó, khi xe chở chúng tôi chạy ngang chợ Bến Thành, đồng bào đang mua bán đều ngưng tay, ngước nhìn lên và reo vang. Họ túa nhau chạy theo xe. Chúng tôi xuống xe, lòng vui như mở hội. Mọi người xúm xít hỏi thăm từ trại nào về. Người nắn tay, người ôm vai, bánh trái, trái cây được tiếp tế cho chúng tôi. Nhiều giọt nước mắt đã nhạt nhòa làn rụa. Nước mắt của cả lũ cải tạo chúng tôi và của cả một khối đồng bào ruột thịt vây quanh chúng tôi. Chúng tôi ai nấy đều mong muốn thoát ra khỏi được đám đông để vội về với gia đình. Vậy mà len lỏi, vừa nhích đi vừa dừng lại trong vòng tay của những người không thân nhưng rất tình nghĩa đồng bào, tôi mới ra được tới cửa vườn Tao Đàn, phía đường Hồng Thập Tự. Vài anh xe ôm, vài bác xích lô trờ tới, ai cũng như muốn tôi lên xe. Tôi lên đại yên sau của chiếc xe ôm gần nhất để về Thị Nghè. Dọc đường, anh xe ôm trạc gần bốn chục tuổi hỏi tôi không dứt về những ngày tù tội. Tới nhà, tôi nói anh chờ tôi vào nhà lấy tiền ra trả. Anh xe ôm gạt đi. *Tiền bạc gì! Các thầy về là chúng tôi mừng rồi. Thầy nhớ giữ gìn sức khỏe. Cực nhọc chưa phải là hết đâu!*

Chúng tôi, những người tự nghĩ mình chưa làm tròn bổn phận với đất nước, còn muôn vàn may mắn hơn những người bạn hiện vẫn còn chưa được ra tù, vậy mà lại được những người tình cờ gặp được hôm nay, dành cho tấm lòng ruột thịt đến như vậy.

Chúng tôi không xin nhưng vẫn được cho!

05/2005

CỎ

Tiếng Anh có từ *hair* rất dễ chịu. *Hair* là *hair* tuốt tuột. Vì thế khi kịch *Hair* ra đời người ta chẳng cần biết *hair* này là *hair* nào. Tiếng Việt của chúng ta khó tính hơn nhiều. *Hair* ở trên đầu thì là tóc. *Hair* mọc ở ngoài cái đầu thì lại là lông. Nói tới từ lông nhiều khi chúng ta ngại miệng. Nó không được thanh. Thi sĩ Bùi Giáng chắc cũng ngại như vậy nên khi hỏi thăm người em gái ở xa, ông rất thơ.

Bây giờ em ở nơi đâu?
Cỏ trên mình mẩy em sầu ra sao?

Ờ thì cỏ. Nhưng lông mi chẳng lẽ lại gọi là cỏ mi? Nghe không đắt. Mà việc chi phải cỏ! Lông mi là một nét đẹp, cớ gì bắt nó mai danh ẩn tích? Đừng làm cái chuyện mà một ông thi sĩ khác, ông Quan Dương phải buồn.

Ai thả mây làm thu bâng khuâng?
Để lá rơi thừa thãi lời buồn
Lòng chẳng yên lành như bữa trước
Giết chết anh rồi sợi mi cong.

Sợi mi cong của người em nhỏ làm dấu ấn cho khuôn mặt thân thương. Bên cạnh lông mi, chúng ta có lông mày. *Mi* đi với *mày* bạn bè hết biết! Đẹp như ca dao.

Cầu này là cầu ái ân,
Một trăm con gái rửa chân cầu này
Có rửa thì rửa chân tay,
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh.

Xuống một chút xíu nữa, đi ngang qua sống mũi, chúng ta tới một vùng cũng có thể rậm rì. Những sợi lông mọc ở đây nó lại mang tên khác: ria! Nó là nét nam nhi của giới mày râu. Cứ tưởng tượng ông Clark Gable, ông Hitler hay ông Charlot không có tí «tóc» ở đây thì nó ra làm sao. Khó coi lắm! Tôi không có ria, đúng ra là sáng nào tôi cũng cạo ria, nhẵn nhùi nhụi, thế mà trông vẫn được. Chắc nhiều người trong chúng ta cũng vậy. Chúng ta ăn đứt các ông nổi tiếng trên! Nhưng nếu các bà mà lại có tí ria thì rất phiền phức. Các bà Việt Nam chúng ta ít mang nỗi phiền muộn này, nhưng các bà Trung Đông, Nga hay Nam Âu thì không được may mắn như vậy. Tại sao vậy? Có nhiều nguyên nhân lắm. Có thể đó là hậu quả của sự rối loạn chức năng của tuyến thượng thận và buồng trứng, làm tăng nồng độ của nội tiết nam (*testosteron*) trong máu dẫn đến kích thích mọc nhiều lông ở một số vùng phụ thuộc trong đó có mép. Cũng có thể đó là hậu quả sau nhiều ngày dùng một số thuốc như *minoxidil, diazoxide, cocticosteroid, phenothiazin*... Thường thì sự tăng lông này có đi kèm với việc mọc trứng cá hoặc một số triệu chứng nam tính như giọng nói ồ ồ, tác phong và tính tình cứng rắn, thậm chí có bà còn không có kinh nguyệt! Chứng tăng lông này thông thường không ảnh hưởng tới sức khỏe nhưng bộ ria mép không mời mà tới này rất phiền phức cho cuộc sống, mang lại mặc cảm và sự thiếu tự tin khi giao tiếp với người khác. Muốn bứng đi cái bộ ria đáng ghét này, tùy theo từng bệnh, người ta có thể dùng các phương pháp diệt lông tại chỗ như: nhổ, cạo, đốt điện, bôi kem có sáp ong, dùng kem làm trắng lông hay dùng các loại thuốc nhổ lông như Cleo, Web... Hoặc, nếu cần, có thể dùng các loại thuốc ức chế nội tiết tố nam như *glucococticoit, cimetidin* hay *ketoconazole*. Dù dùng cách nào đi nữa, cũng phải do bác sĩ hướng dẫn sử dụng và theo dõi chặt chẽ vì chúng dễ gây phản ứng phụ.

Các bà ghét anh chàng ria nhưng số đông các ông lại thích. Không những thích ria mà còn thích cái thứ vượt qua miệng mà mọc là râu. Đàn ông mà mồm miệng không có tí râu tí ria trông nó nhạt nhẽo ẻo lả lắm. Nhiều khi bị các em nghi ngờ không phải là... thứ thiệt! Không có thì phải bỏ tiền ra làm cho có với người ta. Dịch vụ cấy râu ra đời. Cấy ra làm sao? Trong các thẩm mỹ viện người ta lột một mảng da đầu lấy chân tóc cấy vào chỗ muốn mọc râu. Nói thì dễ nhưng mỗi ca cấy râu phải mất từ sáu đến tám tiếng đồng hồ. Tóc trở thành râu, chúng có... nhập giang tùy khúc không? Không! Bắt mang thân phận râu nhưng tóc vẫn cứ bướng bỉnh giữ lấy dòng giống. Kết quả là một sự... khóc cười theo râu tóc nổi trôi. Được cấy vào mép, tóc không mọc xuôi về khóe miệng như sự xếp đặt của con Tạo mà khi dài ra, nó cứ rũ xuống như liễu rủ màn che. Cắt ngắn đi thì anh tóc giả râu lại chơi trò chĩa ra phía trước như một cái bàn chải! Còn tóc mà bắt đội lốt râu thì chúng cứ rũ xuống như râu mấy anh dê già trông rất khó coi. Khi râu... gốc tóc dài thì cũng không cạo được vì cạo là hư chân tóc được ghép vào sống rất èo uột trên cằm. Chỉ còn cách dùng kéo cắt tỉa cho gọn! Giá cấy một bộ râu quai nón tại Việt Nam khoảng 30 đến 40 triệu đồng, râu Beckham từ 15 đến 20 triệu, râu Hitler khoảng 10 triệu đồng!

Các đấng mày râu được tạo hóa rộng lượng ban cho bộ râu rậm rạp tự nhiên thì lại làm tới. Chơi râu! Các tay chơi này uốn tỉa bộ râu như uốn tỉa cây cảnh. Ở Việt Nam bây giờ chơi râu là một cái mốt. Anh râu thì tôi cũng phải râu! Mà râu phải độc đáo, sáng tạo mới không đụng kiểu. Có anh mỗi tháng chơi một kiểu râu. Có bao nhiêu kiểu? Không ai đếm được vì nó biến hóa vô lường. Kiểu lọ nghẹ: cạo sạch bộ râu quai nón, chỉ chừa lại đúng một chỏm ở cằm dài chừng ba phân chạy từ mép môi dưới thẳng xuống cằm. Kiểu nhà lá: râu mép để thưa, sợi này chồng lên sợi kia, hai bên để hai đường mảnh tạo thành bằng một hai sợi râu thôi chạy thẳng xuống cằm, nhìn rất giống nhà mái lá trong tranh vẽ của con nít! Kiểu Quan Trường: mép ngắn, một đường giữa và hai đường bên cằm. Kiểu sư phụ: một chỏm rậm dài khoảng bảy phân từ dưới cằm tỏa xuống. Kiểu vòm: những sợi ria mảnh mai, nhạt, chạy vòng quanh mép kéo thẳng xuống hai bên.

Có râu, uốn éo chơi râu, chuyện thường. Ai mà *care*? Nhưng ông Stockwell Day thì lại không có cái tự do như vậy. Ông này là cựu Đảng Trưởng Đảng Liên Minh Canada, một đảng đối lập trong Hạ Viện. Mới đây ông cùng ba Dân Biểu khác đi công du bốn quốc gia vùng Trung Đông là Ba Tư, Ả Rập Seoudite, Ai Cập và Thổ Nhĩ Kỳ. Rủi ro hành lý của ông bị thất lạc tới chậm mất một ngày, ông không có đồ cạo râu, nên râu ria có hơi dài. Bỗng ông nảy ra ý định... ngoại giao. *Chung quanh tôi ai cũng để râu nên tôi thấy mình cũng nên để râu cho giống với người ta!* Hai tuần sau, ông vác

bộ râu đó về Canada. Báo chí đăng hình ông với bộ râu và làm một cuộc thăm dò. Dân chúng khoái bộ râu! Nhưng ngày hôm sau, khi tới họp ở Hạ Viện, cằm ông lại trơn tru sạch sẽ như xưa. Hỏi, ông mới thổ lộ tâm tình. *Mọi người thích bộ râu, nhưng bà xã tôi đã bỏ lá phiếu chót!*

Râu xuống đến cằm là hết đất sống. Đi xuôi xuống miền nam là một chủng loại khác, thứ mà ông Bùi Giáng gọi là cỏ. Cỏ khác tóc và râu ra sao? Cứ hỏi ông Thần Đèn Aladin khắc biết. Khi hai vợ chồng hoàng tử đang vui vẻ với nhau, công chúa bỗng sơ ý đụng phải cây đèn thần. Thần Đèn bèn hiện ra chờ lệnh sai bảo. Hoàng tử muốn Thần Đèn xê ra cho người ta... vui thú điền viên, bèn giao cho Thần Đèn một công việc thật khó. *Ngươi xây cho ta một cung điện thật lớn trên đỉnh núi kia!* Chỉ hai phút sau Thần Đèn đã dẫn xác vào báo cáo hoàn thành nhiệm vụ và đợi lệnh mới. Hoàng Tử nghĩ ngợi rồi ra lệnh. *Ngươi dời tất cả những ngọn núi xung quanh nhà ra xa năm ngàn dặm cho ta!* Năm phút sau Thần Đèn đã lại vào chờ lệnh. Hoàng Tử tức tối ôm đầu chịu thua, bỏ đi ngủ. Lúc đó công chúa mới gọi Thần Đèn ra một chỗ, nói nhỏ. Từ đó tới sáng, không thấy Thần Đèn đâu nữa. Hoàng Tử và Công Chúa mặc tình vui vầy với nhau. Sáng hôm sau, khi thức dậy, Hoàng Tử bỗng nghe thấy tiếng thút thít ngoài cửa. Mở cửa ra coi thì thấy Thần Đèn đang khóc. *Tại sao ngươi lại ngồi khóc ở đây?* Thần Đèn vừa thút thít vừa thưa. *Tối qua Công Chúa đưa con sợi này bảo vuốt thẳng nó ra mà con vuốt mãi nó vẫn cứ xoăn tít, con không biết phải làm sao nữa!*

Có trời mới vuốt thẳng được những sợi mọc trên thân thể loài động vật có vú! Con người là một loài có vú khá trơn tru sạch sẽ. Cứ so với loài linh trưởng gần với con người nhất thì thấy. Thí dụ như khỉ cũng lông lá rậm rì khắp thân thể. Có lông là đặc tính của loài có vú. Trong số hơn năm ngàn loài có vú chỉ có dăm ba loài không có lông như voi, tê giác, hà mã, cá voi, chuột chũi... Lý do là voi và tê giác là những con thú lớn sống trong môi trường nóng và gặp khó khăn trong việc làm mát cơ thể nên không có lông. Cá voi sống trong nước và hà mã sống vừa nước vừa cạn nên cũng không lông tóc gì ráo. Chuột chũi sống trang hang, nơi nhiệt độ không dao động nhiều như trên mặt đất. Con người cũng... lông như ai nhưng ngắn và mịn nên không nhìn thấy. Nếu tính theo số nang lông thì con người cũng có số nang ngang ngửa với loài khỉ cùng kích thước. Chúng ta cứ thử quan sát làn da của chúng ta thì biết. Lỗ chân lông nằm khắp nhưng lông thì không nhìn thấy.

Tại sao chúng ta lại suy thoái lông như vậy? Có nhiều lý thuyết cố giải thích. Một trong những lý thuyết phổ biến nhất trong nhiều thập niên cho rằng lý do lông nơi con người mịn và ngắn dần là để giữ mát. Lông tóc quá rậm rạp sẽ làm thân nhiệt tăng cao có hại cho thân thể. Khi con người có thể đứng thẳng và đi ra từ rừng thảo nguyên, nhiều lông sẽ có hại dưới ánh mặt trời. Giả thuyết này khó đứng vững vì, cùng sống ở thảo nguyên, chẳng có loài thú nào mà lại... *no hair* như con người. Da trần làm giảm nhiệt nhưng đồng thời cũng dễ bị ánh nắng mặt trời hâm nóng hơn và dễ bị nhiễm lạnh khi màn đêm buông xuống.

Hai nhà khoa học Mark Pagel của Đại Học Reading và Walter Bodmer thuộc bệnh viện Radcliffe ở Oxford bên Anh lại đưa ra giả thuyết khác. Hai ông tin rằng ký sinh trùng là chìa khóa giải bài toán không lông của con người. Giảm lông là để giảm môi trường sinh sôi của các ký sinh trùng như bọ chét, một tác nhân truyền bệnh. Khi con người thời săn bắn-hái lượm sống gần nhau, tốc độ lây lan ký sinh rất cao, da không lông dễ giữ sạch sẽ hơn. Lúc đó, con người không cần giữ ấm bằng lông mà đã có quần áo, nơi cư trú, lửa sưởi ấm.

Năm 1874, nhà sinh vật Charles Darwin đã viết: «Tại các vùng nhiệt đới, không lông sẽ giúp con người thoát khỏi các ký sinh.» Một số bức vẽ trong các hang động cũng ghi lại hình ảnh con người cạo lông, râu để chống những sinh vật ăn bám tai hại này. Họ dùng vỏ sò để cạo lông. Sau đó, tới thời đại đồ đá, con người mới chế ra dao cạo. Lý thuyết này cũng giải thích tại sao đàn bà ít lông hơn đàn ông. Cả hai giới tính đều có xu hướng chọn người ít lông vì sẽ ít bị lây bệnh, nhưng xu hướng này nơi đàn ông mạnh hơn nơi phụ nữ, vì vậy phụ nữ ghét có lông trên cơ thể mình hơn là đàn ông! Lập luận của lý thuyết này nghe không ổn lắm. Nếu nói lông là môi trường cho ký sinh ẩn nấp thì tại sao nách và vùng kín, hai nơi ẩm thấp rất thuận lợi cho ký sinh trùng phát triển thì lại có nhiều lông hơn thay vì biến mất trong quá trình tiến hóa? Theo một số người phản bác lý thuyết này thì ký sinh chỉ trở thành vấn đề cho con người khi họ sống trong hang hốc kín đáo, còn không lông thì đã tiến hóa trước đó khi con người cổ đại bắt đầu đi thẳng cách nay hơn hai triệu năm!

Robin Dunbar thì lại mặn với lý thuyết con người không có lông để giữ mát và giúp cho con

người di chuyển nhanh nhẹn hơn. Nhiều người lại cho rằng lông hay không lông là tùy theo loài và tùy môi trường sống. Chẳng hạn voi sống trong môi trường lạnh sẽ trở thành voi *mammouth* có lông. Quan sát chung quanh, chúng ta dễ thấy những giống dân sanh đẻ và định cư ở những vùng lạnh lẽo thường có lông nhiều hơn những giống dân ở những vùng nhiệt đới.

Suy thoái lông nơi con người là một điều hiển nhiên dù vì bất cứ nguyên nhân nào. Nhưng đôi khi do sự sơ ý của tạo hóa, một vài con người vẫn cứ lông như xưa. Con số không nhiều. Cứ một tỷ người mới có một người... dính chấu. Từ thời Trung Cổ đến nay người ta mới đếm được có 50 người... rừng này. Năm 1547, dưới triều vua Pháp Henry II, một ông vua rất khoái những chú hề hay những chú lùn làm trò mua vui, người ta đưa đến cho ông một cậu bé 10 tuổi, nửa người nửa thú. Toàn bộ khuôn mặt, từ trán đến mũi, má, tai, cằm đều bao bọc bởi một lớp lông màu hung dài khoảng 10 phân. Chỉ có cặp mắt và đôi môi là được tha. Tên cậu ta là Pedro Gonzalez, sinh ở Teneriffa, Tây Ban Nha. Cậu chăm chỉ học tiếng Pháp và tiếng La Tinh rồi được sung vào đội hầu cận của nhà vua. Sau đó cậu được một công chúa Pháp để mắt đến. Họ có rất nhiều con trong đó có ba gái và hai trai cũng rậm lông như bố! Gần đây hơn, Bác sĩ Nhi khoa Baumeister đã phát hiện ở Đức một cô gái 14 tuổi có một lớp lông phủ trên mặt và toàn bộ vùng lưng. Cứ mỗi hai tuần, cô phải mất hàng tiếng đồng hồ để cạo lông. Cách đây vài năm, tại một vùng núi hẻo lánh gần biên giới Trung Quốc, người ta phát hiện một cậu bé sáu tuổi trên người phủ một lớp lông dày đặc như lông khỉ. Cậu bé này vẫn phát triển bình thường. Tại sao lại có những con người hẩm hiu như vậy? Theo các nhà khoa học thì nguyên nhân là vì một sai lệch về gene làm cơ thể không điều khiển được chu trình sinh trưởng của lông. Sự sai lệch này có thể xuất phát từ một gene có trong động vật tiền thân của con người. Vẫn theo các nhà khoa học, nhiều gene đó vẫn còn ngủ trong bộ gene của con người ngày nay. Trong quá trình tiến hóa, chúng chỉ bị khóa lại mà thôi. Dưới một tác động đột biến nào đó, gene này sẽ bị đánh thức. Thế là lông um tùm!

Chúng ta ngày nay trơn tru là kết quả của bao nhiêu ngàn năm tiến hóa. Nhưng có những vùng trên cơ thể chúng ta vẫn chưa... tiến hóa được là tại sao? Các nhà khoa học lý giải rằng câu trả lời nằm ở sự hấp dẫn giới tính vì chính tại những vị trí bí hiểm này mùi đặc trưng nam nữ phát sinh rõ nhất!

Chẳng là khoa học gia, chắc mỗi người chúng ta cũng cảm thấy như vậy. Đó là những nẻo về miệt mài trải dài từ thế hệ này qua thế hệ khác. Thứ cỏ nha phiến đó là thứ mà thơ văn thường mon men tới.

lửa rạo rực còn nguyên trong mạch máu
sóng cuồng quay ẩn náu dưới làn da
gỡ mưa mềm cho nắng ấm phù sa
cởi sương mỏng — thôi ngượng ngừng mắc cỡ
em hoang dại cồn dâng vùng rêu cỏ
(Hoàng Anh Tuấn)

Cồn lau cỏ lách là chốn thơ của Bùi Giáng. Nhà thi sĩ bất cần đời này lại vẫn cứ thiết tha ôm lấy tinh hoa của cuộc sống.

Đường cong có cỏ mọc ven bờ
Đứng trong vườn rậm lá chuối tơ
Chó sủa sớm chiều đi qua ngõ
Gà con mất mẹ chạy bâng quơ

Cá ở ngoài khe có ít nhiều
Cồn lau cỏ lách có hoang liêu
Em về có hỏi răng ri rứa
Nhắm mắt đưa chân có bận liều

Cũng đậm đà với cỏ, cũng mượt mà với thơ, Luân Hoán lăn từ bờ cỏ này đến bờ cỏ khác. Lăn mà vẫn nhìn được cỏ, thế mới tài.

đồi cao, cỏ tỉa gọn gàng
con chim mở mắt làng quàng muốn bay
đầu trần trụi, đứng, loay hoay
mùi hương phấn cỏ ứa đầy môi hoa
nguyệt đong đưa ánh nhạt nhòa
rừng trầm bỗng nổi điệu ca huê tình

Thơ đã mon men thì văn cũng mon men. Ông bạn văn Kiệt Tấn của tôi hết đen nhánh "Đêm Cỏ Tuyết" lại vàng hoe "Người Em Xóm Học."

"Hơi thở nồng nàn chụp phả nắng ấm hơ sưởi đồi xuân, trên đỉnh đồi còn in dấu tam giác trắng tinh khuất nắng. Hai dốc đồi hun hút đổ xuống một khe thung lũng thẳm sâu, chân nàng khép hờ, cỏ óng vàng bắt đầu xuất hiện lơ thơ e dè dưới đáy lũng."

Mấy trăm năm trước, Nguyễn Du cũng cỏ đã từng

Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

Sao lạ vậy cà? Cỏ làm gì có cỏ xanh! Màu gì khác thì được chứ xanh thì nhất định không có. Ai đánh cuộc cái gì tôi cũng cuộc hết! Thi hào Nguyễn Du chắc đã bị bệnh loạn sắc!

03/2005

Website: www.songthao.com

GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU SỬ HỌC CỦA SỬ GIA LÊ MẠNH THÁT

NGUYÊN SIÊU

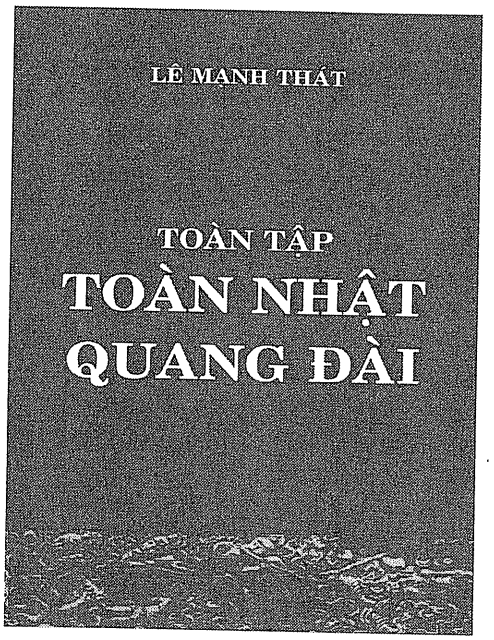

Nhìn tổng quát công trình nghiên tầm, khảo cứu các văn kiện, tài liệu cổ để tập thành các tác phẩm qua các bộ môn: Lịch Sử, Văn Hóa, Văn Học, Âm Nhạc, Triết học, Thiền học... của Tiến sỹ Sử gia Lê Mạnh Thát là một thành quả to lớn được kết tinh bởi một trí tuệ siêu tuyệt, một khả năng hy hữu, một thời gian liên lũy, lâu dài, qua nhiều thập niên. Đó là những yếu tố mà ít người có được, để lưu lại cho hậu thế những thành quả văn học đồ sộ và chuẩn xác trên dòng sử mệnh quê hương.

Là đóa hoa ưu tú, tinh ba của dân tộc, là bậc kiệt xuất anh tài của Phật Giáo Việt Nam, sử gia Lê Mạnh Thát đã khai quật những nguồn tài liệu vô cùng quý giá mà suốt một dòng thời gian hơn 2000 năm qua bị tản thất, vùi dập trong sự lãng quên. Thầy đã khám phá những chứng tích lịch sử mà từ trước đến nay chưa được thấy trên diễn đàn văn học nước nhà. Từ đó Thầy đã cống hiến những tác phẩm dày công sưu khảo, đầy giá trị sử học vào kho tàng Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam ngày thêm phong phú và đa dạng. Chúng tôi kính giới thiệu đến quý vị một số tác phẩm như sau:

1. Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam – 3 tập.
2. Tổng Tập Văn Học Phật Giáo Việt Nam – 3 tập.
3. Toàn Tập Minh Châu Hương Hải.
4. Toàn Tập Trần Thái Tông.
5. Toàn Tập Trần Nhân Tông.
6. Toàn Tập Toàn Nhật Quang Đài.
7. Nghiên Cứu Về Mâu Tử – 2 tập.
8. Chân Đạo Chánh Thống.
9. Lịch Sử Âm Nhạc Phật Giáo Việt Nam.
10. Tự Điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam – 2 tập.
11. The Philosophy of Vasubandhu.
12. Ngữ Pháp Tiếng Phạn

Từ những tác phẩm trên, và qua lời tựa của tác phẩm Tổng Tập Văn Học Phật Giáo Việt Nam, đã tạo nên những cảm xúc thâm trầm cho thấy Phật Giáo Việt Nam và dân tộc Việt Nam đã hòa quyện với nhau kể từ khi Phật Giáo được truyền vào quê hương Việt Nam cho đến ngày hôm nay. Suốt một dòng lịch sử hơn 2000 năm qua, Phật Giáo đã hòa mình theo vận nước, đã thăng trầm theo thời cuộc. Chưa có một thời gian nào, một triều đại nào mà Phật Giáo tách khỏi dân tộc, không cùng chung vai gánh vác sơn hà xã tắc qua những cơn nguy biến.

Trong chiều dài lịch sử đó, Chư vị Thiền Sư, quý Phật tử đã thực sự đem tài ba lỗi lạc của mình, đem trí não tâm linh để tài bồi xây dựng cho kho tàng văn hóa nước nhà có được những tư liệu đồ sộ, giá trị quý báu.

Tuy nhiên, cho đến ngày hôm nay, công trình khảo cứu vẫn chưa hoàn tất trọng nguồn tư liệu có được. Chúng ta phải dày công nghiên cứu và đóng góp nhiều hơn nữa để khai triển và hệ thống hóa một cách nghiêm túc trên nền tảng các chứng tích, tư liệu đó. Chúng ta cần gia công bảo trì và phát triển nền văn hóa dân tộc ngày thêm lớn mạnh, nhằm góp phần xây dựng đời sống văn

minh tiến bộ và thánh thiện cho con người hôm nay và mai sau.

Qua lời đầu sách đã cho chúng ta một ý thức rằng kho tàng tri thức của các Thiền sư và Phật tử còn tàng trữ quá nhiều ở các ngôi cổ tự, đại tòng lâm. Dưới những mái chùa mà thời gian đã hóa thành rêu phong phủ kín đã lưu xuất những bông hoa trí tuệ để cống hiến cho nền Văn hóa đặc thù của dân tộc quê hương.

Nội dung của Tổng Tập Văn Học Phật Giáo Việt Nam quyển I khảo cứu về Mâu Tử, Lý hoặc Luận và Khương Tăng Hội.

Lời dẫn về Lý hoặc Luận:

"... Trong cuộc đấu tranh và phát triển đầy cam go gian khổ, nhưng cũng đầy hào hùng hoành tráng của dân tộc, mỗi khi lịch sử bước vào những giây phút thử thách gay gắt quyết liệt, sống mái với kẻ thù, những khuôn mặt anh tài luôn luôn xuất hiện đứng ra gánh vác trách nhiệm, góp sức đưa con thuyền dân tộc đến bến vinh quang. Vào cuối thế kỷ thứ II, sau dương lịch, dân tộc ta đang đối đầu với viễn ảnh có thể bị đồng hóa vào nền văn hóa Trung Quốc, thì một khuôn mặt anh tài đã ra đời, đó là Mâu Tử cùng tác phẩm Lý hoặc Luận nổi tiếng của ông."

Qua phần II, tác giả trình bày về Khương Tăng Hội - Cuộc Đời và Sự Nghiệp:

"... Kể từ ngày Trần Văn Giáp giới thiệu Khương Tăng Hội như một trong những nhà truyền giáo đầu tiên của đạo Phật ở nước ta, những người viết sử về sau đã tiếp tục đánh giá vị trí, vai trò cũng như những đóng góp của Khương Tăng Hội đối với lịch sử dân tộc Việt, không hơn không kém là một nhà truyền giáo đầu tiên. Việc giới thiệu sai lầm này dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng, mà một trong những số đó là việc nghiên cứu Khương Tăng Hội đã không được tiến hành nghiêm túc để khám phá những đóng góp của Khương Tăng Hội không những đối với lĩnh vực lịch sử Phật Giáo Việt Nam, mà còn với nhiều lãnh vực khác nữa, đặc biệt là lĩnh vực lịch sử với truyền thuyết trăm trứng và lịch sử ngôn ngữ tư tưởng và văn học Việt Nam. Ngày nay, với những thành quả nghiên cứu có được, chúng ta có thể khẳng định Khương Tăng Hội không phải một nhà truyền giáo đầu tiên của Phật Giáo ở Việt Nam, mà là một thành tựu đầu tiên của nền Phật Giáo ấy, để cùng với Mâu Tử hình thành một mặt trận văn hóa phản công lại những trận tiến công như vũ bão của nền văn hóa nô dịch Trung Quốc đang xảy ra vào thời đó, và khẳng định sức sống ưu việt của nền văn hóa Việt Nam và Phật Giáo Việt Nam."

Mỗi khi đề cập đến Khương Tăng Hội thì chúng ta không thể không nói đến Lục Độ Tập Kinh. Đây là tác phẩm nổi tiếng của Ngài. Qua công trình sưu khảo và nghiên cứu Lục Độ Tập Kinh. Thầy viết:

"... Nếu lịch sử văn học và văn hóa thành văn thời Hùng Vương còn để lại cho đến nay qua một bài Việt Ca duy nhất còn đang bàn cãi thì lịch sử văn học và văn hóa Việt Nam sau thời Hai Bà Trưng và trước Lý Nam Đế có thể được nghiên cứu qua một loạt những tác giả lớn như Mâu Tử, Khương Tăng Hội, Đạo Hinh, Đạo Cao, Pháp Minh và Lý Miễu, trong đó nổi bật nhất là Khương Tăng Hội với Lục Độ Tập Kinh.

Lục Độ Tập Kinh là văn bản đầu tiên và xưa nhất ghi lại tình tiết 100 trứng của truyền thuyết khởi dân tộc tính. Lục Độ Tập Kinh cũng là tác phẩm đầu tiên và xưa nhất ngoài bài Việt Ca, còn bảo lưu được một số trên 15 trường hợp các cấu trúc ngữ học theo văn pháp tiếng Việt và cung cấp một số lượng đáng kể các tá âm cho việc nghiên cứu tiếng Việt cổ và phục chế lại diện mạo tiếng nói ấy cách đây 2000 năm. Lục Độ Tập Kinh còn là nơi tập đại thành những chủ đề tư tưởng lớn của dân tộc như nhân nghĩa, trung hiếu, đất nước, mất nước v.v... làm cột sống cho chủ nghĩa nhân đạo Việt Nam và truyền thống văn hóa Việt Nam. Lục Độ Tập Kinh còn là văn bản thiết định những chủ đề tư tưởng lớn của Phật Giáo Việt Nam, làm tiền đề cho những phát triển tư duy Phật Giáo Việt Nam, mà thành quả đầu tiên phát hiện cho đến nay là sáu lá thư trao đổi giữa Lý Miễu, Đạo Cao và Pháp Minh vào khoảng những năm 450.

Lục Độ Tập Kinh vì thế là một tác phẩm văn học lớn không chỉ của lịch sử Phật Giáo Việt Nam mà còn là lịch sử văn học tư tưởng và văn hóa dân tộc."

Để thấy rõ hơn về nội dung tư tưởng Lục Độ Tập Kinh, đủ nguồn cảm hứng và khả năng truyền tải giá trị cao thượng, xây dựng đời sống dân sinh thăng hoa trên giai tầng tâm linh mà còn là bản kinh lòng, lời kinh ruột của Bồ Tát đạo, Bồ Tát hạnh và Bồ Tát nguyện:

"... Lục Độ Tập Kinh như nhan đề chỉ ra, là một tập kinh trình bày sáu hạnh vượt bờ của Bồ Tát, tức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Lý tưởng Bồ Tát trong thời kỳ đầu của Phật Giáo ở nước ta, do thế, đã được xiển

dương mạnh mẽ, đề cao những con người có lòng thương rộng lớn đối với tất cả người vật (bố thí), tự mình kiểm soát lấy mình (trì giới), kiên trì chịu đựng gian khổ, khó khăn (nhẫn nhục), năng động phấn đấu hoàn thành mục tiêu đã định (tinh tấn), bình tĩnh (thiền định) và sáng suốt (trí tuệ). Mẫu người lý tưởng của Phật Giáo, mẫu người có lòng thương, có kỷ luật, kiên trì, năng động, bình tĩnh và sáng suốt, được định hình và kế hoạch thể hiện mẫu người này trong cuộc sống được vạch ra thông qua khuôn khổ các câu chuyện tiền thân của Đức Phật, cho các Phật tử Việt Nam thời Khương Tăng Hội và trước đó."

Tổng Tập Văn Học Phật Giáo Việt Nam quyển II, Thầy giới thiệu một số tác dịch phẩm của Khương Tăng Hội như: Cựu Tạp Thí Dụ Kinh, Pháp Kính Kinh Tự, An Ban Thủ Ý Kinh, Tạp Thí Dụ Kinh và sáu lá thư, Lý Miễu, Đạo Cao và Pháp Minh.

Ngang qua các bản dịch của Cựu Tạp Thí Dụ Kinh, Pháp Kính Kinh Tự và An Ban Thủ Ý Kinh Chú Giải... chúng ta thấy nội dung là những truyện cổ tích dân gian hướng con người trên việc hành thiện, trong nhân nghĩa thuần hậu và ý thức tôn vinh phẩm hạnh con người nhằm xây dựng một đời sống chân hạnh phúc trong cuộc đời này. Chính những truyện cổ tích này đã mang một nội dung giáo pháp nhân quả, nghiệp báo...:

"... Truyện một sự tích dưa hấu thực chất là một thuyết giảng về giáo lý nhân quả 'ở hiền gặp lành' của Phật Giáo dân gian. Nó gồm hai đoạn. Đoạn 1 kể An Tiêm gốc là một nô tỳ, lấy được người con gái nuôi của Vua Hùng, ăn mặc sung sướng, của cải giàu có. Có người khen, An Tiêm nói đó là 'vật tiền thân' của An Tiêm. Vua Hùng nổi giận, đày An Tiêm ra đảo. Đoạn 2 kể, Tiêm ở đảo, nhờ chim đem hạt dưa hấu đến, trở nên giàu có và được gọi về..."

Và còn rất nhiều những cốt truyện tương tự như vậy được trình bày trong Cựu Tạp Thí Dụ Kinh, một cách khuyến tấn con người phải biết ăn ở hiền lành, có thảo có ngay, sống đời đạo đức.

Về mặt Triết học kinh viện của giai tầng tri thức, của bậc thượng căn, thượng trí chúng ta thấy trong An Ban Thủ Ý Kinh Chú Giải lời văn khúc chiết, rành rõi, âm hưởng trùng điệp vang ngân bất tận, khi định nghĩa về tâm, Khương Tăng Hội đã viết:

"Tâm Chi dật đảng, vô vi bất hiệp
hoảng hốt phảng phất, xuất nhập vô gián
thị chi vô hình, thính chi vô thanh
nghênh chi vô tiền, tầm chi vô hậu
thâm vi diệu tế, hình vô ty phát
phạn thích tiên thánh, bất năng chiếu minh
mặc chủng vu thử, hóa sinh hồ bỉ
phi phàm sở đổ, vi chi ấm giả..."

Đây là bản kinh cốt lõi, làm chuẩn đích cho ai có lòng nghiên tầm, khảo cứu để hướng tâm trên con đường đạo. Nhưng đồng thời cũng chú trọng đến các lãnh vực như nghệ thuật, âm nhạc, văn học, Phật Giáo, chính trị, tư tưởng....

Qua bộ môn âm nhạc, Thầy viết:

".... Về vấn đề âm nhạc, những đóng góp của sáu lá thư ấy lại càng đặc sắc và quý giá hơn. Quý giá, bởi vì chúng là những văn kiện xưa nhất và duy nhất nói đến sự hiện diện một cách không chối cãi ở nước ta những 'ca tán tụng vịnh'."

Từ đó, cho thấy tối thiểu vào đầu thế kỷ thứ V, âm nhạc Việt Nam và âm nhạc Phật Giáo Việt Nam gồm những thứ gì. Đặc sắc, bởi vì nếu phối hợp báo cáo âm nhạc vừa nói với những hình ảnh nhạc cụ trên những bệ đá của nền nghệ thuật Tiên Sơn, chúng ta có thể rút ra những kết luận rất lôi cuốn về lịch sử âm nhạc Việt Nam và lịch sử âm nhạc Phật Giáo Việt Nam, đồng thời giải thích cho thấy, tại sao trên những bệ đá ấy chúng ta chỉ có mười nhạc thần và chín thứ nhạc cụ tấu nhạc, để ca ngợi cúng dường người giác ngộ."

Từ những tư liệu có được của thời gian phôi thai, thuở ban sơ, trên dòng lịch sử của dân tộc, qua các tác phẩm đã xuất bản, Tiến sỹ Sử gia Lê Mạnh Thát đã công bố một cách minh nhiên và sẽ tiếp tục cống hiến những sưu khảo nhiều hơn nữa để hoàn thành sứ mạng của một Sử gia thời đại.

Công trình khảo cứu ấy, qua Tổng Tập Văn Học Phật Giáo Việt Nam quyển III, Thầy đã dãnh trọn quyển để in lại tác phẩm Thiền Uyển Tập Anh, chứng tỏ tác phẩm này đã nói lên vai trò vô cùng quan trọng trên lãnh vực văn học nước nhà và còn mang nhiều sắc thái độc đáo của lịch sử Phật Giáo đời Trần:

"... Thiền Uyển Tập Anh có một cống hiến thật đặc sắc, bởi vì nó là một tác phẩm đời Trần duy nhất còn lại, chứa đựng nhiều tên ấp, tên làng, tên quận, tên phủ và tên Châu của đời Lý cũng như đời Trần hơn bất cứ một tác phẩm nào khác, nếu hoàn thành, có thể nói ta đã vẽ lại được một phần bản đồ địa lý chi tiết của nước ta vào thời Lý một cách cụ thể nhờ vào tên các ngôi chùa gắn liền với các tên đất ấy."

Đó là trên bình diện địa lý, còn trên lãnh vực văn học, Thiền Uyển Tập Anh đã đóng một phận vị có tầm vóc ách yếu trên nền học thuật và thiền học ngang qua tinh thần tu chứng của Chư vị Thiền sư Tổ đức:

"... Rõ ràng, đối với lịch sử dân tộc ta, Thiền Uyển Tập Anh đóng một vai trò hết sức quan trọng và thiết yếu. Thiếu nó, thì cả mấy trăm năm lịch sử văn học dân tộc phai mờ thất tán đi không phải ít.... và vai trò ấy, thực tế, có một tầm quan trọng hơn nhiều, khi ta nhớ rằng nó tự bản chất là một bộ sử chuyên môn về Phật Giáo Thiền Tông Việt Nam. Mà Phật Giáo Thiền Tông Việt Nam vào mấy trăm năm ấy, nếu không nói là hệ tư tưởng chiếm ưu thế trong giai đoạn lịch sử đó."

Một Vạn Hạnh Thiền Sư đã hộ quốc an dân, xây dựng một triều đại vàng son cho dân cho nước, mà tinh thần tu chứng đã thể hiện qua bài kệ:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Tùy vận thạnh suy hưu bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Người đọc các văn kiện lịch sử, các chứng tích văn học, các nền văn hóa dân tộc và Phật Giáo Việt Nam qua Tổng Tập Văn Học Phật Giáo Việt Nam ba quyển sẽ thấy được sự lịch lãm uyên bác đầy thực nghiệm của một sử gia đương đại, chỉ thu mình trong ba quyển văn học ấy không thôi cũng đủ để chứng minh cho chúng ta thấy đâu là tri thức không chướng ngại, đâu là tài năng tập thành xuyên suốt thời gian không ngần mé, và đâu là vượt thắng mọi chướng duyên để kiện toàn nguồn tư tưởng hãn hữu.

Qua bộ Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, bằng cái nhìn tổng thể của một sử gia, Thầy đã phân chia các chặng đường lịch sử không giống các nhà nghiên cứu khác. Trước tiên bằng nhận định xác thực thế nào là lịch sử? Và cấu trúc lịch sử được vận hành như thế nào qua mỗi thời đại, qua từng lớp người của bối cảnh lịch sử đó:

"... Đối với chúng tôi, lịch sử là một vận động có ý thức của con người. Riêng đối với các tư trào văn hóa như Phật Giáo thì lịch sử như một cuộc vận động có ý thức lại càng rõ nét hơn. Lịch sử vận động trên căn bản tương tác của nhiều cấu trúc khác nhau. Có cấu trúc hạ tầng, có cấu trúc thượng tầng và những cấu trúc hàng ngang, hàng dọc đan xen lẫn nhau, trong đó cấu trúc hạ tầng tất nhiên giữ vai trò chủ chốt, nhưng không phải là tuyệt đối. Xuất phát từ một cái nhìn như thế, quan điểm của chúng tôi là nhìn lịch sử Phật Giáo như một bộ phận của cuộc vận động chung của dân tộc."

Từ nhận định và lập trường trên, Thầy đã chia dòng lịch sử Phật Giáo Việt Nam 2000 năm thành 5 thời kỳ:

"Đó là thời kỳ Phật Giáo quyền năng, thời kỳ Phật Giáo vận động độc lập, thời kỳ Phật Giáo thế sự, thời kỳ Phật Giáo cư trần lạc đạo và thời kỳ Phật Giáo quần chúng... Mỗi thời kỳ này có một nét đặc trưng nổi bật của nó, mà ngay cả sự đổi thay của các triều đại và sự tồn tại những dòng Thiền khác nhau không có một ảnh hưởng to lớn nào. Lịch sử tuy là một vận động có ý thức của con người, nhưng đồng thời cũng có quy luật của nó. Mà đã nói đến quy luật tức là nói đến tính tất yếu, mà mỗi ý chí của cá nhân không thể cưỡng lại được."

Đọc qua lịch sử Phật Giáo Việt Nam ba tập dày khoảng 2500 trang, chúng ta thấy hệ thống tư liệu từng niên đại, từng nhân vật, từng cốt truyện được thẩm định rõ nét, chính xác để định vị trí chứng nhân của dòng lịch sử. Điều này chúng ta thấy trong phần Pháp Thuận và bài thơ Thần Nước Nam Sông Núi. Từ trước đến giờ theo tính truyền khẩu được luân lưu qua từng thế hệ, chúng ta cho rằng bài thơ Thần Nước Nam là của Lý Thường Kiệt trong cuộc chiến chống ngoại xâm năm 1076.

Nhưng qua các tư liệu chứng minh thời bấy giờ, bài thơ Thần Nước Nam đó được coi là hiện hữu dưới thời Vua Lê Đại hành, trong cuộc chiến tranh năm 981:

Bài thơ **Thần Sông Núi**

1. Nam Quốc Sơn Hà Nam đế cư
*Tiệt nhiên **đĩ định** tại thiên thư*
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhử đẳng hành khan thủ bại hư.
2. Nam Quốc Sơn Hà Nam đế cư
*Tiệt nhiên **định phận** tại thiên thư*
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhử đẳng hành khan thủ bại hư.
3. Nam Quốc Sơn Hà Nam đế cư
*Hoàng Thiên **đĩ định** tại thiên thư*
*Như **Kim Bắc** lỗ lai xâm phạm*
*Hội kiến **hải trần** tận tảo trừ.*
4. Nam Quốc Sơn Hà Nam đế cư
Hoàng Thiên dĩ định tại thiên thư
*Như **Hà Bắc** lỗ cảm xâm phạm*
*Hội kiến **phong trần** tận tảo trừ.*

Qua các luận cứ được thẩm định, để thấy được bài thơ Thần phát xuất từ đâu:

"... Theo chúng tôi, ta nên trả bài thơ Thần

trên về cho cuộc chiến tranh 981 và chúng ta có đủ dữ kiện để làm như thế. Đây không phải là một kết luận mới. Hai bộ sử viết bằng tiếng Việt vào thế kỷ thứ 16 và 17, là Việt Sử Diễn Âm và Thiên Nam Ngữ Lục đều thống nhất có cùng một kết luận. Việt Sử Diễn Âm đã dành một đoạn dài nói về lai lịch của bài thơ này."

Đến đây, chúng ta thấy Toàn Tập Toàn Nhật Quang Đài là một tác phẩm sưu khảo và tác biên về cuộc đời và sự nghiệp của Toàn Nhật. Một cách sơ lược về sự nghiệp văn học chúng ta thấy trong phần Tam Giáo Nguyên Lưu Ký, Viên Quang Tự Sa Môn Toàn Nhật Pháp hiệu Quang Đài, Ngài đã thể hiện tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên qua những vần thơ song thất lục bát:

"Thuở trời Xuân say nhuần mầu đạo
Trót nom theo Tam giáo chân tôn
Am mây gởi dấu thong dong
Tu thân ngày tháng sửa lòng hôm mai
Trải xưa định vị tam tài
Là trời, người, đất muôn loài nổi sinh."

Qua phần Tống Vương truyện đã thể hiện một nhân sinh quan vô cùng an nhiên tích cực, cho thấy Toàn Nhật là một trong những nhà thơ, nhà văn, nhà tư tưởng lớn của dân tộc Việt.

Tống Vương truyện đã dệt nên một truyện tình thơ mộng của một Thái tử, con vua, với người con gái mộc mạc làng chài lưới miền sông nước:

"... Long phi vân hán,
Phụng nhiễu quang minh
Ứng trinh tường xảy gặp điềm lành
Vừng đẩu tú trổ sanh thụy lạ
Có người Giang hạ
Tánh thật ngư ông
Việc võng la lưới tổ (chài) tôm
Nghề hà hải Giang Tân Sở trú
Kết duyên phu phụ
Hiệp bạn Châu Trần
Vô nam nhi kế tự tôn thân
Sinh nữ tử nối dòng tổ phụ..."

Và cuối cùng cái hậu của cốt truyện là Vua cha đi tu, giao ngôi Vua lại cho con:

"... Vua đà cao kỷ
Tác lớn trên đầu
Nhượng vị cho con
Sửa sang chính sự
.....
Hồi đầu Phật Tổ
Thế phát tu hành
Con nối ngôi truyền dõi đạo thanh
Muôn đời để lưu danh thiên hạ."

Những vần thơ ấy đã đề cao tinh thần dân chủ, tôn trọng tinh thần bình đẳng giữa loài người, không phân biệt giai cấp, ngôi vị. Giá trị ở đây là tư cách đạo đức nhân luân là nền tảng nhân bản được xây dựng trong tâm tư của mỗi con người. Dù người đó có địa vị, quyền cao, tước trọng nơi triều đình, hay lớp người dân giả bình dị vẫn được tôn trọng trong ý niệm hướng thượng. Từ đó, chúng ta thấy Lục Tổ Truyện Diễn Ca, Toàn Nhật đã hướng dẫn con người trên đường tìm cầu Chân lý và cuối cùng thành đạt đạo quả giác ngộ. Đó là hình ảnh của Lục Tổ Huệ Năng, Người mang đá giã gạo suốt bao năm tháng, nhưng ý vị giác ngộ vẫn miên viễn trường tồn:

"... Đêm ngày chuyên niệm Di Đà
Chịu phần giã gạo vậy hòa tám thu
Bảo làm cho thấy công phu
Vai mang khối đá chuyên tu đến ngày
Phật Tổ khổ hạnh lắm thay
Sáu năm tuyết lãnh mới thành Kim thân."

Đó là giá trị của sự tu tập, mà bằng cái nhìn của Toàn Nhật lao tác là một thể thức của Thiền định – gánh nước, bửa củi, giã gạo. Từ tự tướng của chân tay đã thể hiện được tánh giác ngộ, trong sáng nơi tâm thanh tịnh thuần khiết của Phật tánh thường hằng như nhiên bất động.

"... Ca Sa bình bát pháp thiền
Bèn trao phú chúc về miền Thiền Châu
Dặn dò y chánh trước sau
Mấy lời Phật Tổ thẳm cao nhiệm mầu
Huệ Năng lễ tạ khấu đầu
Lạy từ Hòa thượng sẽ hầu lui ra."

Bước sang Toàn Tập Minh Châu Hương Hải được sưu khảo và tác thành qua những tư liệu có được. Thiền Sư là một nhà Văn hóa, Triết gia, Tư tưởng gia của Phật Giáo và dân tộc Việt Nam. Qua tác phẩm này, chúng ta thấy công trình văn học đồ sộ đã được lưu lại qua các tác dịch phẩm, hoặc chú giải như: Giải Kim Cương Kinh Lý Nghĩa, Giải Di Đà Kinh Sớ Sao, Giải Tâm Kinh Ngũ Chỉ, Sự Lý Dung Thông, Giải Pháp Hoa Kinh, Giải Sa Di Giới Luật, Soạn Quán Vô Lượng Thọ Kinh Quốc Ngữ ... tất cả trên 20 tác phẩm, gồm 30 quyển.

Là một nhà tư tưởng lớn của thế kỷ 17, Thiền Sư đã xây dựng một ngữ pháp để giải và dịch Kinh mới mẻ nhất, mà không theo lối cổ dịch của những thế kỷ 15, 16. Lối dịch này được diễn tả, giải thích Kinh Văn phóng khoáng theo cái nhìn và sự hiểu biết của mình mà không dịch sát chữ, sát nghĩa, cựu dịch. Do cách dịch thuật sáng

tạo này mà Thiền Sư đã thật sự đóng góp một gia tài văn học đồ sộ cho nền lịch sử văn học tiếng Việt. Một thí dụ điển hình qua lối dịch giải đó nơi bài Kệ

Kinh Kim Cương:

Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điển
Ứng tác như thị quán.

"Hết thảy pháp hữu vi là trên tự thiên địa tạo hóa, dưới đến nhân gian vạn vật, dầu sanh lão bệnh tử, giàu có sang hèn, sĩ nông công thương, mọi loài sắc vật, dầu nhẫn xanh vàng thâm trắng thô tế thanh trọc, dầu có dầu không, dầu hư dầu thiệt, sâu cạn, thấp cao, ách thật vọng tâm khởi diệt. Hết thảy thiện ác muôn pháp cũng là hữu vi vậy..."

Tóm lại Toàn tập Minh Châu Hương Hải là một công trình to lớn trong chốn Thiền gia và nhân gian, là một nền văn học, tư tưởng vô giá cho thế hệ hậu sinh, để có cái nhìn, suy tư chín chắn trên diễn đàn văn học của Chư vị Lịch Đại Tổ Sư còn lưu truyền đến ngày hôm nay và ngàn sau.

Bằng thực chứng giá trị bề dày lịch sử văn học tư tưởng Phật Giáo và dân tộc Việt Nam xuyên suốt qua tác phẩm Toàn Tập Trần Nhân Tông, một tác phẩm toàn bích, trên hai phạm trù thế gian và xuất thế gian của kẻ sỹ.

Nói đến Vua Trần Nhân Tông là nói đến bậc xuất trần vi thượng sỹ. Nói đến bị Bồ Tát hóa thân vào đời, hòa quang đồng trần để độ sinh. Nhà Vua đã đem tài danh thật đức của mình để an bang tế thế, xây dựng nước nhà thanh bình thạnh trị. Dân tộc được ấm no, quốc gia phú cường để từ đó thăng hoa trong cuộc sống tâm linh là chuyển mê khai ngộ, đổi phàm thành thánh.

Toàn Tập Trần Nhân Tông đã phô bày một cách thật rõ nét qua Vương vị và Thánh vị của nhà Vua. Là Vương vị, nhà Vua là anh hùng dân tộc đã viết nên dòng sử oai hùng bảo vệ giang sơn gấm vóc, quét sạch ngoại xâm ra khỏi bờ cõi, xây dựng một nền hòa bình chân chính cho dân cho nước. Công cuộc bảo vệ giang sơn này, qua chương III và IV, Vua Trần Nhân Tông và cuộc chiến tranh bảo vệ quốc gia dân tộc năm 1285, 1288 qua các trận Nội Bàng, Vạn Kiếp, Bình Than, Thăng Long, Hàm Tử, Chương Dương, Như Nguyệt... chúng ta ngưỡng mộ tài thao lược, anh hùng túc trí của nhà vua hy sinh vì dân vì nước. Là Thánh vị nhà Vua đã bỏ ngai vàng điện ngọc để đi tu và thành Tổ

Đức. Nhà Vua là Sơ Tổ của Thiền Phái Trúc Lâm, một dòng Thiền thực thụ của Phật Giáo Việt Nam. Nhà Vua đã đề ra tư tưởng Cư Trần Lạc Đạo và được coi là cốt lõi, yếu chỉ dòng Thiền:

"Trần tục mà nên, phú ấy càng yêu hết sức,
Sơn lâm chẳng cốc, họa kia thật khá đồ công."
Hay là:
"Sạch giới lòng, dồi giới tướng,
Nội ngoại nên Bồ Tát trang nghiêm.
Ngay thờ Chúa, thảo thờ Cha,
Đi đổ mới trượng phu trung hiếu."

Và cuối cùng là Bộ Từ Điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam gồm hai tập. Đây là một công trình khảo cứu tập thể của quý Thầy học tăng trong các Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang, Quảng Hương Già Lam. Nhưng phần chủ biên và hoàn thành Từ Điển vẫn là công trình của Thượng Tọa Tuệ Sỹ và Sử Gia Lê Mạnh Thát đồng tác giả.

Bộ Từ Điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam được có mặt ngày hôm nay, dù rằng chỉ có được hai tập là A Tập I, từ A đến A Di Đà và A Tập II, từ A Di Đà đến A Di Đà Tự, chưa hoàn tất toàn bộ Từ Điển Phật Học. Nhưng, rõ thật là một sự nỗ lực vượt bậc để cống hiến cho sự tìm hiểu tra cứu về từ ngữ Phật pháp và cũng nói lên tâm nguyện chí thành của Chư vị Tôn Túc có cái nhìn sâu xa, suốt chặng đường lịch sử văn học Phật Giáo hiện đại.

Bằng việc làm của đàn hậu duệ, bằng khả năng sơ lậu của người học trò mang khai, giới thiệu các tác phẩm của Thầy, Sử gia Lê Mạnh Thát, chúng tôi có cảm tưởng như làm công việc vốc muối bỏ biển, đội đá vá trời. Tuy nhiên khi nghĩ đến công ơn của bậc giáo thọ sư tài bồi huấn dục qua bao năm tháng, nên mạo muội tự nhủ mình trải tấm lòng thành, ngõ hầu có chút phần nào nghĩ về Thầy trong muôn một. Do vậy, nên chỉ có đôi lời bình dị để nói lên công trình khảo cứu ngàn đời của dòng lịch sử văn học nước nhà mà Thầy là một sử gia trác việt anh tài, đã cấu trúc thành những chuỗi chứng tích, tư liệu dòng lịch sử đó. Trước khung trời kiến văn quảng bác, trí tuệ siêu nhiên của Thầy và những kho tư liệu vô giá của lịch sử văn hóa, chỉ biết mình đang là kẻ dò dẫm lần bước. Ngưỡng mong Thầy từ bi lượng thứ.

Kính mong Chư Tôn Đức, Chư vị thức giả cao minh, rộng lòng cảm thông, hỷ xả cho những điều thất thố.

CÁCH ĐẶT TÊN CON CHÁU CỦA DÒNG HỌ NGUYỄN PHÚC

LÂM VĨNH THẾ
Đại Học Saskatchewan - Canada

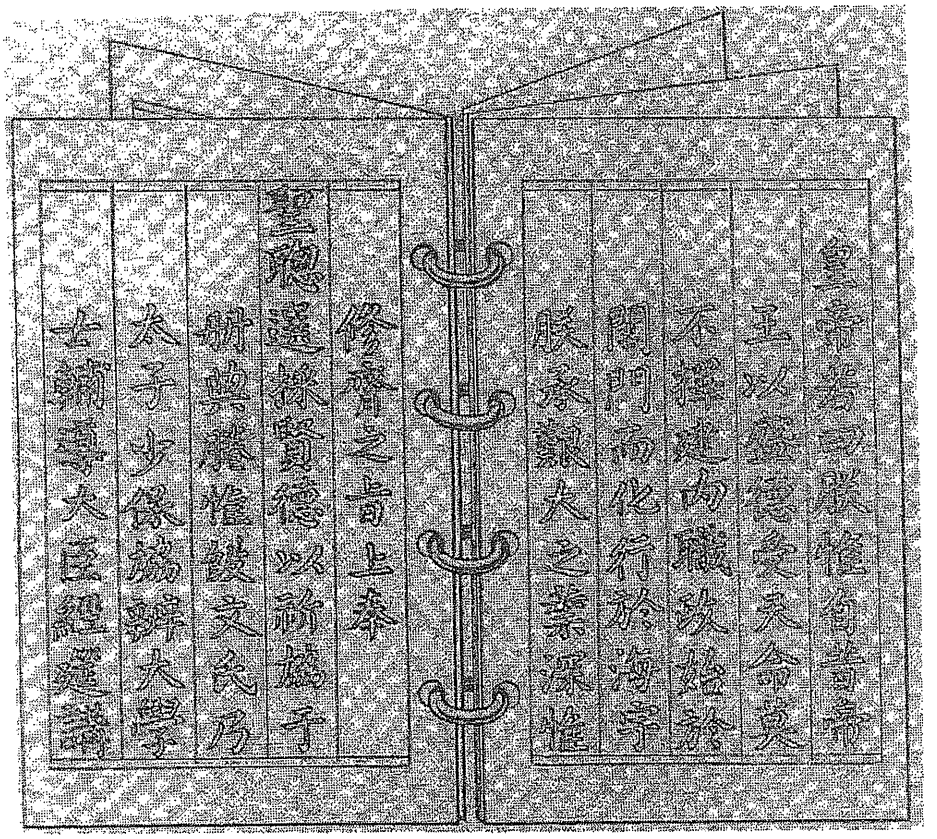

Một số đông người Việt Nam chúng ta đều có nghe qua và có thể thuộc lòng câu thứ nhứt của bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt sau đây:

Miên Hồng Ưng Bửu Vĩnh
Bảo Quí Định Long Trường
Hiền Năng Kham Kế Thuật
Thế Thoại Quốc Gia Xương

và đều biết rằng nó được dùng làm căn bản để đặt tên cho các vị của Nhà Nguyễn, triều đại cuối cùng trong lịch sử của nước ta. Phần lớn chúng ta đều biết rằng vua Bảo Đại, vị Hoàng Đế cuối cùng của Nhà Nguyễn, khi còn là Đông Cung Hoàng Thái Tử, có tên là Vĩnh Thụy. Vậy Ngài chính là thế hệ thứ năm của các vua Nhà Nguyễn vì chữ Vĩnh là chữ thứ năm của bài thơ tứ tuyệt kể trên. Tuy nhiên, bài thơ tứ tuyệt nầy không phải là bài thơ duy nhứt dùng làm căn bản để đặt tên con cháu trong Hoàng tộc Nhà Nguyễn và cách đặt tên cũng không phải đơn giản như thế.

Bài viết nầy đề cập đến một số khía cạnh khác chung quanh việc đặt tên con cháu trong dòng họ Nguyễn Phúc mà phần đông người Việt không biết đến, đồng thời trình bày một vài nhận xét và cảm nghĩ riêng của cá nhân người viết bài nầy.

Sự Ra Đời Của Các Bài Thơ

Ngày mùng một tháng giêng năm Quí Mùi (niên hiệu Minh Mạng thứ tư, nhằm ngày dương lịch là 11-02-1823), vua Minh Mạng đích thân soạn bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt kể trên và đặt tên

cho bài thơ là Đế Hệ Thi dùng để đặt tên cho con cháu của chính Ngài. Cũng trong ngày hôm đó, cùng với bài thơ nầy, Ngài còn làm một bài ngũ ngôn tứ tuyệt khác (gồm tất cả 20 chữ đều thuộc bộ chữ Nhật) dùng làm Ngự danh cho các đời vua kế tiếp, và 10 bài ngũ ngôn tứ tuyệt khác gọi là Phiên Hệ Thi dùng để đặt tên cho con cháu của các vị Hoàng tử anh em của Ngài. Các bài thơ nầy được nhà vua ra lệnh cho khắc vào sách vàng (Kim sách) và sách bạc (Ngân sách). Nhà vua cũng viết bài Tựa cho Kim sách, nói rõ lý do việc ra đời của các bài thơ, đồng thời cũng chỉ thị rõ ràng cách áp dụng các bài thơ trong việc đặt tên cho con cháu trong Hoàng tộc. Khi Kim sách, Ngân sách làm xong, nhà vua cho thiết đại triều tại điện Thái Hòa để tuyên đọc Kim sách. Lễ xong nhà vua ban Ngân sách có chép các Phiên Hệ Thi cho các Hoàng tử (hay hậu duệ của các vị đã mất) anh em của Ngài. Kim sách sau đó được đặt vào trong hòm vàng (Kim quỹ) giữ tại điện Càn Thành. (1)

Việc ra đời của các bài thơ nầy không phải là một sự tình cờ. Nó phản ánh khá rõ rệt cá tính của vua Minh Mạng. Kế nghiệp vua Gia Long, Ngài chính là vị vua đã có công lớn trong việc hoàn chỉnh hệ thống cai trị của triều Nhà Nguyễn về mọi mặt chính trị, quân sự, văn hóa, và xã hội. (2) Khi đã cũng cố xong các nền móng vững chắc cho triều đại, Ngài thấy cần phải tổ chức lại các chuyện nội bộ trong dòng họ cho có quy củ, phù hợp với bản tính coi trọng tôn ti trật tự của Ngài, đồng thời cũng tạo ra một cách để nắm vững con cháu trong dòng họ, phù hợp với bản tính nghiêm khắc và uy quyền của Ngài.

Cách Chọn Tên Cho Các Vua Kế Nghiệp

Bài thơ gồm 20 chữ thuộc bộ chữ Nhật chép trong Kim sách dùng để đặt tên cho các vị vua kế nghiệp như sau:

Tuyền Thì Thăng Hạo Minh
Biện Chiêu Hoảng Tuấn Điển
Trí Huyên Gián Huyên Lịch
Chất Chiết Yến Hy Duyên (3)

(Xin lưu ý là hai chữ Huyên của câu thứ ba là đồng âm nhưng viết khác nhau; ngoài ra cách ghi lại bài thơ nầy bằng chữ Quốc ngữ cũng khác nhau khá nhiều trong các tài liệu)

Vua Minh Mạng đã chỉ thị rất rõ ràng trong bài Tựa in ngay trong Kim sách như sau: "Nay trẫm noi theo ý tốt đẹp của đời trước, làm cho chí của đời trước được thành tựu, nên mới tự soạn 20 chữ bộ nhật, để lại cho người kế nghiệp, đến lúc nối ngôi có thể lấy một chữ làm tên, theo nghĩa mặt trời biểu tượng cho vua, lấy tên đặt lúc nhỏ làm tự danh." (4)

Các vị vua kế nghiệp đã tuân theo lời dạy nầy của vua Minh Mạng, mỗi khi đăng quang đều cho làm lễ mở Kim sách, chọn lấy, theo thứ tự, một chữ trong 20 chữ thuộc bộ chữ Nhật đó để làm Ngự danh. Vua Thiệu Trị, lúc còn là hoàng tử có Tự danh là Miên Tông, khi lên ngôi kế vị vua Minh Mạng, đã chọn chữ đầu tiên là Tuyền để làm Ngự danh. Vua Tự Đức, kế vị vua Thiệu Trị, đã chọn chữ thứ nhì là chữ Thì. Sau khi vua Tự Đức băng hà, hoàng tử Ưng Chân (con nuôi của vua Tự Đức) lên kế vị, nhưng chỉ được có ba ngày thì bị phế, chưa kịp đăng quang nên không có Ngự danh và niên hiệu (tuy vậy, trong dân gian vẫn thường gọi là vua Dục Đức, là một điều hoàn toàn không đúng). Sau đó, hoàng tử thứ 29 (con trai út) của vua Thiệu Trị là Hồng Dật (tức là em út của vua Tự Đức) được lập lên làm vua. Ngài đã chọn chữ thứ ba là chữ Thăng để làm Ngự Danh và đặt niên hiệu là Hiệp Hòa. Các vua kế tiếp cũng đều chọn các chữ theo đúng thứ tự trong Kim sách. Vua Khải Định, kế vị vua Duy Tân (đã chọn chữ thứ tám là chữ Hoảng), khi đăng quang đã chọn chữ thứ chín là chữ Tuấn. (5) Khi vua Khải Định băng hà, Đông Cung Hoàng Thái Tử Vĩnh Thụy, khi đăng quang kế vị vua cha, đã chọn chữ thứ mười là chữ Điển (cũng đọc là Thiển) để làm Ngự danh của Ngài.

Cách Đặt Tên Cho Con Cháu Của Dòng Vua

Trong bài Tựa của Kim sách, vua Minh Mạng cũng chỉ thị rõ ràng cách đặt tên cho các con cháu của chính Ngài như sau: "Khi mới sinh xin tên, tên hoàng tử thì chữ trên theo thứ tự lấy một chữ nào đó trong Đế Hệ Thi, dưới lấy một chữ theo bộ chữ nào đó tùy theo thứ tự đời thứ mấy." (6) (Xin lưu ý: nói là chữ trên, chữ dưới vì thời đó nước ta vẫn còn dùng chữ Hán, và cách viết là theo từng cột hàng dọc và từ phải qua trái).

Như vậy, tên của các hoàng tử là một tên kép, hay song danh, gồm có hai chữ. Chữ thứ nhứt lấy từ Đế Hệ Thi, chữ thứ nhì lấy từ bộ chữ đã định trước cho thế hệ của hoàng tử đó. Sau đây là các bộ chữ mà vua Minh Mạng đã định cho từng thế hệ con cháu của Ngài (ghi trong dấu ngoặc):

Miên (miên) Hồng (nhân) Ưng (thị) Bửu (sơn) Vĩnh (ngọc)

Bảo (phụ) Quí (nhân) Định (ngôn) Long (thủ)

Trường (hòa)

Hiền (bối) Năng (lực) Kham (thủ) Kế (ngôn) Thuật (tâm)

Thế (ngọc) Thoại (thạch) Quốc (đại) Gia (hòa) Xương (tiểu) (7)

Do đó, tất cả các hoàng tử con của vua Minh Mạng (tất cả có 78 vị, xem chi tiết ở Phụ đính 1) đều có song danh với chữ thứ nhứt là chữ Miên, và chữ thứ nhì là một chữ thuộc bộ Miên. Xin kể ra một vài thí dụ: hoàng trưởng tử là Miên Tông sau nầy lên nối ngôi là vua Thiệu Trị; hoàng tử thứ mười là Miên Thẩm, là nhà thơ Tùng Thiện Vương; hoàng tử thứ mười một là Miên Trinh, là nhà thơ Tuy Lý Vương. Các chữ Tông, Thẩm và Trinh đều thuộc bộ Miên.

Đến đời kế tiếp, tất cả các hoàng tử con vua Thiệu Trị (tất cả có 29 vị, xem chi tiết ở Phụ đính 2) đều mang song danh mà chữ thứ nhứt là chữ Hồng và chữ thứ nhì là một chữ thuộc bộ Nhân. Sau đây là một vài thí dụ: hoàng trưởng tử là Hồng Bảo bị vua cha phế bỏ nên không được nối ngôi; hoàng tử thứ nhì là Hồng Nhậm, sau nầy lên ngôi là vua Tự Đức; hoàng tử thứ 29 là Hồng Dật, sau nầy lên ngôi là vua Hiệp Hòa. Các chữ Bảo, Nhậm, và Dật đều thuộc bộ Nhân.

Các đời kế tiếp cũng giữ đúng theo lệ nầy mà đặt tên cho các hoàng tử. Thí dụ: 1) Vua Kiến Phúc lúc còn nhỏ là con trai thứ ba của Kiên Thái Vương Hồng Cai, em của vua Tự Đức, nên ngài chỉ là một công tử, mang song danh là Ưng Đăng; chữ Đăng thuộc bộ Đậu là bộ chữ mà vua Tự Đức đã ban cho cánh họ của Hồng Cai; nhưng về sau Ngài được vua Tự Đức chọn làm con nuôi, vì nhà vua không có con ruột, nên được mang danh phận là hoàng tử; và được mang song danh mới là Ưng Hổ; chữ Hổ là một chữ thuộc bộ Thị. 2) Con trưởng của vua Đồng Khánh là hoàng tử Bửu Đảo, sau nầy lên ngôi là vua Khải Định. Chữ Đảo là một chữ thuộc bộ Sơn. 3) Con trai duy nhứt của vua Khải Định là Đông Cung Hoàng Thái Tử Vĩnh Thụy, sau nầy lên nối ngôi là vua Bảo Đại. Chữ Thụy là một chữ thuộc bộ Ngọc.

Cách Đặt Tên Cho Các Con Cháu Của Các Anh Em Của Vua

Cũng trong bài Tựa của Kim sách, vua Minh Mạng viết như sau: "... ***tên các công tử thì chữ trên theo thứ tự lấy một chữ nào đó trong công hệ thi nào đó, dưới một chữ lấy ngũ hành tương sinh mà dung bộ Thổ làm đầu." (8) Theo ngũ hành tương sinh thì: Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hoả sinh Thổ.*** Vậy thứ tự các bộ chữ thuộc ngũ hành dùng để đặt tên sẽ là: Thổ, Kim, Thủy, Mộc và Hoả.

Mười bài Phiên Hệ Thi được vua Minh Mạng soạn ra để đặt tên cho con cháu của mười người anh em của Ngài là như sau: (9)

- Phòng Anh Duệ, dành cho con cháu của Anh Duệ Hoàng Thái Tử, tức là Đông Cung Cảnh, anh của nhà vua, đã mất trước khi vua Gia Long lên ngôi, bài thơ như sau:

Mỹ Duệ Anh Cường Tráng
Liên Huy Phát Bội Hương
Lệnh Nghi Hàm Tốn Thuận
Vi Vọng Biểu Khôn Quang

- Phòng Kiến An, dành cho con cháu của Kiến An Vương, em kế cùng mẹ với nhà vua, bài thơ như sau:

Lương Kiến Ninh Hòa Thuật
Du Hành Suất Nghĩa Phương
Dưỡng Di Tương Thức Hảo
Cao Túc Thể Vi Tường

- Phòng Định Viễn, dành cho con cháu của Định Viễn Quận Vương, em của nhà vua, bài thơ như sau:

Tình Hoài Chiêm Viễn Ái
Cảnh Ngưỡng Mậu Thanh Kha
Nghiễm Cách Do Trung Đạt
Liên Trung Tập Cát Đa

- Phòng Diên Khánh, dành cho con cháu của Diên Khánh Vương, em của nhà vua, bài thơ như sau:

Diên Hội Phong Hanh Hợp
Trọng Phùng Tuấn Lãng Nghi
Hậu Lưu Thành Tú Diệu
Diễn Khánh Thích Phương Huy

- Phòng Điện Bàn, dành cho con cháu của Điện Bàn Công, em của nhà vua, bài thơ như sau:

Tín Điện Tư Duy Chính
Thành Tồn Lợi Thỏa Trinh
Túc Cung Thừa Hữu Nghị
Vinh Hiển Tập Khanh Danh

- Phòng Thiệu Hóa, dành cho con cháu của Thiệu Hóa Quận Vương, em của nhà vua, bài thơ như sau:

Thiện Thiệu Kỳ Tuần Lý
Văn Trí Tại Mẫn Du
Ngưng Lân Tài Chí Lạc
Địch Đạo Duẫn Phu Hựu

- Phòng Quảng Uy, dành cho con cháu của Quảng Uy Công, em của nhà vua, bài thơ như sau:

Phụng Phù Trưng Khải Quảng
Kim Ngọc Trác Tiêu Kỳ
Điển Học Kỳ Gia Chí
Đôn Di Khắc Tự Trì

- Phòng Thường Tín, dành cho con cháu của Thường Tín Quận Vương, em của nhà vua, bài thơ như sau:

Thường Cát Tuân Gia Huấn
Lâm Túy Trang Thạch Cung
Thận Tu Di Tiến Đức
Thụ Ích Mậu Tân Công

- Phòng An Khánh, dành cho con cháu của An Khánh Vương, em của nhà vua, bài thơ như sau:

Khâm Tòng Xưng Ý Phạm
Nhã Chính Thủy Hoằng Qui
Khải Để Đẳng Cẩn Dự
Quyến Ninh Cọng Tập Hy

- Phòng Từ Sơn, dành cho con cháu của Từ Sơn Công, em út của nhà vua, bài thơ như sau:

Từ Thể Dương Quỳnh Cẩm
Phu Văn Ái Diệu Dương
Bách Chi Quân Phụ Dực
Vạn Diệp Hiệu Khuông Tương

Sau đây xin kể ra một vài trường hợp áp dụng các bài Phiên Hệ Thi trong việc đặt tên con cháu của các Phòng. Trong trường hợp Phòng Anh Duệ, con trai trưởng của Anh Duệ Hoàng Thái Tử có tên là Mỹ Đường; chữ Mỹ là chữ đầu tiên trong bài Phiên Hệ Thi dành cho Phòng Anh Duệ; chữ Đường là một chữ thuộc bộ Thổ là bộ chữ dành cho thế hệ thứ nhứt của các Phòng. Người hậu duệ đời thứ tư của Phòng Anh Duệ là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để; chữ Cường là chữ thứ tư của bài Phiên Hệ Thi dành cho Phòng Anh Duệ; chữ Để là một chữ thuộc bộ Mộc là bộ chữ dành cho thế hệ thứ tư của các Phòng. Người con trai trưởng của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để mang song danh là Tráng Liệt; chữ Tráng là chữ thứ năm của bài Phiên Hệ Thi dành cho Phòng Anh Duệ; chữ Liệt là một chữ thuộc bộ Hỏa là bộ chữ dành cho thế hệ thứ năm của các Phòng.

Sau khi ở ngôi được bốn năm, vào năm Thiệu Trị thứ năm (1845), vua Thiệu Trị lại phân biệt ra Đế Hệ và Phiên Hệ. Đế Hệ gồm các hoàng tử con của chính nhà vua và cách đặt tên tiếp tục theo các chữ trong bài Đế Hệ Thi. Phiên Hệ gồm con cháu của các hoàng tử em của nhà vua. Tuy nhiên khác với cách thức của vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị không ban cho các em mình một bài thơ mà chỉ ban cho một bộ chữ dùng để chọn thứ thứ nhì cho song danh; còn chữ thứ nhứt thì vẫn dùng các chữ trong bài Đế Hệ Thi. Việc dùng chữ của bộ nầy sẽ tiếp tục hết đời nầy sang đời khác, khi nào hết chữ trong bộ thì sẽ tâu lên nhà vua (của lúc đó) để xin một bộ chữ khác. Thí dụ: cánh của hoàng tử Miên Thẩm, Ngài cho bộ chữ Nhục, do đó các hậu duệ của Tùng Thiện Vương Miên Thẩm lần lượt là Hồng Khẳng (con), Ưng Trình (cháu nội), và Bửu Cân (cháu cố) đều có tên (Khẳng, Trình và Cân) thuộc bộ chữ Nhục.

Vua Tự Đức, sau khi ở ngôi bốn năm, mặc dù chưa có con, cũng theo gương vua cha, lại phân biệt Đế Hệ và Phiên Hệ. Ngài cũng ban cho dòng họ của các anh em mình một bộ chữ để đặt tên cho con cháu giống như cách vua cha Ngài là vua Thiệu Trị đã làm. Thí dụ: cánh của hoàng tử Hồng Cai, ngài cho bộ chữ Đậu, do đó các người con trai trưởng, con trai thứ ba, và con trai thứ năm của Kiên Thái Vương Hồng Cai lần lượt mang song danh là Ưng Thị, Ưng Đăng và Ưng Lịch; các chữ Thị, Đăng và Lịch thuộc bộ Đậu. (10) (Xin lưu ý: cả ba vị nầy về sau đều lên ngôi, là các vua Đồng Khánh (Ưng Thị), Kiến Phúc (Ưng Đăng), và Hàm Nghi (Ưng Lịch).

Một điều quan trọng nữa cần được ghi nhận là tất cả những người thuộc các Phòng đều phải chấm dứt không còn được dùng họ Nguyễn Phúc nữa, "con trai sẽ dùng Tôn Thất, con gái sẽ dùng Tôn Nữ để đặt trước tên." (11) Về sau, vì chữ Tông trở thành trọng húy (vì Tự danh của vua Thiệu Trị là Miên Tông) nên chữ Tông được đổi thành chữ Tôn cho Tôn Thất và Tôn Nữ.

Quy Định Dành Cho Phái Nữ

Tất cả các quy định kể trên đều áp dụng cho con trai. Về phía nữ thì thông thường cũng là tên kép (song danh) nhưng được tùy tiện, không phải theo quy luật nào cả.

Các người con gái của nhà vua thì gọi là hoàng nữ, sau khi được sắc phong thì mới gọi là Công chúa. Khi trở thành chị em của nhà vua thì được gọi là Trưởng Công chúa, đến khi trở thành cô của nhà vua thì được gọi là Thái Trưởng Công chúa.

Đối với các người phái nữ thuộc Tôn Thất (tức là các Phiên Hệ) thì cần phải biết tên của anh em trai của họ thì mới định được họ thuộc Phòng nào và đời nào. Một cách nữa là nhìn vào chữ lót thêm vào giữa tên của họ để biết họ thuộc đời nào; thí dụ: Công nữ (con gái), Công tôn nữ (cháu nội gái), Công tằng tôn nữ (cháu cố gái), và Công huyền tôn nữ (cháu sơ gái). Về sau, riêng chữ

Công huyền tôn nữ hơi dài nên chữ Công được bỏ đi, chỉ gọi là Huyền tôn nữ. (12) Càng về sau, các đời kế tiếp thường chỉ còn giữ gọi ngắn gọn là Tôn nữ mà thôi.

Thay Lời Kết

Nhận xét đầu tiên là các vị vua Nhà Nguyễn có thể có nhiều tên và hiệu khác nhau. Về tên, lúc chưa lên ngôi thì mang Tự danh (một người có thể có nhiều Tự danh khác nhau do thân phận thay đổi); lúc lên ngôi thì sẽ chọn một chữ trong Kim sách để làm Ngự danh. Về hiệu, sau khi làm lễ đăng quang sẽ chọn niên hiệu; sau khi băng hà sẽ được vua kế vị (thường là con của vua mới băng hà) truy tặng Miếu hiệu và Thụy hiệu. Trong số các vua Nhà Nguyễn có một vị không có Ngự danh và niên hiệu (Dục Đức) vì chưa kịp đăng quang đã bị phế. Ngoài ra cũng có một số vị không có Miếu hiệu và Thụy hiệu vì bị phế (Hiệp Hòa), hay bỏ ngôi báu bôn tẩu (Hàm Nghi), hoặc bị Pháp phế bỏ và lưu đày (Thành Thái, Duy Tân), hay chết ở nước ngoài (Duy Tân), hoặc thoái vị (Bảo Đại). Riêng trường hợp vua Dục Đức, mặc dù chưa có Ngự danh và niên hiệu nhưng lại có Miếu hiệu là Cung Tông và Thụy hiệu là Huệ Hoàng Đế vì sau khi chết (bị bỏ đói cho chết trong ngục) được tám năm thì người con trai trưởng của Ngài được lập lên làm vua là vua Thành Thái. Chính vua Thành Thái đã truy tôn cha mình là Cung Tông Huệ Hoàng Đế. (Xem chi tiết ở Phụ đính 5).

Nhận xét thứ nhì là ước vọng của vua Minh Mạng khi công bố Kim sách chỉ thực hiện được có phân nửa. Nhà vua đã phán như sau: *"Trẫm chỉ giơ tay lên trán cầu trời cho từ nay về sau con cháu ta nhận nối cơ đồ lớn sẽ được hưởng năm 500 năm, hưởng đời hơn 20 đời. Cũng không dám mong nhiều đâu."* (13) Lịch sử đã cho thấy nhà Nguyễn chỉ làm vua được khoảng trên 140 năm (1802-1945), và chỉ truyền được có 13 đời, trong có có đến sáu đời vua đã bị truất phế, bôn tẩu, lưu đày, hay phải thoái vị. Bài Đế Hệ Thi gồm 20 chữ mới dùng được đến chữ thứ sáu (chữ Bảo của Đông Cung Hoàng Thái Tử Bảo Long của Vua Bảo Đại); 20 chữ bộ Nhật trong Kim sách mới dùng được đến chữ thứ mười (chữ Điển do vua Bảo Đại chọn lúc lên ngôi).

Một điều cuối cùng cũng đáng lưu ý là khi tất cả những quy định chặt chẽ nầy được đặt ra thì nước ta vẫn còn dùng chữ Hán. Sau khi nước ta bị Pháp đô hộ và chuyển sang dùng chữ Quốc ngữ thì số người biết chữ Hán ngày càng ít đi, kể cả những người trong Nguyễn Phúc tộc. Việc chấp hành nghiêm chỉnh những quy định chặt chẽ nầy, đặc biệt là khi đặt chữ tên thứ nhì (trong song danh) cho đúng bộ chữ của Phòng và đời, đã trở nên rất khó khăn. Tôn Nhân Phủ (do chính vua Minh Mạng lập ra vào năm 1820 để trông coi các việc trong Hoàng tộc) cũng không còn nữa, thì thử hỏi cá nhân hay cơ quan nào sẽ làm công việc ghi chép và kiểm soát chặt chẽ đó nữa?

Ghi Chú:

1. Hồ Tấn Phan, Hồ Thị Nhiên Hạnh, "Danh và hiệu của các vua Nhà Nguyễn," Nghiên Cứu Huế, tập 1 (1999), tr. 78.

2. Nguyễn Huyền Anh. Việt Nam danh nhân từ điển. *Sài Gòn : Khai Trí, 1972. Tr. 237-238.*

3. Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc. Nguyễn Phúc tộc thế phả : thủy tổ phả, vương phả, đế phả. *Huế : Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1995. Tr. 419.*

4. Hồ Tấn Phan, Hồ Thị Nhiên Hạnh, sđd, tr. 79.

5. Đặng Ngọc Oánh. "L'intronisation de l'Empereur Khai-Dinh," Bulletin des Amis du Vieux Hue, *năm thứ ba, số 1 (tháng 1-3, năm 1916), tr. 7. Bài viết nầy tường thuật lại một cách rất chi tiết Lễ Đăng Quang của vua Khải Định. Khi dịch lại thánh chỉ của nhà vua về việc lên ngôi nầy, tác giả đã ghi lại việc chọn Ngự danh của vua Khải Định như sau: "Ayant choisi le moment favorable, j'ai ordonné aux grands mandarins d'ouvrir respectueusement le Livre d'Or. Conformément à ce qui y est contenu, c'est le neuvième caractère (...) qui déterminera mon nom officiel." Tạm dịch: "Chọn được ngày giờ lành, Trẫm đã truyền chỉ cho các đại thần kính cẩn mở Kim sách, và, theo đúng trong Kim sách, chữ thứ chín (...) sẽ là Ngự danh của Trẫm." Một bài viết khác của tác giả A. Laborde, với tựa đề "Les livres d'or et les livres d'argent de la Cour d'Annam," cũng đăng trong tập san* Bulletin des Amis du Vieux Hue, *năm thứ tư, số 1 (tháng 1-3, năm 1917), cung cấp cho độc giả một số thông tin về Kim sách; bài nầy cũng cung cấp cho độc giả 2 hình vẽ: 1) hình vẽ tờ bìa của Kim sách, và 2) hình vẽ Kim sách được mở ra. Xem các hình nầy ở các Phụ đính 3 và 4. Kim sách đề cập đến trong bài viết nầy là Kim sách của vua Gia Long cho làm ra để truy tôn Thụy hiệu Hiếu Khương Hoàng Đế cho thân phụ của Ngài.*

6. Hồ Tấn Phan, Hồ Thị Nhiên Hạnh, sđd, tr. 79.

7. Boudet, Paul, "Les archives des Empereurs d'Annam et l'histoire annamite," Bulletin des Amis du Vieux Hue, *năm thứ 29, số 3 (tháng 7-9, năm 1942), tr. 251.*

8. Hồ Tấn Phan, Hồ Thị Nhiên Hạnh, sđd, tr. 79.

9. Boudet, sđd, tr. 251-253.

10. Hồ Tấn Phan, Hồ Thị Nhiên Hạnh, sđd, tr. 82.

11. Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc, sđd, tr. 422.

12. Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc, sđd, tr. 421.

13. Hồ Tấn Phan, Hồ Thị Nhiên Hạnh, sđd, tr. 78.

Phụ Đính 1

Danh Sách Các Hoàng Tử Con Vua Minh Mạng

1. Nguyễn Phúc Miên Tông (Vua Thiệu Trị)
2. Nguyễn Phúc Chính (1)
3. Nguyễn Phúc Miên Định
4. Nguyễn Phúc Miên Nghi
5. Nguyễn Phúc Miên Hoành
6. Nguyễn Phúc Miên Áo
7. Nguyễn Phúc Miên Thẩn
8. Nguyễn Phúc Miên Phú
9. Nguyễn Phúc Miên Thủ
10. Nguyễn Phúc Miên Thẩm
11. Nguyễn Phúc Miên Trinh
12. Nguyễn Phúc Miên Bửu
13. Nguyễn Phúc Miên Trữ
14. Nguyễn Phúc Miên Hựu
15. Nguyễn Phúc Miên Vũ
16. Nguyễn Phúc Miên Tống
17. Nguyễn Phúc Miên Thành
18. Nguyễn Phúc Miên Tể
19. Tảo thương (mất sớm chưa có tên)
20. Tảo thương
21. Nguyễn Phúc Miên Tuyên
22. Nguyễn Phúc Miên Long
23. Nguyễn Phúc Miên Tích
24. Tảo thương
25. Tảo thương
26. Nguyễn Phúc Miên Cung
27. Nguyễn Phúc Miên Phong
28. Nguyễn Phúc Miên Trạch
29. Nguyễn Phúc Miên Liêu
30. Nguyễn Phúc Miên Mật
31. Nguyễn Phúc Miên Lương
32. Nguyễn Phúc Miên Gia
33. Nguyễn Phúc Miên Khoan
34. Nguyễn Phúc Miên Hoạn
35. Nguyễn Phúc Miên Túc
36. Nguyễn Phúc Miên Quang
37. Nguyễn Phúc Miên Tuấn
38. Tảo thương
39. Tảo thương
40. Nguyễn Phúc Miên Quân
41. Nguyễn Phúc Miên Kháp
42. Nguyễn Phúc Miên Tằng
43. Nguyễn Phúc Miên Tỉnh
44. Nguyễn Phúc Miên Thể
45. Nguyễn Phúc Miên Dần
46. Tảo thương
47. Nguyễn Phúc Miên Cư
48. Nguyễn Phúc Miên Ngôn
49. Nguyễn Phúc Miên Sạ
50. Tảo thương
51. Nguyễn Phúc Miên Thanh
52. Nguyễn Phúc Miên Tỉnh (2)
53. Nguyễn Phúc Miên Sủng
54. Nguyễn Phúc Miên Ngô
55. Nguyễn Phúc Miên Kiền
56. Nguyễn Phúc Miên Miêu
57. Nguyễn Phúc Miên Lâm
58. Nguyễn Phúc Miên Tiệp
59. Nguyễn Phúc Miên Vãn
60. Nguyễn Phúc Miên Uyển
61. Nguyễn Phúc Miên Ôn
62. Nguyễn Phúc Miên Trụ
63. Nguyễn Phúc Miên Khế
64. Nguyễn Phúc Miên Ngụ
65. Nguyễn Phúc Miên Tả
66. Nguyễn Phúc Miên Triện
67. Nguyễn Phúc Miên Thất
68. Nguyễn Phúc Miên Bảo
69. Nguyễn Phúc Miên Khách
70. Nguyễn Phúc Miên Thích
71. Nguyễn Phúc Miên Điểu
72. Nguyễn Phúc Miên Hoang
73. Nguyễn Phúc Miên Chí
74. Nguyễn Phúc Miên Thân
75. Nguyễn Phúc Miên Ký
76. Nguyễn Phúc Miên Bàng
77. Nguyễn Phúc Miên Sách
78. Nguyễn Phúc Miên Lịch

(Tài liệu trích dẫn: Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc. *Nguyễn Phúc tộc thế phả : thủy tổ phả, vương phả, đế phả*. Huế : Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1995. Tr. 251-252.)

Chú Thích: (1) Đã mất trước khi vua Minh Mạng soạn Đế Hệ Thi

(2) Tên trùng âm với hoàng tử thứ 43.

Phụ Đính 2
Danh Sách Các Hoàng Tử Con Vua Thiệu Trị

1. Nguyễn Phúc Hồng Bảo
2. Nguyễn Phúc Hồng Nhậm (vua Tự Đức)
3. Nguyễn Phúc Hồng Phó
4. Nguyễn Phúc Hồng Y
5. Nguyễn Phúc Hồng Kiệm
6. Nguyễn Phúc Hồng Tố
7. Nguyễn Phúc Hồng Phì
8. Nguyễn Phúc Hồng Hưu
9. Nguyễn Phúc Hồng Kháng
10. Nguyễn Phúc Hồng Kiện
11. Nguyễn Phúc Hồng Thiệu
12. Nguyễn Phúc Hồng Truyền
13. Nguyễn Phúc Hồng Bàng
14. Nguyễn Phúc Hồng Tham
15. Nguyễn Phúc Hồng Trước
16. Nguyễn Phúc Hồng Nghĩ
17. Nguyễn Phúc Hồng Thị
18. Nguyễn Phúc Hồng Tiệp
19. Tảo thương
20. Nguyễn Phúc Hồng Thụ
21. Nguyễn Phúc Hồng Kỷ
22. Nguyễn Phúc Hồng Từ
23. Nguyễn Phúc Hồng Đình
24. Tảo thương
25. Nguyễn Phúc Hồng Diêu
26. Nguyễn Phúc Hồng Cai
27. Tảo thương
28. Nguyễn Phúc Hồng Nghê
29. Nguyễn Phúc Hồng Dật (vua Hiệp Hòa)

(Tài liệu trích dẫn: Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc. *Nguyễn Phúc tộc thế phả : thủy tổ phả, vương phả, đế phả.* Huế : Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1995. Tr. 285-286.)

Phụ Đính 3
Hình vẽ Kim Sách

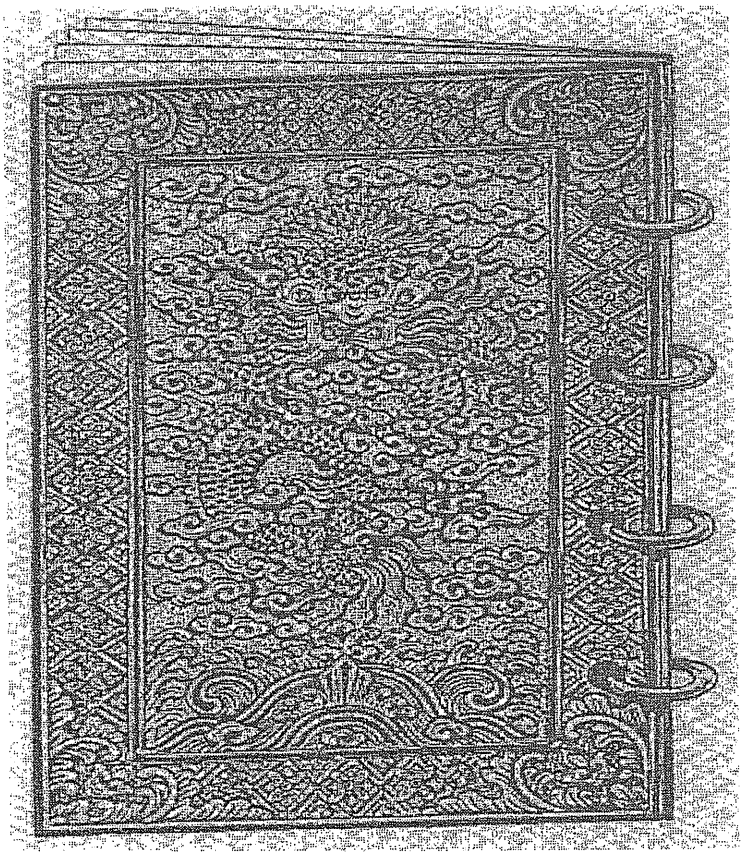

Planche 1 - Couverture d'un livre d'or (Dessin de M. Ton-That Sa).

Phụ Đính 4
Hình vẽ Kim Sách Mở Ra

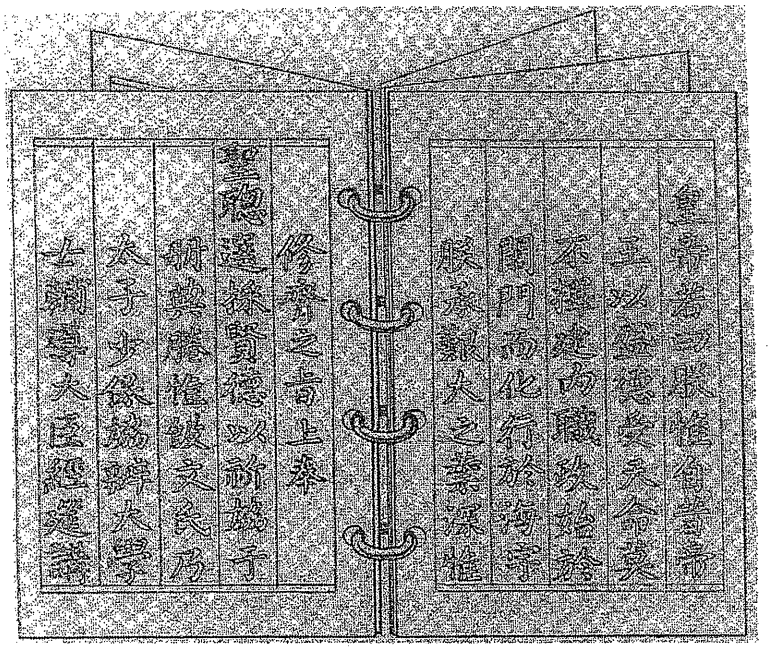

Planche II. - Un livre d'or ouvert
(Sessin de M. Ton-That Sa)

Phụ Đính 5

Vua	Tự danh	Ngự danh	Niên hiệu	Thụy Hiệu	Miếu Hiệu
Thứ nhứt	Chủng, Noãn, Ánh	Ánh	Gia Long	Cao Hoàng Đế	Thế Tổ
Thứ nhì	Đãm	Kiểu	Minh Mạng	Nhân Hoàng Đế	Thánh Tổ
Thứ ba	Dong, Miên Tông	Tuyền	Thiệu Trị	Chương Hoàng Đế	Hiến Tổ
Thứ tư	Hồng Nhậm	Thì	Tự Đức	Anh Hoành Đế	Dực Tông
Thứ năm	Ưng Chân			Huệ Hoàng Đế	Cung Tông
Thứ sáu	Hồng Dật	Thăng	Hiệp Hòa		
Thứ bảy	Ưng Đăng, Ưng Hổ	Hạo	Kiến Phúc	Nghị Hoàng Đế	Giản Tông
Thứ tám	Ưng Lịch	Minh	Hàm Nghi		
Thứ chín	Ưng Thị, Ưng Đường	Biện	Đồng Khánh	Thuần Hoàng Đế	Cảnh Tông
Thứ mười	Bửu Lân	Chiêu	Thành Thái		
Thứ mười một	Vĩnh San	Hoảng	Duy Tân		
Thứ mươI hai	Bửu Đảo	Tuấn	Khải Định	Tuyên Hoàng Đế	Hoằng Tông
Thứ mươI ba	Vĩnh Thụy	Diễn	Bảo Đại		

Các Vua nhà Nguyễn, giới Văn Thân và sự bại vong của Việt Nam dưới ánh sáng của xét lại

KHÔNG CÓ AI RƯỚC VOI VỀ DÀY MỒ CẢ, TẤT CẢ ĐỀU LÀ NẠN NHÂN CỦA MỘT VĂN HÓA THỦ CỰU CỰC ĐOAN *

TÔN THẤT THIỆN

(Tiếp theo và hết)

III

Thế kỷ XIX mục kích một sự phát triển rất mạnh về khoa học kỹ thuật và kinh tế dẫn đến sự tranh đua bành trướng thế lực và ảnh hưởng giữa các cường quốc Âu châu. Từ giữa thế kỷ này, các cường quốc đó bắt đầu để ý tới Á đông. Trung Quốc bị Anh, và Nhựt Bản bị Hoa Kỳ, dùng "ngoại giao bằng pháo hạm" (gunboat diplomacy) ép buộc "mở cửa", và các cường quốc Âu Châu ép Trung Quốc chấp nhận "nhượng địa" (extraterritorial). Việt Nam được Pháp chú ý đến từ thời Chúa Nguyễn Phước Ánh, nhưng vì bận rộn về nội bộ, đến Triều Napoléon III Pháp mới thực sự hành động. Năm 1859, Napoléon III cho lập "Hội đồng Nam Kỳ" (Commission de Cochinchine) để vạch kế hoạch xâm chiếm Việt Nam. Có thể nói đây là quyết định định đoạt số phận Việt Nam trong những thập niên tới. Và triều đình vua Tự Đức là triều đình phải đương đầu với vấn đề này.

Trước ý đồ xâm chiếm của Pháp, Việt Nam có ba phương thức đối lại:

1/ chống đối trực tiếp bằng quân sự: chiến;

2/ tránh giao tranh: hoà;

3/ trì hoãn: thủ.

Muốn chiến, phải mạnh về cả quân sự lẫn kinh tế; muốn mạnh phải có kỹ thuật cao, kinh tế phát triển, tài chánh dồi dào, nghĩa là phải canh tân.

Muốn hoà, phải chấp nhận một số điều kiện của địch.

Muốn thủ, trong nước phải đủ điều kiện để kéo dài chiến tranh, nghĩa là phải đoàn kết chặt chẽ, kỷ luật cao, có hậu cần vững chãi, và phải có khả năng gia tăng phú, cường, nghĩa là phải canh tân.

Các vấn đề trên đã được Vua Tự Đức đưa ra "đình nghị," nghĩa là đưa ra Triều đình bàn cãi, theo thể thức dân chủ. Cuộc đình nghị này cũng như các cuộc bàn cãi về chính sách trong các quốc hội Tây phương. Vua Tự Đức muốn quyết định của mình phản ảnh ý muốn của toàn dân, mà các Nho sĩ, ở trong hoặc ngoài Triều đình, là đại diện.

Cuộc "đình nghị" quan trọng nhất là bàn cãi về nghị hoà của chỉ huy quân lực Pháp, Đại tá Rigault de Genouilly, tháng 6 năm 1859, và của Thiếu tướng Page tháng giêng 1860.Trong những khoản của Pháp đòi, có bốn khoản chính: 1/được tự do truyền giáo, 2/ tự do thương mãi, 3/ đặt trú sứ ở Huế, 4/ nhường cho Pháp một nơi nào đó để bảo đảm cho sự thi hành hoà ước. Giáo sư Phan Khoang đã thuật lại rất chi tiết cuộc đình nghị then chốt này. (Xin xem Phan Khoang, chương II, tr. 140 vkt...) Tất cả những quan điểm về chiến, hoà, thủ đều được đưa ra mổ xẻ tường tận trong dịp này. Khung cảnh bài này không cho phép đi vào chi tiết của những bàn cãi. Ở đây chỉ thâu tóm lối lập luận của ba phe, chiến, hoà, thủ mà thôi.

Nói chung, thì quan điểm chiến được đại đa số chủ trương. Theo họ, ở vùng Đà Nẵng thì chiến thuyền Pháp nhiều mà đã vào sâu trong sông "có thể vây đánh được," vậy nên "đợi họ vào sâu nữa, rồi lần lượt tiểu trừ"; ở Gia Định thì chiến thuyền họ ít, mà "ở xa ngoài biển, khó nỗi tiến bức." Cho nên nên cùng họ đánh một trận trên đất, "toàn thắng rồi lần lượt tiễu trừ." Nếu hoà thì "bỏ cấm đạo, cho thông thương, họ được lập nhà thờ, lập phố chợ, trăm đều giảo hiểm sẽ từ chữ hoà mà sinh ra." Ông Trương Đăng Quế, một đại thần, sau khi Pháp bắn phá thuyền chiến Việt Nam, khi được hỏi về ý của người Pháp, trả lời rằng: "Nếu họ khai hấn trước thì họ trái, ta phải, dẹp trừ không khó gì"! Sau khi Pháp chiếm tỉnh Gia Định và toan đánh lấy Định Tường và Biên Hoà, ông ta đưa ý kiến rằng "E hoà cuộc không thành được, trừ việc đánh giữ, không có kế gì nữa." Ông chủ trương không nhượng bộ gì đối với Pháp cả. Ông ta công nhận rằng Tây phương hơn ta, nhưng vì vậy mà ông ta không muốn cho

họ đến; ông cho rằng tinh thần bình đãng, khống chế, và xông xáo của họ "kỳ quặc".... ông không muốn dân Việt Nam quen sống nghèo dốt giao dịch với đám "dương di" này, và ta ông nghĩ rằng "ta không thể ký với họ những thoả hiệp làm dơ bẩn phong tục của dân ta"; theo ông, chúng ta nên "hy sinh tất cả còn hơn là thỏa hiệp với họ và tự nộp mình cho họ." (Tsuboi, tr.161)

Về phe chủ hoà thì có Khâm sai ở Nam Kỳ, Nguyễn Bá Nghi, là người luận lý hợp lý, hợp tình hơn cả. Nhân Vua hỏi, Nguyễn Bá Nghi thực tình tâu:

"Tôi vốn nghe nói tầu Tây đi mau như bay, súng Tây bắn thủng được mấy thước thành đá, xa được mấy mươi dặm, tôi vẫn chưa tin. Đến năm Thiệu Trị, tầu Tây đến Đà Nẵng, bắn phá năm chiếc thuyền đồng của ta chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, bấy giờ tôi quyền chức Bố chánh Quảng Nam, chính mắt trông thấy, mới tin là thiệt. Ba bốn năm lại đây, binh ta không phải là không dũng, súng ta không phải là không mạnh, đồn lũy của ta không phải không đầy, thế mà thua họ, cũng chỉ vì tầu súng của họ hơn ta xa vậy. Các quan quân-thứ không biết người biết mình, cứ cưỡng mà đánh nên ngày nay mới thế... tôi cho là đánh, giữ đều không được, phải hoà chứ không thì không xong cuộc... Hiện tình như thế, việc đánh, việc giữ đều không thể được, vì đánh, giữ chỉ bầy hình cho họ thấy, khiến họ càng lo liệu mà ta thêm tổn hại... Người Tây biết ta không thiệt tình, e lại ép lấy thêm đất, khi ấy công không được, thủ không được, mà hoà cũng không được..." (Phan Khoang, tr. 157) Trong số đại thần, người chủ hoà mạnh hơn cả là ông Phan Thanh Giản, người điều đình hiệp ước 1862.

Trong phe chủ trương thủ người đại diện nổi bật nhất là Nguyễn Tri Phương. Ông ta tâu rằng:

"Người Tây thủy quân, lục quân nương đỡ nhau, khó mà hơn họ được. Ta thì thủy chiến đã không tiện, còn về lục chiến thì họ súng ống đã tinh lại đánh giỏi, quân ta khiếp sợ sinh ra bần rùn, nên cũng không thể địch nổi... Tình thế như vậy, giữ còn chưa được, nói đánh sao nên? Vậy xin đem binh lực hiện có, dự bị cho nghiêm mà đợi, để làm kế trì cữu, rồi lo trù liệu lương hướng, gặp cơ hội sẽ động, ấy là cớ hoàn toàn vậy."

Phản ứng của Vua Tự Đức là một thái độ phản ảnh quan điểm phe cứng rắn, chủ chiến, là phe đa số. Về 11 khoản của đề nghị của Thiếu tướng Page, Vua nói: về người Việt Nam theo đạo Gia tô xin đừng tra bắt v.v... y cho cũng được nhưng họ không được khuyên dụ thêm người khác nữa, trái thì trị tội; về việc xin tha các giáo sĩ, nếu không chiêu dụ người ngoại đạo, tha xiềng tha giết cũng được, nhưng phải trở về, không được ở lại, còn nếu có chiêu dụ thì trị tội không tha. Về buôn bán, những tầu đến mua bán xong phải về, không được ở lại lâu. Duy hai khoản xin đặt sứ quán và xin cho Giáo sĩ tự do phải bác đi, "nếu họ không nghe, ta chỉ có chiến, thủ mà thôi, không cần phải thương lượng nữa." Như vậy là Vua theo phe chủ chiến, bác bỏ đề nghị của Pháp. Sự bác bỏ này khiến Pháp kéo quân vào tấn công Gia Định, và họ hạ thành này chỉ sau hai ngày tấn công. Nguyễn Tri Phương được Vua phái vào lo việc chống đỡ tâu lên: "Sự thế hồi này so với hồi trước khó gấp năm, gấp ba mà sĩ dân thì của đã hết, sức đã yếu."

Rõ ràng là chiến không thắng được. Mà hoà thì Vua biết đa số Triều đình và Nho sĩ không chịu, mà chính vua cũng đồng quan điểm với họ, nhất là sau khi Pháp chiếm lấy ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ. Cho nên Vua chọn một giải pháp nửa chừng, và chấp nhận chiến lược "trì cữu" của Nguyễn Tri Phương, tạm thời chịu lép, nhưng có dịp sẽ chiến để phục hưng.

Qua những tuyên bố của Vua, ta thấy rõ rằng Vua Tự Đức không coi sự bất ba tỉnh, và sau này, cả sáu tỉnh Nam Kỳ, và ngay cả sau khi ký hoà ước 1874 chấp nhận bảo hộ Pháp trên toàn cõi Việt Nam còn lại như là mất hẳn. Vua có ý định "phục hưng" "giải phóng." Giáo sư Nguyễn Quốc Trị đã sưu tầm về vấn đề này và cho ta biết rõ rằng Vua có một kế hoạch lâu dài do Nguyễn Văn Tường vạch ra. 4 Đó là chiến lược "hoà để thủ, thủ để mưu chiến," chấn chỉnh nội bộ, chuẩn bị một cuộc chiến đấu trường kỳ, đợi thời vận. Kế hoạch này đặt trọng tâm vào "tự cường," sự thông hiểu, kiên nhẫn, và kỷ luật của giới Nho sĩ và nhân dân, và dựa vào sự trợ giúp của Trung Quốc. Ở đây có một điểm tế nhị về chiến lược "thủ để mưu chiến." Không chấp nhận hoà tất nhiên tiếp tục chiến, và phe địch, người Pháp, tất nhiên hiểu như vậy. Nhưng đây là một khía cạnh của vấn đề mà Vua cùng Triều thần không thấy rõ vì không biết gì về quan niệm về bang giao quốc tế của người Tây phương. Chúng ta sẽ bàn chi tiết hơn về điểm này ở đoạn dưới.

Cả ba điều kiện trên đây không được thực hiện. Tự cường đòi hỏi phải canh tân đất nước xã hội. Nhưng, về phương diện này, Vua Tự Đức lại va vào thái độ bảo thủ của giới Nho sĩ. Như đã nói ở

trên, đối với giới này, nói về văn minh thì chỉ có Trung Hoa, và kế đó là Việt Nam; người Tây phương là "man di," "dương di," chỉ như rợ Đột khuyết đời Đường, rợ Kim đời Tống trong sử Tàu mà thôi. Việt Nam không có gì phải học hỏi từ những di, những rợ đó. Ngay cả ông Nguyễn Tri Phương, biết rõ tình hình về lực lượng hai bên, không hề đề cập đến vấn đề chỉnh đốn lại quân ngũ, cải tiến trang bị khí giới theo kiểu Tây phương.

Về phương diện này, có một điểm được Giáo sư Tsuboi làm sáng tỏ, là: quan niệm phổ biến là các Vua Nhà Nguyễn không chú ý đến những gì xảy ra ở ngoài là một quan niệm sai lầm. Theo Giáo sư, quan niệm này được phổ biến là do các tác giả Việt Nam, như Lê Thành Khôi, lặp lại những gì mà các giáo sĩ đã viết. Sự thực là các Vua không đẩy được khối Nho sĩ bảo thủ. Thực ra, Vua Minh Mạng rất chú tâm đến các cường quốc Tây phương; ông đã bảo Giáo sĩ Jacquard dịch cho ông đọc những chuyện về Ấn Độ và Napoléon. Năm 1838, khi thấy Trung Quốc bị xâm lăng, ông có ý định thay đổi chính sách. Vì vậy ông gởi một sứ bộ đi Âu châu để dò xét tình hình. Ông thường đọc báo Jing Bao (Kinh Báo, công báo của Bắc Kinh) mua từ Hồng Kông, để theo dõi tình hình quốc tế. Ông thấy cần sửa đổi lối học hành. Ông nói:

"Lâu nay khoa cử làm cho người ta sai lầm. Trẫm vốn nghĩ văn chương vốn không có quy củ nhất định, mà nay những văn cử nghiệp chỉ câu nệ cái hủ sáo, khoe khoang lẫn với nhau, biệt lập mỗi nhà một lối, nhân phẩm cao hay thấp do tự đó, khoa tràng lấy hay bỏ cũng do tự đó. Học như thế thì trách nào mà nhân-tài chẳng mỗi ngày một kém đi. Song tập tục đã quen rồi, khó đổi ngay được, về sau nên dần dần đổi lại." (Trần Trọng Kim, sđd, tr.195)

Thời Vua Thiệu trị không thay đổi nhiều, nhưng năm 1844 ông cũng phái người đi Âu châu mua một chiếc thuyền chạy hơi.

Vua Tự Đức thì tỏ ra cũng tò mò về kỹ thuật Tây phương, hay những biến chuyển chính trị ở ngoại quốc. Từ sau khi mất ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ đến khi băng, ông lấy một số quyết định (gởi người đi học tiếng ngoại ngữ, kỹ thuật, phái Nguyễn Trường Tộ sang Pháp rước thầy về mở trường học kiểu Âu) cho thấy ông ý thức được nhu cầu canh tân, nhưng những cải tổ lớn ông không làm được vì Triều đình chống đối, và giới Nho sĩ "ngăn chận" (bloquer) .

Trong thời gian 1862-1881 có nhiều đề nghị canh tân được đưa ra. Vua luôn luôn đưa những đề nghị này cho "đình nghị" nhưng các quan im lặng không cho ý kiến , hoặc trả lời rằng "chưa hợp thời thế," hoặc "chưa nên làm vội," "không tiện," "sẽ nghĩ sau." Vua cũng thấy là phải "làm thế nào cho ngày càng tấn tới, nếu không tấn là thối," nhưng Vua lại không lấy uy quyền của mình mà áp đặt một đường đi mới, vì Vua ý thức rằng trong một chế độ quân chủ Khổng Nho Vua không thể khinh thị giới Nho sĩ được. Rủi thay, giới Nho sĩ này lại thụ nhiễm một văn hoá tạo ra những con người thủ cựu cực đoan, chỉ lo rập khuôn, hoàn toàn không có sáng kiến, không giám nghĩ đến cái mới, và nghe thấy cái gì lạ thì lại bác đi. Dưới đây là một ví dụ điển hình..

Năm 1863 Vua Tự Đức phái hai ông Phan Thanh Giản va Phạm Phú Thứ đi sứ sang pháp điều đình chuộc lại ba tỉnh Miền Đông. Khi về, trong phúc trình "Tây Hành Nhựt Ký" hai ông có thuật lại với rất nhiều chi tiết những gì các ông đã nghe đã thấy trong thời gian viếng các nước Pháp, đặc biệt là có "thiết kiều" "thạch lộ." Đây có thể nói là một tài liệu rất quý báu để làm căn bản cho một cuộc canh tân xứ sở. Thay vì đua nhau nghiên cứu tài liệu và rút những kết luận thích hợp, các quan trong Triều đình cho rằng các ông đi xa về nói khoác. Nước ta phú hữu tứ hải còn không đủ thép để làm gươm mà họ có thép làm cầu, họ làm gì có đá để lót đường vì trong khi trong nước ta không đủ để mài gươm cho sắc bén". (5) Tâm trạng của các Ông được tóm tâu trong mấy câu thơ sau đây của Ông Phan Thanh Giản:

Từ ngày đi sứ đến Tây kinh,
Thấy việc Âu châu phát giựt mình,
Kêu rủ đồng bào mau thức dậy,
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin. (6)

Đó là năm 1864, lúc mới mất có ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ. Năm 1878, sau khi đã bị Pháp đặt bảo hộ trên toàn cõi Việt Nam còn lại, và vấn đề canh tân đất nước thành khẩn trương gấp mấy trước,ông Nguyễn Tăng Doãn, nhân một dịp đi sứ Pháp, khi về kể lại những điều kỳ lạ về kỹ thuật và văn minh Tây phương một cách quá khâm phục, bị đình nghị giáng chức vì ông đã kể những chuyện "hoang đường." (7) Ở đây tưởng cũng nên ghi rằng trong hoà ước 1874, có khoảng 4, nói rằng:

"Đức Giám quốc nước Pháp hứa cho quan binh đủ số sang giúp đức vua nước Nam để tổ chức lại

thủy quân, lục quân, cho kỹ sư, chủ xưởng thợ sang quản đốc công tác mà nước Nam muốn làm, những người giỏi về tài chính sang sửa sang việc thuế má và việc quan thuế, những giáo sư sang để lập một trường cao đẳng tiểu học ở Huế. Lại hứa sẽ cấp đức vua những tầu binh, súng ống, đạn dược mà vua cần dùng...." (Phan Khoang, sđd, tr.231).

Đây thật là một cơ hội lớn lao để Việt Nam canh tân. Nhưng hoà ước ký xong, chẳng ai để ý đến những điều kiện thuận lợi này.

Điều kiện thứ hai cũng không thực hiện được vì giới Nho sĩ phát động phong trào Văn Thân, chống Pháp và nhất là truy giết giáo dân, đốt phá làng Công giáo, cho Pháp lấy cớ hoà ước không được tôn trọng, can thiệp quân sự và áp đặt những điều kiện nặng hơn trong những thoả hiệp mới,càng ngày càng bất lợi cho Việt Nam.

Trong những tiếp xúc từ triều Gia Long đến đấu triều Tự Đức, Pháp xin có bốn điều: 1/tự do truyền giáo, 2/tự do thương mãi, 3/ nhường cho một chỗ đất đai để bảo đảm thi hành hoà ước. (đề nghị của Thiếu Tướng Rigault de Genouilly tháng 6, 1859), 4/ đặt trú sứ ở Huế với quyền được diện kiến Vua. Tháng 1, 1860, sau khi Pháp đã hạ Thành Gia Định, đề nghị hoà của Thiếu Tướng Joseph Page, gồm11 đều kiện, trong đó đòi mấy điều kiện căn bản: 1/ tự do truyền đạo, 2/khai thương ba cửa biển, 3/đặt trú sứ ở Huế, nhưng lại không đòi nhường đất, chỉ đòi binh phí. Nhưng năm 1862, sau khi Pháp đã chiếm ba tỉnh Miền Đông, họ đòi những điều kiện trên đây, nhưng lần này lại thêm hai đều gây khó khăn cho Triều Đình: 1/ nhượng đất, 2/ Việt Nam phải bắt giao cho họ những người mà họ coi là "giặc" — những phần tử chống Pháp. Điều kiện này không được tôn trọng vì nhân sĩ Nam Kỳ bất tuân lệnh Vua, tiếp tục mộ binh đánh Pháp, nên Pháp lấy cớ này chiếm luôn ba tỉnh Miền Tây Nam Kỳ.

Về Miền Bắc thì, để lấy lại quyền hành sau những vụ xáo trộn do Jean Dupuis và Francis Garnier gây ra,Vua phải chấp nhận hoà ước 1874. Nhưng hoà ước này cũng không được tôn trọng, Nho sĩ Miền Bắc, trong đó có cả các quan của Triều đình, không tuân lệnh vua, giết chóc, đốt phá làng mạc Công giáo, kêu gọi người Tàu vào giúp. Phong trào Văn Thân được chính thức phát động trong dịp này. Một đặc điểm của những biến động này là quân Văn Thân không những bất chấp lệnh Triều Đình, mà còn chống lại quân của Triều đình nữa, và trong những kẻ chống đối này có cả quan của Triều đình. Nổi bật nhất là Tôn Thất Thuyết.

Vì Vua Tự Đức không duy trì được uy quyền của Triều đình, nghĩa là không bảo đảm được sự tôn trọng hiệp ước, đặc biệt bảo vệ sinh mạng và tài sản của Giáo dân, nhất là các Giáo sĩ ngoại quốc, Pháp ra tay can thiệp vào việc dẹp loạn nội bộ này của Việt Nam. Kết quả là quân Pháp đổ bộ, chiếm Thuận An, trực tiếp đe dọa Kinh đô Huế, và buộc Việt Nam phải ký hoà ước tháng 8, 1883, hoà ước bảo hộ. Việt Nam mất hết chủ quyền thực sự từ đây. Hoà ước này lại gây chống đối, và người đứng đầu chống đối này là Tôn Thất

KHANH TƯƠNG

SÔNG

anh nao lòng mắc cạn
em chiếc bách giữa dòng
cố nhìn không cũng vậy
sững sờ ngọn hải đăng
nước sông chia sáu nhánh
vòng sau dẫy tràng kênh
phong ba choàng theo núi
nước lờ lững phà rừng

HOA

hoa sen trắng trong hồ nước biếc
nụ sen vàng hồ diệp giỡn chơi
giữa hồ dăm chiếc lá rơi
sóng xô nước giạt hoa cười giữa hoa

Thuyết, lúc đó là Phụ Chính vì Vua Tự Đức đã băng hà, và các Vua mới, Dục Đức, rồi Hiệp Hoà, bị Thuyết truất phế, và thay thế bằng Vua Kiến Phúc, rồi Hàm Nghi lúc đó đáng còn nhỏ tuổi. Sự chống đối của Thuyết đưa đến cuộc đột kích Pháp thất bại đêm 4-5/7/1885, Pháp chiếm đóng Kinh thành, kể cả cung điện của Vua, rồi truy nã Vua Hàm Nghi, cử Vua mới (Đồng Khánh), và đày vua Hàm Nghi đi Algérie. Đây là hậu quả của những hành động nóng nảy và chủ quan của giới Văn Thân. Những chuyển biến trên đây đưa đến kết quả là kể từ tháng 7, 1885, Việt Nam bị chiếm đóng, ngay cả Kinh đô cũng bị, và hoàn toàn mất chủ quyền. Người Pháp nắm hết quyền hành thực sự của Việt Nam kể từ đây.

Giới Văn Thân chống đối các hoà ước là một việc tự nhiên: nó xuất phát từ khí khái, tự ái dân tộc, khi thấy nước nhà bị ngoại nhân chiếm đóng, và chà đạp. Nhưng thực tế, trong tình trạng hồi đó, quân đội ta bị Pháp đánh tan dễ dàng, và Pháp đe dọa chiếm Kinh đô, mà nhất là không những dẹp bỏ Vua mà ngay chiếm luôn cả Việt Nam, xoá bỏ không những quân chủ mà ngay cả nước Việt Nam, thì người điều đình với Pháp phải làm sao? Đây là tình trạng mà vị đại thần Nguyễn Trọng Hiệp phải đương đầu. Tâm trạng của ông được tả trong mấy câu thơ sau đây:

Nay vâng mệnh Triều đình đi sứ
Sắc cầm tay khó xử muôn phần.
Không đi mang tội khi quân
Đi thì mang tiếng phản dân cầu hoà.
Nếu biết trước ở nhà làm ruộng
Còn hơn làm ông thượng ông quan
Mấy lời nhắn nhủ thế gian,
Học để mà biết, làm quan đừng màng. (8)

Ông là người được Triều đình cử làm đại diện để cầu hoà sau khi Pháp chiếm các đồn Thuận An và trực tiếp uy hiếp kinh đô. Đại diện Pháp, Harmand, nói thẳng thừng rằng:

"Tôi cho các ông 48 giờ để chấp nhận hay từ chối toàn bộ những điều kiện chúng tôi đưa ra... Nếu các ông bác bỏ thì các ông phải sẵn sàng đón chờ những tai họa vô cùng lớn. Các ông có thể tưởng tượng những gì kinh khủng cực độ, nhưng đó vẫn còn chưa đến sự thực. Đế quốc An Nam, vua, các hoàng tử sẽ tự diệt. Ngay cả tên An Nam cũng sẽ không còn trong lịch sử nữa." (Nguyễn Thế Anh tr.66)

Đây không phải là một sự đe dọa suông. Ngoài Harmand, Tướng de Courcy, chỉ huy quân Pháp, cũng đề nghị nhân dịp này dẹp quân chủ đi và thôn tính luôn Việt Nam.

Để tránh Kinh đô bị chiếm đóng, để còn Vua, còn nước, ông Nguyễn Trọng Hiệp đã phải nhân danh Triều đình ký hoà ước chấp nhận bảo hộ của Pháp. Tuy rằng bị tước hết chủ quyền, nhưng Việt Nam vẫn còn Vua và còn tồn tại.

Nếu nhìn lại trước những năm 1850, thay vì chỉ mất một phần giới hạn lãnh thổ, cho Công giáo được hành đạo với một số giới hạn nào đó, và giao thông thương mại, thì nay Việt Nam mất hết chủ quyền, ngoại lẫn nội, trên toàn lãnh thổ, tất cả các hải cảng từ Nam ra Bắc đều phải mở rộng để cho ngoại quốc ra vào tự do, giáo sĩ ngoại quốc đi giảng đạo không những được di chuyển tự do trên toàn cõi Việt Nam mà không cần xin phép, ngay cả không cần thông báo cho giới chức Việt Nam biết, Trú sứ Pháp ở Huế được yết kiến Vua lúc nào ông ta yêu cầu! Đó là kết quả của quyết chiến, trong một thế quân sự tài chính vô cùng yếu, và trong một tình hình quốc tế hết sức bất lợi cho Việt Nam!

Về phần Trung Quốc thì cả Vua lẫn giới Văn Thân đều mong chờ vào Trung Quốc, trong khi chính Trung Quốc cũng đã bị Tây phương, trong đó có Pháp, đánh bại và

phải chấp nhận những sự áp đặt của các quốc gia Tây phương này. Ở đây cũng cần nhắc rằng năm 1862, Vua Tự Đức ra lệnh cho Ông Phan Thanh Giản phải giải quyết vấn đề Nam Kỳ gấp, vì Triều Đình không đủ lực lượng đương đầu với những khó khăn ở Bắc Kỳ lẫn Nam Kỳ. Vua đã chịu hy sinh Nam Kỳ để giữ Bắc Kỳ, vì như đã nói ở trên, Vua vẫn tin rằng phục hưng được các tỉnh đã mất tương đối dễ dàng, trong khi vấn đề Bắc Kỳ nghiêm trọng hơn. Lúc đó Triều đình Huế phải đương đầu với giặc giã lung tung ở đó, và nhất là với vụ loạn dùng danh nghĩa phục hưng Nhà Lê, do Lê Duy Phụng cầm đầu.

Đất Bắc Kỳ không phải là đất hậu cần của nhà Nguyễn, và ở đó nhiều người còn quyến luyến nhà Lê, nên dùng danh nghĩa phục hưng nhà Lê luôn luôn có người hưởng ứng. Đây là một ưu tư lớn cho Triều Đình Huế. Phần khác, trong mắt Vua Tự Đức và Triều đình, cũng như quan dân ở Bắc, sự giúp đỡ của Trung quốc là một điều kiện căn bản trong sự chống Pháp và phục hưng các đất đai đã mất. Do đó, Việt Nam cần giữ Bắc Kỳ để thông thương với Trung Quốc. Quan niệm này ăn sâu trong tâm trí họ, và mãi đến năm 1885, lúc Trung Hoa ký hoà ước Thiên Tân với Pháp, công khai bỏ rơi Việt Nam, các giới trên đây mới hiểu rõ rằng, ngay cả Trung Quốc cũng bị Pháp cưỡng ép dễ dàng, và mong chờ cứu trợ của Trung

Quốc là chuyện mơ mộng hão huyền.

Trong việc này, cũng như trong sự lựa chọn chiến lược "thủ để mưu chiến," chung quy, như Giáo sư Nguyễn Thế Anh giải thích, nguyên do là Vua, Triều đình, cũng như giới Văn Thân, chỉ quen thuộc với lối bang giao với Trung Quốc, mà không hay biết gì về hệ thống bang giao quốc tế thông dụng giữa các quốc gia Âu châu. Hệ thống này căn bản là hệ thống được quy định trong các công ước quốc tế về ngoại giao được các quốc gia Âu châu chấp nhận tại Hội Nghị Vienna năm 1818 và sau đó. Theo hệ thống này (còn được áp dụng ngày nay) các quốc gia đều bình đẳng, trao đổi sứ thần với nhau, và các sứ thần này đại diện cho quốc trưởng của họ, được quyền đối xử kính trọng và miễn tố, cùng quyền diện kiến quốc trưởng sở tại. Phần khác các Chính phủ sở tại có bổn phận bảo vệ sinh mạng và tài sản của công dân các nước khác ở trên đất mình; vi phạm điều này là xúc phạm "danh dự hay quyền lợi trọng yếu" (honor or vital interests) và cho nước bị xúc phạm lý do chính đáng để gây chiến (*casus belli*).

Những quan niệm trên đây hoàn toàn xa lạ đối với Vua, quan, và giới Nho sĩ Việt Nam thời đó. Họ được đào luyện theo văn hoá Khổng giáo mô hình Trung quốc. Họ chỉ quen thuộc với một hệ thống bang giao quốc ngoại theo chiều dọc, và chỉ một chiều: trên là Trung quốc — Thượng quốc — nước lớn, mạnh hơn, văn minh hơn; Việt Nam ở dưới — là Phiên quốc — nhỏ hơn, yếu hơn, văn hoá kém hơn; dưới Việt Nam là các nước Phiên quốc, Cao Mên, Lào, lại nhỏ hơn, yếu hơn, văn hoá kém hơn nữa. Không có bình đẳng giữa các quốc gia, và đặt đại diện tại kinh đô của nhau, nhất là đại diện có quy chế cao cả, chỉ có Phiên quốc theo định kỳ gởi sứ mang đồ cống cho Thượng quốc, và mỗi khi Phiên quốc đổi triều đại Thượng quốc phái sứ, có khi chỉ là viên chức cấp tỉnh, phong tước cho vua mới.

Cho nên ta thấy các Vua từ Vua Gia Long xuống, không chấp nhận tiếp sứ thần của các nước Tây phương, không cho họ diện kiến Vua, và không chịu cho họ mở Trú sứ quán ở Kinh đô Huế. Cho đến sau khi ký hoà ước 1874 Vua Tự Đức vẫn kiếm cớ thoái thác không tiếp sứ thần Pháp. Về đối xử với kiều dân Pháp, các Giáo sĩ, các Vua ta cứ căn cứ "phép nước" giết họ vì họ vi phạm các Dụ cấm đạo của Vua, các Dụ nói rõ rằng nhập cảnh Việt Nam và đi giảng đạo trên đất Việt Nam sẽ bị xử tử.

Một lãnh vực khác cho thấy khác biệt về văn hoá là thương mãi. Trong văn hoá Việt Nam, thương mãi là một lãnh vực bị khinh khi. Sự sắp loại theo thứ tự quan trọng sĩ, nông, công, thương. Chuyện trong xã hội Việt Nam thương mãi chiếm địa vị rất thấp là chuyện phổ cập. Trong các thế hệ trước, và ngay cả ngày nay, thành đạt thường có ý nghĩa là học thi đỗ làm quan/công chức hay chiếm những địa vị được xã hội quý nể — giáo sư, kỹ sư, bác sỹ, chuyên viên — thay vì làm con buôn. Trong giới Nho học, thành kiến đối với thương mãi rất sâu. Đối với họ, chỉ những người tầm thường, nghèo mới đi vào thương mãi. Câu chuyện sau đây minh chứng điều đó.

Ông bá tước Kleckowski, tham vụ Toà Đại sứ Pháp ở Bắc Kinh , trong một cuộc tiếp xúc với hai vị thượng quan Việt Nam, vào năm 1857, lúc đề cập đến thương mãi, hai vị quan này nói: "Người Anh chết đói trên đảo của họ nên phải đi buôn khắp nơi. Điều đó dễ hiểu. Nhưng người Pháp? Họ chỉ bịa chuyện, vì họ quá giàu để phải đi buôn, họ xấu lắm nên mới đi truyền bá tà đạo của họ, và đầu độc dân chúng tôi với những sai lầm tai hại của họ." (Tsuboi, tr.60)

Ở đây, tưởng cũng nên ghi rằng sau khi ký hoà ước 1862 Triều đình bắt buộc phải tiếp xúc với đại diện Pháp. Vua lập ra Thương Bạc để lo việc này tuy rằng, chính thức, Thương Bạc là cơ quan lo về ngoại thương.

Rõ ràng là hiểu biết của Vua, quan, và giới Nho sĩ ta về Tây phương thời đó hầu như không có. Và, thật ra, họ cũng không để ý đến vấn đề này lắm. Đặc biệt là với giáo dục Khổng Nho mà họ thâu nhận, họ khó có thể hiểu những gì họ nghe hay thấy, mà có hiểu thì họ cũng khó chấp nhận được. Ví dụ, năm 1864 ông G.Aubaret, lãnh sự Pháp ở Bangkok, được Vua tiếp. Ông kể lại rằng trong câu chuyện Vua hỏi về các nước Âu châu, và Pháp làm sao đạt được phú cường. Khi nghe ông Aubaret trả lời rằng đó là do Pháp chú tâm đến tự do cá nhân và giao dịch tự do giữa các nước, "Vua có vẻ ngạc nhiên lắm." (Tsuboi, tr. 151)

Nếu ở cấp Vua và Triều đình, là cấp có nhiều cơ hội tiếp xúc với ngoại quốc, mà còn phản ứng tiêu cực như vậy, thì ở cấp thấp hơn, quan lại trung cấp và thấp, Nho sĩ, dân chúng không hề có dịp tiếp xúc với ngoại nhân, còn mù mờ hơn nữa. Có thể nói rằng lúc đất nước phải đối đầu với một loạt vấn đề mới thì cả nước như một con cóc ngồi dưới đáy một cái giếng xây theo kiểu mẫu Khổng giáo Trung hoa.

IV

Căn cứ trên những dữ kiện đã trình bày ở trên, ta có thể rút được một số kết luận như sau.

Về Vua Tự Đức và Triều đình Huế. Trong suốt thời gian Vua trị vì, 1847-1883, Vua luôn luôn có một thái độ cứng rắn, không nhân nhượng. Vua chỉ chủ chiến, và sau khi thấy trực chiến không thể được,Vua vẫn không chịu hòa, mà chỉ theo một chính sách "trì cửu," theo cách gọi của ông Nguyễn Tri Phương, hay là "hoà để thủ, thủ để mưu chiến," theo cách gọi của ông Nguyễn Văn Tường. Mà "thủ để mưu chiến" là một chính sách chiến, không phải hòa. Vua đã phải nhượng ba tỉnh Nam Kỳ năm 1862, nhưng đó là để giữ vững Bắc Kỳ, và, trong trí Vua, sự nhượng đất đó chỉ là tạm thời: Vua tin rằng chính sách "thủ để mưu chiến" sẽ cho phép "phục hưng," "giải phóng" mấy tỉnh đó về sau. Vua đã phải buộc ký hoà ước 1874 sau khi các giới Văn Thân chém giết Công giáo và kêu gọi quân Tàu can thiệp chống Pháp, khiến Pháp đánh lấy Bắc Kỳ, nhưng hoà ước này chỉ nhượng chủ quyền về ngoại giao. Và sự chống đối của giới Văn Thân, và can thiệp của quân Tàu, một lần nữa, lại khiến Pháp đánh chiếm Thuận An, uy hiếp Kinh đô, và ép Việt Nam ký hoà ước 1883, tước chủ quyền cả ngoại giao lẫn nội trị của Việt Nam, lập lên cuộc bảo hộ Pháp. Nhưng ngày quân Pháp chiếm Thuận An thì Vua Tự Đức vừa băng. Sau này, cuộc đột kích của Tôn Thất Thuyết đêm 4-5 tháng 7, 1885 dẫn đến sự chiếm đóng Kinh đô, kể cả cung điện Nhà Vua, và áp đặt một chế độ bảo hộ càng nặng hơn nữa. Trong suốt những chuyển biến trên, không hề có chuyện Vua Tự Đức "rước voi về giày mồ."

Cho nên, trong sự áp đặt bảo hộ, tước hết quyền hành đối ngoại và đối nội của Việt Nam, trách nhiệm thực sự là của giới Văn Thân. Việt Nam đã phải ký những hoà ước tai hại vì giới Văn Thân nóng nảy, chủ quan, không hiểu gì tình hình, đã gây ra những tình thế buộc Triều đình phải ký những hoà ước đó dưới sự đe dọa tiêu diệt của Pháp. Có các hoà ước 1862, 1874, 1883 và nhất là 1884, là vì phía ta khiêu khích voi, nó giận mới xông vào giày mồ chúng ta. Sau 1885 thì không cần ai khiêu khích cả, voi quen đường cứ vào đạp, không ai có sức cản nó được. Giới khiêu khích đó là giới Văn Thân. Nhưng giới này, vừa khiêu khích voi, lại vừa không có khí cụ và mưu kế gì thiết thực để ngăn chận voi và đuổi nó đi cả. Mà họ cũng không cho Vua và Triều đình khí cụ hữu hiệu — canh tân khẩn cấp và sâu rộng — để chận đứng và đẩy lui voi cả.

Ta có thể trách Vua Tự Đức đã sai lầm trong sự chọn giải pháp chiến — hoặc trực tiếp, hoặc dưới hình thức "thủ để mưu chiến" — và không dùng quyền uy của mình để đẩy mạnh cuộc canh tân xứ sở cho xứ sở có khả năng sức lực chống lại sự xâm lấn của Pháp. Nhưng Vua không thể bất chấp ý kiến của đình thần. Như Chúa Nguyễn Phước Ánh đã nói rõ với Giám mục Bá Đa Lộc, bất chấp dư luận là dẫn đến loạn. Phần khác, Vua, cũng như đình thần và Nho sĩ, là sản phẩm của một nền giáo dục Khổng Nho mô hình Trung quốc, và tư tưởng, xử trí của Vua do nền giáo dục đó uốn nắn. Là sản phẩm của một nền giáo dục như vậy, tất nhiên Vua không hành động khác được. Vua là một nạn nhân của một nền văn hoá Khổng Nho, vừa hướng về quá khứ, vừa tự cao, khi miệt những gì khác với giá trị, hành vi mà văn hoá ấy chủ trương.

Về phía các giới Văn thân, cũng vậy. Cũng là sản phẩm của một nền giáo dục đã uốn nắn tư tưởng, hành vi của Vua và các quan Triều đình, họ cũng chỉ phản ứng một cách cứng rắn, chủ quan như Vua, nhưng lại thêm phần nóng nảy nữa. Họ cũng là nạn nhân của một nền văn hoá hướng họ về quá khứ, rập khuôn, không có khả năng chấp nhận tư tưởng mới lạ, và nhất là thích ứng với tình hình mới.

Quan niệm phổ biến về lịch sử Việt Nam, nhất là trong những giới tự nhận là "cách mạng," là những giới Văn Thân là "yêu nước" và Vua Tự Đức và Triều đình Nhà Nguyễn là "không yêu nước." Những người trong giới Văn Thân thấy nước nhà bị lấn áp, xâm lăng, dày xéo, đã đứng lên chống lại. Đó là một hành động khí khái, can đảm, có tính cách yêu nước. Điều này không phủ nhận được. Nhưng cách yêu nước đó, trong thế nước vô cùng yếu, trong một tình hình quốc tế vô cùng bất lợi, đã không có khả năng đánh bại địch, mà còn tạo cho địch cơ hội và lý do chính đáng để tấn công và đánh bại Việt Nam, ép Triều đình phải chấp nhận những điều kiện càng ngày càng nặng. Như vậy, xét về mặt thực tế, hữu hiệu, đó có phải là thật sự giúp nước, và thực sự đáng tán dương, cổ võ không? Đây là một quan điểm cần được xét lại. Và danh từ "yêu nước" cần định nghĩa lại.

Về Vua Tự Đức và Triều đình, họ mang tiếng là "không yêu nước," vì là những người đã ký các hoà ước tai hại, nhục nhã. Nhưng xét kỹ, thì Vua không hề chủ trương đầu hàng Pháp , luôn luôn chủ chiến. Khi mất Biên Hoà, năm 1861,

Vua xuống Dụ khiến quan, dân phải "hết sức chống đánh... ai nấy đều phải hết lòng, các xứ đều nổi dậy, khiến quân địch không rảnh rang thì không dám ở đất ta nữa." Nhưng sau khi thấy rõ chiến không thắng được vì về quân sự Việt Nam quá yếu kém, và ở Bắc Kỳ có loạn, thì Vua chuyển qua kế "trì cửu," "thủ để mưu chiến." Nhưng kế hoạch này không thực hiện được một phần vì bắt đầu quá trễ. Trường hợp Nhật Bản cho thấy là muốn cấp tốc cũng phải mất 30 năm trở lên thì mới thực hiện được canh tân. Đúng ra, thì sự canh tân phải bắt đầu dưới triều Vua Minh Mạng. Vua Minh Mạng không thực hiện được vì sự ù lỳ của các Nho sĩ. Vua Tự Đức cũng gặp một sự ù lỳ như vậy của giới Nho sĩ. Nghĩa là toàn thể xã hội ở trong một thế kẹt cứng, vì hấp thụ văn hoá Khổng Nho, mô hình Trung quốc, quá nặng. Vua Minh Mạnh đã được các nhà sử học tán dương vì Việt Nam dưới triều ông uy thế lẫy lừng Đông Nam Á, và ông đã có thái độ rất cứng rắn đối với Công giáo. Nhưng Ông là Vua Nhà Nguyễn đầu tiên áp dụng chính sách cấm đạo dữ dằn. Mà cấm đạo dữ dằn, xét kỹ, là một trong hai nguyên do chính của sự can thiệp quân sự của Pháp.(Nguyên do chính thứ hai là ý chí Pháp chiếm Việt Nam làm căn cứ hải quân ở Nam Hải.)

Cấm đạo, bài đạo, mà cả Vua lẫn Triều đình cùng giới Văn Thân chủ trương là hậu quả của lối nhìn hẹp hòi của Khổng Nho. Có thể nói là vấn đề Công giáo là một chuyện bé xé ra to một cách tai hại. Theo Giám mục Pellerin, năm 1857, Đại Nam có 600.000 Giáo dân. Đây chắc là một con số thổi phồng gấp hai gấp ba. Nếu ta lấy một con số phải chăng, 400.000, thì so với tổng số dân hồi đó, có thể ước là 12 triệu, là 3.3 %. (9) Sau hơn ba thế kỷ truyền giáo đây là một số không đáng kể, và nhất là không đáng quan trọng hoá đến mức hy sinh tất cả. Đúng lý thì đây là một vấn đề mà các Vua Gia Long và Minh Mạng có thể điều đình với Toà Thánh Vatican, vì như ta thấy, nó có thể giải quyết được ổn thoả, như Giáo Hoàng Pie XII đã giải quyết năm 1939.

Tóm lại, xã hội Việt Nam giữa thế kỷ XIX đang đi vào một thế bế tắc không đương đầu được với những vấn đề mới được đặt ra trong sự tiếp xúc với một văn minh mới và lạ, văn minh Tây phương. Mới đầu, Việt Nam, cũng như Trung quốc, khi miệt người Tây phương là man di, văn minh của họ là tả đạo. Nhưng khi đã bị đám người man di, văn minh tả đạo này đánh bại thì lại sinh ra luýnh quýnh, không biết xử trí làm sao cả. Mà không biết xử trí làm sao vì họ là sản phẩm của một nền giáo dục chỉ huấn luyện cho họ rập khuôn, hướng về quá khứ, chú trọng về văn chương, kinh sử, đạo lý, thâu nhiễm một văn hoá không chú tâm gì đến khoa học, thực vật, nên không đương đầu được với các quốc gia Tây phương với một nền văn minh khác biệt, và nhất là mạnh hơn nhờ chú tâm đến khoa học, thực vật.

Chung quy, vấn đề là một vấn đề xã hội lâm vào bế tắc, nhưng không chấp nhận thay đổi, vì văn hoá bị xơ cứng. Toàn xã hội Việt Nam, chớ không riêng gì Vua, Triều đình, hay giới Văn Thân, là nạn nhân của tình trạng này. Trong những thập niên qua, các chính trị gia và học giả Việt Nam đặt nặng vấn đề chính trị, cho rằng thay đổi thể chế chính trị là giải pháp cứu nước Việt Nam, nhưng nay rõ ràng rằng vấn đề không phải vậy. Ngày nay, sau 50 năm "tranh đấu" và đã độc lập rồi, các chế độ Bảo hộ/Thực dân, Quân chủ / Phong kiến đã bị loại bỏ, nhưng tình hình vẫn không thay đổi, vì vấn đề, như Giáo sư Nguyễn Thế Anh nói, là "làm sao lật được toàn thể xã hội Việt Nam vào hiện đại." Vấn đề này, đến ngày nay, vẫn chưa được thực sự giải quyết, vì về căn bản, xã hội Việt Nam ngày nay vẫn là một xã hội mà thực chất là một xã hội Khổng giáo.

Trên đây chỉ là một số nhận xét sơ khởi. Vấn đề cần được đào sâu hơn nữa để được làm sáng tỏ hơn. Hy vọng rằng sẽ có nhiều học giả trẻ, nhứt là học giả thuộc Nguyễn Phước Tộc, quan tâm đến vấn đề này, chịu bỏ công bỏ thì giờ và áp dụng những lối tiếp cận mới, để làm việc này.

Ottawa,
Tháng 2, năm 2005

Chú thích

** Bài này đồng thời cũng được đăng trên Đặc San Nguyễn Phước Tộc 2005*

4. Nguyễn Quốc Trị, "Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới Triều Nguyễn", Thế Kỷ 21,từ số 169, tháng 5, 2000 đến số 187, tháng 11 năm 2004.

5. Trần Văn Phụng, trong Thế Kỷ 21, tháng 9, 2000.

6. Phan Thanh Tâm, , — id —.Tập "Tây Hành Nhật Ký" này chỉ được ấn hành năm 1999, do Nhà Sách Quỳng Mai, 19bis Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM, phát hành. Tác giả đã được Ông Phạm Phú Minh, hậu duệ của Cụ Phạm Phú Thứ biếu tài liệu quý giá này.

7. Nguyễn Thế Anh, sđd, tr.33

8. Do Nguyễn Trọng Linh, hậu duệ cụ Nguyễn Trọng Hiệp cấp.

9. Căn cứ trên số dân chính thức của Đông Dương năm 1936 (Tổng số dân là 23 triệu, Việt Nam 19 triệu).

MỘNG LÀM QUAN

Tạp ghi của
SƠN DIỆM VŨ NGỌC ÁNH

Cách đây trên sáu chục năm, với tôn chỉ cải tiến và lành mạnh hóa xã-hội, quan trường và giới trưởng giả là những mục tiêu mà tờ Phong hóa (tiếp đến là tờ Ngày nay) của nhóm Tự lực Văn Đoàn nhằm vào đả kích nhiều nhất. Hầu như số báo nào cũng có những tranh hý họa chế diễu quan trường và giới giầu sang ở Bắc kỳ thời đó.

Nhân vật hý họa Bang Bạnh, mặc dầu chỉ là một quan chức ngạch hành-chánh thấp nhất (bang-tá, coi như là biểu tượng cho giai tầng quan lại, cũng như Lý Toét và Xã Xệ là biểu tượng hàng lý dịch tức giai-cấp "kỳ mục, kỳ nát" ở thôn quê nói riêng, dân quê Việt Nam nói chung.

Thực vậy, Lý Toét và Xã Xệ, khổ người gầy mập khác nhau, mỗi người một vẻ mặt, nhưng mang trong người tất cả những thói hư tật xấu, những cái láu vặt, tính gàn bướng, lòng ích kỷ, thói a-dua cũng như những cái nhìn thực tế, sự chịu đựng giẻo giai, óc "tiểu lâm," tuy hồn nhiên và rất "tếu," nhưng đôi khi không phải là không sâu sắc. Tóm lại Lý Toét và Xã Xệ tượng trưng cho tất cả những cái xấu cũng như cái tốt của người dân quê miền Bắc Việt Nam.

Dưới ngòi bút tài tình và hóm hỉnh của Lê Ta (phải chăng đó là biệt hiệu của Nguyễn Gia Trí?), ngoài Bang Bạnh, Lý Toét và Xã xệ là những nhân vật tưởng tượng điển hình, nhiều nhân vật có thực và nổi tiếng đương thời cũng đã trở thành những nhân vật rất quen thuộc trong các tranh hý họa của Phong Hóa và Ngày Nay. Được nhắc nhở tới nhiều nhất là các nhân vật như vua Bảo Đại, Phạm Quỳnh, Hoàng Trọng Phu, Vi Văn Định, Nguyễn Tiến Lãng, Nguyễn Đệ, Phạm Lê Bổng v.v. Phần lớn là những quan lại, mặc áo dài, đội khăn đóng, đeo bài ngà và thường có những tên lính lệ đi theo sau điếu đóm. Một số khác đại diện cho giới thượng lưu, nổi tiếng trong xã-hội hoặc làm ăn lớn như các ông Phạm Lê Bổng, Vũ Văn An, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Độ, Ngô Tử Hạ, nữ luật sư Vũ Thị Hiền, cô ba Tý v.v.

Trong số các truyện trào-phúng của Ngày Nay, truyện dài đăng nhiều kỳ "Tây du" nổi tiếng nhất. Bằng cách nhái lại chuyện Đường Tăng Tam Tạng sang xứ Phật thỉnh kinh, "ký sự" trào phúng Tây du của tuần báo Ngày Nay kể lại một chuyến viếng thăm mẫu quốc Pháp-lãng-sa của Hoàng-đế Bảo Đại. Trong số những người tuỳ tùng, bà Nam Phương và cặp bài trùng Nguyễn Đệ, Nguyễn Tiến Lãng là những nhân vật được chiếu cố tới nhiều nhất (ông Đệ là chánh văn phòng của Hoàng-đế, ông Lãng, con rể cụ Phạm Quỳnh, nhà văn An-nam viết văn Tây, là bí thơ của Nam Phương hoàng hậu).

Vì tính cách châm biếm và trào phúng của nó nên chuyện *Tây du* được rất nhiều độc giả theo dõi và tán thưởng. Tuy nói là đả kích phong-kiến, chống đối quan trường, nhưng lối trào phúng của *Tây du* cũng như các truyện và tranh hý-họa của Phong-hóa Ngày Nay thường rất vui và hóm hỉnh, đôi khi sâu sắc nhưng không ác độc. Có mấy tranh hý họa mà mãi cho đến tận bây giờ tôi vẫn chưa hiểu ý-nghĩa của chúng. Đó là mấy bức tranh vẽ Cô Ba Tý và con gà ba chân. Cô ba Tý là một nhân vật Hà-thành mà từ chị bán quà rong, dân anh chị máy nước đến bà mệnh phụ phu nhân, hầu như ai cũng đều biết tiếng. Quá khứ của cô rất mù mờ và theo lời đồn đại thì chính cô Ba Tý

cũng không cảm thấy hãnh diện gì cho lắm. Sau này giàu có, ở độc thân, cô Ba Tý dường như thích tham gia các công việc từ thiện có tiếng tăm. Nhà cô Ba Tý là một căn nhà cổ hai tầng ở vào một góc phố giữa hàng Bạc, trước nhà có nhiều chậu kiểng, trông cũng tầm thường như mọi nhà khá giả khác trong phố, nhưng hình như trong nhà có nuôi nhiều thú vật lạ hiếm, vì thế nên có chuyện con gà ba chân kia chăng. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, cho tới nay tôi vẫn chưa hiểu Phong Hóa (Ngày Nay?) đưa cô Ba Tý với con gà ba chân của cô lên báo với mục đích gì?

Cụ Phạm Quỳnh và ông Phạm Lê Bổng có lẽ là hai nhân vật được chiếu cố kỹ nhất. Lý do có lẽ là vì cụ Phạm Quỳnh tượng trưng cho những con người ham danh lợi và quyền lực tới độ quên hết sĩ-khí và tư cách phải có của một nhân sĩ đồng thời cũng là một nhà cầm bút danh tiếng nhất Bắc-hà thời đó. Dư luận thời thượng là như thế, nhưng công bình mà nói, ngoài câu chuyên cam phận tôi đòi, cố chịu đấm để ăn xôi, sự kết án trên đây có thể là quá khắt khe đối với họ Phạm, bởi vì tuy là quan đầu triều nhưng hình nhưng chưa từng dùng quyền lực hay uy thế của mình để ăn hối lộ hoặc hãm hại ai. Phạm Lê Bổng, vốn xuất thân bần tiện, tuy keo kiệt, nhưng cũng rất chịu chi để mua danh nên đã được chọn làm biểu tượng cho giới trưởng-giả háo danh, thích học làm sang. Vì quá lâu ngày nên bây giờ, ngoài cái bụng tròn, tôi không hình dung được ông Phạm Lê Bổng được hý họa như thế nào. Tôi chỉ còn nhớ một vài nét đại cương về thân thế ông mà thôi. Nếu tôi không lầm thì ông Phạm Lê Bổng là nhà buôn bán lớn ở hàng Bồ (rue des Paniers) cùng phố với ông Hồng Khê, chủ tiệm thuốc cao-đơn hoàn tán Hồng-Khê.

Ông Bổng ăn nên làm ra nhờ nghề sản xuất pháo (xưởng của ông ở trên Thụy khê (?), tương đối khá lớn), đắc cử Viện Dân biểu Bắc-kỳ, được bàu làm viện-trưởng, nhờ đó ông nghiễm nhiên trở thành người có quyền có thế, hàng quan lại Bắc-kỳ từ trên xuống dưới đều phải nể mặt, mặc dầu viện dân biểu Bắc Kỳ thực tế chỉ là một cơ quan bù nhìn có tính cách tư vấn mà thôi, các quan Tây bày đặt ra cho vui và đẹp mắt với mục-đích xoa dịu phong-trào đòi dân chủ hóa chế-độ bảo-hộ của Pháp tại hai xứ Bắc và Trung-kỳ thời đó.

Mấy năm trước, sau khi du học bên Pháp về, để thực hiện lời hứa cải cách và canh tân chính quyền Nam triều ở Trung-kỳ, hoàng đế Bảo-đại mời một vài bộ mặt mới tham-gia nội các, như trong Trung thì có ông Ngô Đình Diệm, ngoài Bắc thì có ông Phạm Quỳnh.

Như chúng ta đều biết, Phạm Quỳnh chỉ đậu "Đíp-lôm" (tức bằng Cao-đẳng tiểu-học, quen gọi là bằng Thành chung) nhưng ông quả là một học-giả uyên bác, vốn thân Pháp, rất nổi tiếng ở Bắc kỳ, trước chủ-trương báo Nam-Phong, có viết nhiều bài nghiên-cứu về chế-độ quân-chủ lập-hiến. Có lẽ chính vì điểm này nên ông được chính phủ Bảo hộ chú ý và tiến cử ông với Nam triều ở Huế. Ngoài ra, ông cũng rất quan tâm đến các vấn-đề văn-hóa và giáo-dục nên vào buổi đầu ông được mời giữ chức Thượng-Thư bộ Học (nghe nói do sự đề-nghị của quyền Varennes với sự đồng ý của bộ trưởng Thuộc-địa Pháp Marius Moutet), một bộ mới được đặt ra theo chương-trình cải cách chính quyền mới của vua Bảo Đại. Trước đó, mọi việc học hành, thi cử, trường ốc, quốc-tử giám, khâm-thiên-giám v.v. đều thuộc bộ Lễ.

Sau khi ông Diệm từ chức vì bất đồng ý kiến về một vài chuyện cải cách trong triều, bộ Lại được tạm giao cho Thượng thơ bộ Hộ Thái Quang Toản đảm trách. Sau đó ít lâu, do sự can thiệp của Khâm sứ Graffeuil, ông Phạm Quỳnh được chính thức giao giữ chức Thượng thơ bộ Lại, tức chức vụ quan-trọng nhất trong triều. Vì có quyền điều khiển, thuyên chuyển và thăng thưởng các hàng quan lại bên ngoài cũng như trong triều nên trên thực-tế Thượng thơ bộ Lại được coi như là Thủ tướng của Nội các.

Nhân tiện tôi cũng muốn trình bầy thêm là tại sao triều đình Huế không có chức thủ tướng. Chuyện này bắt đầu từ khi Gia Long lên ngôi. Tuy mọi luật lệ, quan chức cũng như cách thi cử và tuyển chọn nhân tài Gia Long đều bắt chước hoặc phỏng theo các luật lệ, mô thức và định chế của nhà Thanh, nhưng vì vốn có đầu óc chuyên chế và độc tài tuyệt đối (absolutism) nên Gia Long đã có cái sáng kiến dường như rất bất bình thường khi đưa ra một luật lệ mới gọi là "tam bất lập" gồm có ba điểm chánh yếu như sau:

1. - Bất lập Hoàng-hậu
2. - Bất lập Tể-tướng
3. - Bất lập Trạng-nguyên

Không rõ Gia-Long đã dựa vào những lý lẽ nào để đưa ra cái đạo luật kỳ dị trên đây. Theo ý-kiến riêng của tôi thì khi đưa ra luật này, có lẽ Gia-Long muốn ngụ-ý là hoàng đế phải vượt bực ở trên hết mọi người trong thiên-hạ: không lập hoàng-hậu là vì nhà vua muốn mình sẽ là chủ nhân ông tuyệt đối chẳng những ngoài triều đình

mà là toàn thể cung đình, gồm cả tam cung, lục viện.

Không lập tể-tướng có lẽ cũng là do khuynh-hướng tuyệt đối (Absolutism) của nhà vua muốn một mình nắm toàn quyền chánh trong tay, bởi vì một khi có tể tướng tức là phải có sự chia và giao quyền cho một người khác mà một ông vua độc tài chuyên chính như Gia Long không bao giờ chấp nhận.

Không lập trạng nguyên cũng vẫn là do cái tư tưởng độc tài chuyên chánh kia mà ra. Thực vậy, ngay trong địa hạt khoa bảng và văn chương chữ nghĩa, không thể có người nào được coi là trội và giỏi hơn nhà vua vì nhà vua phải là thày của thiên hạ. Trạng nguyên trên nguyên tắc là học trò của nhà vua, nhưng trên thực tế là người giỏi nhất nước, tất nhiên ngụ ý xuất chúng hơn cả nhà vua. Chuyện này đối với nhà vua cũng không thể chấp nhận được, nên chức trạng nguyên bị Gia-Long bãi bỏ cũng không phải là chuyện lạ. Thay vào đó, người đỗ đầu thi Đình gọi là Đình-nguyên, cũng như đỗ đầu kỳ thi Hội gọi là Hội-nguyên, đầu kỳ thi Hương gọi là Giải-nguyên. Riêng hai chức Thám hoa (đứng hàng hai, sau Trạng-nguyên) và Bảng nhãn (đứng hàng ba) của kỳ thi Đình vẫn giữ.

Khi san định lại luật pháp cũng như việc tổ chức lại các cơ chế ở trong triều và guồng máy hành chánh bên ngoài, Gia Long đã nhất nhất phỏng theo luật lệ nhà Thanh, ngoại trừ ba điều vừa nói ở trên.

Riêng điều luật "bất lập hoàng hậu" về sau này hình như đã không được áp dụng đúng như ý muốn của vua Gia Long, và ngay sau triều Gia Long, hầu như hết thảy các vua triều Nguyễn đều lập hoàng-hậu. Bà Nam Phương là hoàng-hậu cuối cùng của triều-đại nhà Nguyễn vậy.

Khi ông Phạm Quỳnh được mời vào Huế làm quan, dân chúng Bắc-kỳ có lẽ cũng có phần nào kỳ vọng ở nơi ông nhất là những người đồng quan điểm với ông về thuyết quân chủ lập-hiến vì họ nghĩ rằng một con người tài ba, có đầu óc, lại có thế và thân Pháp như ông nhất định sẽ mang nhiều cải cách đến cho triều-đình Huế, nhất là trong hai phạm-vi giáo-dục và chính-trị, vì như chúng ta đã biết hồi chủ-trương tờ Nam Phong, ông đã tỏ ra rất am hiểu về các vấn-đề văn-hóa và giáo-dục Đông, Tây cũng như những ưu điểm của chế độ quân-chủ lập-hiến theo quan-điểm Tây phương. Nhưng từ khi vào Huế, ông bỗng nhiên trở thành một con người trầm lặng để rồi từ thượng-thơ bộ Giáo-dục được đôn lên thay cụ Thái Quang Toản giữ chức thượng thơ bộ Lại, quyền lực khuynh triều, và dường như luôn luôn có một quyền lực tối cao nào đó chống lưng.

Người ta đồn rằng thời chính phủ Vichy, chính "Thống chế" (Pétain) cũng đã có lần trực-tiếp thư từ với họ Phạm. Đây là một điều hết sức đặc biệt, bởi vì chuyện một ông quốc-trưởng Pháp đương quyền trực tiếp giao thiệp với triều đình hoặc một nhân vật nào đó chưa từng xảy ra trong chính trường xứ Huế thời xa xưa đó.

Tôi còn nhớ vào khoảng mùa xuân 1942, Hoàng-đế Bảo Đại cùng toàn thể nội-các tuần-du Bắc-hà. Khi ghé qua Vinh, học-trò trường Nghệ chúng tôi (thường được gọi là trường Quốc-học Vinh) đã cùng các hàng quan lại, công chức và dân chúng hai tỉnh Nghệ Tĩnh nghênh đón vua và các quan trong triều tại sân vận-động thành-phố Vinh. Tuy không mang phẩm-phục đại-triều nhưng từ Vua tới các quan đều mang áo gấm tía hoặc kim-tuyến vàng, ngực đeo đầy bài ngà, kim tiền, kim khánh và đủ loại mề đay.

Riêng đối với những người ham danh vọng hoặc thích nghiên cứu về quan quyền chức tước thì đây quả thực là một quang cảnh oai phong hiếm có và xốn con mắt, là sự tổng hợp của tột đỉnh vinh hoa, danh vọng trong đời người.

Hôm đó, lần đầu tiên tôi được nhìn thấy Hoàng-đế Bảo Đại và toàn thể các trọng-thần của triều-đình Huế bằng xương bằng thịt. Nhờ đã quá quen thuộc với những tranh hý họa trên tờ Ngày Nay tôi nhận ra được ngay cụ thượng Phạm Quỳnh. Cụ đứng sát cạnh phía tay mặt vua Bảo Đại, và cũng đeo kính đen như nhà vua. Tôi cũng không ngờ là buổi đón tiếp hết sức long trọng tại thành phố Vinh ngày hôm đó đã đi vào lịch sử như là ánh hào quang và tiếng hoan hô cuối cùng (the last hurrah) mà dân chúng xứ Nghệ đã dành cho Vua Bảo đại và triều-đình Huế, bởi vì chưa đầy ba năm sau, tức vào ngày 20 tháng 8 năm 1945, Trần Huy Liệu đã đơn-phương độc mã từ Hà Nội vào Huế để nhân danh chính quyền "nhân dân" dẹp bỏ triều-đình Huế, chấm dứt một triều đại phong-kiến đã kéo dài gần một thế-kỷ rưỡi trên đất nước ta. Họ Phạm và Tổng-đốc Quảng Nam Ngô Đình Khôi (bào-huynh của cố tổng thống Ngô Đình Diệm) cùng một số quan lại ở kinh-đô Huế và các tỉnh miền Trung đã bị Việt-Minh nhân danh cách mạng sát hại vào dịp cướp chính quyền này thường được mệnh danh là "cách mạng mùa thu."

Thực ra thì không cần phải đợi có báo Phong Hóa tôi mới có sự ác cảm đối với quan-trường. Có thể nói là từ khi có trí khôn và biết điều phải trái đôi chút là tôi đã không thấy vui và chán chường mỗi khi thấy ông quan huyện Kim Sơn về làng. Phần đông các ông quan huyện chẳng những rất là hống hách, coi dân như cỏ như rác mà còn biết moi tiền dân như máy. Thực vậy, dân quê mỗi khi gặp quan huyện ai nấy đều khiếp sợ. Hơi có chút chuyện gì là đã cố gắng bằng mọi cách đấm mõm quan huyện, dù phải bán vợ đợ con.

Đầu thời kỳ Đại thế chiến II, có một ông tri-phủ nổi tiếng thanh liêm về trị nhậm "bản phủ" (tức phủ Kim Sơn). Ông tri phủ họ Ngô này quả có đức độ và thanh liêm, mặc dầu đời sống gia-đình ông không mấy sung túc, con cái ăn mặc sơ sài, đi chân không, chẳng khác gì con cái nhà bình dân chúng tôi ở thôn quê. Sau khi ông rời bỏ Kim Sơn và qua đời ít năm sau đó, để ghi công và tưởng niệm ông, người địa-phương đã lấy tên ông để đặt tên cho sân vận động thị xã Phát Diệm. Rất tiếc là từ 1954, sân vận động Ngô Gia Lễ đã không còn tồn tại. Ông tri-phủ họ Ngô tuy rất thanh liêm nhưng vì tính tình hiền lành, chân thật, dễ tin người nên đã không kiểm soát được hành vi các sai nha, dịch lại dưới quyền mình, do đó họ đã có thể mặc tình thao túng ở bên ngoài mà ông

KIỆT TẤN

Vượt Biên

Việt Nam Thương Khúc là một trường thi tiểu thuyết của Kiệt Tấn, do An Tiêm xuất bản. Truyện kết hợp bằng những "thương khúc," kéo dài từ thập niên 1920 cho tới giữa thập niên 1980, mà xem ra các câu chuyện thương tâm của nước Việt Nam vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt, chẳng hạn hoạt cảnh vượt biên dưới đây.

Thuyền tách bến hộp hồi Rạch Giá
Theo nước xuôi thuyền thả ra khơi
Quang Dung thầm vái Phật Trời
Độ trì hai trẻ xuân đời Hương Tâm
Tìm xứ mới gieo mầm đất hứa
Xây lại đời đôi lứa Quang Dung
Hương Tâm đùm bọc chung cùng
Hiểm nghèo vẫn quyết nương vùng tự do
Gió rít rợn sóng to cửa biển
Thuyền lặng hơi im tiếng trờ ra
Bỗng đâu phựt ngọn đèn pha
Đại liên xối xả chói lòa đêm đen
Tiếng người hét lấn chen tứ phía
Thuyền lật nghiêng hồn vía cũng nghiêng
Tiếng loa đồng vọng loan truyền
Lũ kia dừng lại quay thuyền trở lui
Thuyền nghiêng nước tràn vùi sóng cuốn
Hương đeo Dung giữa lượn ba đào
Bỗng đâu một ngọn sóng trào
Ngoài khơi xô đến kéo ào Tâm đi
Quang nhoài núi sóng ghì nước xoáy
Trẻ hụt tay chìm đáy nước sâu
Ngoáy tìm nào thấy trẻ đâu
Thất kinh lặn kiếm mò châu biển mù
Khi vớt được đời vù bay mất
Thân trẻ còn dẫu giật trên tay
Máu trào ra miệng thương thay
Sống giây phút trước giờ đây xác mềm
Quang ôm chặt trong đêm xác nhỏ
Nước mắt tràn sánh đọ biển kia
Thái Bình Dương ruột cắt lìa
Ngộp hơi con trẻ ô kìa biển ơi
Trên bờ súng không thôi khạc lửa
Dung cố bơi nương dựa sóng triều
Đẩy Dung Hương ngọn nước xiêu
Tấp bờ xa khuất bọn diều quạ kênh
Hai đì cháu cố lên sức chạy
Sau lưng còn bỏ lại người thương
Quang nghe lực rã đoạn trường
Một tay bồng cháu tay bương nhắm bờ
Thù này biết bao giờ nguôi được
Lũ quỷ kia tàn nước hại dân
Tay ghìm súng chĩa lăm lăm
Gục đầu Quang nuốt âm thầm hận điên
Ôi đất nước hồn thiêng đâu tá
Ôi quê hương ruột rã tim mềm
Khoác chi mãi một màu đêm
Ba mươi năm máu chưa đền hay sao.

phủ không hề biết. Thành ra mặc dầu quan phủ rất thanh liêm dân chúng vẫn không thoát khỏi những bàn tay dơ bẩn của bọn sai nha tức các ông thừa, thày ký, thày cò, lính lệ, đúng như tục ngữ thường nói: "quan xa, nha gần," do đó các tệ trạng tham nhũng cũng chẳng giảm bớt đượcc bao nhiêu.

Vào cái thời xa xưa đó, mặc dầu chỉ là những đứa con nít hỷ mũi chưa sạch, chúng tôi cũng đã cảm thấy hết sức nhột nhạt khi thấy các bậc cha chú mỗi lần gặp quan huyện, quan phủ đều phải khép nép chắp tay vái một cách thật cung kính, để rồi sau đó cứ một điều "bẩm quan lớn," hai điều "bẩm quan lớn," "chúng con" thế này, "chúng con" thế nọ, mặc dầu ông quan kia rất trẻ, chỉ đáng tuổi con tuổi cháu các cụ mà thôi. Rõ thiệt nản và chán mớ đời hết chỗ nói. Con cháu như chúng tôi trông thấy như thế cảm thấy ái ngại và xấu hổ vô cùng, nhưng cũng chỉ biết đứng nhìn và tội-nghiệp cho mấy ông già rất đáng thương kia mà thôi. Riêng các ông thì vẫn cứ tỉnh bơ coi đó như là những chuyện thiên kinh địa nghĩa rất ư là tự-nhiên, không hề nghĩ rằng đó là một thái độ hèn hạ, thiếu nhân-cách, rất đáng xấu hổ.

Khi gặp các quan tỉnh như án-sát, bố-chánh, tuần phủ hay tổng-đốc người dân thường phải chắp tay và cúi thấp hơn nữa, và lần này phải "bẩm lậy cụ lớn" chứ không được "bẩm quan lớn" một cách đơn sơ, suông sẻ như khi gặp các quan phủ, quan huyện.

Chính các hàng tri huyện, tri phủ khi gặp tuần phủ hay tổng đốc cũng phải cung kính xưng con và "bẩm bẩm, lậy lậy Cụ lớn." Nhân chuyện "bẩm báo" lẩm cẩm thiếu nhân cách này tôi bỗng nhớ tới một câu chuyện trong gia-đình họ Nguyễn Tường do một người thân trong gia-đình kể lại.

Hồi làm báo Ngày Nay, Hoàng Đạo (tức Nguyễn Tường Long) vừa làm tham-tá lục-sự (commis greffier) tại tòa án Tây, lại vừa viết báo, thường chạy đôn chạy đáo về các tỉnh săn tin hoặc điều tra các vụ "sì-căng-đan" trong giới quan lại, công việc kể ra khá vất vả và cực nhọc, đôi khi cũng rất là nguy hiểm nữa nên Hoàng Đạo phu nhân thường phàn nàn và chia sẻ nỗi lo lắng của mình với mẹ.

Vì thương con gái nên vào một ngày đẹp trời nào đó, bà cụ nhạc mời ông con rể tới nói chuyện. Chúng ta có thể tạm tưởng tượng câu chuyện và cuộc đối thoại giữa đôi bên Mẹ vợ và con rể như sau: "Tôi thấy dạo này cậu phải đi lại và nghĩ ngợi nhiều, bà cụ bắt đầu gợi chuyện, nên mẹ chúng nó rất lo lắng. Tôi nghĩ có cử-nhân luật như cậu mà tại sao cứ phải bôn ba cực khổ như thế?"

Trong khi ông nhà văn, nhà báo chúng ta còn đương ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì xảy ra thì bà cụ tham đã tấn công tiếp, nhưng lần này bà nhằm vào chỗ yếu tình cảm mà trách nhẹ: "Cậu cũng nên biết phải làm sao cho vợ con đỡ lo lắng và nở mày nở mặt với chị với em một chút chứ?"

Trong lúc Hoàng Đạo chưa hết ngỡ ngàng, lúng túng thì bà cụ đề-nghị toặc móng heo: "Thôi thì kỳ thi tri huyện sắp tới thế nào cậu cũng phải cố gắng đi dự cho vợ con chúng nó vui. Nếu như chẳng may không đậu, chúng tôi cũng cố chạy bằng được cho cậu một chân tri huyện. Mọi sự chúng tôi sẽ lo hết, miễn là cậu đồng ý."

À ra là như thế, và Hoàng Đạo đã không ngần ngại dứt khoát từ chối và cho bà cụ biết là mình hiện sống rất tự do thoải mái, mặc dầu có đôi chút vất vả. Hơn nữa nghề nào là không vất vả. Làm quan thì cũng vất vả vậy thôi, lại bị gò bó đủ điều. Hoàng Đạo còn cho biết thêm là ông đi tới đâu các phủ huyện cũng đều kính nể lại được đón tiếp cơm gà, cá gỏi rất là trịnh trọng, chu đáo. Các tuần-phủ, tổng-đốc cũng coi ông như là ngang hàng, mặc dù mình đơn giản chỉ là ông nhà báo Ngày Nay. "Nếu như bây giờ mà đi làm tri huyện," Hoàng Đạo kết luận, "thì coi như là con đã tự triệt hạ mình, để rồi tự giam hãm vào cái mê hồn trận của quan trường, chẳng khác gì như đương khơi khơi ở sông ở bể bỗng nhiên chạy vào rạch vào ngòi mà chịu chết sao."

Cụ Tham chặn lời ngay: "Chắc cậu cũng biết là làm quan cũng có năm bảy đường làm quan. Khéo léo ra thì sẽ lên như diều. Thì đó, gương ông Phạm Quỳnh đó, lúc đó vợ con tha hồ mà sung sướng vẻ vang!" "Con xin thú thực," Hoàng Đạo gằn giọng hỏi lại, "không hiểu ý cụ nói khéo léo là khéo léo như thế nào? Riêng con, xin thưa thực với cụ, xưa nay vốn ngông cuồng láo lếu, con không thể nào khom lưng và mở miệng nói nổi bốn chữ 'bẩm lậy cụ lớn' và xưng con với mấy ông tuần phủ, tổng đốc chuyên ăn hối lộ và hách dịch một cách hết sức hủ lậu kia. Xin cụ hãy quên đứt chuyện đi làm quan của con." Nghe ông con rể "nhà báo" trả lời một cách dứt khoát đứt đuôi con nòng nọc như vậy, bà cụ tham thất vọng, ngồi nín thinh, cố nén thở dài bằng cách uống một ngụm trà, mặt buồn rười rượi .

Trong một cái bối cảnh như vậy chắc quý vị nghĩ rằng những người có đầu óc không mấy ai

thích và chịu ra làm quan. Nói thế là sai bét! Và trường hợp như Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long có thể nói là rất họa hiếm. Sự thực mà nói, mặc dầu ghét bản mặt các ông quan, nhưng hầu hết những kẻ đi học thời đó, anh nào cũng có cái mộng đỗ đạt để đi làm quan. Dĩ nhiên trong số này có tôi nữa, tức kẻ viết bài ngu xuẩn này. Tôi còn nhớ cậu tôi mỗi lần gặp mấy bạn đồng học thân như Tr. Tr. D. hay Ng. Văn Th. (sau này đều đậu tri-huyện) tôi thấy họ thường chỉ bàn luận một cách say mê chuyện đi làm quan.

Kể ra thì cũng lạ. Có lẽ đó là cái tâm lý của những kẻ xưa thấy cha chú mình bị giới quan quyền khinh bỉ, đè nén nay muốn bằng người để trả thù thiên hạ cho bõ ghét. Cũng có thể đó là một vấn-đề huyết-thống đặc sệt tinh thần phong kiến và quan liêu của người Việt Nam được di truyền từ bao đời trước mà cho tới nay chúng ta chưa bao giờ ngờ tới để đưa ra phân tách huống chi nói tới chuyện gạt bỏ. Hơn nữa đã là con người, có mấy ai không ham vinh hoa, phú quý, nhất là những cái vinh hoa, phú quý đó đã được Pháp thực-dân xử dụng như những cái bẫy hoặc đúng hơn , một cái mồi câu quỷ quái.

Chắc có người sẽ hỏi: ngoài chuyện đi làm quan, chẳng lẽ không có những người thích học những nghề chuyên môn như y-sĩ, giáo-sư, kỹ-sư v.v. hay sao?

Xin thưa: cũng thế thôi. Bởi vì hết thảy những ai xuất thân từ các trường Cao-đẳng và Đại-học đều là quan hết, nào quan đốc, quan tham, quan kiểm v.v. chẳng những thế mà đôi khi còn có những người quá ham chức quan nên bày đặt thêm nào quan phán, quan giáo, quan quản v.v. nữa. Nói tóm lại, đã đi làm cho nhà nước Bảo-hộ thì hầu như ai ai cũng đều có phẩm có hàm đường hoàng, hoặc ít hoặc nhiều, chẳng khác gì các quan lại trong triều ngoài tỉnh. Nhà binh thì khố Đỏ cũng như khố Xanh, từ thượng-sĩ trở lên đều là quan hết: quan quản, quan một, quan hai, quan ba v.v. kể không hết, đến nỗi có nhiều ông trung sĩ khi về làng cũng muốn bà con gọi mình là quan... *đội*. Có lẽ vì hiểu biết tâm lý dân An-nam chúng ta anh nào cũng ham làm quan từ khi còn ở trong bụng mẹ nên mấy anh Tây đã triệt-để khai-thác cái kỹ-nghệ làm quan một cách thiệt tinh vi để ru ngủ và biến trước hết là những kẽ sĩ theo Hán học sau là giới trí-thức Tây học thành những tay sai đắc-lực và trung-thành cho chính-phủ Bảo-hộ.

Chắc quý vị cũng sẽ hỏi: thế thì tự ái dân-tộc và lòng ái-quốc các ông để đâu? ném cho chó gặm hết cả hay sao?

Câu hỏi đến thực đúng lúc quá. Có một điều là không biết trả lời sao cho phải đây. Nói ra thực là tủi hổ và có lẽ quí vị cũng không tin nhưng thực tình mà nói, cho tới tận những tháng năm cuối cùng của đệ nhị thế chiến, đa số trong anh em thuộc thế-hệ chúng tôi chẳng bao giờ được ai dạy dỗ hoặc nhắc nhở đến chuyện quốc-gia dân tộc hay lòng ái quốc, kể cả những tờ báo đứng đắn có khuynh hướng dẫn dắt dư luận quần chúng như Phong Hóa, Ngày Nay v.v. Đã như thế thì làm gì mà có tự ái và lòng yêu nước để ném cho chó gặm một cách lãng phí.

Chính các bậc cha chú, ông bà chúng tôi trước đó cũng chẳng có mấy ai được giáo dục và có ý-thức về những vấn đề quốc gia, dân tộc, làm sao đến lượt chúng tôi mà có được? Come on! Xin quý vị nghĩ lại và thông cảm giùm chúng tôi. Thực vậy, thời xa xưa đó mọi chuyện quốc gia hay dân-tộc đâu có bình thường và sáng tỏ như thời đại dân chủ, tự do và tiến bộ của quý vị ngày nay.

Nhưng trên bình-diện chính-trị, cũng chính vì cái tình-trạng tinh-thần như tờ giấy trắng này mà ít năm sau lũ nhỏ ngây ngô chúng tôi đã bị Việt Minh độc-quyền khai thác, tha hồ vẽ hươu vẽ vượn, trong khi đó các đảng phái quốc-gia vẫn ở đâu đâu, bí bí mật mật, tiếp tục xa rời quần chúng, sống biệt lập trong cái vỏ ốc huyền thoại chật hẹp và cứng nhắc của mình. Thiệt đáng tiếc! Đáng tiếc vô cùng!

Ngoài ra, do ảnh-hưởng của cơ cấu xã thôn tự trị từ ngàn xưa, dân chúng miền Bắc luôn luôn sống trong giới hạn của những lũy tre xanh nên chỉ biết cái cơ cấu làng xóm trước mắt của mình, chính phủ trung ương thì ở đâu đâu rất xa, nên họ thường hết sức lờ mờ về cái mà chúng ta ngày nay gọi là ý-thức quốc-gia. Trong khi đó, chính quyền trung-ương tức triều-đình thường chẳng những rất xa dân mà còn luôn luôn làm mất lòng dân. Do đó, đối với người dân, hễ nói đến triều-đình tức là nói tới chuyện sưu cao, thuế nặng, chuyện phải đi làm phu đài, tạp dịch, chuyện đắp đê, trị thủy, chuyện bắt lính v.v. Đối với họ thì chính quyền nào cũng vậy, Ta cũng được mà Tầu hay Tây cũng được, miễn sao đỡ bị quan quyền áp bức, không bị đói, không bị thiên tai, ít bị đóng thuế, ít bị bắt lính, ít phải đi phu đài tạp dịch, ngày giỗ ngày Tết có chiếc bánh chưng, hũ dưa hành và mấy miếng thịt lợn mỡ để ăn, xóm làng bình yên, không có trộm, không có cướp là hạnh-phúc rồi.

(Còn tiếp)

Tìm Đâu Suối Thương?

HỒNG KHẮC KIM MAI

Nhã Nhạc

1.

Đường nhỏ như thân rắn quanh co giữa hai bờ tre cao ngất. Đường nhỏ như con suối vắng ngoằn ngoèo giữa vùng lau lách cỏ sợi. Khách bước đi hoang mang dưới trưa hè nắng chói. Ở đây lá tre không kết cành, lá tre không che nổi mặt trời, và con đường thì như cứ dài ra...

Khách đến từ nơi thị thành. Hành lý mang theo là ta bà bụi đỏ và những vết xước bầm dập năm tháng. Khách đi trên con đường không tên không tuổi. Con đường hun hút lạ lùng, ốm o, khô róm. Con đường nước khát rát bọng cổ da...

Nước non ơi!

Cuối cùng, khách cũng tìm ra được chỗ mình muốn đến. Ẩn dưới rặng dừa là bóng hiên nhà cất sơ sài. Đến nơi thì cổng trúc đã mở rộng tự bao giờ.

Có tiếng đàn tranh vọng ra đón khách. Tơ đàn láy tiếng quen thuộc. Quen thuộc đến độ khách mỉm cười mừng vui. A! bài học nhập môn Xuân Phong, mà cố nhân đã dạy cho khách ở cái xứ Huế mưa dầm buồn hiu. Hơn năm chục năm! Này,

"Lòng dặn lòng
Ai mặc ai
Thương cứ thương
Nhớ cứ nhớ
Chuyện vui cười
Người ở đời
Đừng đem dạ, đem dạ từ chối
Ai mà thoát khỏi ra vòng nợ duyên?..."
(lời người xưa)

Lấy nhạc mà rải lối thay những cánh hồng thắm đỏ, thì chỉ có cố nhân mới làm được điều đó!

Quả nhiên cố nhân bước ra, tay cầm gậy trúc, gương mặt hồng hào nhân hậu. Miệng cố nhân nở rộng nụ cười khoe độc một cái răng cửa, nhưng không vì thế mà cố nhân xấu ra.

Khách bước tới ôm chầm người đàn bà tuổi đã mấp mé cửu tuần, mừng mừng tủi tủi,

"Cô! mấy chục năm rồi..."

"Ừ, cuối đời cô còn được gặp lại con, cô sướng quá."

"Cô lại tấu bài nhạc cũ? "

"Ừ, con là thi sĩ, gió lúc nào cũng xanh như xuân ..."

Rồi cố nhân lại tiếp tục,

"Rứa cũng nên
Miễn cho bền
Mà lòng chớ ưu phiền..."
(lời người xưa)

Cố nhân là một danh cầm nhã nhạc của Huế rất xa xưa, và là một trong những vị thầy đã hướng dẫn khách đi vào thanh, nhã nhạc tự thuở còn bé thơ...

2-

Buổi cơm tối nhà nghèo chỉ có thế thôi. Một bát canh tần ô nấu với cua đồng, một đĩa thịt luộc, một đĩa rau xào. Cộng vào đó là tiếng thao thao bất tuyệt của mọi người có mặt. Nói sao cho vừa những kể lể dông dài về giòng họ người mất người còn. Nói sao cho hết những buồn vui cuộc đời sau cuộc biển dâu.

Cơm ngon không phải vì cơm có gạo ngon. Mà cơm ngon vì lòng vui quá độ. Khách ăn cầm chừng không phải vì khách phương xa chê của nhà nghèo, mà khách đang nghiền ngẫm những tình thâm.

Gia chủ, con trai của cố nhân, đứng lên mời khách,

"Này O ăn đi chứ, sao ngồi tủm tỉm hoài vậy?"

"Tủm tỉm gì đâu? Đang ngó cái món rau xào chi kia kìa!"

Múc một nhúm rau bỏ vào chén khách, gia chủ giới thiệu,

"Sau nhà có giàn thiên lý, tụi này hái hoa xào với tỏi..."

"Hoa thiên lý xào tỏi!" khách gật gù

Và khách lại tủm tỉm,

"Cái món ni chưa từng ăn bao giờ, nhưng thấy thật hấp dẫn đó nghe! ... Hết miếng cơm này đến

miếng cơm nọ, khách chỉ ăn Thiên Lý xào.

Thiên Lý xào ?

Phải! khách vượt bao nhiêu ngàn cây số mới ăn được đĩa rau xào đồng quê. Đường thiên lý khách đi chân đà thấm mệt, nhưng hương hoa Thiên Lý làm khách ngậm ngùi. Nhớ ngày nào mẹ đi chợ, mẹ hay mua vài nhúm hoa Thiên Lý xanh xanh, búp búp những cánh nhỏ, đem về cúng ông bà. Hương thơm nhẹ nhàng của hoa tỏa ra khắp nhà, và mẹ thì thầm rất kính cẩn,

"Này, bà ngoại đang về đó nghe tụi bay!"

Thiên Lý xào ?

Có lẽ nào khách chỉ đang ăn mùi hương trầm quế của tuổi ấu thơ?

Không, mỗi miếng rau và vào miệng là và luôn cả quê hương vào lòng.

Để tự đó dấy lên những u hoài, những tình tự. Để từ đó văng vẳng tiếng ca dao đâu đây,

"Tóc em dài em cài hoa lý..."
Hay lời thơ bay trong nhân gian,
"Nhà tôi ở dưới chân đồi
Có giàn thiên lý, có người tôi thương..."
(Chính Hữu)

Và tiếng nhạc ru,
"Xin cô xinh bước chân rằm
Xin em thiên lý đêm thầm nở hoa
Môi thơm một đóa môi tình..." (hkkm)

Mỗi một miếng rau xào và vào miệng thì thơ ai lại về, để khách được hưởng thêm hương hoa của miếng thơ,

"Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lý bóng xuân sang..." (Hàn Mặc Tử)

"Em muốn đôi ta mộng chốn nào
Ước nguyền đã có gác trăng sao
Chuyện tâm tình: dưới hoa thiên lý
Còn lối bâng khuâng: ngõ trúc đào..." (Đinh Hùng)

Cứ như thế, cùng với thơ với nhạc với ca dao, khách ngất ngây ăn hết đĩa rau xào

Hồn khách tơ lơ mơ say theo tinh hoa thiên lý...

3-

Trời chạng vạng tối. Cái nóng bức ban ngày đã đội nón ra đi, nhường cho một không khí an lành tĩnh mịch của vùng quê hẻo lánh.

Gia chủ mời khách vào căn nhà giữa. Đèn dầu được thắp sáng lên.

Nhà đơn sơ với vài cái ghế, một bàn viết, còn thì dưới đất la liệt đủ các loại nhạc khí. Vật sáng chói nhất trong gian nhà này là bức tranh họa hình gia chủ khi anh ta còn là một nhạc sĩ nhã nhạc, tài danh khét tiếng ở Huế. Thuở ấy, đêm đêm tiếng đàn tranh rất tình, rất lả lướt của anh chàng đã làm rung động không biết bao nhiêu trái tim trinh nữ Đồng Khánh.

"Ngân tranh cửu dạ ân tình lộng
Tâm khiếp cô phòng bất nhẫn qui"
(Vương Duy) *

Ba đứa con của gia chủ, từ tám đến mười hai tuổi, lục tục ôm đàn bước vào và ngồi vào chỗ được chỉ định.

Bên tay mặt, đối diện khách, là chú bé tám tuổi tên Tì. Cậu ngồi xếp bằng, ôm cây đàn bầu vào lòng, gương mặt thật nghiêm trang. Trước mặt khách là cô bé Tần Tranh, với cây đàn tranh gác dài trên đôi chân nhỏ bé. Bên cạnh đó là Bảo, mười tuổi, với cây đàn nhị. Mẹ của các bé, Thúy, ngồi bên cạnh khách với cây đàn nguyệt. Gần đó, người cô ruột của khách, tuổi gần chín mươi, cầm song loan, một loại phách của nhạc truyền thống dân tộc.

Gia chủ lịch duyệt hỏi khách muốn sử dụng nhạc khí gì?

Khách thót tim chột dạ. Đã từ lâu quảy gánh đi ăn mày xứ lạ, đàn địch trở nên chuyện xa xỉ, và khách đã gửi lại vốn liếng phong lưu của mình cho quê nhà hết cả rồi. Bây giờ hỏi khách muốn sử dụng nhạc khí gì thì quả đã làm khó khách!

Tuy khách này không phải là dân cự phách, nhưng cũng thuộc loại dân điệu, dân liều mạng, nên xin gia chủ đưa đàn gì thì ta sẽ cầm đàn đó. Bèn đỡ cây đàn tì bà từ tay gia chủ...

Theo lệnh của cha, các tiểu nhạc sĩ sẽ biểu diễn chào mừng khách với bài "Ta là con cháu nhà Nguyễn."

Bé Tì bắt đầu bằng những tiếng rung của đàn bầu. Tuy còn nhỏ nhưng tiếng đàn của chú nhạc sĩ bé tí ti này rất sắc, gọn, chứng tỏ đã được luyện tập rất kỹ.

Với Thập lục huyền cầm, bé Tần Tranh theo em đưa khách vào những luyến láy biến cung của Họ, Xự, Xàng, Xê, Cống... (ngũ cung, tương đương với Sol, La,Do,Ré, Mi).

Những biến nấn kỳ ảo của đàn tranh làm năm âm thanh chính biến thành thiên hình vạn trạng,

nên ngũ cung không còn là ngũ cung nữa.

Khách không chỉ lắng tai mà còn phải lắng lòng mới cảm nhận được hết vẻ đẹp của cung đàn.

Khách rùng mình, biết mình sắp đi vào tinh hoa của nhã nhạc.

Sau những luyến láy nhạc dạo, đàn tranh tiếp tục ngân rung mở lối cho đàn Nguyệt và đàn nhị nhập cung.

Tiếng đàn nguyệt như mật ong lảy từng tiếng rồi thướt tha chuyển từng cung bậc, lúc nhặt, lúc khoan, lúc trầm lúc bổng.

Không chịu thua ai, đàn nhị vang tưng lên, tơ đồng thả tiếng mười phương.

Khách nhắm mắt lại, hình dung cảnh vạc bay trong ánh chiều tà. Cánh vạc chao nghiêng trên nền trời cao rộng rồi vẫy cánh buông tiếng gọi đàn.

Nhưng ô kìa, đàn nhị đã chuyển hướng, khởi sắc hơn, rộn ràng hơn, tưng bừng hơn.

Trong đầu óc khách ẩn hiện rừng núi chập chùng, điệp điệp trùng trùng. Ở đó nhạc vươn những cánh tay dài rất thần diệu, rất kỳ tình. Những âm ba ngút ngàn mùa Xuân. Những vi điệu rung ngân, huyễn hoặc giữa cái Có cái Không. Thần trí khách chìm trong vùng mông lung ư ư vô tận...

Giữa lúc khách như đang mê mẩn lạc lối giữa rừng nhạc thì có tiếng ca cất lên.

Khách giật mình, nhận ra bây giờ bản nhạc mới bắt đầu đi vào giai điệu chính.

Gia chủ, cũng là người cha, hát lên lời ca, do chính anh biên soạn, theo tiếng đàn của vợ con và nhịp phách của mẹ già.

Khách thấy lòng rưng rưng xúc động. Trong sa cơ tiếng đàn lời ca vẫn hiên ngang xưng tên xưng tộc. Trong bần hàn vẫn không quên giòng giống cha ông...

Tì bà đã trao cho, dễ thường mình ôm đàn ngồi chầu rìa mãi sao? Khách chợt nhớ hai câu thơ của Bạch Cư Dị,

"Đê mi thân thủ tục tục đàn
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự"

Khi đàn tì bà thì nhíu lông mày lại mới diễn tả hết nổi lòng?

Họ Bạch là người Trung Hoa, nên ông nói theo cách người Tàu .

Khách ta là người Việt, nhíu mày moi hết tim óc ra tìm bài trả lễ.

Khách ngồi trầm tư một giây, rồi ôm đàn khảy khảy vài tiếng để lấy thần.

Đằng kia, ánh đèn dầu rọi bóng khách xuống nền nhà. Bóng lung linh theo phím tơ rung, đưa hồn khách đi về cõi nhớ. Từ tiềm thức âm điệu tuôn ra mười ngón tay. Khách hát lên,

"Em như (ư' ư), vạt nắng (ư ừ) vào (ạ), vào (a) Thu (u u)

Ươm (á à) ươm, (à) trong khóe mắt, (a' a à) hoang vu (ù u), (ơi à ơi) nỗi

(a) buồn

Tình tang tích tịch à tình tang , á a ơ ờ ợ à tình tang tang !

"Em như sóng biển đại dương
Ru anh vô những thiên đường thật xa
Em làm võng bạc kiêu sa
Ru anh ru cả phong ba đời mình..."" hkkm

Em làm (a), võng bạc (a à) kiêu sa (a á a)

Ru anh (á à) ru (u) cả (ạ à ơi à ơi) phong ba (á a) phong ba (a)

đời mình

Phong ba đời mình! Khách ngưng một vài giây như thổn thức, rồi lại tiếp tục,

Tích tích tình tang, a à tình ư., á a tình ư, tình à tang tang...

..."

Cứ như thế, nhạc và người hòa lẫn vào trong nhau. Hương hoa thời gian chập chờn giữa ánh nhạt phai hồng trần. Giọt sầu vươn mắt cô phụ. Đoạn trường nhả nhạc nhã nhạc Nam Ai, điệu buồn muôn thuở!

Khi bài hát vừa dứt thì bà cụ đứng dậy vỗ tay. Không khen hay, mà bảo,

"Tiếng đàn lời ca sao nghe chi đứt ruột! Từ Hải ở đâu, sao chưa đến để sa lệ vì Kiều ?"

.....

Nhả Nhạc

4.

Tiếng ve sầu kêu râng lên đâu đây làm khách giật mình tỉnh giấc. Nhìn qua mùng, trời đã sáng trưng tuy mới sáu giờ.

Khách lại nằm xuống lim dim đôi mắt tận hưởng Nhạc Ve .

Đã từ lâu rồi, tiếng ve sầu tưởng như chỉ còn trong ký ức, nay lại đang tấu lên bản nhạc rừng. Âm vang ran ran, khô mà chói chan. Đôi lúc nó im bặt một phút, rồi rỉ rả như lấy hơi, rồi lại ran lên một tràng dài.

Khách thích thú miên man nghe mà lòng quá vui.

Hè đã về rồi ư ? Tiếng ve, phượng hồng, lưu bút ngày xanh! Tuổi thanh xuân như đang đứng bên kia mùng. Khách vùng dậy, thấy lòng mình rất trẻ. Nhưng ô kìa, tiếng ve hình như đã tấu xong lời cuối, tự dưng ngưng bặt...

Khách rón rén bước ra vườn sau. Hình như cả gia đình nhà chủ vẫn còn đắm chìm trong giấc điệp. Gió buổi sáng mát nhẹ làm khách thấy vô cùng sảng khoái. Khách hát nho nhỏ, vừa đủ mình nghe, vừa tung tăng đây đó. Bước chân sáo dẫn khách vào đám cau trước mặt.

Thân cây cau lêu khêu. Ngước nhìn lên cao, từng chùm bông rất lớn, mầu phớt vàng trắng, đang nhả một mùi hương hăng hắc. Những bẹ cau mỏng mảnh đưa qua đưa lại theo cơn gió thổi tạo nên những âm thanh vui tai.

Khách ngửng cổ lên nhìn, tai lắng nghe nhạc cau.

Nhạc cau!

Nhạc cau rù rì, nhạc cau đong đưa tiếng thở. Thở rằng,

"Ầu ơ,
Vôi nồng trầu cay
Duyên ai nấy đặng
Duyên mình, mình say"

"Ầu ơ
Hôm nao ai đem cau trầu chạm ngõ
Em vui mừng, hết vò võ năm canh
Đêm nay mình ngồi nhìn con sao tỏ
Em thành vợ, ở sao cho vừa
à ạ à ơi, vừa lòng anh ?"
hkkm

Khách nhìn quanh xem có trầu không? Có chứ. Những giây trầu xanh lá đang bám leo lên thân cau. Màu xanh, xanh biếc lòng thiếu phụ. Màu tươi, tươi rói hồn thi nhân .

Nào vôi đâu? Vôi đâu? Vôi đâu cho ta têm miếng trầu cau ấm nồng hơi thở tân nương!

Khách lại mon men đi lạc vô rừng phi lao. Có phải là phi lao không? sao thính giác khách như ngửi mùi thơm của Ngự Bình năm cũ?

Lá xạc xào, phất phơ rũ xuống y như tóc lụa Tây Thi. Nhạc rào rào như lời thì thầm của đám cung nữ khi nghe vó câu Phạm Lãi. Ố ồ đây là rừng tràm. Hóa ra là nhạc tràm. Nhạc tràm. Nhạc tràm!

Khách thơ thẩn đi sâu hơn. Và kia kìa, một rừng tre xanh ngát hiện ra. Thân tre có nhiều đốt, mảnh khảnh, màu vàng nhạt óng ả dưới ánh sáng mặt trời. Chúng không như đám tre khô cháy cao nghều nghệu mà khách đã nhìn thấy bên hai vệ đường khi đi tìm nhà cố nhân.

Tre ở đây mượt mà bóng bẩy, với những cành lá thon thả ôm đan vào nhau. Xuyên qua các khe hở, những tia nắng lấp lóa trên những cọng lá mầu xanh non ngọc bích. Sát vào thân cành, lá sẫm hơn, xanh mặn mà như người đàn bà đã qua một vài hương lửa... Trên vùng đất rộng, lá tre khô dòn bao phủ như một tấm thảm vàng úa. Mỗi bước chân khách đi qua, nghe vang lên tiếng động của lá vỡ vụn.

Cứ mỗi một cơn gió đi qua thì thân tre xô vào nhau kêu kĩu kịt như những chiếc võng đưa, lá tre cọ vào nhau làm thành âm điệu khô liu xiu, lít xít. Nhạc tre rào rào một lượt rồi ngưng, lại rào rào tiếp một lượt rồi ngưng, như một điệp khúc lạ lùng...

Tre yểu điệu thục nữ lại có chút lả lơi mời gọi. Ta bỗng động tình xuân...

Ta mở rộng vòng tay ôm nhạc Ve, ôm nhạc Cau, ôm nhạc Tràm, ôm nhạc Tre vào lòng. Ta ôm hết thảy nhân gian, ôm hết vũ trụ.

Ta ôm hết những mùa Thu chín hạt phong lưu, đỏ hồng môi ngọc lựu.

Hương hoa thiên lý. Văn thơ vạn kỷ.
Này nhạc cung đình, này sóng thu ba
Hơi thở ta nhả một hồn nhạc mới...

5.

Chòi lá được cất đơn sơn giữa một cái ao. Thoạt trông nó như cái nhà thủy tạ nhỏ, nhưng nơi đây không có bông sen bông súng, không có bóng thuyền câu, không có khách thập phương ngao du sơn thủy. Ở đây, vũng nước xanh lè rợp bóng lá rừng quanh năm. Ở đây đìu hiu hơi gió có tiếng chích chòe kéo nhau về rỉa lông làm tổ. Có bụi chuối vườn tre hiền hòa. Có sâu bọ bò lổm ngổm chờ ngày hóa bướm...

Gia chủ vén áo chùi sơ cây kèn clarinette đã cũ. Anh nâng nó lên kê vào miệng, rồi dồn hết tâm trí vào bài nhạc. Nhạc phẩm "Đêm Tàn Bến Ngự" của Dương Thiệu Tước trỗi lên. Nghe buồn da diết... Khách ngả đầu dựa vào lan can chòi thủy tạ, đôi mắt lim dim. Tiếng clarinette trầm bổng bay trong gió, đưa hồn người thưởng ngoạn về với Huế buồn hiu hắt đêm mưa. Về với Thượng Tứ. Về với Gia Hội. Về với Nội thành. Về với ngày cầu Trường Tiền sập, trăm con gái tóc thề

vén tà áo trắng học trò, leo lên đò đi qua sông Hương. Buổi sáng sớm, mặt sông lãng đãng sương mù. Đẹp làm sao bóng những con đò không mui, nhỏ như lá tre giữa giòng, mờ ảo chèo qua chèo lại như con thoi. Bến Phú Văn Lâu bên nay đi qua bờ bên kia là trường Đồng Khánh, Quốc Học, Pellerin... Bến tôi, đò xưa có đó, suối thương đâu tìm?

Tiếng kèn đã ngưng mà khách lòng những vấn vương.

Cô Thúy, vợ chủ nhà, lom khom bưng một lò than kê gần chiếc bàn tre đặt giữa chòi. Lại đặt trên lò một nồi nhỏ bằng đất nung. Trong ấy, cháo trắng sôi lỏng bỏng, trào bọt lên tận miệng nồi. Hình như gạo đã chín nát thành hồ.

Mùi gạo mới thơm ngon làm khách cảm thấy đói bụng.

"Mình phải ăn một chút gì đi nhé," gia chủ nói

"Mời chị dùng cháo đi anh" Thúy thỏ thẻ với chồng

Gia chủ với tay lấy cần câu gần đó. Không cần mồi, anh ta tung giây xuống ao. Nhanh như chớp, một chú cá cắn câu ngay. Con cá bống mập ú lớn bằng ngón tay cái. Trong lúc chú ta đang còn dẫy dụa thì gia chủ thả ngay chú vào nồi cháo đang sôi. Cá chìm xuống dưới nồi vài giây rồi nổi lên, nở bung ra. Từ màu xám tro, thân cá nở thành bông trắng, xòe cái bụng trứng vàng ối... Trong nước gạo sền sệt mầu hồ, những con hoa cá trắng phau điểm nhánh nhụy vàng trông thật đẹp. Đôi mắt khách say nhìn, mê đắm mê đắm...

Gia chủ rót thêm bia vào ly khách. Hai người lại cụng ly. Họ cười khúc khích. Gương mặt hồng lên, khách lè nhè hỏi,

"Tui uống ly này là ly thứ mấy hè?"

Tên bợm nhậu kia đưa hai ngón tay. À, hai ly! tợn nhỉ! Bạn mấy ly rồi? Hắn lại đưa sáu ngón tay. Ghê thế à? Trời! lâu lâu có chị về, Bá Nha gặp Tử Kỳ, say một bữa cho nghiêng trời sập đất...

Khách sốn sác đụng vào lon bia đang khui dở để gần đó. Nước bia đổ tung toé trên sàn tre. Khách cúi xuống phủi cái quần bị ướt. Ngay dưới chân khách có mảnh báo rất cũ, giấy vàng ố, rách một góc. Khách tò mò nhặt giấy lên.

Mảnh báo in một bài thơ đã nhòe với năm tháng, và tên tác giả không còn ở trên đó nữa. Khách gật gù, thích thú đọc. Rồi thích chí quá, khách lại theo thơ mà hát lên...

Nhà chủ châm thêm bia. Khách cầm nốc cạn nửa ly, đầu óc chập choạng. Hình như nguồn hứng khởi đang đi về. Hồn khách lơ lửng như mây trời. Lênh đênh trong tâm tư mùa thương biển nhớ. Sóng sánh trong lòng giọt ứa đầy, vơi... Không gian bỗng như quánh lại với những âm ba vang vọng từ cõi nào.

Ôm đàn Tây Ban Cầm, đôi mắt xa vời, người nghệ sĩ khách ta đi vào sáng tác...

"Nguyệt động... Nguyệt động bờ môi...
Hồn bay... hồn bay...
Cõi nào sương rơi... đàn ta chơi vơi...
Bên đồi, bên suối... Trăng đầy ... à ạ à ơi ... thuyền ta trôi...

Tìm đâu suối thương ?... Tìm đâu bến bờ...
Tìm đâu chốn ấm
Gửi lòng chăn bông...

Nguyệt lặng... Nguyệt lặn bờ ao...
.....
hkkm

Trên cao, chị Hằng nhú đầu ra khỏi rặng cây lắng nghe giòng nhạc chảy những tiếng thơ nồng nàn, tha thiết.... Mây say bên rừng. Thương mong trong lòng. Tóc buồn tóc rối. Gọi người trăm năm...

Dưới ánh trăng vàng, bóng người nghệ sĩ với cây đàn in trên vũng ao. Sóng nước lăn tăn xô hình ai nhấp nhô trong đêm mờ ảo.

Tìm đâu suối thương? Tìm đâu bến đổ tơ vương bụi trần. Tìm đâu?

May 29, 2005 @ 2:59 AM

Chú thích:

Đàn bầu : chỉ có một giây, thường được gọi là độc huyền cầm .

Đàn tranh: có mười sáu giây, thường được gọi là Thập Lục huyền cầm

Đàn nguyệt: tròn và to bản, có hai giây, trông như cái banjo của ngoại quốc.

Đàn nhị: thoạt nhìn, tựa tựa như cây vĩ cầm của nhạc Tây phương, nhưng nó chỉ có hai giây, và khi sử dụng thì cầm đàn đứng và kéo cò, chứ không kê trên vai và ép vào cằm như vĩ cầm. Tuy nhiên về kỹ thuật thì hai đàn nói trên như nhau

Đàn Tỳ Bà của Trung Hoa có âm thanh sắc thái khác với nhạc truyền thống Việt Nam. Cách của Trung Quốc chủ yếu về rung theo lối Tây phương (trémolo) bằng tay mặt, cho nên họ cầm đàn dựng đứng. Trái lại với nhạc truyền thống Việt Nam , âm thanh được rung bằng tay trái. Do đó phải cầm ngang

**Ban đêm nghe tiếng đàn tranh ngân nga, thì ân tình của người đàn bà trổi dậy, để lòng sợ hãi không dám trở về với sự cô quạnh của mình.*

THỢ LÀM TÓC

Nguyên tác The Hair Dresser của
ROBERT CROKEN
HÀ QUANG XƯƠNG *chuyển ngữ*

Có lẽ tôi cần một linh mục hoặc nhờ một luật sư, nhưng đã từ lâu tôi chẳng lai vãng đến nhà thờ và tôi thì không tin tưởng vào bọn luật sư lắm! Nhưng vì tên thanh tra cảnh sát đã nghĩ là tôi có trách nhiệm về một vụ giết người, mà tôi thì nghĩ là tôi chẳng liên hệ gì đến vụ đó cả. Vì vậy mà tôi muốn dùng bút viết xuống đây tất cả những gì mà tôi biết liên quan đến vụ giết người đó. Có lẽ tên thanh tra cảnh sát đó đã làm tôi bối rối đến độ tôi không biết nghĩ thế nào cho phải.

Tôi nhớ là khi có người hỏi cha tôi ông nghĩ gì về việc này hoặc ông nghĩ gì về việc nọ, thì cha tôi thường trả lời: "Đưa tôi bút và giấy, tôi sẽ ghi xuống cho anh biết là tôi nghĩ gì." Và đó là điều mà tôi đang làm bây giờ: viết tất cả xuống giấy để cho mọi người biết là mình nghĩ gì!

Tôi tên là Edward, thợ làm tóc. Một trong những khách hàng phụ nữ của tôi đã giết chồng bà ta tuần trước, khoảng ba ngày sau khi tôi làm tóc cho bà. Câu chuyện đơn giản đến lạnh lùng: bà ta đập chết ông chồng bằng một cây dã cầu khi ông ta đang ngủ. Có thể bạn đã nghe báo chí tường thuật về những vụ giết người tương tự, nhưng bạn khó có thể tưởng tượng được vụ giết người lại liên quan đến những người mà bạn quen biết.

*

Nơi tôi làm là một tiệm đông khách, tất cả có chín thợ làm tóc và hầu như ngày nào tiệm cũng đầy khách có hẹn trước. Bọn tôi thân với nhau như người trong gia đình, và ai cũng nhớ rõ người đàn bà khách hàng giết chồng đó. Cũng không hiểu tại sao họ lại nhớ ra bà ta vì chỉ có tôi làm tóc cho bà và dĩ nhiên tôi nhớ là chuyện thường tình. Sau vụ giết chồng đó ai cũng hỏi tôi: "Bà ta có nói gì với bạn không? Bạn hiểu ý tôi chứ?"

Tôi hiểu là họ muốn hỏi tôi là bà ta có tiết lộ cho tôi về chuyện sửa soạn giết chồng hay không. Dĩ nhiên là không, chúng tôi có trò chuyện nhưng chỉ toàn là những chuyện tầm phào mà thôi.

Nhưng buổi sáng hôm nay tên thanh tra cảnh sát xuất hiện, y nói là gập tôi để hoàn tất cuộc điều tra theo thông lệ. Một điều ngạc nhiên là y hỏi tôi một câu tương tự: "Bà ta có nói với anh điều gì không?" Tôi không biết là câu hỏi đó có quan trọng gì cho vụ án, ai cũng biết là bà ta giết chồng, vậy thì y hỏi làm cái quái gì?

Y nói Sở Cảnh Sát muốn soát lại tất cả những gì bà ta làm một ngày trước khi bà ta giết chồng. "Chắc là anh biết bà ta chứ gì?" Dĩ nhiên, tôi trả lời, tóc nâu khách hẹn đầu tiên trong ngày, cắt và làm tóc. Tên thanh tra suy nghĩ một chút rồi nói y muốn biết tất cả những gì xẩy ra từ lúc một người khách hàng bước vào cửa cho đến khi ra về. Tất cả! Không chỉ là người đàn bà giết chồng mà bất cứ một khách hàng thông thường nào.

Tôi nói chuyện chán phèo chẳng có gì đáng nói cả nhưng y nói là y quen với các chuyện đó rồi, cứ kể đi.

Tên thanh tra nói với tôi y tên là George gì đó, tôi cũng chẳng nhớ họ của y là gì. Chừng 50 tuổi, gầy ốm và chẳng có nét gì đặc biệt. Y không ghi chép gì cả chỉ nhìn thẳng vào tôi và cuối câu chuyện y chớp mắt liên tục, có thể là bị mùi cay của hóa chất làm tóc bay vào mắt. Dù sao thì tôi cũng nói với y tất cả những gì xảy ra giữa tôi và người khách, họ nói gì tôi nói gì... tất cả! Và tôi ghi lại sau đây tất cả những gì tôi nói. Tất cả chi tiết không chừa một chi tiết nào.

*

Đa số khách hàng của tôi là đàn bà có chồng, có công ăn việc làm, rất độc lập và biết là mình muốn gì, tuổi chừng 30 hoặc già hơn tôi một chút. Câu đầu tiên mà họ nói khi bước vào tiệm là: "Hê lô, Edward!" xong rồi họ thở dài ngồi xuống ghế làm như họ khoan khoái khi được nghỉ ngơi chút đỉnh. Tôi nói vài câu chào đón họ và: "Bà có

khỏe không?" Họ thường vuốt tóc và nói với tôi vài câu như: tóc của tôi bù xù quá anh làm cho nó gọn gàng lại; hoặc là ngày mai tôi có một dạ tiệc hay là một phiên họp quan trọng; hoặc là tôi vừa qua một ngày làm việc nhức đầu anh làm tóc lại cho tôi...

Sau đó thì tôi chải, cuốn các chùm tóc, đưa ra vài ý kiến tỷ dụ như có lẽ cần cắt ngắn phía sau gáy v.v... hoặc các câu tương tự như vậy. Thỉnh thoảng họ cũng hỏi tôi có biết kiểu tóc của một minh tinh màn bạc trong một show truyền hình nào đó không? Nếu tôi không xem show đó thì tôi hỏi họ vài câu hỏi và rồi thì chúng tôi cũng tìm ra cái kiểu tóc mà họ đã thấy, và tôi làm tóc theo ý họ muốn. Có một vài bà lại mang một số hình ảnh của người mẫu nào đó cắt trong các tạp chí thời trang và họ muốn tôi làm giống như vậy. Thường thì khó có thể làm y chang như vậy nhưng tôi đã cố gắng tối đa.

"Có phải đó là những điều ông muốn biết không, ông thanh tra?"

Y vẫn nhìn thẳng vào tôi: "Cứ tiếp tục!"

OK. Tôi cắt và làm tóc xong và đưa họ đến ngồi dưới máy sấy. Một điều khôi hài là sau khi họ ra khỏi máy sấy làm như óc họ cũng bị sấy khô đi và họ xả ra tất cả những gì trong óc họ. Một vài bà nói về xếp của mình, về bạn đồng nghiệp, về các chính trị gia... và tỏ ra bất mãn về những điều mà họ gặp trong đời sống. Ôi thôi thì đủ thứ chuyện!

Một vài bà đề cập đến ông chồng của họ. Họ nói đủ điều, nhưng nói chung theo họ, người chồng thường luôn luôn cục cằn ích kỷ bí mật và hành vi bất thường... chứa đựng toàn những xấu xa của cõi đời và họ cũng không hiểu là tại sao lại lấy ông ta! Dù sao thì tất cả đều xoay quanh chuyện về ông chồng.

Tuy vậy tôi vẫn phải chịu khó nghe. Tôi làm gì bây giờ nếu không chịu khó nghe bởi vì chỉ có tôi và bà khách hàng đối thoại với nhau.

Có một vài bà tâm sự với tôi cứ làm như tôi là chuyên viên về các vấn đề tình dục. Rằng chồng bà ta muốn làm điều này, muốn làm điều nọ. Tôi nói tại sao không hỏi mẹ của bà? Bà ta nói làm sao có thể hỏi mẹ những điều như vậy!

Tên thanh tra George nghe một cách kiên nhẫn chẳng nói năng gì cả. Tôi nói với hắn là tôi nghĩ rằng những điều mà khách hàng thổ lộ với tôi có lẽ là tất cả những điều mà họ đã nói với các chuyên gia tâm thần. Tôi đã nghe nhiều đến độ không còn lấy làm ngạc nhiên về những chuyện họ suy nghĩ trong đầu nữa. Tôi chỉ cố gắng làm cho họ bớt nóng nẩy bằng cách tháo những lọn tóc cuộn trên đầu họ! Ông thanh tra có biết là khi bác sĩ để bàn tay trên người bệnh nhân thì họ cảm thấy khỏe hơn không? Tôi hỏi tên thanh tra để cố tạo ra một mẩu đối thoại. Y ậm ừ một cái gì đó rồi nói: "Tôi chẳng bao giờ đi khám bác sĩ cả!" Tôi nói mỗi lần nhức đầu tôi đều đến bác sĩ cho chắc ăn. Rồi tôi nói về những điều mà bác sĩ dặn tôi phải làm. Tôi cũng làm những điều như vậy với khách hàng, tôi xoa bóp gáy và bả vai của họ và tôi hỏi họ có cảm thấy thoải mái hơn không?

Một đôi khi sự xoa bóp này có hiệu quả nhưng thường thì chẳng có tác dụng gì. Dù sao thì tôi cũng làm xong tóc của họ và họ xoay qua xoay lại tự ngắm nghía trong gương. Một vài bà cảm thấy chồng của bà ta không đáng có một người vợ đẹp như họ. Thật sự là sau khi làm tóc xong thì họ đẹp hẳn lên vì tôi là một thợ làm tóc thứ chiến. Tôi biết được hết cả các kiểu tóc thời trang vì vậy tôi mới có thể hành nghề ngay tại New York được chứ!

Tôi có vẻ hơi lạc đề vì thấy tên thanh tra xầm nét mặt xuống và hỏi tôi: "Riêng cái bà giết chồng thì nói chuyện gì với anh?"

Tôi nói, bà ta nói chồng bà ta là một con quái vật, không có tình cảm và luôn luôn đàn áp vợ. Thực sự đó là những điều thông thường mà bất cứ bà vợ nào cũng phàn nàn như vậy về chồng. Nhưng tên chồng này có một lịch trình thật quái đản: tất cả mọi việc phải làm đúng theo một giờ giấc nào đó, tỷ như phải tắt đèn đi ngủ vào đúng 9 giờ và phải thức dậy vào đúng 6 giờ sáng... làm sao có thể sống máy móc như lính vậy? Tôi nghĩ là bà ta sẽ ly dị với chồng trong một ngày rất gần!

Tên thanh tra hỏi: "Anh có nói gì với bà ta không?" Tôi nói dĩ nhiên là tôi có nói chuyện với bà ta. Ông nên hiểu là tôi ở trong một tình trạng không thể không nói được. Khi mà khách hàng tâm sự với tôi về cuộc sống đọa đầy của họ, về ông xếp khó chịu của họ, về người bạn láo khoét của họ, hoặc là về các ông chồng tồi tệ của họ... thì họ thường hỏi tôi là nên đối xử như thế nào bây giờ? Dĩ nhiên là tôi không thể nói huỵch toẹt ra là tôi chỉ là một thợ làm tóc, tôi không phải là cố vấn cho các vấn đề về gia đình xã hội. Tôi cũng không thể chúc họ may mắn và nói là có người khách khác đang chờ xin bà vui lòng đứng dậy vì tóc đã làm xong.

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

TÌNH CHÂN

Ở tôi gác bước giang hồ
Với em đừng nhớ thương chờ bến xa
Mình giờ cứ mỗi thứ và
Như trăng với nước hài hòa sắc tươi
Hãy cho sự sống nên người
Tình chân sủng ái nụ cười xanh yêu.

Tôi có thể nói với bà ta là lần sau nếu mà ông chồng làm cho bà ta nổi điên thì hãy làm một việc gì đó... như là ném một cái bình hoa vào hắn... có thể việc đó sẽ làm cho bà ta dễ chịu hơn. Nhưng thực ra là tôi không nhớ là có nói với bà ta điều đó không!

Tên thanh tra nói: "Khi họ hỏi nên đối xử như thế nào thì họ đã tin tưởng vào anh và xin anh cố vấn cho họ phải không?" Đúng, khi họ hỏi thì tôi trả lời. Có thể là tôi không nên trả lời nhưng thường thì tôi trả lời. Họ không hiểu là trên đời này làm gì có ai mà trả lời thỏa đáng cho họ. Tôi cũng không hiểu tại sao khi rời khỏi máy xấy tóc thì các bà thường nổi điên với những gì chung quanh đời sống của họ và luôn luôn hỏi là họ nên đối xử như thế nào. Ông thanh tra có nghĩ là cái máy xấy tóc đã chuyển động một số tế bào trong đầu họ không?

Tôi cố gắng giải thích cho tên thanh tra rõ là cái đám đàn bà khách hàng đó đối với tôi chỉ là một người bạn qua đường trong vòng hai tiếng đồng hồ làm tóc. Với một vài bà tôi khuyên nên ly dị, với bà khác thì tôi nói nếu tên chồng quá khó chịu thì hãy xỉ vả lại. Có lúc tôi cũng khuyên họ là thỉnh thoảng nên nói với chồng là ông ta đã làm những chuyện không được sáng suốt lắm. Hoặc là kích động ông chồng, tỷ như chỉ cho ông ta một tên xấu trai nào đó rồi nói mũi của ông ta giống như tên xấu trai đó... Tôi đoan chắc với ông thanh tra là việc đầu tiên mà tên chồng đó sẽ làm là phải soi gương tới soi gương lui để xem hình dạng cái mũi mình ra sao mà bị vợ ví von với một tên xấu trai như vậy.

Tên thanh tra George gì đó hình như cũng chưa hiểu gì lắm, tôi phải giải thích thêm. Ông thanh tra, tôi nói, tôi không quen gì với các khách hàng ở ngoài đời và họ cũng chẳng quen gì tôi. Ở ngoài đời họ sẽ không giao du với tôi vì họ nghĩ là họ ở một tầng lớp xã hội cao hơn. Nhưng ở trong tiệm này thì khác, họ chỉ có một mình tôi để nói chuyện, ông phải hiểu điều đó chứ ông thanh tra?

Tên thanh tra ậm ừ rồi y nói về các tiệm đấm bóp. Tôi nói làm tóc khác với chuyện đấm bóp, thằng khốn kiếp này không biết gì về nghệ thuật làm tóc cả! Tôi thầm nghĩ là không biết hắn có một ngụ ý gì khác không. Rồi y hỏi tôi có vợ không. Tôi nghĩ điều này có liên hệ quái gì nhưng cũng trả lời. Tôi chưa có vợ vì chưa kiếm được người nào hợp với mình. Tôi cũng không sống với mẹ tôi, nếu đó là câu hỏi kế tiếp mà ông thanh tra muốn hỏi.

"Sau giờ làm việc thì anh làm gì?" Tên thanh tra hỏi. Tôi trả lời sau tám tiếng đồng hồ đứng làm tóc hai chân tôi tê cứng, tôi nghỉ ngơi và ngủ. "Không có một chuyện nào khác à?" Y hỏi, tôi trả lời là tôi sống độc thân đã nhiều năm và tôi thích một cuộc sống như vậy. Tôi chẳng cần y nói là tôi phải có những giao tế xã hội khác... cái đó có liên hệ quái gì với chuyện giết người mà hắn đang điều tra?

"Ông muốn hỏi thêm điều gì nữa không? Tôi muốn xong để còn phải làm việc chứ!" Tôi nói. "Anh đang nói về những chuyện anh đã khuyên khách hàng, riêng đối với người đàn bà giết chồng thì anh đã nói gì với bà ta?" Đột nhiên giọng nói của hắn trở nên hằn học làm tôi e ngại.

Tôi chẳng nhớ rõ là đã nói gì với bà ta, từ đó đến nay đã hơn một tuần và tôi đã nói chuyện với cả chục bà khách hàng khác làm sao mà nhớ được. Tôi có thể đã nói: nên ly dị, nên bỏ đi du lịch, nên có bạn trai khác, nên mua thêm vật dụng trong nhà... Có thể là bà ta đã hỏi và tôi đã trả lời. Thế thôi!

Phải rồi, y nói, nhưng riêng với người đàn bà đó thì anh có nói gì khác không? Chẳng có gì khác cả, những điều mà tôi nói với bà ta cũng giống như những điều mà tôi nói với các bà khách hàng khác. Lời nói rồi cũng tan trong không khí, chẳng có chi là quan trọng cả, ông hiểu chứ, đây chỉ là một tiệm uốn tóc.

Y hỏi tôi: "Phải chăng anh đã nói với bà ta là loại bỏ một ông chồng ra khỏi cuộc sống của mình

là một điều dễ như trở bàn tay?" Tôi có thể đã nói như vậy, hoặc đã nói là bà ta nên rời xa ông ta, hoặc đã nói là bà ta sẽ có một cuộc sống khá hơn nếu không có ông ta... hoặc là những câu tương tự như vậy!

Tên thanh tra nói: "Bây giờ tôi sẽ cho anh biết là bà ta đã khai gì với cảnh sát. Anh khuyên ném một cái gì vào ông chồng cho đỡ bực, bà ta đã ném một cái máy làm nóng bánh mì nhưng vì bà ta quên rút giây điện ra thành ra cái máy rơi xuống nửa chừng. Chuyện đó không xong, bà ta đã làm theo lời khuyên thứ hai của anh. Khi đến giờ phải tắt đèn đi ngủ, bà ta nằm trằn trọc suy nghĩ. Khi ông chồng đã ngủ say bà ta xuống giường, ra chỗ nhà để xe lấy một cây gậy dã cầu, trở lại phòng ngủ và dập vào đầu ông chồng liên tục cho đến khi mệt quá không thể đập được nữa. Sau đó bà ta bật sáng choang đèn của tất cả các phòng lên, vặn máy truyền hình lên xem cho đến khi có tin tức buổi sáng lúc 6 giờ mới gọi 911 và thú nhận tất cả mọi chuyện."

Tôi nói, nếu mà ông thanh tra nghĩ là tôi có liên hệ đến vụ đó thì ông đã lầm. Chúng tôi có nói chuyện, và tôi đã nói cả chục chuyện khác nhau với khách hàng mỗi ngày. Họ thường kể với tôi cả trăm chuyện khốn khổ và hỏi họ nên làm gì bây giờ!

Tới đây tôi đã hơi sốt ruột. Thật là khó chịu khi có một tên thanh tra cảnh sát đến tiệm điều tra, nhưng điều khó chịu thêm hơn cả là y đã bắt đầu lớn giọng. Trong khi đó thì các bạn đồng nghiệp của tôi cứ vờ như không biết gì, thật là khốn nạn.

Tôi muốn thoát ra khỏi tình huống này vì vậy tôi nói với tên thanh tra là tôi phải trở về làm việc. Tôi có nhiều khách hàng đang chờ và người khách của tôi đang ngồi dưới máy sấy tóc có thể đầu đã phồng lên như miếng pizzas.

Y làm như không nghe thấy tôi nói hoặc là cũng cóc cần nghe, y nói: "Anh có nghĩ là bà ta cần một lời khuyên bảo chuyên nghiệp không?"

Tôi quả là ngu nhưng cũng không đến nỗi ngu quá để trả lời câu hỏi này. Tôi nghĩ trong đầu tính trả lời y là tôi chỉ là một thợ làm tóc và trò chuyện với khach hàng là một phần công việc của tôi. Đừng kết án tôi mà hãy kết án cái máy xấy tóc đã làm rối loạn tế bào óc của người đàn bà. Nhưng tôi im lặng.

Y nói tiếp, bà ta đang cần một lời khuyên bảo chuyên nghiệp nhưng không may lại hỏi đúng một tên cố vấn nghiệp dư, một anh tài khôn!

Mặt tên thanh tra đỏ bừng lên, tôi nghĩ là hắn sẽ la ó với tôi, nhưng không, hắn chỉ im lặng và chúng tôi ngồi im như vậy một lúc lâu. Chiếc đồng hồ tích tắc nhả thời gian chầm chậm. Ngay lúc đó tôi đã hiểu được y nghĩ gì. Tên thanh tra này đã nghĩ là tôi có trách nhiệm về vụ người đàn bà giết chồng chỉ vì những điều mà tôi đã trò chuyện với bà ta.

Tôi cố gắng chú tâm vào những tiếng động quen thuộc trong tiệm, nhưng các bạn đồng nghiệp của tôi đều câm như hến. Tôi tự hỏi làm sao mà tôi có thể tiên đoán được việc mà bà ta sẽ làm sau khi trò chuyện với tôi. Tôi không phải là người có thể đọc được ý nghĩ của người khác. Có lẽ là tôi nên nói các chuyện khác với bà ta thì hơn, hoặc tốt hơn cả là câm miệng lại. Nhưng tôi quả là một thằng hơi nói nhiều!

Rồi y bật nói: "Dù sao thì bà ta đã phải trả giá cho những việc đã làm, đáng lẽ ra anh có thể giúp được bà ta..." Y ậm ừ cái gì tôi nghe không rõ. Tôi hỏi: "Ông nói gì?" Y nói là y muốn có một bằng chứng rõ ràng để kết án tôi nhưng mà y không có. Sau đó y đứng dậy và ra khỏi tiệm.

*

Bây giờ tôi tự hỏi: "Vậy thì sự thật ở đâu? Tại sao tên thanh tra lại trút hết trách nhiệm cho tôi?" Những người tiếp viên ở quầy rượu họ cũng nghe tâm sự của khách hàng, họ cũng bàn là khách nên làm thế này nên làm thế nọ. Nhưng mà có tên thanh tra cảnh sát nào đến điều tra những lời mà họ nói với khách không? Tuyệt đối không!

Mọi người thường trò chuyện với nhau, họ nói, họ nghe, nhưng đâu có phải là những lời khuyên bảo chuyên nghiệp! Ai mà được hỏi ý kiến thì đều phát biểu là anh nên làm thế này, anh nên làm thế nọ. Tôi đã nghe điều đó hoài. Trên xe buýt tôi nghe thấy một người hỏi người bên cạnh và người bạn đó cũng khuyên anh ta phải làm thế này, phải làm thế nọ.

Mọi người trò chuyện với nhau và trao đổi ý kiến về những việc nên làm, điều đó quả thật là bình thường! Tôi có trách nhiệm gì về vụ người đàn bà giết chồng hay không? Người tiếp viên ở quầy rượu có trách nhiệm gì về những câu nói với khách không? Người bạn trên xe buýt có trách nhiệm không? Thật là bối rối, thật là khó hiểu!

Vì vậy tôi phải viết hết xuống trang giấy này tất cả những điều gì đã xẩy ra cùng tất cả những suy nghĩ của tôi!

Cuối cùng, tôi phải làm gì bây giờ?

Lập Xuân 2005

Ai Cập: từ nhà văn già đến thế hệ trẻ

TRẦN DOÃN NHO

Có lẽ chưa có nhà văn nào sống thọ như Naguib Mahfouz. Tính đến tháng 9/2005, ông 94 tuổi!

Thuộc thế hệ những nhà văn nhô lên trên văn đàn trong khoảng thời gian 1946 và 1950, kêu gọi cải cách chính trị và xã hội Ai Cập, Mahfouz sống gần như suốt một thế kỷ và qua tác phẩm, lịch sử của Ai Cập với những thăng trầm, rối loạn và phát triển của nó trong thế kỷ 20 đã được ông vẽ lại một cách vô cùng sinh động. Sinh năm 1911 trong một khu Hồi Giáo cổ ở Cairo, ông bắt đầu viết văn khá sớm khi là một học sinh trung học trong lúc Ai Cập đang tiến hành cuộc đấu tranh giành độc lập. Năm 1939, tác phẩm đầu tay ra đời, *The Mockery of the Fates*, một truyện dài. Từ đó, ông viết nhiều. Cho đến trước cuộc cách mạng Ai Cập 1952 (do Nasser lãnh đạo), ông xuất bản thêm mười tác phẩm nữa. Tuy vậy, phải đợi đến năm 1957, khi bộ trường thiên tiểu thuyết *Cairo Trilogy* gồm ba tập *Bayn al Qasrayn, Qasr al Shawq* và *Sukkariya* (Between-the-Palace, Palace of Longing và Sugarhouse) phát hành thì tên tuổi ông mới thực sự nổi tiếng, không những ở Ai Cập mà còn trong toàn thể các xứ Á Rập. Chính tác phẩm này đã giúp ông đoạt giải Nobel năm 1988. Đó là truyện về một gia đình thương gia Hồi Giáo sống qua nhiều thăng trầm và thay đổi xã hội. Mahfouz diễn tả rất chi li về thời gian và nơi chốn của những biến cố từ nhỏ đến lớn trong đời sống hàng ngày bằng một giọng văn riêng, phảng phất văn phong cổ điển của những tác phẩm Anh, Nga và Pháp thế kỷ thứ 19. Không khí truyện là một pha trộn giữa huyền thoại, chuyện huyền bí và dã sử. Ibrahim Aslan, nhà văn và nhà phê bình, nhận xét "Tác phẩm của Mahfouz là gốc rễ của chúng tôi, truyện của ông là một hồ sơ phong phú về lịch sử Ai Cập. Ông làm giàu đời sống tri thức của chúng tôi với nhiều nhân vật khác nhau, ai cũng quá thân thuộc gần gũi với chúng tôi." Giải thưởng Nobel đã mang ông đi vào thế giới. Khoảng một nửa số tác phẩm của ông đã được dịch sang tiếng Anh và bán rất chạy ở Hoa Kỳ.

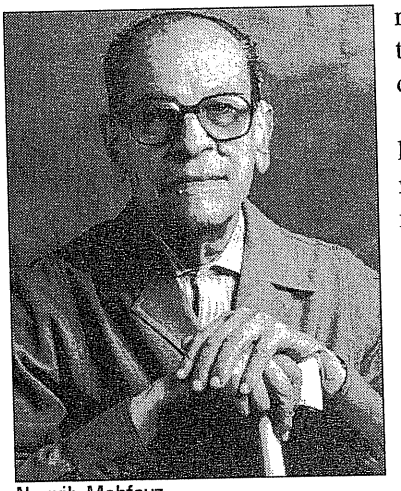
Naguib Mahfouz

Sự nghiệp văn chương của ông thật đồ sộ: 35 truyện dài, 15 tuyển tập truyện ngắn và hàng trăm tiểu luận đủ loại. Một nửa trong số các truyện dài của ông được quay thành phim. Truyện dài đầu tay,"The Mockery of the Fates," xuất bản năm 1939 được dịch ra 28 thứ tiếng, từ Indonisia cho đến Do Thái và cả Băng Đảo (Iceland) là một nước nhỏ gần vùng Bắc cực. Bản dịch Anh văn mới nhất là *Voices From the Other World,* một tuyển tập truyện ngắn. Người ta ví ông đối với Ai Cập cũng như Charles Dickens đối với Anh thế kỷ thứ 19. Tác phẩm bao trùm nhiều loại khác nhau, từ ẩn dụ chính trị, trường thiên lịch sử cho đến hiện thực. Peter Theroux, dịch giả Hoa Kỳ, người dịch nhiều tác phẩm Á Rập ra Anh văn cho rằng "Độc giả thuộc bất cứ ngôn ngữ nào cũng bị lôi cuốn bởi sức quyến rũ của văn ông. Sự nhiệt tình của những nhân vật, tốc độ của câu chuyện, năng khiếu trong đối thoại trôi chảy và các chi tiết kể chuyện trở thành phong cách rất là độc đáo trong nền văn học Á Rập hiện đại." Tác phẩm ông hiện nay vẫn còn nằm trong danh sách những tác phẩm bán chạy nhất tại các nước Á Rập. Những độc giả trẻ tuổi rất ngưỡng mộ ông về tài kể chuyện.

Tác phẩm ông bao trùm đủ hạng người, kể cả đĩ điếm và những tay nghiện ngập. Ông là một trong những nhà văn đầu tiên đề cập đến cuộc đấu tranh giữa những người tả phái và những kẻ cuồng tín tôn giáo, gây nên chia rẽ sâu sắc trong gia đình và xã hội. Các nhân vật bị áp bức thường được ông xây dựng sống động đến nỗi trùm khuất luôn cả câu chuyện. Được hỏi về nguồn

cảm hứng để viết văn, ông cho biết ông lấy cảm hứng từ trong chuyện "Ngàn Lẻ Một Đêm" và trong kinh "Coran." Một trong những tác phẩm gây nên tranh cãi dằng dai là "Children of the Alley" (1959) trong đó các nhân vật là những nhà cai trị chuyên chế, hình ảnh của các nhà tiên tri tìm thấy trong kinh điển của Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo. Dù không nêu đích danh, tác phẩm sử dụng cả Muhammed, người sáng lập ra Hồi Giáo, như là một nhân vật. Rõ ràng là Mahfouz chủ tâm đụng đến phần thiêng liêng nhất và cấm kỵ nhất trong thế giới của những người cố chấp, bảo thủ tôn giáo. Bởi vậy, cho đến nay, về phương diện chính thức, tác phẩm chưa hề được chính phủ cho phép xuất bản. Tất cả tác phẩm lưu hành đều là bất hợp pháp. Năm 1989, 30 năm sau khi tác phẩm được viết ra, *Children of the Alley* một lần nữa lại gây nên một cuộc xung đột đẫm máu giữa những phần tử cực đoan và những người có xu hướng ôn hòa và tự do, cấp tiến, đưa đến chỗ nhà văn bị những kẻ cực đoan kết án tử hình. Bản án ngẫu hứng đó là nguyên nhân dẫn đến vụ ám sát ông vào năm 1996. Một người cuồng tín rình sẵn trước nhà, dùng gươm đâm xuyên qua cửa kính xe hơi, trúng mũi ông. May nhờ có người bạn đồng hành là một y sĩ thú y dùng tay bịt chặt vết thương, kịp thời đưa vào bệnh viện giải phẫu. Vụ ám sát tuy không giết được ông, nhưng để lại những hậu quả tai hại. Hệ thống thần kinh bị tổn thương, giới hạn khả năng viết lách của ông. Hiện giờ, ông cầm bút viết như trẻ con tập viết và chỉ có thể chịu đựng trong vòng 30 phút một lần ngồi viết.

Về chính trị, ông là một trong những người lên tiếng sớm sủa nhất chấp nhận sự hiện hữu của một nước Do Thái, ủng hộ bình thường hóa bang giao với Do Thái, đồng thời cũng là người phê phán gay gắt Hoa Kỳ và Do Thái trong việc chiếm đóng đất đai Palestine. Mặt khác, ông còn lên án bản án "fatwa", tức là bản án kết án tử hình nhà văn Salman Rushdie qua tác phẩm *Satanic Verses* trong lúc vẫn phê phán một số luận điểm chống Hồi Giáo sai lầm trong đó. Các lập trường đó ông vẫn giữ cho đến ngày hôm nay, bất chấp mọi lên án và đe dọa từ những tổ chức tôn giáo cực đoan. Ông lo rằng cuộc bạo động hiện nay kéo dài lâu quá, sẽ làm vết thương sâu thêm, khó có thể hàn gắn lại được trong vòng một thế hệ. Và cũng như phần đông các nhà trí thức Á Rập khác, ông bảo vệ phong trào ôm bom tự sát của Palestine. "Họ là những người bảo vệ chính nghĩa bằng cách hy sinh với cả linh hồn của họ và đây là mức độ cao nhất của cuộc kháng chiến cao cả (...) Chúng ta nên nhớ rằng đây không phải là một cuộc chiến đấu bình thường, nơi mà người ta có thể chọn mục tiêu và chiến đấu với chỉ người lính. Hầu như đó là một tình trạng hoàn toàn tuyệt vọng, nơi mà bạn tự nổ mình và nổ luôn bất cứ những ai ở gần đó." Cùng lúc, ông vẫn không ngừng lên án "Hội Nhà Văn Ai Cập" (Egyptian Writers Union) về tinh thần bảo thủ và cực đoan của họ. Trong một bài xã luận năm 2001, ông lên tiếng tố cáo hội về việc đã khai trừ một kịch tác gia Ai Cập chỉ vì ông này đã viếng thăm Do Thái. Bản thân ông, hội này cũng đã nhiều lần đe dọa khai trừ, nhưng ông chẳng hề quan tâm.

Hiện giờ, ông đang làm gì? Hãy nghe Neil MacFarquhar, thông tín viên của *New York Times*, diễn tả "Để vào nhà, khách phải đi qua một đội lính gác vũ trang ở bên ngoài rồi một cổng hai lớp cửa được phòng thủ chặt chẽ, y như đi vào dinh thự của một quan chức trọng yếu nào đó của nhà nước. Một ông già thấp, nhỏ, khẳng khiu, mắt mờ, tai lãng ngập ngừng đứng dậy chào khách." Neil MacFarquhar cho rằng nhà văn già 90 tuổi (khi ông viếng thăm vào năm 2002) chẳng khác gì cái xác ướp trong Viện Bảo Tàng Ai Cập, đang sống những ngày cuối cùng của đời mình trong một tòa nhà được canh gác vô cùng cẩn mật ở Cairo, thủ đô Ai Cập. Tuy thế, ông vẫn viết. Không truyện dài, không truyện ngắn, mà là những đoản văn. Viết về cái gì? Những giấc mơ. Ông cho biết "đó là những câu chuyện rất, rất ngắn," mô tả lại những gì ông mơ thấy ở cái tuổi gần đất xa trời. Cho đến nay, ông đã viết được gần 60 đoản văn như thế. Thú vui duy nhất của ông là mỗi tuần một lần, ông được người ta mang lên khu Mokattam Hills - một vùng cao nguyên vắng vẻ gần Cairo trong một ngôi biệt thự toàn bằng gỗ của một nhà tâm lý học, người đã từng giúp nhà văn phục hồi tâm lý sau vụ mưu sát - để dự sinh hoạt. Đây là sinh hoạt định kỳ do những nhà văn, bác sĩ, giáo sư, nhà báo ngưỡng mộ tổ chức để vinh danh ông.

Nhưng cái buồn nhất đối với ông bây giờ là: những thú tiêu khiển cứ mất dần, mất dần theo ngày tháng, trong đó có việc hút thuốc. "Đời là thế. Người ta lần lượt bỏ hết thú vui này đến thú vui khác cho đến khi chẳng còn gì, và rồi lúc đó, sẵn sàng ra đi," nhà văn già ngậm ngùi nói.

Trong lúc đó thì hàng tuần cứ vào mỗi tối thứ

thyan

Cho bạn xưa...

tóc hương xưa bay trên những phiến trời lãng đãng
dáng mai gầy trở về từ biển nhớ của thời gian
môi thanh xuân vẫn hát ca trên những phai tàn
và bờ vai nhỏ thoáng chút phong sương đạm bạc

ba mươi lăm năm, ôi khoảng đời bể dâu tan tác
cuộc hồng trần bè bạn có còn ai?
ta bỗng nghe từ núi rộng sông dài
bao tiếng hát mờ say của một thời đã cũ

trong xao xuyến, những bóng hình lung lay ấp ủ
chút khói sương quyện lấy thân thương
nghe đâu đây, mắt ngây ngô, cử chỉ lạ thường
mười tám tuổi, ôi mấy bến bờ thiên mộng...

trong mưa bụi, gió đổ về từ biển rộng
kỷ niệm xa xưa, thời lãng mạn đời ta
thư bạn đây, ân tình cũ vẫn đậm đà
dáng ai đó, sao vẫn thấy sơn khê buồn trăm ngã?

bruxelles 06/2004

Ba, tại *"Greek Club"* (Câu lạc bộ Hy Lạp) tọa lạc ở trong tâm thành phố Cairo, các nhà thơ trẻ tụ họp nhau để thảo luận chuyện văn chương chữ nghĩa. Không khí ở đây hoàn toàn thoát khỏi những ràng buộc ngột ngạt của một xã hội Hồi Giáo bảo thủ ở bên ngoài. Họ hút thuốc, nhai hạt điều, uống cà phê, đọc thơ, cãi vả lẫn nhau về các đề tài thi ca. Một số trong số họ là những nhà thơ đã thành danh, nổi tiếng toàn quốc, một số khác là lớp văn nghệ sĩ mới chập chững bước vào làng chữ nghĩa. Mặc một chiếc quần jean bó sát người, áo sơ mi cụt tay in hình những những tựa đề trích ra từ báo, nhà thơ nữ Rana Abbas Tonsi mạn đàm về hai tập thơ mới xuất bản của mình. Cô cho biết cô có ý định muốn dùng thơ để đánh thức mọi người dậy hành động chứ không phải ngồi than thỉ ỉ ôi. "Tôi đòi hỏi lịch sử phải để cho tôi tự do. Người ta chẳng tìm ra được chữ nào trong khi cả quốc gia đang bị thu nhỏ lại và các tượng đài, các cao ốc, các nhà chọc trời thì vẫn cứ dửng dưng với nỗi đau của chúng ta." Trong lúc đó, một nhà thơ khác, Hoda Hussein, ngồi bên cạnh, đang chuyển những bài thơ chống chiến tranh qua email, gửi đi cho bạn bè và độc giả trên toàn thế giới. "Cuối cùng, tôi không phải là một người y tá. Tôi không chữa bệnh cho ai hết. Tôi không phải là một người lính. Tôi không có súng. Và có lẽ tôi chẳng có cùng một ý kiến với những người thuộc thế hệ đi trước tôi. Nhưng tôi, tôi muốn diễn tả chính tôi." Bài thơ nổi tiếng của cô, được quảng bá rộng rãi qua Internet, là một bài thơ nói về đồng tính luyến ái:

Don't worry, Mom, I phone from my girlfriend's house

Tonight I'll sleep over at her place/ I won't sleep in the arms of a man.

Trong không khí sùng đạo và dưới sự kiểm duyệt khắt khe của nhà nước, những nhà văn nhà thơ trẻ tìm cách thể hiện các quan điểm cấp tiến của họ bằng cách công bố tác phẩm của mình qua Internet. Họ chẳng thèm nhờ cậy các nhà xuất bản chính thức. Họ rất thích thú vì với phương pháp này, họ tìm thấy một số độc giả rộng lớn. Bực mình, nhà cầm quyền khép chặt mạng lưới kiểm soát, tìm cách cản trở, không cho họ lên lưới. Nhiều bài thơ bị xóa đi. Họ lại tìm cách khác như phổ biến thơ qua các điện thoại cầm tay bằng cách dùng lời nhắn hoặc qua các kênh truyền hình vệ tinh tư nhân như kênh Dream chẳng hạn. "Đối với tôi, các bài thơ của tôi là những tạo vật sống, tôi không thể chôn cứng chúng mãi trong ngăn tủ được. Bằng mọi giá chúng phải được thoát ra ngoài", Hussein phát biểu.

Về phía văn, tiêu biểu cho thế hệ nhà văn trẻ hiện nay ở Ai Cập là Mona Prince. Prince, 32 tuổi, là một trong những nhà văn trẻ "hot" nhất hiện nay ở Ai Cập. Trong một truyện vừa mới xuất bản gần đây, *Three Suitcases for Departure*, một nhân vật tên là Munira ngồi trên chiếc giường của mình bao quanh đầy những tranh ảnh và các vật kỷ niệm của bạn bè đại học, của người bồ cũ, của người chú vừa chết vì bị bệnh ung thư. Cô sửa soạn chất đầy ba chiếc va li và đi Ấn Độ, một cuộc du lịch kỳ diệu của một thiếu nữ Ai Cập. "Tôi cảm thấy ngột thở quá. Đời tôi cần không khí," Munira nói. Nhưng khi tất cả mọi thứ đã sẵn sàng cho chuyến đi, thì cô bỗng phân vân. "Tôi sẽ tìm thấy cái gì ở đó, cái mà tôi đang bị đánh mất ở ngay tại đây chăng?", cô tự hỏi. Ở một đoạn khác, nhân vật đang lắng nghe quốc ca Ai

Cập, bài hát có tựa đề "Quốc gia yêu dấu của tôi, quốc gia vĩ đại của tôi" mà các học sinh vẫn thường hát mỗi buổi sáng và cảm thấy bị phản bội và mệt mỏi bởi đất nước của họ chẳng hề tiến được một bước nào. "Không thể tiếp tục lắng nghe mãi một khúc ca đầy mộng tưởng như thế được nữa. Họ đang nói về cái quốc gia nào vậy cà? Họ đang nói về cái chiến thắng và vinh quanh nào vậy cà?"

Vậy thì nên viết về cái gì? Tình yêu, theo cô. "Có lẽ tình yêu có thể cứu chuộc và giúp đỡ chúng tôi. Tôi mệt rồi. Tôi cần nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Tôi chỉ chiến đấu trên bình diện cá nhân mà thôi." Cô cho rằng đồng bào của cô chỉ biết than thở mà không biết hành động. "Họ đã đợi chờ qua bao triều đại vua chúa và hiện nay đang tiếp tục đợi chờ một sự thay đổi chế độ, tôi thì tôi chẳng còn nghĩ gì đến cái đó cho mệt xác. Tất cả cái tôi muốn viết bây giờ là về tình yêu. Ít nhất, hãy yêu nhau đi," cô khẳng định.

Theo nhận định của những nhà nghiên cứu văn học Ai Cập thì tình yêu và tính bất quyết (non-decision) hiện đang là xu thế văn chương hàng đầu ở đất nước Hồi Giáo này. *Three Suitcases for Departure* đặc biệt không phải ở những gì nó đã nói ra mà ở những gì không được đề cập đến. Prince không thèm đề cập đến những đề tài vốn đã quen thuộc đến nhàm chán trong xã hội: tính cách gia đình cổ truyền, lòng hoài vọng những gì đã mất, sự sầu đau và buồn bã về vấn đề Palestine, nỗi chán chường vì các nước Á Rập không bao giờ tìm được sự đồng thuận, vân vân. Tóm lại, khí hậu văn chương thoát khỏi sự than van bất tận của thế hệ đi trước vì thất bại, vì không tìm ra lối thoát cho những vấn đề Hồi Giáo và vấn đề tiến bộ nữa. "Tại sao tôi phải viết về sự đau đớn và về nỗi buồn và về tính cách nạn nhân (của người Hồi giáo)? Tôi muốn nói một điều gì khác hơn cái mà tôi bị bắt buộc phải nói về triết lý hay ý thức hệ Ai Cập. Tôi sẽ nói gì về cái đó? Nó lớn hơn cả tôi. Tôi đang sống nó. Tôi sao tôi lại phải đọc và viết về nó chứ? Tôi muốn nói một cái gì khác hơn bây giờ," Prince phát biểu.

Đã hàng thập niên qua, những nhà văn chỉ có việc là tìm cách đánh động lương tâm của một thế giới Hồi Giáo chán nản bằng cách sáng tác thơ văn từ vị trí của những người thất bại. Thế hệ nhà văn Ai Cập mới rút vào các ốc đảo cá nhân, chọn những đề tài có tính khiêu khích, chẳng hạn như chuyện nghiện ngập, phá thai hay đồng tính luyến ái. Họ cho biết là họ quá mệt mỏi và hoàn toàn chống đối lại những đề tài đã quá nhàm chán của các thế hệ đi trước. Nhờ những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, mặc dù sống trong không khí tôn giáo cực đoan và dưới sự kiểm duyệt khắt khe của nhà cầm quyền, họ vẫn tìm được cách nói lên tiếng nói của họ.

"Đây là một xã hội đã sống trong ảo ảnh cả đến 50 năm. Thế hệ trẻ hoàn toàn bỏ rơi những vấn nạn lớn lao của cha mẹ họ về chế độ dân chủ, về Do Thái, về quốc gia và về chủ thuyết Liên-Á Rập bởi vì họ quá mệt mỏi rồi và nói cho thẳng thừng ra, những vấn nạn như thế chẳng hề tìm được lời giải đáp", Samia Mehrez, giáo sư văn học tại Đại Học Cairo và là tác giả của tác phẩm nghiên cứu *Egyptian Writers Between History and Fiction*. Những nhà văn như Mona Prince sống theo mốt hiện đại, uống cà phê, dùng điện thoại cầm tay, hút thuốc lá. Cô có cả một nhóm người ủng hộ nhiệt tình ở trong các giai cấp trung và thượng lưu và tác phẩm của cô rất nổi tiếng trong các đại học và trung học. Tác phẩm của cô bán rất chạy với cả hơn 40 ngàn ấn bản ở Ai Cập, Jordan và Li Băng. Truyện vừa 90 trang *Three Suitcases for Departure*, trong đó nhân vật nữ chính đại diện cho thế hệ trẻ, đang tìm cách giải thoát khỏi cái mà họ gọi là một thứ "văn chương tuyệt vọng" (despair literature). Cô tâm sự: "Khi bắt đầu viết *Three Suitcases for Departure*, tôi hết sức giận dỗi với (thất bại) của thế giới Á rập và cái chết của chủ nghĩa Liên-Á Rập. Bây giờ thì đã qua rồi cơn giận. Có lẽ đó là lý do tại sao trong truyện, ta không biết chắc là nhân vật nữ bỏ đi hay ở lại để chiến đấu. Tôi đoán là cuối cùng cô ta (cũng là tôi) sẽ ở lại để chiến đấu. Những bằng một cách rất, rất khác. Sống trong tuyệt vọng và viết những tác phẩm tuyệt vọng sẽ chẳng đi đến đâu."

Cùng với các tác phẩm khác, hiện Mona Prince đang viết luận án tiến sĩ về tác phẩm *The Color Purple* của nhà văn Alice Walker – bằng tiếng Ai Cập và tiếng Anh - về sự kiện tình yêu có thể cứu vớt thế giới.

Tài liệu tham khảo:

- Neil MacFarquhar, A Cairo Storyteller with Time to Dream, New York Times, 16/9/2002
- Richard Dyer, Naguib Mahfouz Creates A Mythic History, Boston Globe 8/4/1994
- Dr. Hastings , Postcolonial Literature, (http://www.northern.edu/hastingw/mahfouz.htm)
- Emily Wax, A New Generation Finds Power in Prose, Poetry, Washington Post Foreign Service 14/5/2003
- J M Coetzee, Stranger Shores, nxb Viking, New York 2001

Nỗi buồn tuyệt đối

ĐẶNG THƠ THƠ

1.

Giấc mơ làm cô đau đầu kinh khủng vào sáng hôm sau.

Những ngày trời gió vẫn làm cô đau đầu như thế, và nằm mơ như thế.

Những giấc mơ luôn chạy theo một chủ đề, trong nhiều đêm chúng tạo thành một bản mơ dài nhiều tập – vì vậy việc đi ngủ cũng gần như đi xem phim, không có gì khác biệt. Từ khi nhận biết điều này, cô ngủ nhiều hơn trước. Ngủ nhiều dễ bị mụ người đi, nên sáng hôm đó Ly dậy trễ hơn thường lệ, với một cảm giác không rõ ràng (cô tưởng mình mất ngủ - nhưng chính thật là nằm mơ thấy mình không ngủ được). Nằm mở mắt rất lâu cô vẫn nghĩ đây chỉ là thức trong mơ, và muốn tỉnh dậy mình phải thức thêm nhiều lần nữa. Cô xoay trở trên giường, cố gắng làm hai việc tương phản cùng một lúc - vừa muốn quay về giấc ngủ, vừa muốn thoát ra - và thầm nghi hoặc: *Mình đã thức thật chưa? Mình phải thức thêm bao nhiêu lần nữa để cuối cùng thức thật? Những cánh cửa nào mình đã đi vào, mình sẽ phải đi ra. Như đi theo một con đường đảo ngược, một trí nhớ đảo ngược,... thì sẽ thoát được ra ngoài.*

Bây giờ thì cô biết mình đã hoàn toàn thoát ra, khi nhìn thấy mảng trần nhà nghiêng đang đổ xuống chỗ nằm, năm cây xà gỗ chạy song song từ ống khói đến cuối chân giường. Đó là dấu mốc đầu tiên trước khi rơi vào giấc ngủ.

Cô đã trở lại ở tầng ba.

Mọi người đã ra khỏi nhà. Sơn chắc chắn đang ở phòng mạch, thằng bé đang ở trường. Bà Mễ Guadalupe đang vào siêu thị mua thức ăn, nếu không thì đang hẹn hò với anh bồ trẻ ở một nơi

nào đó. Sự yên tĩnh đang dâng lên từ những tầng lầu bên dưới. Chỉ có tiếng phong linh yếu ớt vọng lên tự dưới đáy vườn. Cô lắng nghe âm thanh đó một hồi lâu, nhận thấy nó giống y như người: sau một đêm la hét như điên bây giờ đâm ra khản tiếng.

Một chiếc máy bay đi ngang qua hai ô cửa nhỏ trên trần - rất gần. Nó chỉ cần hơi chao mình đi thì đầu cánh sẽ quẹt vào ống khói. Ý tưởng rằng nó sẽ rơi trúng đầu mình làm cô nhắm mắt, kinh hoàng. Khi mở mắt ra thì nó đã biến dạng. Cô chỉ còn thấy những tia khói trắng. Nhưng tia khói không tan đi - mà trở thành vết rạn của bầu trời bằng kiếng. Nắng bắt đầu gắt ở trên, xuyên qua vết rạn rọi thẳng xuống mặt cô.

Bây giờ không còn tiếng phong linh nữa. Những tiếng động khác đã thay thế phong linh; những âm thanh cơ giới, những âm thanh loài người. Những chiếc máy bay xuất hiện nhiều hơn, dầy hơn, cứ thay nhau lướt qua trên đầu. Cô nhìn chúng, chờ đợi: không có chiếc nào rơi xuống. Chúng như đã được lập chương trình sẵn, nên cứ thế mà bay thẳng.

Ly bật cười một mình. Buổi sáng đầu năm là như thế? Bắt đầu với một cơn đau, với nhiều máy bay trong đầu? Cơn đau đầu tăng dần lên. Máy bay càng lúc càng nhiều, bay thành đàn, như chim. Cô tự hỏi, có liên hệ gì giữa chúng với nhau?

Cô để nguyên áo ngủ, đi chầm chậm xuống nhà.

2.

Khi mở tủ tìm chai thuốc, cô nhận ra thuốc đã hết từ ngày hôm qua. Điều này khiến cô phải suy nghĩ: *Hết thuốc vào một buổi sáng đầu năm, là điềm báo gì đây?*

Trên tủ lạnh, Sơn đã gắn mẩu giấy viết chữ in rất to: "NHỚ UỐNG THUỐC." Ly nhún vai, cô đã nhớ đến chuyện uống thuốc trước khi đọc lời nhắn. Hết thuốc không phải lỗi của cô. Thay vì nhắc nhở "nhớ uống thuốc," sao Sơn không biết rằng thuốc đã hết? Cô lục lọi các ngăn, vớ được vỉ Tylenol, uống hai viên, rồi ngồi vào bàn ăn sáng.

Chỗ ngồi của cô nhìn vào quầy rượu: buổi sáng những chai rượu lấp lánh nhiều màu hơn và những cái ly chúc ngược đầu thành những quả chuông trong trắng (thật sự chúng trong vắt, và gây cảm giác trong trắng cho người nhìn).

Bên cạnh cô - chỗ thằng bé hay ngồi, còn ly sữa uống dở, vài mẩu bánh mì. Cô thấy nó vừa ăn vừa nhìn con chim sâu đang đập cánh ngoài vườn. Nó ăn quá nhanh, ăn không kịp nhai, chỉ có nuốt, không kịp thở. Cô buột miệng:

"Con đừng ăn nhanh thế, con sẽ chết vì ăn."

Nó nhìn cô, sợ hãi.

Nỗi sợ hãi thấm vào người cô, nhanh hơn viên thuốc. Nỗi sợ hãi làm cô đau đớn.

Ánh mắt dại dột của nó làm cô đau đớn.

3.

Nỗi đau đớn không sao giải thích nổi mỗi lần nghĩ đến nó.

Nó vẫn sống bên cạnh, hiện giờ đang đi học lớp ba, phát triển bình thường, có thể lớn nhanh hơn những bạn cùng tuổi. Nó lớn nhanh như thổi. Chẳng lẽ đó là lý do khiến cho lo lắng?

Nó ngoan ngoãn và hay nhõng nhẽo, vẫn biết nghe lời. Nhạy cảm quá đáng. Có thể trở nên rất ích kỷ. Những khi giải thích rằng không nên ích kỷ, đã dùng lý lẽ, đã cố đánh mạnh vào tình cảm nó, xử dụng những hình ảnh thương tâm để nó xúc động. Nó sẽ khóc lên, đúng như ý muốn, nhưng tính ích kỷ vẫn sẽ quay trở lại sau khi khóc xong. Rất hiểu điều đó, vì cũng giống như mình. Có thể vì thế chăng?

Đang mất nó dần dần. Một lúc nào đó sẽ mất hẳn. Mỗi ngày qua càng mất nhiều hơn. Biết thế mà không giữa lại được đâu! Đã có lần hỏi những bà mẹ khác có con cùng tuổi, họ chẳng sợ hãi gì, họ rất vô tư như thể cuộc sống bao giờ cũng vậy. Họ không nhìn thấy điều gì đang tới. Họ không nhìn xa hơn ngày hôm nay. Họ không tiếc nhớ ngày hôm qua. Họ không thấy thời gian đang chen vào. Họ sống với con của họ – chỉ vậy thôi, nên họ không biết lo.

Trong liên hệ này, sợ hãi là điều cụ thể nhất. Còn lại mọi thứ rất mơ hồ.

4.

Sợ hãi một bất trắc sẽ xảy ra cho nó. Mà bất trắc rất mơ hồ nên cái gì cũng trở thành bất trắc được. Mỗi lần thả nó xuống trường, đều nấn ná vài giây nhìn nó đi vào cổng. Để làm gì? –Chỉ níu kéo thêm vài giây, vài hình ảnh mà chắc chắn cuối cùng rồi cũng mất. Nhưng bởi vì sẽ mất nên càng níu kéo.

Nó nhảy xuống xe, xập cửa lại, rồi bắt đầu đeo backpack lên lưng. Có khi vẫy chào, có khi không. Thường là không. Nó bắt đầu nhập vào dòng những đứa trẻ khác cũng từ những chiếc xe hơi nhảy xuống.

Nhưng nó đi vào cổng theo cách riêng, không bao giờ đi thẳng. Nó nhẩn nha vòng vèo quanh những cột sắt dọc theo lối vào, thành những đường lượn của sóng, hoặc mẫu hình "syn" trên đồ thị. Dáng đi uể oải, để kéo dài thời gian vào trường, kéo dài con đường về phía bên kia cánh cổng.

Không bao giờ biết mình nhìn theo nó. Nó không hề quay lại. Nó bận rộn với trò chơi này của nó.

5.

Nó biết làm thơ khi tám tuổi.

Lần đầu tiên xảy ra khi nó xem tivi, sau một trao đổi giữa nó và cô - về một câu nói trong phim khiến nó thắc mắc. Nội dung thơ gợi lên những suy nghĩ mới. Với Ly, bài thơ hoàn chỉnh như một truyện cực ngắn.

A boy said: "Time is an illusion"
(Một thằng nhỏ nói: "Thời gian là ảo tưởng")
His name is Billy
(Tên nó là Billy)
He said that on T.V.
(Nó nói điều đó ở trên tivi)
"Is T.V. an illusion?"
("Phải tivi là ảo tưởng không?")
I asked Billy.
(Con hỏi Billy.)

Chính nó ngồi dịch ra tiếng Việt, với vẻ kiêu hãnh của một nhà ngôn ngữ. Tựa đề Billy and I. Nó dịch là Billy và Con. Cô thắc mắc: tại sao không là Billy và Tôi?

Nó lắc đầu:

"I là con. Con muốn thế."

Như thể khi nói với cô, cái tôi của nó biến mất, chỉ còn là con.

I
con
con ai
I = con
con = I ?
ai là con?
con là ai...?

6.

Ai là nó - và nó là ai?

Nỗi sợ hãi bắt đầu từ đó.

Từ một buổi sáng không xa đây lắm.

Chính là vào một buổi học đầu năm, khi mùa tựu trường đến và cô nhìn thấy thằng bé ở trong gương. Mọi sự thật ra vẫn bình thường (năm nay nó không khóc, không ôm đùi mẹ cuống cuồng, không chảy nước mắt lặng lẽ như những năm trước nữa). Đôi má vẫn bầu bĩnh. Ánh mắt nhìn vừa chăm chú vừa bỡ ngỡ. Nó nhìn cô, vẻ kiêu hãnh: "Con đi học đây, con đã lớn rồi!", nhưng vẫn tiềm ẩn nỗi sợ bên trong mà nó cố tình muốn giấu. Nó đã thay đồng phục xong, đang tự chải đầu. Môi mím lại, cố tém mớ tóc ngắn vắt ngang trán, vẻ nghiêm trang và ngộ nghĩnh. Sau khi những sợi tóc cứng đã chịu nằm yên xuống, nó hài lòng lắm, như đã thực hiện xong một công tác quan trọng. Nó trở nên người lớn hẳn. Chững chạc. Có thể nói là đẹp trai. Nhưng trong ánh mắt nghiêm nghị nhìn ra, có một điều gì không ổn.

Vì cách nhìn không phải của nó - mà của một người nào khác.

Một người nấp ở bên trong
nhìn ra bằng đôi mắt nó
làm cô kinh sợ.
Kinh sợ nhưng không hề kinh ngạc.

Rất bình tĩnh (sự bình tĩnh đến mức khó hiểu), cô chấp nhận việc có mặt này. Cô biểu lộ sự chấp nhận của mình cho hắn thấy (nhưng cùng lúc lại tránh không để cho thằng bé biết). Thậm chí khi nói chuyện với thằng bé, cô còn tìm cách nói bóng gió cho hắn hiểu nữa. Cô chấp nhận rằng khi hắn có mặt, câu chuyện với thằng bé sẽ trở thành ***tay ba***. Tuy nhiên, rất may mắn, cuộc nói chuyện không kéo dài lâu. Hắn như người khách đến không đúng lúc, hoặc đến sớm quá khi chủ nhà chưa sửa soạn xong; nên chỉ vội vã vài câu rồi rút.

(Sau này thì cô hiểu vì sao mình phải cố gắng che giấu, vờ vĩnh như vậy - thay vì theo phản ứng thông thường thì phải la lối, tìm cách đuổi hắn đi). Phản ứng ấy chỉ bất lợi cho nó. Biết đâu hắn lại chẳng tác động lên nó, nhanh hơn, thì sao? Cứ để mặc hắn! Hắn đang kiên nhẫn chờ đến thời gian của hắn, một ngày nào sẽ đến. Nhưng hắn sẽ làm gì khi đến thì chưa biết! Cô muốn nói chuyện riêng với hắn khi thằng bé vắng mặt. Nhưng chuyện này rất khó thực hiện, vì hắn chỉ đến khi thằng bé đến.

Tất cả, nói chung, còn nằm trong ẩn số thời gian.

Mà thời gian là ảo tưởng. Tivi nói vậy. Billy nói vậy. Và nó cũng nói vậy. Ai cũng biết vậy. Ảo tưởng thì không đáng sợ đâu! Thật sự không có gì đáng sợ bây giờ. Bây giờ mọi thứ vẫn còn đang

hoàn hảo, rất hoàn hảo.

7.

Có một lần, nó tự nhổ một sợi tóc, đưa cho cô:

"Đây này. Con cho mẹ."

"Để làm gì?"

Nó nhìn cô - vẻ nghiêm trang, dặn dò, gần như chỉ bảo:

"Con cho mẹ một sợi tóc. Mẹ phải ***clone*** con đi. Mẹ sẽ không nhớ con nữa. Mẹ không sợ con bị mất nữa."

Sợi tóc rất ngắn, cứng, đen nhánh. Như một cái rễ cây.

Ngơ ngẩn cả người, vì một sự thật vừa mở toang - về khả năng vô biên của con người trong việc nắm giữ và sở hữu thời gian.

Cô phải mỉm cười rất lâu với ý nghĩ này.

"Ừ. Hay đấy. ***Clone*** con nhé?"

Tại sao nó nghĩ được điều này? Tại sao nó lại nghĩ như vậy? Nó hiểu mình thế sao? Ly thở ra, nhẹ nhõm: -Mình sẽ có rất nhiều nó. Chung quanh mình toàn là nó. Giống hệt nhau vì cùng cấu trúc. Khác đôi chút về ẩn số thời gian: nó sơ sinh, nó một tuổi, nó biết đi, nó mẫu giáo, nó lớp một, nó lên tám, nó làm thơ, nó lớp ba...Như những anh em sinh cùng một trứng, ra đời sau nhau vài năm, theo một cấp số nhân bí mật. Nếu lần lượt xếp hàng chúng sẽ cao dần lên tăm tắp:

i i i i i i i

[Chuyện ***clone*** một đứa bé, dù nó đã chết hay còn đang sống, không phải là điều chưa ai nghĩ tới. Cũng chỉ như chuyện quay phim hay chụp hình, với kỹ thuật mới, với chất liệu tươi. Đó sẽ là bằng chứng tốt nhất về sự tồn tại của nó, trong thử thách của một chuỗi thời gian rất dài.]

8.

Ly bắt đầu khóc.

Cô không muốn nghĩ ngợi nữa.

Những ý nghĩ vừa rồi làm cô tê liệt tinh thần và đau đớn tình cảm. Như có một bàn tay đang vò xé và vắt kiệt sức lực bên trong. Những ý nghĩ như vậy chẳng đi đến đâu, chỉ dẫn đến sợ hãi – cô nghĩ - và sợ hãi sẽ thành ra vô tận, không sao chịu đựng nổi. Mình hãy quên nó đi. Mình đừng nghĩ gì nữa. Mình hãy tự cứu lấy mình.

Tự cứu lấy mình. Tự cứu lấy mình.

Cô ôm đầu, lập đi lập lại ý tưởng này.

Tất cả chỉ vì hết thuốc mà ra. Cô định sau khi ăn sáng xong sẽ gọi cho Sơn, nói anh cho người mang thuốc về, hoặc cô sẽ chạy ra phòng mạch lấy. Bây giờ, điều cần nhất là phải tỉnh táo hơn một chút. Ngồi lặng im một lúc, cố giữ cho đầu óc rỗng không - một lúc sau cô thấy nhẹ đi, thanh thản hơn, và cơn khóc hoàn toàn có thể kiềm chế

THẢO CHI

Chuyện Người Hái Nắng

Trèo lên con dốc em tìm nắng
đẩy hết mù sương xuống lũng sâu
chỉ thấy mênh mông rừng tuyết trắng
và em mỗi bước nặng thêm sầu!

Trèo lên con dốc, em tìm gió
xé toạc rừng mây phủ núi xanh
chỉ thấy rừng cây run nhịp thở
và em mỗi bước một mong manh!

Trèo lên con dốc em tìm suối
vạch đám vi lao đứng kín đồi
chỉ thấy quạ rừng kêu hấp hối...
và em mỗi bước một xa xôi!

Ôi con đường dốc, không đường nắng
đám lá nằm co chẳng gió trêu
suối lạnh trên ngàn đong tuyết trắng
dốc mòn sỏi đá trổ rong rêu!

được. Bây giờ nó đã rút sâu trong lồng ngực; những tiếng nấc - lâu lâu vẫn làm cô bủn rủn - nhưng không tàn phá dữ dội nữa.

9.

Mười giờ rưỡi Guadalupe đi chợ về.

Hôm nay bà mặc váy đầm mới. Màu áo tươi, có những đốm hoa loáng thoáng, di động, đúng như ý tưởng cần có của một buổi sáng mùa xuân. Sự có mặt của bà ta, một người nhà, nhưng không phải trong gia đình, làm Ly bình tĩnh lại. Cô đang cần có người bên cạnh, và sự hiện diện của bà hẳn là tốt nhất trong tình huống này (cô không bao giờ muốn Sơn hay thằng bé chứng kiến mình trong trạng thái như vậy).

Trời lạnh nhưng bà vẫn ăn mặc phong phanh; để hở hai cánh tay tròn, nâu, chắc nịch. Bà vừa cất dọn đồ ăn vừa nghe một loại nhạc vui nhộn, rồi hát theo. Bà không để ý rằng Ly đang khóc. Đồng hồ điểm mười một tiếng. Guadalupe đến hỏi (bằng tiếng Tây Ban Nha) rằng Ly muốn ăn trưa hay uống trà, bà sẽ dọn trà ngoài phòng khách hay ngoài sân, và cô có muốn căng dù lên hay ngồi ngoài nắng.

Ly nói rằng cô nên uống trà, cho đầu óc tỉnh táo lại. Và theo chương trình của một ngày, sau khi ngủ dậy mình phải ra ngoài vườn ngồi với cây.

10.

Ly đi ra vườn.

Cô vẫn chưa nhớ những gì đã xảy ra tối qua.

Cô ngồi ngoài nắng - trên một tảng đá đẹp, phẳng và có nhiều vết rạn. Chung quanh, những cây olive già đứng tụm vào nhau, dáng nghiêng ngả quằn quại vì bị gió uốn lâu ngày. Một con chim sâu đang đập cánh không ngừng ngay trước mắt, giống như treo lơ lửng từ một sợi dây vô hình thòng xuống từ trời. Mùa này chúng sẽ xây tổ trên cây si già nằm sát bên hồ. Những con chim non sẽ kêu chíu chít suốt ngày từ nay cho đến hết tháng mười. Chúng chỉ trả lại sự yên tĩnh cho khu vườn khi mùa thu tới.

Mười một giờ là lúc nắng ấm nhất. Nắng ngấm được vào da, làm cơ thể tràn trề đầy nhựa. Nắng khô ráo làm cảm giác mốc meo lúc vừa ngủ dậy biến mất. Ly thích ngồi phơi nắng, phơi cái ẩm mốc nhất là cơ thể. Cô nhớ mình đã đọc truyện về một cô gái đi tắm nắng, đắm trong nắng, say nắng, cảm nắng và cuối cùng sốt mê man vì nắng... Những tế bào trong người cô ta sinh sôi nảy nở rất nhanh vì chất đường của nắng. Trong truyện, cô ta tả cảm giác người căng lên vì nhựa rất hay, đến nỗi nhựa ứa cả ra ngoài. Đó là cách nói của cô ta, còn những người thích khoa học sẽ nói rằng vì trời nóng nên cơ thể đổ mồ hôi cho hạ nhiệt.

Trời bắt đầu nóng. Guadalupe xuất hiện dưới giàn bông giấy đỏ, đầu buộc khăn vải, trông giống một tài tử trên bộ phim truyền hình bà vẫn theo dõi mỗi ngày. Ở Guadalupe toát ra vẻ mời gọi cuộc sống thật hấp dẫn khiến Ly nhiều lúc muốn biến thành bà ta để sống thử cảm giác ở bên trong bà... Khi Guadalupe đến gần đặt khay trà trên tảng đá, chợt bà kêu lớn "Cô coi chừng, coi chừng" - giọng thất thanh, khẩn cấp.

Ly nhìn xuống đất.

Người cô nổi gai. Phản ứng của thần kinh khi đứng trước nguy hiểm.

Ngay dưới chân cô, những mảnh thủy tinh đang tung toé khắp nơi. Chúng nhọn hoắt và phản quang những tia sáng mặt trời... Cô đã dẫm lên chúng mà không biết. Ngoài những mảnh to mà Guadalupe gom quét chung quanh, còn rất nhiều những mẩu sáng li ti nằm giữa hai kẽ đá.

Cô nhích một mẩu vụn lên tay. Mân mê, cảm được độ nhám sắc như dao cứa.

Mảnh thủy tinh lấp lánh. Cách lấp lánh như nhắc nhở một điều gì. Điều gì? -Một chuyển động lặng lẽ tuột trong không khí? Cô nhìn nó chăm chăm: như thể nó vừa vuột qua trí nhớ, văng xuống đất, và bây giờ cô lại lượm lên. Cô ngẫm nghĩ, cảm động. Nó đã rơi xuống đây, vào đêm hôm qua. Vỡ nát, nhưng vẫn tìm lại được. Chuyện vỡ tan chính ra là tốt cho nó (và cho cả thế giới - vì nó phản chiếu và sao chép vẻ đẹp của cuộc sống). Nếu nó cứ mãi nguyên vẹn là một cái ly, dù thủy tinh hay pha lê, nó không thể tỏa sáng rực rỡ long lanh đến thế. Bây giờ thì rất tuyệt. Nó đã gần thành như bụi, mỗi chấm là một hình ảnh thu nhỏ của mặt trời.

Khi hoá thành nhiều mảnh, xác xuất tồn tại của nó mạnh hơn nhiều.

11.

"Đó là cách một cái ly tự ***clone*** mình thành nhiều mảnh."

Tâm Thần

TRẦN YÊN HÒA

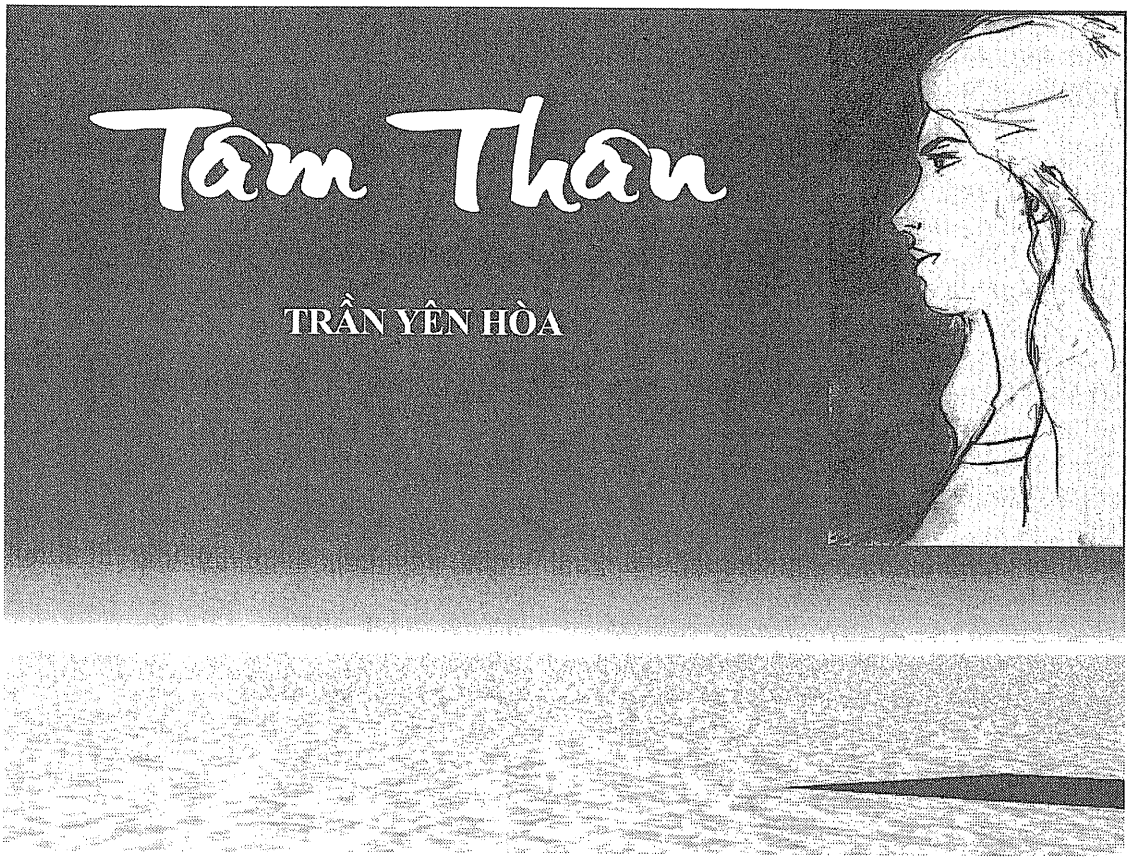

Ngọc đi dọc trên lề đường Phan Đăng Lưu. Đêm tối đen. Dòng xe chạy ngược chiều làm nàng chóa mắt. Ngọc cuí mặt xuống cho ánh sáng không soi rõ mặt. Bây giờ nàng không muốn ai nhìn thấy mình hết. Một con Ngọc làm gái đứng đường, đang đi trên con đường tối tăm này, con đường viền quanh khu công viên Chiến Thắng.

Hàng cây rậm rạp bên trong khu công viên lay động nhẹ theo cơn gió thổi qua, tạo nên âm thanh rì rào. Những hàng quán có tiếng nhạc bập bùng,quen thuộc, Ngọc đã nghe biết bao lần. Trên những ghế đá công viên, những cặp tình nhân ngồi ôm nhau âu yếm. Trong những lùm cây, những cô gái làm tiền và những người khách đang xà nẹo nhau tự nhiên như chỗ không người. Công viên và bóng tối đã đồng lõa nhau. Khu này bây giờ là khu "oanh kích tự do."

Ngọc chọn nơi đây là chỗ làm ăn. Nhờ bóng tối của những lùm cây che đậy tông tích. Nàng muốn quên đi, muốn lột xác thành một con người khác, một người lạ, không hề liên quan, dính dáng đến con người ngày trước cách đây một năm. Cô sinh viên từ một làng quê tỉnh lẻ thi đậu vào đại học sư phạm thành phố, với nỗi háo hức cho một tương lai rạng ngời màu mực tím và sách vở học trò.

Ngọc dừng lại chỗ bóng tối của một lùm cây rậm. Nàng đứng đó. Tóc nàng bay phơi phới trong gió đêm. Mái tóc dài óng mượt một thời làm say mê những chàng trai và những người đàn ông. Bây giờ thì không còn gì nhưng Ngọc vẫn giữ mái tóc dài như ngày xưa. Nàng thích vậy.

Tiếng xe cộ qua lại trên đường ồn ào, náo nhiệt. Dòng người như một đàn kiến bò trong vô tận của không gian và thời gian. Tiếng còi xe bin bin, tiếng quát tháo, tiếng la hét của những người đi xe bị va quệt hay qua mặt nhau. Dòng đường như sống trong cơn biến động, hối hả, gấp rút. Cũng như cuộc sống của con người và xã hội, đang gấp rút chạy đôn chạy đáo để kiếm miếng ăn. Cái miếng ăn làm người ta lao đao thấy rõ.

Ngọc dừng lại và sổ tung tóc mình ra. Gió làm tóc nàng tung lên. Một hình ảnh đẹp.

Trong bóng đêm, một cô gái có mái tóc dài bay bay. Cô gái với thân hình cao và thon thả. Nam biết đoạn đường này là đoạn đường "ma quỷ," vì đây là nơi tụ tập của những người thuộc

diện hình sự như móc túi, cướp giật, mãi dâm.

Từ ngày thành lập công viên đến nay biết bao tệ nạn đã xảy ra.

Nam biết điều đó, người con gái có thể là miếng mồi nhữ những tay đàn ông hảo ngọt. Nếu dừng lại, giá cả xong xuôi, dẫn nàng đến một chỗ rậm rạp nào đó để xổ bầu tâm sự thì liền đó sẽ xuất hiện một tên đàn ông với con dao bén ngót trên tay. Mày lấy vợ tau, đem ra đây tư tình, có bao nhiêu tiền đưa ra đây, nêu không tau sẽ chém chết hay tau sẽ la lên cho công an tới lập biên bản, sẽ thông báo về gia đình mày, mày đưa tiền ra không? Đó là thủ đoạn mà bao nhiêu người đàn ông đã gặp, đã "ôm đầu máu" trở về, tiền trong ví bị lột sạch.

Nam đã đi xa trong một thời gian, đã mười năm rồi anh mới quay trở lại, anh muốn tìm một chút sinh khí mới cho những cái truyện của anh. Anh không muốn truyện mình viết ra trên bàn giấy với những mẫu tưởng tượng thường nhật. Ở Mỹ, cuộc sống dần dà bị xói mòn đi. Nên anh trở về theo lời xúi của một người bạn văn nghệ, mày về đây với biết bao chuyện xảy ra hằng ngày, cái ý sống ngồn ngộn trước mặt, mày không còn thấy ý nghĩ và tư tưởng mày khô khan nữa. Đủ cả. Mày tin tau đi. Ừ, tau tin chứ, chứ ở đây, buổi sáng thức dậy lúc năm giờ, rửa mặt súc miệng, rồi lên xe chạy vù vù vô hãng, rồi cà thẻ, rồi thay áo quần lao động, rồi lên ca, máy trong dây chuyền sản xuất chạy vù vù, ì ầm, suốt sáng đến chiều, bốn giờ, trở về nhà trong cái lạnh của mùa đông nước Mỹ, rồi coi TV, rồi ngủ, cuộc đời xoay quần trong cái thời gian biểu đã đặt sẵn đó. Mình viết, mình phải có chất liệu sống, Tam Lang đã đi thử kéo xe chở khách mới viết được Tôi Kéo Xe, Nhất Linh đi làm cách mạng mới viết ra Đoạn Tuyệt hay Đôi Bạn, Nguyễn Thụy Long sống một đoạn đời dài với bọn du đãng, với điếm, mới viết ra được Loan Mắt Nhung. Có thể mình phải thay đổi cách viết, cách nhìn, bằng cái nhìn mới, linh hoạt hơn, thực tế hơn, nhạy cảm hơn.

Anh khăn gói trở về, để hít hơi khói xe ở trên đường phố, được sống với cái nóng nung người, được nhìn thấy trên đường người ta nhốn nháo bước vào cuộc đời với sự chụp giựt, tranh dành. Anh thấy được, anh sống với, anh mới viết được hay hơn! Nam tự an ủi mình. Tuy nhiên cái nóng, cái bụi bặm, cái "thiên đường" này không làm anh dừng chân được lâu. Anh luôn bị chói tai vì tiếng động trong nỗi mệt mỏi không rời. Nam điện thoại nói với Đức:

"Có lẽ tau phải dọt thôi, không ở lại lâu hơn được. Chẳng tìm được cái gì mới hết."

Đức cười:

"Hà, hà! Thế mày không cảm thấy mấy em ở khách sạn Hoàng Gia hôm qua đẹp quá sao?"

"Có gì đâu để cảm nhận, thành thật mà nói thì các em rất đẹp còn trẻ măng, nhưng đó là nét đẹp của những con búp bê, tau thấy nó vô hồn làm sao ấy."

"Thật là mày khác người, tìm đâu cái tâm hồn trong những cuộc mua bán, đổi chác này."

"Vì vậy nên tau nản quá, tau về thôi..."

Và tối nay Nam chạy xuống Phú Nhuận định thăm người chị bà con, để vài ngày nữa anh trở về Mỹ.

Con người cũng thật lạ lùng, khi ở Mỹ thì nhớ quê quay quắt, muốn ôm choàng lấy nó, muốn được hòa nhập vào dòng chảy đó, như là máu thịt của mình. Nhưng khi trở về, nhìn thấy cách sinh hoạt của một xã hội, người ta mới cảm nhận, mình như ở một thế giới khác không phải ở đây và không thể ở đây. Ở đây là một thế giới hỗn mang không hòa nhập vào được. Dòng chảy đó là một cuồng lưu, hung hãn, thô bạo, mình sẽ bị đá văng ra ngoài lúc nào không biết.

Bây giờ anh nhìn thấy một người con gái như trong liêu trai, tóc xõa dài trong đêm tối ở nơi làm ăn của loại điếm rẻ tiền. Các cô gái làm tiền ở đây chỉ cần ra ngoài đường đứng xớ rớ đâu đó, hay đi trong bóng đêm, ai cũng biết rõ họ làm gì, đó là những tín hiệu. Ở xứ này người ta đã quen với những tín hiệu, như người ta nhìn thấy một cục gạch với một chai nhựa để bên lề đường, đó là nơi bán xăng lẻ. Cách "tiếp thị" này bình dân nhưng rất hữu hiệu. Sẽ có một người đàn ông nào đó dừng xe lại, hỏi, đi không? Cô gái trả lời, đi, muốn dù hay xào khô. Dù. Dù, ở đây hay nhà nghỉ? Ở đây. Ba chục một dù. Được. Sau khi đồng ý họ dẫn vô công viên như một cặp tình nhân. Tới một lùm cây nào đó, trải tấm nilong trên cỏ, người con gái vừa cởi quần vừa nói, anh ngồi dựa vào gốc cây đi, kéo cái fermeture xuống, vậy được rồi, thế nào? khô hay nước, khô thì em làm bằng tay và miệng, còn nước thì anh ngồi dựa vào gốc cây, em sẽ ngồi lên anh. Chuyện xảy ra thật giản dị, bình thường, như ghé vào tiệm mua một ly trà đá hay một chai xá xị uống lúc khát, vậy thôi. Bình thường và thật bình dân như thế đó. 5 phút đến 10 phút là xong. Ba chục, bằng giá một tô hủ tiếu loại bình dân.

Nam vì một hình ảnh đẹp của người con gai

xõa tóc trong bóng đêm mà anh đã dừng lại. Anh dừng trước nàng. Ngọc thấy người thanh niên chạy xe Dream, dáng nho nhã, nên lịch sự hỏi:

"Anh cần gì em không?"

Nam nói với tâm ý mình:

"Tôi muốn mời cô đi uống nước, thấy cô có mái tóc dài đẹp quá, tôi rất xúc động nên muốn nói chuyện với cô."

Ngọc trố mắt:

"Nơi này em đang làm ăn mà."

Nam xoá đi nỗi lo của người con gái:

"Tôi biết, tôi sẽ trả tiền thời gian cô ngồi uống nước với tôi."

Ngọc cảm thấy mình mất bình tĩnh, nàng chưa gặp ai có ý điên khùng như vậy. Nhưng nhìn Nam, cô nghĩ có thể tin được. Nàng hỏi lại:

"Anh trả em bao nhiêu?"

"Cô đừng lo, bao nhiêu tôi cũng trả nổi. Tin tôi đi."

Nhìn dáng dấp và cử chỉ của người đàn ông, Ngọc tin, nàng ngồi lên phía sau xe Nam, cô ôm eo ếch tự nhiên như một người tình nhỏ, chiếc xe chạy vù đi trong đêm, bỏ lại bóng tối của lùm cây phía sau.

Hai giờ sáng, ông Trần Thanh Tuấn, giám đốc công an quận 3 đang ngủ ở tư gia thì được tin báo, con ông, Trần Thanh Kiệt bị tai nạn trong một cuộc đua xe ở xa lộ Đại Hàn, ông vội vào nhà thương Chợ Rẫy thăm con.

Con ông là quý tử, là cậu ấm. Điều đó đúng, vì cha làm quan thì con cái được nhờ là chuyện thường tình. Nhưng từ ngày ông được đề bạt lên làm giám đốc công an quận 3, thằng con ông càng ngày càng lộng hành dữ. Dĩ nhiên, ông cũng muốn cho thằng con tự do ăn chơi, để theo kịp bè bạn. Con giám đốc công an chứ đồ bỏ sao, nên ông bà, nhất là bà, dành cho nó nhiều ưu tiên. Trước nhất là cái xe, mới mười tám tuổi mà đã đòi mua xe phân khối lớn, rồi còn xoáy nòng, xoáy xi lanh, pít tông. Nó ngồi lên xe như con nhái bám vào hòn đá. Ông nghĩ mình đã một thời khốn khổ, vào bưng theo giải phóng, sống với muỗi mòng suốt thời kỳ chiến tranh, bây giờ ông được chức này chức kia thì ông cũng để con cho nó sướng một tí. Nhưng ông không ngờ thằng con ông lại hư quá như vậy. Bày đặt

TRẦN MỘNG TÚ

Chuyến Tầu Đêm

Gửi Frank, Khánh Hà & Tâm Thanh

Có tiếng gọi từ một nơi xa lắm
bình minh vươn vai đánh thức toa tầu
hàng bạch dương chạy theo không biết mỏi
nắng và sương chấp choáng ngã vào nhau

Nghe thân thể mở dần từng cánh cửa
ngực hân hoan đón tiếng dập dình xô
những tiếng động ôi vô cùng quyến rũ!
giữa xương da rung khẽ một câu thơ

Con tầu chạy con tầu thản nhiên chạy
thoắt cánh đồng lại thoắt một nhánh sông
vừa mất đàn bò chầm chậm nhai cỏ
đếm vội vàng ngay mấy chú cừu bông

Đường hầm dang tay ôm choàng lấy mắt
rồi mở hé ra thế giới lung linh
một chút hồn rơi bên ngoài cửa kính
cũng tan ngay vào giọt nắng vô tình

Con tầu chạy chạy như trôi vào mộng
mảnh hồn ai bỏ lại mỗi sân ga.

(Chuyến tầu hỏa đêm đến sáng từ Bergen về Oslo)

đua xe để bây giờ bị tai nạn không biết thế nào đây? Ông bước lên những bậc thang của bệnh viện mà lòng ông nặng chĩu những ưu tư, nhất là chuyện thằng con ông gây tai nạn kéo theo mấy người đi đường bị nạn. Chuyện này mà đến tai mấy "anh trên" thì phiền phức lắm đây.

Trời khuya quá, cũng hơn hai giờ sáng rồi, phòng cấp cứu đang làm việc khẩn trương. Các cô y tá chạy đôn chạy đáo đẩy những chiếc xe trải tấm ra trắng ra vào phòng mổ. Cấp cứu trong thời điểm này phần nhiều là tai nạn giao thông.

Ông Tuấn dừng lại ngó vào trong phòng. Ông không biết thằng con ông nằm ở đâu. Ông tìm đến hỏi một người y tá đang đẩy xe:

"Xin cho tôi hỏi, nghe nói tai nạn giao thông vì đua xe ở xa lộ Đại Hàn, những nạn nhân nằm ở đâu cô?"

Ông mặc thường phục nên người y tá không biết ông là ai, cô y tá hỏi lại:

"Ông hỏi thăm ai?"

"Con tôi, Trần Thanh Kiệt."

Giọng người y tá lạnh ngắt:

"Nạn nhân Kiệt đã chết vì vết thương quá nặng, chiếc xe lao vào người đi đường gây bị thương nặng cho hai người khác, hiện xác nạn nhân đang nằm ở nhà xác bịnh viện phía dưới lầu. Nhưng bây giờ nhà xác không mở cửa, cảm phiền ngày mai ông đến. Xin chia buồn cùng ông."

Ông Tuấn nghe trời đất quay cuồng trước mặt, con ông đã chết, vợ ông đi Vũng Tàu nghỉ mát đã hai hôm rồi. Ông không biết phải làm gì lúc này. Ông bước xuống lầu chập choạng.

Người con gái đi theo đám tang của quí tử Trần Thanh Kiệt có dáng dấp rất buồn. Cô nữ sinh viên trường Đại học Sư Phạm thành phố đã thoát chết trong cuộc đua xe khốc liệt của Kiệt vì một cơ may. Hôm đó cái điện thoại di động của nàng hết pin, nên Kiệt không gọi nàng được, chứ không, nàng vẫn thường tham gia vào những cuộc chơi với những quí tử con quan ở thành phố này.

Nàng gặp Kiệt trong một đêm tại vũ trường.

Sinh viên nghèo từ quê lên thành phố, nàng toan tính cho mình một tương lai với những trang giáo án để truyền dạy lại đám học trò sau này, nhưng thành phố với muôn hồng nghìn tía, chỉ một năm sau đã làm thay đổi cả cuộc đời nàng. Biết mình được trời cho một sắc đẹp, nên Ngọc đã lợi dụng nó. Ngọc kết model với Kiệt vì biết Kiệt là con của giám đốc công an quận ba, lại là dân chơi bạt mạng, tiêu tiền như nước.

Bây giờ thì Kiệt đã chết, và cỗ xe tang đưa Kiệt đến nghĩa trang với rình rang lễ bộ kèn đồng đưa đám, nàng thấy mình thật bơ vơ trong nỗi lạc lõng không cùng. Lúc đó thì ông Tuấn đến bên nàng hỏi:

"Cháu là bạn của Kiệt?"

"Dạ đúng, thưa bác."

Ông Tuấn nhìn Ngọc với cái nhìn của con diều hâu. Đã bốn mươi năm làm trong ngành công an, ông vẫn có cái nhìn đó với con mồi. Dù là bạn hay là thù, ông đều đánh giá trong cái nhìn đầu tiên. Phải công nhận Ngọc đẹp, cái đẹp thật não nùng, cô bé này đã là bạn gái của con trai ông, nhưng nay thì con trai ông đã chết. Ông nghĩ nhanh trong đầu, bỏ con mồi này đi thì rất uổng. Tìm đâu ra một đóa hoa nửa quê nửa tỉnh như thế này. Trong đời ông, chuyện sống chết của đồng đội, đồng chí hay của địch là chuyện thường tình. Bây giờ trước cái chết của con, dù sự khổ đau rất sâu trong lòng, nhưng ông hoàn toàn tự chế được các cảm xúc của ông.

Bà Tuấn đang vật vã khóc cho đứa con trai, nhưng ông thì chỉ nghĩ đến Ngọc và lo cho cái chức giám đốc của ông, con trai một giám đốc công an mà chết vì nạn đua xe trên xa lộ, còn gây ra tai nạn làm chết theo hai người bộ hành, thì ông còn cách nào để giải thích với thượng cấp của ông đây? Nhưng chuyện này cũng sẽ qua đi, ông có cách, nhiều lần ông đã chạy chọt với cấp trên thì lần này ông cũng sẽ lấy phương pháp đó để ém nhẹm.

Ông đến bên Ngọc nói rất nhỏ nhẹ:

"Cháu cho chú địa chỉ chú sẽ đến thăm."

"Cháu ở trong cư xá sinh viên, số phòng 41."

Ông Tuấn lấy điện thoại di động ra ấn vào nút tên Ngọc và địa chỉ. Xong ông hứa hẹn:

"Chú sẽ đến thăm cháu và lo cho cháu."

Câu nói là một hứa hẹn, một ơm ờ.

Ông đã trải qua bao nhiêu người đàn bà, nhưng lần nầy, nhìn mái tóc dài của Ngọc, ông thấy lòng mình nôn nao một cảm giác lạ kỳ. Có thể đó là cái trẻ trung, đam mê đã cuốn hút ông. Ông nghĩ, cô gái là người tình của thằng con trai ông, thế thì cô ta cũng ham tiền, ham địa vị, ham cách ăn chơi công tử của cậu ấm. Thằng đó, ngoài cái vỏ bọc là con của một giám đốc công an quận ra thì nó có cái gì đâu. Ông sẽ lấy độc trị độc, sẽ bung tiền ra, tiền là con đường gần nhất để đi đến mọi ngõ ngách. Với ý nghĩ

này, ông nở một nụ cười kín đáo.

Ông thực hành ngay ý nghĩ của ông. Ông đến khu cư xá nữ sinh viên, ông mời Ngọc đi ăn, Ngọc cứ ngỡ rằng ông thương mình vì thằng con, người tình của nàng, đã chết.

Ông nói giọng buồn buồn:

"Cháu đừng nghĩ gì nhiều, thằng Tuấn chết cũng là phần số của nó, bây giờ còn lại là bổn phận của chú sẽ lo cho cháu."

Ngọc nhìn ông bằng đôi mắt biết ơn và thương cảm, mái tóc ông đã bạc, nhưng ông còn rất tráng kiện, đôi mắt trông rất quắc thước, nàng cảm thấy ông như một người cha mà nàng hằng thiếu thốn. Cha nàng đã chết khi nàng mới lên hai tuổi, nên nàng không có được cái tình cha con, nàng cần một người cha để dẫn dắt nàng đi trên cuộc đời. Nàng quen biết Kiệt vì tính khí ngang tàng của Kiệt làm nàng cảm phục, thích thú, nhưng với Kiệt, cũng chỉ là tình bạn đơn thuần. Bây giờ có ba của Kiệt bảo bọc nàng, nàng thấy lòng mình như ấm áp lại.

Ông Tuấn dẫn nàng đi ăn ở một nhà hàng lớn nhất Sài Gòn, nàng được ăn uống phủ phê với những món ngon vật lạ. Khi đưa nàng về cư xá, ông Tuấn đã duí vào tay nàng năm triệu đồng. Một số tiền quá lớn với một sinh viên nhà quê lên tỉnh học.

Ba tháng sau đó, như tằm ăn dâu, ông bắt đầu tung chiêu thức đưa Ngọc vô tròng, những món tiền cho Ngọc xài, những món nữ trang quí giá, rồi ông hứa mua cho nàng một ngôi nhà. Ngọc mê man trong một cảm giác được vỗ về, thương yêu và chiều chuộng của một người cha. Đòn cuối cùng là ông cho Ngọc uống thuốc khích dâm, thuốc kích thích pha trong ly trà Thái. Ngọc mê đi trong cơn nóng hừng hực của thể xác con gái xuân thì. Ông đưa Ngọc đến một khách sạn năm sao. Ông hưởng thụ Ngọc như ăn một món ăn ngon miệng đắt giá. Ngọc tỉnh dậy thì chuyện đã rồi. Nước mắt không là gì cả. Ông lại vỗ về bằng những của cải vật chất, ông mua cho nàng một căn nhà nhỏ để nàng cư trú, nàng bỏ căn phòng chật chội ở cư xá sinh viên, nàng chấp nhận làm gái bao cho quan giám đốc công an quận ba được sáu tháng.

Hôm đó ông Tuấn đi họp ở Hà Nội, Ngọc ở nhà một mình thì có chuông gọi cửa. Nàng vừa mở cửa thì một toán đàn bà đâu khoảng năm người xộc vào. Ngọc lặng người đi, những người đàn bà mặt ai trông cũng dữ dằn sấn tới đánh nàng tới tấp, mày giựt chồng tao, mày là con đĩ mạt hạng, tao phải dạy cho mày một bài học. Những cú đánh tới tấp vào mặt, vào mũi, vào mắt, vào ngực. Năm người đàn bà thoả thuê tung hoành trên thân xác yếu đuối của nàng. Họ lấy kéo cắt mái tóc dài của nàng, cởi quần nàng ra cạo lông ở âm hộ, nàng chỉ còn nghe thoang thoáng trong cơn mê thiếp, thứ gái mới nứt con mắt ra là đã đi giựt chồng người ta, thứ gái lông nhiều như thế này là loại gái đại dâm, tài gì không làm chồng tao chết lên chết xuống vì mày. Họ bế xốc Ngọc lên đem ra bỏ lên chiếc xe hơi đậu sẵn ngoài đường rồi chạy đi. Cuộc đánh ghen rất dữ dội mà âm thầm, chung quanh hàng xóm chẳng ai biết gì. Ngọc bị bỏ ở một khoảng đất trống thuộc ngoại ô thành phố.

Từ đó, Ngọc mang thân thể đau nhừ đó đi làm gái đứng đường. Không thể trở về quê để nhìn mặt mẹ, không thể tiếp tục trở lại trường sư phạm. Nàng nuôi lại mái tóc dài, tâm hồn nàng lúc nào cũng nửa mê nửa tỉnh, những người đàn ông gặp nàng một lần là bỏ đi luôn, không ai ngoảnh lại.

Người ngoảnh lại là Nam hôm nay, nghe Ngọc kể chuyện đã qua của đời mình, Nam thấy thương nàng vô kể. Cuộc sống nhìn bên ngoài ai cũng tưởng là bình yên như dòng suối mát êm, không ngờ bên trong có biết bao nhiêu cơn sóng dữ. Nam thấy mình bất lực. Anh viết được gì trên những trang sách của anh đã qua? Anh trang trải được gì với những con chữ đó? Anh chỉ là một hạt cát trong bao la đời người.

Nam nói với Ngọc:

"Cuộc đời em bi thương lắm. Nhưng thôi, hãy cố mà sống, anh không có gì ngoài tấm lòng. Anh chỉ là khách qua đường như trăm, ngàn người khách qua đường khác tìm đến em. Anh mê mái tóc dài của em nên bây giờ anh cũng có chút bổn phận, anh cho em hai trăm đô, anh chỉ còn có bấy nhiêu, em hãy mua cái xe thuốc lá mà bán, còn hơn là làm gái đứng đường như thế này. Một ngày nào đó em sẽ bịnh mà chết thảm. Hãy cố gắng và nghị lực, đừng sa ngã nữa. Anh chỉ có bấy nhiêu. Anh cũng là Việt kiều, nhưng Việt kiều nghèo, em biết không?"

Ngọc khóc.

Nam cầm nhẹ bàn tay nàng rồi anh đứng lên.

Bye em, chúc em nhiều may mắn.

Nam lên xe rồi nổ máy chạy đi.

Lần này thì anh không ngoảnh lại nữa.

Ngày về Dalat

HÀ ĐẠO HÀM

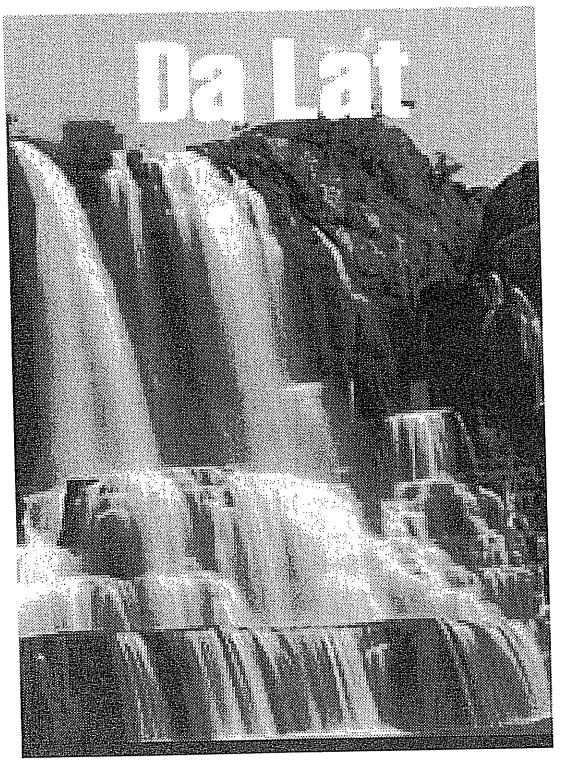

Cuối cùng thì chiếc xe đò và hành khách cũng đến Dalat sau hơn mười hai tiếng đồng hồ vất vả nhiêu khê. Trời sắp tối nên bến xe vắng vẻ, tôi bước xuống xe nhìn quanh nơi quen thuộc mà một thời đã chứng kiến tôi đi đi về về, nơi từng đón chào tiễn biệt bao nhiêu bạn bè và người thân. Không khí trong lành và mát lạnh giúp vơi đi phần nào mệt nhọc của cuộc hành trình dài. Dalat của tôi đây!

Tôi không sinh ra ở Dalat, nhưng có may mắn trưởng thành tại thành phố xinh đẹp này, tuổi hoa niên trong sáng của tôi qua đi cùng với núi đồi, sương mù và bao cảnh đẹp nên thơ khác của Dalat. Gia đình tôi đến vùng đất gọi là Hoàng triều cương thổ do một ông bác làm công chức đã định cư ở đây từ nhiều năm trước đứng ra "bảo lãnh." Lúc đó tôi chỉ mới ba bốn tuổi, còn non dại quá để có thể ghi vào tâm trí những kỷ niệm nơi miền quê xa xôi bên kia vĩ tuyến 17. Đổi lại kỷ niệm những ngày sống tại Dalat không bao giờ phai nhạt. Cũng giống như nhiều người khác, nơi chốn nào đã có nhiều kỷ niệm êm đềm nhất, nơi ấy sẽ được giữ mãi trong ký ức. Dalat với tôi cũng vậy, dù sống ở đâu, làm gì, thời gian không gian có khác, nhưng vùng đất thân yêu đó vẫn là nơi đi về của tôi, trong tâm tưởng và trong giấc mơ.

Năm năm sau ngày ba mươi tháng tư bảy mươi lăm, đời sống người dân mỗi ngày mỗi xuống đến tận cùng của khổ cực thì quyền lực của chánh quyền càng đi lên. Tôi là công chức chế độ cũ được lưu dụng, trong cơ quan đã chán với những thi đua, vượt chỉ tiêu, tiên tiến, phát huy sáng kiến... Bên cạnh lại có sự bất ổn trong tình đồng nghiệp, kẻ theo người chống, kẻ lại tán tận lương tâm theo dõi hành động của bạn bè để báo cáo cầu vinh. Giám đốc mới của tôi tự hào là dân Cầu Muối đi tập kết về, trình độ chuyên môn không cao nhưng trình độ giác ngộ cách mạng phải cao lắm, xưng hô với nhân viên bằng mày tao để chứng tỏ sự thân tình không giai cấp, một hành động mà trong công sở trước đây hiếm thấy ở người trưởng cơ quan. Về đến địa phương thì bị phiền hà bởi công an khu vực, hàng xóm láng giềng cũng nhìn nhau nghi ngại, đó đây xuất hiện vài gia đình cán bộ, gia đình có công với cách mạng thường gọi nôm na là nằm vùng. Cũng khổ với cái loa của phường khóm ngày đêm nói chuyện đường lối chánh sách, ca hát hoặc thông báo hợp tác xã có bán mắm, muối... Một nghịch lý là phương tiện truyền thanh cổ lỗ có từ trước thập niên năm mươi của thế kỷ hai mươi này chính phường khóm bắt dân đóng góp để làm phiền lỗ

tai của mình vì những âm thanh ồn ào này. Quá chán chường với đời sống chung quanh và cũng thất vọng vì những lần vượt biên không thành. Vào một ngày mùa đông cuối những năm bảy mươi tôi đã tìm về Dalat , không phải để thăm nhà vì đã từ lâu gia đình tôi không còn ở đây, nhưng hy vọng không khí trong lành sẽ cho tôi cảm thấy thoải mái, đời sống êm đềm sẽ làm ổn định tinh thần và dĩ vãng tươi đẹp sẽ cho tôi niềm tin để tính toán những việc khác trong tương lai.

Vì được coi như công nhân viên chức nhà nước tôi xin đi nghỉ phép thường niên ở Dalat, bên cạnh giấy phép còn phải xin thêm một giấy giới thiệu để mua vé xe đò. Nhìn giấy phép và giấy giới thiệu đề tên tôi, chức vụ là cán bộ kỹ thuật, nhìn hai chữ "cán bộ" mà trong lòng cảm thấy có điều gì hình như chẳng phải của mình! Những ai sống trong giai đoạn này mới hiểu giá trị của những tờ giấy giới thiệu, nó sẽ giúp đi khám bệnh, mua vé xe, mua xe đạp, mua mắt kiếng... Nó là lá bùa hộ mạng và là đặc ân cho những người làm công chức, có thể gõ cửa một cơ quan nào đó hay một cửa hàng quốc doanh của nhà nước. Nhưng đạt được mục đích bởi tấm giấy giới thiệu đó lại là chuyện khác, đôi khi cũng lắm phiền phức.

Tôi rời nhà vào một buổi sáng vắng vẻ, đèn đường chưa tắt. Vì nghe lời khuyên phải đi sớm sắp hàng trước thì mới có vé, nhưng khi xích lô đưa tôi ra gần tới bến xe thì thấy hàng người cũng đã dài. Quầy bán vé chia làm hai loại, loại công nhân viên chức đi phép hay đi công tác được đứng trong hàng ưu tiên , còn dân thường có một hàng khác. Chỉ khi nào vé bán hết cho hàng ưu tiên xong thì mới đến phần người dân thường, tuy nhiên nếu muốn đi bất cứ lúc nào cũng có vé chợ đen, dĩ nhiên giá phải đắt hơn. Tôi đứng vào hàng ưu tiên, nhưng lại là người cuối cùng, sau này tôi hiểu rằng những người đứng trước tôi đã đến đây từ rất khuya, khi phòng vé chưa mở cửa. Người đầu tiên đặt giấy tờ của mình trước cửa quầy vé, lấy một viên gạch đè lên trên, người thứ hai đặt giấy tờ của mình theo người thứ nhất, và cứ tiếp tục như thế. Đến phiên tôi lấy vé thì người bán vé cho biết ghế phía trước đã hết, chỉ còn phía sau thôi, ngồi hơi chật, tôi chấp nhận vì cũng chẳng có cách nào khác hơn được.

Xe rời bến lúc năm giờ sáng khi mặt trời chưa lên. Trong lúc xe chạy thì tôi mới hiểu sự khác biệt của ghế trước ghế sau. Xe được chia ra phía trước có ba hàng ghế nằm ngang, hành khách ngồi nhìn ra phía trước, đàng sau có hai hàng ghế dọc, khách ngồi đối mặt với nhau, khoảng trống ở giữa để có thể chở thêm vài người ngồi xuống sàn, bởi vậy người ngồi ở hai hàng ghế dọc này vừa bị xóc, vừa không thể nhúc nhích hai chân được vì đụng người ngồi dưới sàn, và dưới các băng ghế đều có chứa hàng của các người đi buôn nên không lui chân được. Thấy anh phụ xe đứng thoải mái ở bậc lên xuống sau xe, tôi đề nghị anh cho tôi đứng cùng, anh đồng ý nhưng khi gặp công an thì tôi phải vào ngay, nếu không tài xế bị phạt.

Thời gian này được gọi là giai đoạn ngăn sông cấm chợ, hàng hoá hay sản phẩm của tỉnh này không được xuất qua tỉnh kia. Tỉnh Lâm Đồng có cà phê bán không được nhưng Saigon lại thiếu, dân Saigon phải uống cà phê pha trộn với hột bắp, Cà Mau dư lúa gạo nhưng không bán được thì tỉnh Bến Tre mất mùa, dân đói thê thảm không có gạo ăn phải chèo thuyền bằng tay xuống Ca mau mua gạo, đi về mất cả hai tuần lễ, trên đường đi cũng phải vất vả khổ sở vì những trạm kiểm soát ven sông. Cũng vì ngăn sông cấm chợ mới tạo nên hiện tượng đi buôn lậu, và để chận đứng nạn buôn lậu thì công an kinh tế phải có nhiều trạm kiểm soát. Xe chưa ra khỏi địa phận Saigon đã có một trạm kiểm soát, vào đến địa phận tỉnh Đồng Nai thêm một trạm khác, trước khi ra khỏi tỉnh Đồng Nai một trạm nữa, đến chân đèo Bảo Lộc là trạm của tỉnh Lâm Đồng, và trước khi đến Dalat, một trạm kiểm soát nữa ở đầu đèo Prenn. Không kể biết bao nhiêu trạm kiểm soát đột xuất dọc đường. Ở mỗi trạm, phụ xe phải tính chuyện phải quấy với công an, còn những người buôn chuyến trong giai đoạn này cũng phải vất vả cất giấu hàng hoá của mình vì một ký cà phê sống hay nửa ký bột ngọt đều bị hạch hỏi. Có đi trên xe tôi mới hiểu được sự tương quan mật thiết giữa những người đi buôn và tài xế, phụ xe. Tất cả cùng nương tựa nhau để sống.

Đường đi gian nan, mỗi trạm mỗi dừng, tôi cũng phải xuống những trạm chính để trình giấy tờ và đưa túi xách cho công an kiểm soát. Đoạn đường dài trên ba trăm cây số, chứng kiến bao nhiêu cảnh công an làm tình làm tội dân lành, nhưng hình ảnh làm tôi ghi nhớ mãi khi là trạm kiểm soát ở chân đèo Bảo Lộc. Khi xe dừng tại trạm kiểm soát, xuất trình giấy tờ và mở túi xách để khám xong tôi lên xe ngồi chờ vì các người đi buôn còn đang thương lượng với công an. Qua cửa sau xe, thấy một em nhỏ độ khoảng mười tuổi, cỡi chiếc xe đạp người lớn nên em không

ngồi được hoàn toàn trên yên, đàng sau có chở một thúng nhỏ đi về hướng đèo, tôi thắc mắc tự hỏi không biết em nhỏ đi đâu vì bắt đầu từ đây trở lên đèo chung quanh chỉ có rừng núi. Thắc mắc của tôi được trả lời khi em bé đạp xe qua trạm cũng là lúc viên công an đang ngồi kiểm tra trong trạm vụt đứng dậy chạy ra nắm lấy thúng nhỏ sau xe kéo mạnh, em bé té theo xe và gạo trong thúng đổ ra, viên công an thản nhiên trở vào làm việc tiếp, mặc cho em bé loay hoay với chiếc xe và gạo đổ tung toé trên mặt đường. Tôi ngơ ngác nhìn cảnh tượng bất nhẫn, định xuống xe giúp thì có vài người đàn bà đứng gần đấy lấy nón và rổ gom giúp em những hạt gạo trên đường nhựa dơ bẩn. Cứ như vậy, hết trạm này lại trạm khác nên đi từ sáng sớm, bốn giờ rưỡi xe mới tới chân đèo Prenn. Nhưng chưa hết nạn, xe lên được hai phần ba đèo thì hết xăng, phụ xe phải đón xe khác quá giang về Dalat lấy xăng, hành khách lần lượt xuống xe đứng ngồi quanh vệ cỏ bên đường. Tôi cũng xuống xe, trong không gian có mùi hương quen thuộc của thông xanh làm tôi vô cùng thích thú, như vừa tìm lại được một vật gì quí mến đã bị bỏ quên từ lâu và cảm thấy nhẹ nhàng thoải mái được hít thở không khí lành lạnh. Hương gây mùi nhớ...

Đặt chân xuống bến xe Dalat đã năm giờ rưỡi chiều, việc đầu tiên của tôi là tìm chỗ để nghỉ ngơi. Tôi mang túi xách đi ngược dốc Lê Đại Hành đến Khu Hoà Bình. Đang phân vân chưa biết chọn khách sạn nào, chợt nhớ khách sạn Phú Hòa, nơi tôi có vài kỷ niệm với người bạn từng làm việc ở đây. Bước mau đến khách sạn, bây giờ đã là quốc doanh, cô tiếp tân đón chào với vẻ lạnh lùng cho biết không còn phòng chiếc, chỉ còn phòng đôi, tôi đồng ý vì không muốn đi nơi khác và giá cả cũng không sai biệt nhiều, cô đưa chìa khoá và chỉ lên lầu. Phòng quay mặt về phía sau nên hơi thiếu ánh sáng ,nằm nghỉ ngơi chốc lát sau một ngày đường vất vả, tôi xuống phố kiếm bữa ăn chiều. Khi trở về, trời đã tối, đường phố khá im lìm dưới những ngọn đèn vàng, chung quanh khu Hoà bình hàng quán đóng kín trông tối tăm gợi lên trong tôi hình ảnh một khu buôn bán bình dân mà tôi đã gặp đâu đó ở Saigon. Cảnh thật buồn nhưng tôi không quan tâm lắm vì nghĩ phải ngủ một giấc cho lại sức, sáng mai sẽ còn nhiều dịp nhìn lại chốn cũ mến yêu này. Nhưng đến khi được cuộn mình trong chăn dày, một hành động thú vị mà tôi chẳng có được suốt những năm tháng sống ở Saigon, bao kỷ niệm xa xưa với đầy hiện về làm tôi thao thức đến nửa đêm mới chìm vào giấc ngủ.

Tôi đang yên giấc mơ màng thì bị một âm thanh ồn áo đánh thức, định thần nghe cho rõ, đó là tiếng phát ra từ cái loa trên nóc khu Hoà Bình kêu gọi người dân tập thể dục buổi sáng, với tay bật đèn để nhìn đồng hồ, bây giờ là năm giờ sáng. Tôi thở dài nằm ra giường: Ôi nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa! Vậy mà trong tâm trí tôi vẫn nghĩ lên Dalat sẽ tìm lại được thú vui ngủ vùi trong chăn, sẽ chờ cho chim líu lo đánh thức mình dậy, nay nằm đây nghe tiếng hô hào hít vào thở ra, hai tay đưa lên cao xuống thấp... Một nỗi chán chường dâng lên trong lòng, tôi muốn mình được đi ra khỏi phòng, phải làm cái gì đó như tìm một quán cà phê uống chờ trời sáng hơn là nằm đây nghe những âm thanh hỗn độn này, nhưng còn quá sớm chắc gì đã có nơi mở cửa, đành phải kéo chăn kín đầu cầu cho thời gian qua nhanh. Rồi giờ phát thanh cũng qua, nằm ráng thêm chút nữa nhưng cũng không ngủ lại được. Chợt nhớ sáng nay tôi phải ra trình diện ở sở Công an thành phố để có dấu mộc chứng nhận ngày đến, trước ngày về cũng phải trở lại chứng nhận ngày đi. Chậm rãi chuẩn bị giấy tờ cần thiết tôi rời khách sạn, nhưng việc trước hết là tìm chỗ ăn sáng chờ đến giờ các cơ quan mở cửa. Chứng nhận xong giấy phép, tôi cẩn thận trở về khách sạn để cất giấy tờ trước khi làm việc khác. Vừa thấy tôi bước vào cửa, nhân viên tiếp tân cho biết tôi phải trả lại phòng vì phòng tôi đang ở đã có phái đoàn của cơ quan nào đó đặt từ tuần trước, và cũng chẳng còn phòng nào khác để tôi chuyển sang. Người nhân viên thấy tôi ngỡ ngàng cũng tỏ ra ái ngại nên nói qua bên khách sạn Mộng Đẹp thế nào cũng còn phòng. (Tôi vẫn quen gọi tên cũ là Moderne). Vậy là tôi khăn gói đi ra, nhưng qua đến khách sạn Mộng Đẹp thì mới hay quầy tiếp tân làm việc từ mười hai giờ trưa, nhìn đồng hồ mới hơn chín giờ, khoác túi xách lên vai, tôi đi lên phố trong tâm trạng chẳng biết đi đâu.

Ban ngày tôi có thể quan sát rõ hơn, các tiệm buôn bán xinh đẹp chung quanh khu Hoà Bình ngày xưa nay là những cửa hàng quốc doanh, bày bán những thứ hàng tiêu dùng như nồi niêu, phụ tùng xe đạp hay thuốc dân tộc, nhưng hàng hoá không nhiều nên nhìn vào thấy trống trải lại không đèn đuốc, khách hàng vắng tanh trông thật thê thảm. Người dân Dalat nay trông tiều tuỵ. Dân xứ lạnh lúc nào trên người cũng khoác áo lạnh, ngày xưa thì áo lạnh đủ kiểu , muôn

màu muôn sắc nhưng nay toàn một màu u tối nên trông nghèo nàn như cảnh trong phim *Những kẻ khốn cùng*. Đời sống cơ cực, miếng ăn còn khó khăn thì ai còn tâm hồn mà nghĩ đến cái đẹp. Bởi vậy, một anh bạn của tôi ở Saigon có dịp đi Dalat lần đầu tiên trong đời trước chuyến đi lần này của tôi vài tháng, khi hỏi cảm tưởng về chuyến đi, anh nói thấy dân trên đó nghèo lắm trái ngược với những gì tôi đã ca ngợi với anh.

Dừng chân trước quán cà phê Tùng, tôi định vào uống cà phê chờ đến trưa sẽ trở lại khách sạn, xem giờ thấy còn quá sớm không thể ngồi lâu trong quán suốt mấy tiếng đồng hồ. Không định hướng, nhưng tôi đi về phía đường Hàm Nghi thì chợt nghĩ biết đâu chẳng gặp lại Trung, một thằng bạn học thời trung học, gia đình Trung sống lâu đời trên con đường này. Trên vai túi xách tôi đi qua nhà Trung thấy cửa đóng then cài, ngại ngùng không dám gõ cửa nên tiếp tục đi, đến gần cuối đường thì đã thấy thấp thoáng trường Bồ Đề. Tôi cũng có vài kỷ niệm vui khi đi học hè ở trường này vào những năm đầu học trung học. Vì trường gần đài phát thanh Dalat , giờ ra chơi tụi tôi thường lấy đồng bạc cắc một đồng có hình Tổng thống Ngô Đình Diệm bôi chút nước bọt rồi áp đồng tiền vào một trong bốn giây cáp giữ cột ăng ten của đài và kê sát tai vào có thể nghe được tiếng nói, cho đến ngày nay tôi cũng chẳng biết nguyên nhân vì sao nghe được. Một lần khác có đứa bạn trong giờ ra chơi, đứng trên hành lang của trường nhìn xuống thấy một anh cảnh sát đang đi trên đường, hai tay làm loa hấn kêu thật lớn: "Ê! Đầu đường xó chợ!" Anh cảnh sát tức tốc vào trường báo cho ông giám thị, không biết ông giám thị nói gì với anh ta, nhưng sau đó ông đi lên lớp tôi hỏi ai là người vừa có hành động trên, đứa bạn ngổ ngáo của tôi đứng ra nhận tội, tưởng sẽ bị la mắng nhưng ông chỉ khuyên đừng nên làm vậy, vì sự thật nhiều khi mất lòng! Đến đây thì phân vân không biết nên đi tiếp hay quay trở lại, tôi nghĩ thật nhanh sẽ theo đường Võ Tánh xuống đến bờ hồ rồi trở lại Khu Hoà Bình . Con đường Võ Tánh giờ đây như có vẻ nhỏ hơn trong trí nhớ của tôi. Cũng chính con đường này lần đầu tiên trong đời tôi biết đi theo một nữ sinh trường Bùi Thị Xuân, nhưng không biết nàng học lớp mấy chỉ đoán là đệ tam trở lên, trong khi tôi đang học đệ nhất. Với nhận xét của một thanh niên mới lớn tôi thấy nàng đẹp tuyệt vời, tóc dài vai nhỏ, môi đỏ má hồng, tà áo vờn bay... Nhưng vì nhút nhát chỉ lâu lâu lén đón nàng tan học. Chẳng dám đi theo nàng một mình nên thường kéo thêm vài ba đứa bạn đi cùng, chúng nó thì bạo mồm bạo miệng đôi lúc nham nhở vô duyên. Sau này nghĩ lại, dưới mắt nàng chỉ là một lũ mất dạy không thôi. Hồi đó tôi can đảm đi một mình biết đâu đã nên chuyện. Ngay cả tên nàng là Phượng đến nay tôi vẫn còn hồ nghi, vì khi tôi nêu thắc mắc về tên nàng thì một thằng bạn đứng ra nhận sẽ đi điều tra, vài hôm sau nó cho biết tên là Phượng và chúng tôi gọi luôn mà không kiểm chứng đúng sai gì cả. Thuở đó tôi cũng mơ mộng nhiều lắm, mơ sao nhà nàng nhà tôi cách nhau cái dậu mồng tơi, mộng sao tôi và nàng đi chung một chuyến... xe đò... Ngày nay nghĩ lại thời tôi đi theo Phượng cũng vì ảnh hưởng phần lớn bởi các văn nhân thi sĩ, nhạc sĩ... Họ là những người có độ xúc cảm trên những người bình thường một chút, chứ con gái mà tóc dài thì đâu có chuyện gì là lạ , đàn bà nào mà vai chẳng nhỏ, gái Dalat cô nào mà chẳng có má hồng, áo dài nào mà chẳng bay theo gió... Vậy mà tôi đã mê mẩn suýt quên cả năm đó là năm thi quan trọng. "...Xưa theo Phượng về, mái tóc Phượng dài..." Bây giờ thì quả thật " ...Nay trên đường này đời như sóng nổi...." Sau này khi tôi đi học ở Saigon thỉnh thoảng về thăm nhà, mấy đứa bạn cũ cho biết Phượng đang học sư phạm, còn phần tôi thì Saigon có nhiều chuyện vui hơn nên cũng sớm quên "mối tình đầu." Cuộc đời dâu bể, không biết Phượng nay ở phương nào, nhưng bao giờ Phượng cũng là một bông hoa tươi thắm trong khu vườn kỷ niệm của tôi.

Khi lấy phòng trong khách sạn Mộng Đẹp, để chắc chắn tôi phải hỏi đi hỏi lại tôi ở ba đêm không có vấn đề gì chứ rồi mới về phòng. Phòng nằm trên lầu hai, đây là khách sạn mới xây dựng khoảng thời gian cùng với chợ Dalat, phòng ốc tương đối khang trang, mỗi phòng đều có ban công phía trước nhìn ra chợ Dalat, có lò sưởi trong mỗi phòng nhưng vì quốc doanh nên không mấy sạch sẽ, phòng vệ sinh hoen ố, nền gạch vách tường đều đầy những vết bẩn. Tôi nằm nghỉ trưa xong thì đi thăm người anh họ, con trai trưởng của ông bác đã đưa gia đình tôi đến Dalat năm xưa. Tên anh là An rất hợp với bản tánh chân chất an phận của anh. Nhà anh là một biệt thự song lập, trước đây thì gia đình an khang lắm, nhưng nay con cháu đầy nhà nên tôi ngại không muốn đến ở nhờ, anh cũng hiểu ngầm như vậy nên không đưa lời mời nào cả. Đến thăm anh chị vui vẻ đón tiếp và giữ tôi lại ăn cơm tối. Tất cả các người em của

anh đều sống ở ngoại quốc, tôi thắc mắc sao anh không nói bảo lãnh cho anh đi, anh trả lời các con của anh nay đã có vợ chồng con cái cả rồi thêm nữa là anh muốn ở lại lo cho mồ mả cha mẹ, tôi hiểu anh đã chọn Dalat là quê hương của mình. Giòng họ nhà tôi có một nhánh đã bắt rễ ở Dalat , tự nhiên tôi cảm thấy vui vui.

Từ giã gia đình anh chị An cũng đã khuya, tôi nghĩ sẽ lên giường ngủ ngay vì cả ngày đi bộ khá nhiều. Nhưng rồi cũng trằn trọc không ngủ được nên lấy cuốn truyện ngắn mang theo đem ra đọc. Tôi chợp mắt lúc nào không hay chợt giật mình thức giấc vì có tiếng gõ cửa và cửa phòng mở tung ra ngay. Trước mặt tôi là một người mặc sắc phục công an, còn hai người kia mặc đồ dân sự. Ngơ ngác tôi hỏi các anh muốn gì, viên công an nói cho kiểm tra giấy tờ. Định phản đối thái độ bất lịch sự nhưng tôi tự chủ lại, quãng đường Saigon -Dalat vừa qua cho tôi quá nhiều bài học, âm thầm lấy giấy tờ đưa cho viên công an, hắn coi lướt qua rồi trả lại ngay và quay lưng đi ra cùng với hai người dân sự. Buồn bực, tôi mặc áo lạnh rút điếu thuốc mở cửa ra hành lang phía sau đứng hút thuốc và xem chúng nó làm gì, nhưng không thấy ai ngoài một thanh niên trẻ cũng đang đứng hút thuốc, thấy tôi anh ta tiến lại làm quen.

LÝ THỪA NGHIỆP

Mưa Vẫn Bay

Mưa vẫn bay trên núi rừng mù mịt
Ai chong đèn ngồi thức với đêm khuya
Nghe lá khô rơi xuống đầm đìa
Hay thân xác chúng sinh hề! vô lượng.

Này ngàn sông có hẹn về biển lớn
Đất mênh mông heo hút những bụi tàn
Bốn phương trời gió cát mang mang
Và ảo tưởng vẫn ngàn trùng sinh diệt.

Đêm có hẹn cùng màu trăng xanh biếc
Cuộc lưu vong, ai hẹn buổi quay về
Trên sông dài ai tỉnh với ai mê
Ai thức trắng chờ đêm tàn nguyệt tận.

Ngày sẽ đến khai quang niềm bi mẫn
Bên hiên xưa mưa gió sẽ nguôi dần
Tâm thân người im vắng cả bâng khuâng
Nghe lặng lẽ cả trùng dương sinh tử.

- Anh vừa bị khám giấy tờ phải không?

Tôi thở dài: Phải, còn anh?

- Tôi bị khám hôm qua rồi, tụi nó là một thằng công an và hai thằng dân phòng, khi thấy trong danh sách ở khách sạn có thanh niên độc thân là tụi nó nghi thanh niên này có đem theo em út gì đó, tụi nó lấy chìa khoá phụ xông vào, nếu đúng là có em út thì bắt làm biên bản về tội quan hệ nam nữ bất chính, rồi hù doạ sẽ gởi biên bản về địa phương... , nhưng chủ yếu là làm tiền, chi ra một ít là xong tất cả.

Tôi hỏi anh sao biết như vậy , anh ta trả lời :

- Tôi là nạn nhân mà, tôi từ Cần Thơ đưa vợ con lên Dalat chơi cho biết, khi vào hỏi thuê phòng, nó đòi vợ chồng tôi trình giấy hôn thú hoặc phải có khai sinh của con mới được thuê một phòng, nếu không thì phải thuê hai phòng, tôi một phòng và vợ con tôi một phòng. Tôi hỏi anh đi chơi ai mang hôn thú làm gì, còn con thì mới bốn tuổi mang khai sanh làm chi, không cãi được tôi đành phải thuê hai phòng. Nhưng tối tôi qua ngủ với vợ con tôi thì bị tụi nó vào làm khó dễ, tức mình tôi nói muốn làm bao nhiêu biên bản tôi cũng ký và đi tới đâu tôi cũng đi. Cuối cùng tụi nó thấy ăn không được gì bèn ra giọng tử tế lần này tha nhưng lần sau phải nhớ mang theo giấy tờ!

Chúng tôi còn trao đổi với nhau vài ba câu chuyện rồi chia tay. Trở lại giường tôi không làm sao nhắm mắt lại được, trăn trở vì những chuyện nằm ngoài sức tưởng tượng của mình. Đến gần

sáng tôi mới ngủ thiếp đi, khi thức dậy mặt trời đã lên cao. Trời mùa đông Dalat se lạnh nhưng thật đẹp, nền trời trong xanh điểm vài cụm mây trắng. Tôi ra phố tìm chỗ ăn sáng và như dự đinh, hôm nay tôi sẽ về thăm lại căn nhà xưa với nhiều kỷ niệm lưu luyến. Khi ngồi trên xe đò, tôi mới nảy sinh ý nghĩ sẽ xuống xe tại ngôi trường cũ, ngôi trường lần đầu tiên tôi vào lớp năm tức lớp một bây giờ, rồi từ đó theo con đường xưa trở về nhà cũ như thuở mới lên năm lên mười. Xuống xe nhìn cảnh vật không khác xưa nhiều lắm dù đã hơn hai mươi lăm năm trôi qua, chỉ có cánh rừng bên hông trường nay đã xây thêm vài ngôi nhà. Cổng trường với hai cánh cửa lớn ngày nay như nhỏ lại, bảng tên trường được dựng trên hai trụ cổng đã bạc màu sơn, mái trường bằng gạch đỏ nay đã hoen màu và loang lổ những đám rêu xanh, tường vẫn quét vôi màu vàng nhạt và cửa vẫn màu nâu đỏ nhưng chắc đã lâu không được sơn quét lại. Tôi đứng trước cổng trường, nhớ bà cụ già ngồi bán hàng quà cạnh cổng trường chắc nay đã là người thiên cổ. Sân trường trong giờ học nên vắng lặng, nhìn căn phòng học đầu tiên của tôi mà trong lòng thấy nao nao nhớ ngày mẹ tôi đưa tôi tới trường. Hai chữ đi hoc không xa lạ gì với tôi, vì trước khi chính thức vào trường tiểu học, tôi đã được gởi đi học một vài trường lớp khác như trường của các bà sơ, hay tư thục... Nhưng lần này, trước khi nhập học mẹ tôi đã lo may cho tôi mấy bộ quần xanh áo trắng, sắm bút chì bút mực, thước kẻ, cục tẩy và hai cuốn vở được bao giấy bóng mờ, bên ngoài còn có nhãn đề tên trường, tên học trò rồi lớp và niên khoá, tất cả được đặt trịnh trọng vào trong chiếc cặp bằng da bò mới tinh còn thoang thoảng mùi da thuộc, vì vậy trí óc thơ dại của tôi đâm ra hoang mang không ít. Sáng ngày khai trường, mẹ tôi gọi tôi dậy sớm hơn bình thường, cho tôi ăn sáng và thay quần áo giày vớ, tóc được chải rẽ hàng ngôi đàng hoàng, sau đó "Mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi ..." dắt ra xe để ba tôi đưa hai mẹ con đến trường. Sau khi làm các thủ tục cần thiết, mẹ đưa tôi vào lớp học rồi đứng trước hiên trường chờ đến khi tiếng trống bắt đầu giờ học, một lần nữa mẹ tôi đi vào chỗ tôi ngồi và nói nhỏ nhẹ: "Con ngồi học nghe, khi nào tan trường thì mẹ đến đón." Tôi nhìn theo mẹ đi băng qua sân và từ từ ra khỏi cổng trường. Ngày đó mẹ tôi phải còn trẻ lắm, dáng người lại nhỏ nhắn, nhưng sao tôi thấy bóng người lớn quá. Mẹ đã đi khuất sau hàng rào nhưng tôi vẫn cố nhìn theo cho đến khi cô giáo vào lớp mới ngồi lại ngay ngắn .

Con đường về nhà cũ vẫn như xưa, cây cỏ hai bên đường dường như không có gì thay đổi ,vẫn mấy cây hoa ngũ sắc mọc hoang, những cây cỏ đuôi gà mà bọn nhỏ chúng tôi thường ngắt chơi dường như trường tồn với thời gian, mọc lẫn vào đám cỏ tranh thâm thấp. Chân bước đều mà tâm trí miên man nhớ những ngày tháng hồn nhiên ngây thơ thuở ấy, căn nhà xưa đã hiện ra trong mắt. Đây là một biệt thự loại trung bình, chung quanh có sân rộng và phía sau nhà là một dãy hai phòng nhỏ với nhà để xe. Nhà trông cũng vẫn như xưa, chỉ có hai cánh cổng khi trước bằng gỗ nay đã thay bằng sắt. Tôi đứng lặng nhìn mà tâm hồn xao xuyến, cuộc đời đổi thay nào ai biết trước được tương lai. Khi đi học hay khi đi làm xa, bao giờ tôi cũng có ý nghĩ sẽ trở về sống trong ngôi nhà này cho đến hết cuộc đời, nay nó không còn trong tầm tay nữa. Đang suy nghĩ mông lung thì có tiếng người hỏi:

- Anh muốn tìm nhà ai?

Tôi quay người lại thì gặp một bà trọng tuổi, nhìn trang phục và cách phát âm của bà tôi đoán bà là người Bắc trước 1975 vì vậy tôi cũng hơi yên tâm trả lời:

- Dạ thưa tôi không tìm ai cả.

Nhưng rồi sợ bà nghi ngờ mình có ý gian vì rõ ràng đang đứng quan sát nhà bà, tôi đành thú thật.

- Thưa, chẳng giấu gì Bác, trước đây cả mười năm gia đình tôi ở đây, nay có dịp về lại Dalat tiện thể ghé qua nhìn lại căn nhà cũ thôi.

Bà ngập ngừng một vài giây rồi hỏi lại ngay:

- À !Vậy anh đây là con cụ Quản?

- Dạ thưa phải ạ! Vậy bác có biết ba mẹ cháu?

- Thì tôi mua lại nhà này của hai cụ mà! Mời anh vô nhà nghỉ chân uống nước đã, tôi mới đi chợ về được gặp anh ở đây cũng là cái may.

Rồi không đợi tôi trả lời bà bước tới với tay mở cổng đồng thời hỏi luôn:

- Thế hai cụ cũng khoẻ mạnh cả chứ?

- Vâng , cám ơn bác ,ba mẹ cháu vẫn khoẻ ạ!

Mở xong cửa bà nói thêm:

- Đây, mời anh vào chơi, đừng ngại gì cả, tôi gặp được hai cụ đôi ba lần thôi mà rất có cảm tình, tiếc là hai cụ bán nhà xong là về Saigon chứ còn ở đây thế nào tôi cũng xin được kết thân.

Tôi ngần ngại đi theo bà vào nhà ,bà mở cửa trước rồi chỉ tay về phía phòng khách mời tôi ngồi, tôi cám ơn bà và bước vào ngồi xuống ghế trong khi bà đi vào nhà bếp. Ngồi nhìn quanh, thấy

tường nhà đã được quét vôi màu xanh nhạt, khác với màu cũ khi gia đình tôi ở, cách bày biện không khác nhiều. Cái bàn ăn lớn trong phòng ăn đã có từ lúc gia đình tôi dọn đến đây rồi khi bán nhà để lại thì vẫn còn đó. Lò sưởi trong phòng khách lúc gia đình tôi còn ở thường hay sử dụng trong mùa lạnh nay có vẻ không dùng vì rất sạch sẽ, có phải bây giờ là thời gạo châu củi quế chăng!

Bà chủ nhà bưng ra cho tôi một tách nước trà mời tôi uống, bà cũng ngồi ghế bên cạnh bắt đầu nói chuyện. Dù chỉ mới gặp lần đầu bà đã coi tôi như người tri kỷ, kể cho tôi nghe những chuyện vui buồn từ ngày về ở căn nhà này cũng như những khó khăn khi sống dưới chế độ mới, những ưu tư của bà cho tương lai... Tôi cảm thông tâm trạng của bà, bà cũng như nhiều người miền nam sau ngày 30-4-75. Khi cuộc sống nhiều ngờ vực và đầy cạm bẫy, người ta chỉ còn cách tìm lại các bạn cũ để tâm sự hay gởi gấm nhưng ý nghĩ riêng tư. Qua câu chuyện tôi được biết bà ở đây với vợ chồng người con trai của bà đều là giáo viên cùng với hai đứa cháu nội, chồng bà mất đã lâu. Sau khi nói chuyện được một lúc, bà xin phép tôi đi vào bếp có chút chuyện và nói tôi tự nhiên đi xem lại nhà, trong ngoài gì cũng được. Tôi nghĩ bà phải lo bữa ăn trưa và cũng không muốn quấy rầy bà, định kiếu từ đi về nhưng nghe bà cho phép đi xem nhà, tôi muốn nhân tiện ra vườn xem lại những dấu vết tuổi thơ của tôi, trong nhà bất tiện hơn vì phòng ốc trong nhà tôi biết cả rồi, nay lại là chốn riêng tư, tôi nói:

- Dạ, không dám làm phiền bác nhiều, cháu chỉ xin ra ngoài sân coi lại một chút thôi.

Hai bên hông nhà vẫn còn những bồn hoa được bọc bằng những viên gạch vuông như ngày nào nhưng không nhiều hoa hơn xưa, có lẽ ít được chăm sóc. Trước nhà là hồ nước nhỏ có vòi phun và hòn non bộ do ba tôi làm vẫn còn đó, nơi đây anh em tôi hay xếp giấy làm thuyền thả trên mặt nước hoặc nuôi cá. Tôi lần ra sau nhà rồi đi về phía nhà để xe, chiếc vòi nước bên vách ngoài trên nền xi măng rộng cỡ hơn một mét vuông vẫn còn, đây là nơi anh em tôi hay sử dụng những khi nghịch ngợm chân tay dơ bẩn. Bên bờ tường rào có một lỗ hổng tôi thường cất giấu những thứ đồ chơi nguy hiểm mà cha mẹ không cho chơi, tôi bước tới nhìn vào tìm thấy cái van xe đạp và một cái đinh rỉ sét, đây là món đồ chơi thay pháo trong những ngày Tết. Lấy van xe cột thêm vài sợi lông gà và gỡ đầu diêm quẹt cho vào trong van xe, xé một chút giấy có diêm sinh ở ngoài bao bỏ thêm vào, nhét cây đinh cắt phẳng đầu rồi tung lên cao, khi rớt xuống đầu đinh nén mạnh làm cháy diêm trong van xe và phát ra tiếng nổ. Liếc nhìn sau nhà xe, tôi gặp xác một chiếc xe đạp cũ đã rỉ sét, nhớ ra đây là chiếc xe mà ba tôi đã mua cho tôi khi lên bảy tám tuổi. Không biết ba tôi đã mua lại của ai chiếc xe này, chỉ biết ông đã mang theo khi đi làm về. Chiếc xe rất đẹp, là loại xe đạp nhỏ rất vừa với tuổi của tôi. Tôi đã không sử dụng được lâu chiếc xe này vì khi vỏ xe bị hư thì mới biết không thể tìm ra loại nào khác thích hợp để thay thế, do đó phải treo nó trong nhà xe, hy vọng tìm được vỏ mới đúng kích cỡ. Nhưng rồi tôi lớn theo thời gian mà vỏ xe vẫn không có nên sau này dọn dẹp nhà xe đã đưa nó ra đây. Với chiếc xe này tôi đã đạp đi chơi khắp nơi, có lần hẹn với thằng bạn gần nhà cùng nhau đạp xe qua tận hồ Mê Linh để đến nhà một đứa bạn cùng lớp. Thuở đó còn nhỏ nhưng khi đứng trước nhà thằng bạn là một trong những biệt thự ở chung quanh hồ tôi đã thấy cảnh ở đây đẹp lắm, không khác những tấm hình chụp trong các tạp chí Pháp. Chỉ tiếc về sau này vì không được tu bổ nên hồ Mê Linh đã cạn dần, cũng như hồ Vạn Kiếp, ngày nay chắc không còn trên bản đồ Dalat nữa. Nhìn lên cửa sổ trên lầu, tôi lại nhớ căn phòng xinh xắn, giang sơn của tôi một thời gian dài. Trên lầu có ba phòng ngủ, phòng phía trước là của ba mẹ tôi, phòng sau là của tôi và phòng nhỏ nhất của em tôi. Vì nhà xây theo kiểu Tây cổ, vách tường thật dày nên lúc nhỏ tôi có thể leo lên thành cửa ngồi chơi hay đọc sách. Nhìn ra cửa là cánh rừng thông trải dài thoai thoải xuống sườn đồi, những ngày mưa bão tôi thường ngồi nhìn những hạt mưa hắt vào cửa kính, những hôm trời lạnh hà hơi thở trên kính để có một lớp sương mỏng rồi lấy tay vẽ nguệch ngoạc, hay những buổi sáng sương mờ bao phủ trắng xoá chỉ còn nhô lên vài ngọn cây cao, cảnh lúc đó đẹp như những bức tranh vẽ cảnh bồng lai.

Thuở ấy không gian của một đứa trẻ học tiểu học như tôi nhỏ bé lắm, chỉ có gia đình và trường học cùng với mấy đứa bạn thôi. Ngoài giờ học, tôi thường rủ bạn bè về nhà, lúc thì leo lên trần nhà bắt chim non hay ra sau vườn tìm hang dế, xách nước đổ vào cho đến khi dế ngợp thở phải chui lên thì bắt. Hôm nào trời mưa gió không ra sân chơi được thì xuống tầng hầm phá phách, kiếm những bạc đạn cũ gắn vào miếng ván, thế là có chiếc xe cho mấy đứa bạn thay nhau đẩy chạy ồn ào cả nhà, vì vậy chỉ chơi những khi ba tôi đi

vắng. Thời thơ ấu của tôi thật hạnh phúc, trong nhà đầm ấm ngoài xã hội không nhiễu nhương, nếu có cũng không ảnh hưởng sâu đậm như ngày nay. Tâm hồn tôi vô tư và cuộc sống êm đềm quá, lòng tôi tràn dâng một nỗi xót xa và nuối tiếc.

Tôi vào nhà cám ơn sự tiếp đón ân cần của bà chủ và xin phép đi về, bà cho biết con trai của bà chút nữa sẽ về và thành thật mời tôi ở lại dùng cơm trưa cùng con trai của bà cũng để con bà được làm quen với tôi, nhưng tôi từ chối lấy cớ đã có hẹn ăn cơm với bạn. Trước khi bước ra khỏi cổng, bà không quên gởi lời thăm cha mẹ tôi. Tự nhiên tôi cũng cảm thấy gần gũi với bà và tiếc là đã chối từ bữa cơm, nhưng lỡ rồi đành chia tay và hẹn sẽ có dịp khác đến thăm bà.

Buổi chiều tôi đi qua cầu Ông Đạo dọc theo bờ hồ hướng về nhà Thuỷ tạ, trời không gió nên mặt hồ Xuân Hương phẳng lặng. Ngày xưa mỗi buổi sáng tôi đều đạp xe đi học ngang qua hồ này. Vào những ngày lạnh lẽo, nước trong hồ bốc hơi nhưng gặp lạnh tạo nên một lớp sương mờ bao phủ cả mặt hồ, đẹp vô cùng. Những ngày sương mù dày đặc cách xa ba bốn mét không nhìn thấy gì, đi từ nhà đến trường thì đúng với nghĩa tóc đã điểm sương. Lúc tôi rời Dalat thì nhà Thuỷ tạ chưa là quán cà phê như ngày nay, bên trong trống vắng chỉ vài phòng thay quần áo. Bọn chúng tôi thích ra đây tắm, phía sau có tháp nhỏ nhiều bậc, một vài đứa bơi giỏi thường leo lên tầng cao nhất đưa hai tay thẳng lên trời, nghiêng người phóng từ trên xuống, còn tôi và những đứa khác chỉ tầng thứ nhất mà nhảy thì co hai chân lên để rớt tự do xuống nước. Tôi vào nhà Thuỷ tạ kiếm một chỗ ngồi sát cửa sổ, gọi một ly cà phê rồi đốt thuốc là nhìn cảnh vật chung quanh, bên kia là đồi Cù, xa hơn nữa là Viện Đại học Dalat, bên phải thấp thoáng tháp trường Yersin, sau lưng là Hotel Palace... Nơi đâu cũng có bóng dáng kỷ niệm một thời.

Quán cà phê Tùng là nơi tôi cùng mấy đứa bạn học làm người lớn, chúng tôi kéo nhau vào đây gọi cà phê và hút thuốc lá. Nhớ ngày đó uống cà phê chưa phân biệt ngon dở ra sao, thuốc là cũng không dám rít mạnh sợ sặc khói thuốc. Tối nay tôi ngồi trong quán nhớ lại đám bạn bè mà nay mỗi đứa một phương trời, những "Hồn ma cũ" * như hiện diện đâu đây, tôi hình dung chỗ này đứa này, chỗ khác đứa kia, những cái đầu tóc còn xanh chụm vào nhau nói chuyện tóc đen tóc bạc rồi cười khúc khích... Tôi ngẩn ngơ luyến tiếc một quãng đời tươi đẹp mỗi ngày một xa. Đang thả hồn về dĩ vãng thì thấy có ba thanh niên xuất hiện trước cửa, họ bước vào quán nhìn quanh rồi tiến lại chỗ tôi ngồi, một gã cuối xuống lấy bao thuốc lá và hộp quẹt gaz tôi để trên bàn, tự nhiên chia cho hai gã kia mỗi người một điếu, bật quẹt mồi thuốc xong thì cất vào túi rồi cùng nhau đi ra khỏi quán. Tôi im lặng nhìn theo hành động của ba người thanh niên, trong lòng bình thản như chẳng có chuyện gì. Nhưng một lúc sau tôi mới giật mình, không lẽ chỉ có mấy năm thôi mà tôi đã quen thuộc với những gì xấu xa tệ hại, chấp nhận nó như là những chuyện bình thường hay sao! Chỉ mấy năm thôi! Kinh khủng quá! Tôi bỏ dở ly cà phê đứng dậy ra về , lúc này tôi mới cảm thấy xót xa .

Có lẽ hai lần uống cà phê làm tôi khó ngủ, nằm đọc hết mấy truyện ngắn cũng không làm mỏi mắt, tôi tắt đèn nhắm mắt cố dỗ giấc ngủ nhưng những hình ảnh ghi nhận được trong mấy ngày qua cứ như khúc phim được chiếu đi chiếu lại, khiến tôi phải suy nghĩ nhiều.

Thế rồi trong không gian im lặng vang vọng tiếng gõ đều đều, tiếng càng lúc càng gần hơn. Tôi ra khỏi giường bước ra cửa sổ nhìn xuống đường, xa xa dưới ánh đèn vàng vọt là một chiếc xe ngựa chở rau ra chợ. Xe ngựa đã biến mất khỏi Dalat có đến hơn hai chục năm nay, đời sống đang đi lùi lại quá khứ. Nằm lại giường lắng nghe tiếng chân ngựa chậm rãi đều đặn trên đường, âm thanh trong đêm vắng gợi lên một cái gì thật xa xôi và buồn bã. Tôi chợt tưởng tượng đến chiếc xe ngựa của chàng David trong truyện của nhà văn Thuỵ Điển Selma Lagerlup, chiếc xe của chàng đi gom nhặt xác chết cho thần chết; rồi đâm ra ngại ngùng vì quanh đây cũng có nhiều sinh linh đang thoi thóp vì đời sống nhọc nhằn khổ đau này.

Buổi sáng tôi đem giấy nghỉ phép ra sở Công an chứng nhận ngày rời Dalat để hôm sau về lại Saigon. Một ngày dài còn lại tôi đi lang thang vô định trong thành phố, nhớ nhiều quá khứ thì cũng thổn thức cho hiện tại và lo lắng cho tương lai. Có nơi nào bình yên để về? Hay phải có hành động như người đàn bà trong câu chuyện cổ "Hà chính mãnh ư hổ " của Trung Hoa, tìm một chốn trong rừng vắng sống với thú dữ còn hơn!

Dalat mãi mãi là của tôi, nhưng là Dalat của những ngày xa xưa ấy!

Lập đông 04

** Tên một truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc*

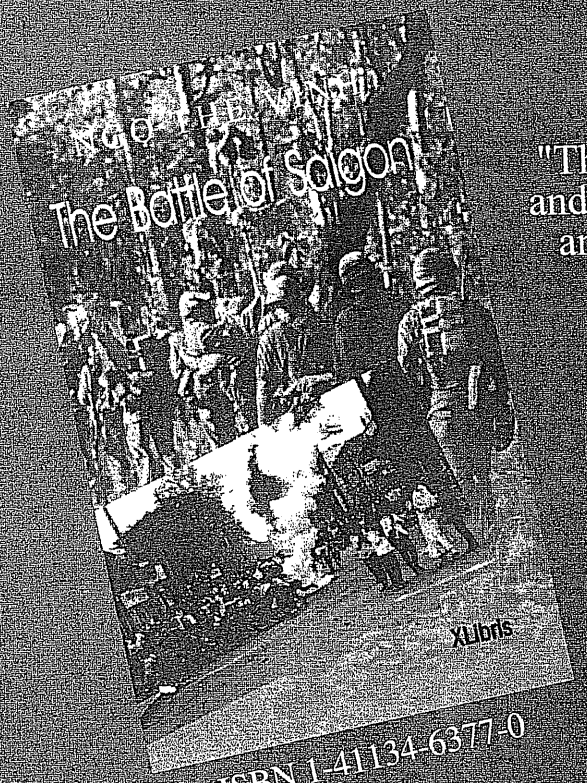

ISBN 1-41134-6377-0

"The Battle of Saigon presents war and post-war traumatic experiences and dreams from the perspective of Vietnamese Diaspora"

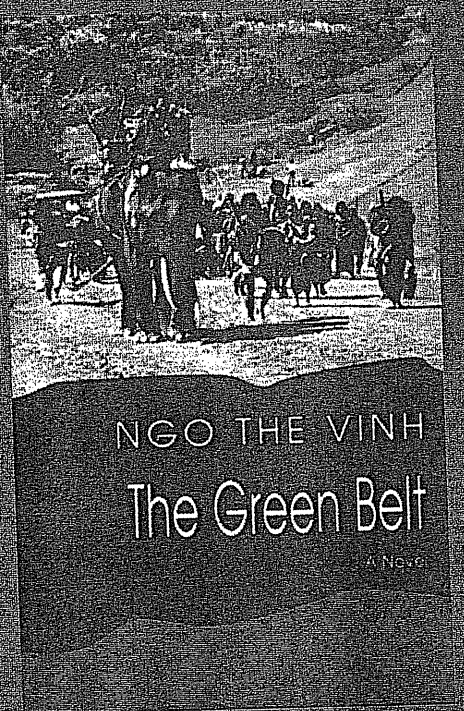

ISBN 1-57197-394-X

"The Green Belt
Window On A Forgotten War
Within The Vietnam War"

Available at
Amazon.com
Barnesandnoble.com
Borders.com
and your local bookstore
or www.ngothevinh.com

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim